Phật Giáo Nguyên Thủy Theravāda

--- ๛ ---

Luận giải kinh Điềm lành

Maṅgalasutta

Tập 2

Tỳkhưu Chánh Minh
Biên soạn

MỤC LỤC

MỤC LỤC 2
Những chữ viết tắt 5
LỜI NÓI ĐẦU 7
Đoạn 5 9

Kệ ngôn 1 9
Bāhusaccañca sippañca: "Học nhiều, nghề nghiệp giỏi". 9
*Thanh niên Kāḷa (Ka-Lá). 9
*Người cư sĩ nghe nhiều. 11
*(Tóm lược) Bổn sự Suppāraka (Súp-pa-rá-ká). 12
* (Tóm lược) Bổn sự Sattubhasta (túi da đựng bánh). 14
*Bậc xuất gia nghe nhiều. 17
*Học thuộc lòng lời dạy của Đức Thế Tôn. 18
*Thảo luận pháp. 20
*Giải rộng Pháp và đoạn trừ nghi. 21
*Ngài Anuruddha với thợ mộc Pañcakaṅga (). 21
*Ngài Ānanda với Ngài Sāriputta. 21
*Ngài Mahākoṭṭhita với Ngài Sāriputta. 22
*Chuyện nội cung. 22
*Thế nào không phải là bậc chân nhân? 26
*Thế nào là bậc chân nhân? 26
*Như thế nào được gọi là "bậc nghe nhiều"? 28
*Trưởng lão Ekudāna (một kệ ngôn). 28
*Hai vị Tỳ-khưu bạn. 30
*Ngài Ānanda với kệ ngôn sai lệch. 31
*Lợi ích của nghe nhiều. 31
*Cận sự nam Icchānaṅgalaka. 33
a- Sippa với nghĩa "nghệ thuật". 36
b- Sippa với ý nghĩa "nghề nghiệp". 40
a- Nghề của bậc xuất gia. 41
b- Nghề nghiệp của người tại gia. 42
*Nữ du sĩ Sūcimukhī với Ngài Sāriputta. 42
*Bà-la-môn khất sĩ. 44
*Đức vua. 44
*Quan xử kiện. 45
*Tế lễ sư. 45
*Sáng tác. 45
*Giáo hóa. 46
*Bà-la-môn Saṅgārava. 46
*Về đức vua. 46
*Bổn sự Kukkuṭa. 47
*Chuyện các quan xử kiện. 47
*Tế lễ sư và những tế đàn. 48
*Bà-la-môn Ujjaya. 48
*Giáo hóa. 49
*Ác quả của nghề thấp kém. 49
*Nhạc kịch sư Tālapuṭa. 51
*Thợ mộc Pañcakaṅga (Panh-Chá-Kăng-Gá). 52

*Nanda chủ trại bò. 54
*Lương y Jīvaka Komārabhacca. 54

Kệ ngôn 2. 57
Vinayo ca susikkhito: Luật đã được khéo nghiêm trì. 57
a- Vị Tỳ-khưu ni có mang trước khi xuất gia. 58
*Trưởng lão Ajjuka. 60
*Tôn giả Bhārukacchaka. 60
I- Luật người tại gia đã được khéo rèn luyện. 61
1- Điều không nên làm của người tại gia. 61
*Trưởng giả Ghosaka (Khô-Xá-Ká). 62
*Nữ nhân hói đầu (Khallāṭiya). 65
*Nàng Rujā (Rú-Cha). 67
*Lời thề dối trá. 68
*Chuyện Đại phú phá sản. 69
*Chuyện ma đói chủ thợ dệt. 70
*Ma đói đầu heo. 71
*Trưởng lão Koṇḍadhāna. 72
*Cha của Subha Todeyya. 75
*Vị Tỳ-khưu tái sinh làm rệp. 75
*Chuyện ma đói các trái xoài. 75
*Người chiến đấu (Yodhājivo). 75
2- Điều nên làm của người tại gia. 76
A- Về bố thí. 76
*Vua Trời hỏi pháp. 76
*Thí sự được hoàn hảo. 79
*Lãnh chúa Pāyāsi 82
*Gia chủ Ugga ở Vesāli. 82
*Thiên cung có chiếc thuyền. 86
B- Về giữ giới. 88
*Pháp liên hệ với giới. 91
*Lợi ích của giữ giới. 91
C- Về tu thiền. 92
*Ngài Cūḷapanthaka. 92
II- Luật của bậc xuất gia khéo rèn luyện. 93
A- Luật thu thúc. 93
*Vị Tỳ-khưu khinh thường giới nhỏ. 94
*Lợi ích của Học giới. 97
*Vị Tỳ-khưu giữ giới. 98
*Vị Tỳ-khưu giết ngỗng trời. 99
*(Tóm lược) Bổn sự Pháp Kuru (Kú-rú). 99
*Vị Tỳ-khưu. 104
*Trưởng lão Vaṅgīsa. 105
*Trưởng lão Mahā Tissa. 106
*Trưởng lão Cittagutta. 107
*Về y phục. 108
*Tôn giả Devadatta. 109
*Về vật thực. 109
*Vị Sa-di 110
*Vua Pasenadi. 110

*Về trú xứ. 110
*Về dược phẩm. 111
*Ngài Sāriputta bị bệnh. 111
*Trưởng lão Sāriputta nhẫn nại. 112
B- Luật từ bỏ. 113

Kệ ngôn 3. 114
Subhāsitā ca yā vācā: và lời đã khéo nói. 114
*Tôn giả Loḷudāyi. 114
*(Tóm lược) Bổn sự Somadatta. 115
*Tỳ-khưu Kokālika. 116
*(Tóm lược) Bổn sự Tittira. 116
*Bò mộng Nandivisāla. 120
*Bà la-môn cháu Ngài Sāriputta. 122
*Ngài Kumāra Kassapa và vua Pāyāsi. 122

Kệ ngôn 4. 125
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ. Đó là điềm lành tối thượng". 125

Những chữ viết tắt

-0-0-

A. Aṅguttara nikāya (Tăng chi bộ kinh).
AA. Aṅguttara Atthakathā (Sớ giải kinh Tăng chi).
Ap. Apadāna (Ký sự).
ApA. Apadāna Atthakathā (Sớ giải kinh Ký sự).
Beal. Romanitic Legend of the Buddha (Tích truyện của Đức Phật) (Kegan Paul).
Bu. Buddhavaṃsa (Phật Tông).
BuA. Buddhavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Phật Tông).
BuAB. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Miến.
BuAC. Sớ giải Phật Tông, bản tiếng Tích Lan.
Cp. Cariyapiṭaka (Hạnh Tạng)
Cv. Cūḷavaṃsa (Tiểu sử).
CvA. Cūḷavaṃsa Atthakathā (Sớ giải tiểu sử).
D. Dīghānikāya (Kinh Trường bộ).
DA. Dīghanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trường bộ).
Dhp. Dhammapāda (Kinh Pháp cú).
DhpA. Dhammapāda Atthakathā (Sớ giải kinh Pháp Cú).
Dv. Dīpavaṃsa (Đảo sử).
DvA. Dīpavaṃsa Atthakathā (Sớ giải Đảo sử).
Dvy. Divyāvadāna (Thiện nghiệp thí dụ).
Iv. Itivuttaka (Kinh Như Thị thuyết).
IvA. Itivuttaka Atthakathā (Sớ giải kinh Như thị thuyết).
Ja. Jātaka (kinh Bổn sanh).
JA. Jātaka Atthakathā (Sớ giải kinh Bổn sanh).
Lal. Lalita Vistara (Phổ Diệu kinh).
M. Majjhima nikāya (Kinh Trung Bộ).
MA. Majjhima nikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Trung Bộ).
Mhv. Mahāvaṃsa (Đại sử).
Mil. Milindapañhā (Milinda hỏi).
Mtu. Mahāvastu (Đại Sự).
Pv. Petavatthu (Ngạ quỷ sự).
PvA. Petavatthu Atthakathā (Sớ giải Ngạ quỷ sự).
S. Saṃyuttanikāya (Kinh Tương ưng).
SA. Saṃyuttanikāya Atthakathā (Sớ giải kinh Tương Ưng).
Sn . Suttanipāta (Kinh Tập)
SnA. Suttanipāta Atthakathā (Sớ giải kinh Tập).
Sp. Samantapasādikā (Sớ giải Tạng Luật).
Thag . Theragāthā (Kệ Trưởng lão Tăng).
ThagA. Theragāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão tăng).
ThigA. Therīgāthā Atthakathā (Sớ giải Kệ Trưởng lão ni).
Ud. Udāna (Phật tự thuyết).
UdA. Udāna Atthakathā (Sớ giải kinh Phật Tự thuyết).
Vin. Vinaya (Luật Tạng).
Vv. Vimānavatthu (Thiên cung sự).
VvA. Vimānavatthu Atthakathā (Sớ giải Thiên cung sự).

Những chữ viết tắt
-0-0-

bbt	bất biến từ
cc	chủ cách
cđc	chỉ định cách
dt	danh từ
đại-ch	đại từ chỉ định
đc	đối cách
đsc	định sở cách
đt	động từ
đtbb	động từ bất biến
ht	hiện tại
lt	liên từ
mlc	mệnh lệnh cách
nht	nhóm từ
qk	quá khứ
qkpt	quá khứ phân từ
sđ	số đơn, số ít
sdc	sử dụng cách
sn	số nhiều
stc	sở thuộc cách
tđn	tiếp đầu ngữ
trt	trạng từ
tt	tính từ

LỜI NÓI ĐẦU

Trong quyển 2 của tập "Luận giải kinh điềm lành" chúng tôi trình bày đoạn kệ ngôn thứ năm, trong kệ ngôn này, Đức Thế Tôn dạy bốn điềm lành tối thượng, đó là: "Đa văn, nghề nghiệp giỏi, luật nghiêm trì và lời khéo nói".

Cả bốn "điềm lành tối thượng" này xoay quanh trục "thành tựu tài sản".

Như người muốn tìm kho báu, trước tiên phải xác định "vùng nào có kho báu", vùng nào không có kho báu; phải biết những vùng nguy hại cần phải tránh; vùng có chướng ngại cần phải vượt qua; vùng thuận lợi cần nhanh chóng tiến hành, nỗ lực kiên trì, tất sẽ tìm được kho báu, làm chủ kho báu. Cũng vậy, "hạnh đa văn" giúp hành giả xác định được "chân lý" và phi chân; nhờ đa văn hành giả có được phương án vượt qua những chướng ngại, xa lánh những pháp nguy hại đồng thời phát triển những thiện pháp đến nơi tột cùng.

Đa văn là một trong bảy tài sản bậc Thánh, trước khi thành tựu tài sản bậc Thánh, hạnh đa văn sẽ giúp hành giả có được tài sản chân chánh trong hiện tại, lẫn tương lai. Như những danh sư tài hoa ở kinh thành Takkasilā (Tắc-ká-xí-la)

"Nghề nghiệp giỏi" cũng là phương án tốt, dùng để nuôi mạng chân chánh, đồng thời tạo dựng được tài sản hiện tại hay tương lai. Đời sống vật chất được ổn định dẫn đến đời sống tâm linh được nâng cao, sự thực hành theo đường "giới - định - tuệ" dễ dàng hơn, từ đó có khả năng "thành tựu "tín tài sản" của bậc Thánh, vì thực hành "bố thí và giữ giới" do nương vào niềm tin (saddhā).

"Luật khéo nghiêm trì", thực hành những điều cần thực hành, không làm những gì rơi vào ác, bất thiện pháp. "Luật khéo nghiêm trì" mang đến lợi ích trong hiện tại lẫn vị lai. Đỉnh cao của lợi ích này là chứng đạt được Níp-bàn, thành tựu được Tàm tài sản, Quý tài sản và Giới tài sản của bậc Thánh.

"Lời khéo nói" bao gồm năm chi phần: "Nói đúng thời, nói chân thật, nói dịu ngọt, nói có lợi ích và nói với tâm từ", mỗi chi phần mang đến lợi ích trong hiện tại lẫn lợi ích trong tương lai.

Thực hiện được "lời khéo nói", đòi hỏi hành giả phải là người có trí. Như tuy là "lời chân thật" nhưng nói không đúng lời sẽ phản tác dụng; tuy là "lời chân thật" nhưng không mang đến lợi ích cho người cũng như cho mình thì không nên nói. Ông Dhanañjaya (Thá-Nanh-Chá-Dá) có dạy con gái là nàng Visākhā (Quí-Xa-Kha) trước khi về nhà chồng là: "... Lửa trong nhà không nên đem ra ngoài đốt; lửa bên ngoài không nên đem vào nhà đốt", nghĩa là "việc xấu của gia đình chồng không nên nói cho người ngoài biết"; khi nghe "người nói xấu gia đình bên chồng, chớ nên nói lại cho gia đình chồng biết". Thành tựu được điều này là thành tựu được "tuệ tài sản của bậc Thánh".

Mỗi điều hạnh phúc trên đều có những điểm tinh diệu cùng những nét tinh tế riêng. Đức Thế Tôn đã tuần tự dạy từ "xa cho đến gần", trước tiên là "hạnh đa văn", kế đến là "nghề nghiệp giỏi", rồi đến "nghiêm trì Luật", cuối cùng là thành tựu tuệ là "lời khéo nói".

Kính mong những bậc Thiện trí cao minh chỉ điểm thêm những điều vi diệu mà chúng tôi chưa được biết, đồng thời giúp chúng tôi chỉnh lý những điều còn sơ sót.

Chúng tôi chân thành cảm niệm công hạnh của cô Bảo Hoa cùng anh em tập thể công ty Thái Bình và chư Phật tử đã đồng hành và tài trợ công trình "luận giải kinh Điềm lành". Mong cầu Hồng ân Tam Bảo gia hộ cho tất cả quí vị nhất là cô Bảo Hoa cùng tập thể anh chị em Công ty Thái Bình được an lạc trong hiện tại lẫn tương lai, nhanh chóng được thành tựu những gì đáng mong ước. đáng mong cầu.

Tỳ-khưu Chánh Minh cẩn bút.

***Đoạn** 5.*
***Bā**husaccañca sippañca,*
Vinayo ca susikkhito.
Subhāsitā ca vācā,
Etaṃ maṅgalamuttamaṃ.
"Học nhiều, nghề nghiệp giỏi,
Khéo huấn luyện học tập.
Nói những điều khéo nói,
Là điềm lành tối thượng".
Kệ ngôn 1.
Bāhusaccañca sippañca: "Học nhiều, nghề nghiệp giỏi".
**Bāhusaccañca* = bāhusaccaṃ (ba-hú-sách-chăng) + ca (chá: và).
Bāhusaccaṃ <= bāhusacca (ba-hú-xách-chá) = bāhu (ba-hú) + sacca (xách-chá) = kamS, cc, sđ: học rộng, học nhiều, đa văn.
Bāhu = tt: nhiều.
Sutu (xú-tú) từ căn SU (xú: nghe) => sacca.
Bāhusacca ở đây có nghĩa là "*nghe nhiều, học nhiều* (bāhussutabhāvo)".
Giải.
Bāhusacca đôi khi được gọi là bāhussuta (ba-hút-xú-tá) nghĩa là *"học nhiều nhờ nghe"*. Vào thời Đức Phật không có sự ghi chép, hầu hết hàng tứ chúng chỉ "nghe rồi nhớ" lời dạy của Đức Thế Tôn.

Khi nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, chú ý để ghi nhớ, như vậy sẽ không có sự phân tâm, đồng thời có sự "kỉnh trọng lời giảng", không có sự "lơ là" do nghĩ "có ghi chép" và nhờ thế làm trí sinh khởi, quán xét lời dạy của Đức Thế Tôn, từ đó có khả năng thành tựu Thánh quả.

Như Ngài Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) đứng sau lưng Đức Thế Tôn quạt hầu Đức Thế Tôn. Ngài nghe Đức Thế Tôn giảng về "nhiều cảm thọ" đến du sĩ Dīghanakha (Đi-Khá-Na-Khá: Trường Trảo) (du sĩ Trường Trảo là cháu của Ngài Sāriputta), Ngài Sāriputta đưa tâm quán xét lời dạy của Đức Thế Tôn, dứt thời pháp Ngài Sāriputta chứng Thánh quả A-La-Hán, du sĩ Dīghanakha chứng Thánh quả Dự Lưu[1].

Một câu chuyện khác minh họa cho vấn đề này là:

**Thanh niên Kāḷa (Ka-Lá).*

Thanh niên Kāḷa là con trai của Trưởng giả Cấp Cô Độc.

Trưởng giả Cấp-Cô-Độc là người sùng tín ân đức Tam Bảo, nhưng thanh niên Kāḷa không có niềm tin nơi ân đức Tam Bảo, thậm chí không muốn nghe pháp từ Đức Thế Tôn, tỏ vẻ không hoan hỷ khi Đức Thế Tôn ngự đến nhà, đồng thời không muốn phục vụ Tăng chúng.

Tuy được cha nhiều lần khuyến khích "nương nhờ ân đức Tam Bảo", nhưng thanh niên Kāḷa đều bỏ ngoài tai lời khuyên của cha.

Trưởng giả Cấp-Cô-Độc suy nghĩ:

- Nếu con ta cứ giữ mãi thành kiến sái quấy này, mệnh chung nó sẽ rơi vào khổ cảnh nhất là địa ngục giới. Ta thấy con mình rơi vào khổ cảnh mà không trợ giúp nó, đó là điều không hợp lý.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói với thanh niên Kāḷa rằng:

- Này con, nếu con đến Đại tự Kỳ-Viên thọ trì giới Bố-tát (uposathasīla) và nghe pháp trọn đêm, cha sẽ thưởng con 100 đồng vàng.

---

[1]- M.ii. Dīkhanakhasuttaṃ (kinh Trường Trảo), kinh số 74.

- Vâng, thưa cha.

Vào ngày giới Bố-tát, thanh niên Kāḷa đến Đại tự Kỳ-Viên, thọ trì giới Bố-tát, nhưng không chịu nghe pháp chi cả, chỉ tìm chỗ ngủ cho thỏa thích, khi trời rựng sáng, thanh niên Kāḷa từ Đại tự Kỳ-Viên trở về nhà.

Trưởng giả Cấp-Cô-Độc hoan hỷ, sai gia nhân rằng:

- Con ta thọ trì giới Bố-tát trọn ngày đêm rồi, các ngươi hãy dọn vật thực thượng vị để con ta dùng.

Khi ngồi vào bàn ăn, thanh niên Kāḷa chưa chịu dùng vật thực ngay, nói rằng:

- Cha hứa cho con trăm đồng vàng, nếu con thọ trì giới Bố-tát và nghe pháp trong Đại tự Kỳ-Viên. Vậy cha hãy thưởng con trăm đồng vàng đi.

- Con hãy dùng vật thực đi, cha sẽ cho con ngay số tiền đó.

- Thưa cha, nếu chưa được tiền, con sẽ không dùng vật thực.

Nghe thanh niên Kāḷa nói như thế, Trưởng giả Cấp Cô Độc cho mang tiền ra, nói rằng:

- Này Kāḷa con, đây là 100 đồng vàng của con đó.

Khi nhận được 100 đồng vàng, thanh niên Kāḷa mới dùng vật thực.

Hôm sau, Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

- Này Kāḷa con, nếu con đến nghe Pháp từ Đức Thế Tôn, thuộc được một câu pháp, cha sẽ cho con ngàn đồng vàng.

Nghe vậy, thanh niên Kāḷa nhận lời với chủ ý rằng: "Ta chỉ cần thuộc một câu pháp từ Đức Thế Tôn rồi ta sẽ trở về".

Vào hừng sáng hôm ấy, Đức Thế Tôn với Phật trí Ngài thấy được duyên lành Thánh quả Dự Lưu của thanh niên Kāḷa, khi thanh niên Kāḷa thuộc được một kệ ngôn, liền trở về nhà.

Đức Thế Tôn dùng thần lực khiến thanh niên Kāḷa vừa ra khỏi cổng Đại tự Kỳ-Viên liền quên mất kệ ngôn.

Lần thứ hai, thanh niên Kāḷa trở vào Đại tự Kỳ-Viên để nghe pháp, khi thuộc được một kệ ngôn, liền trở về nhà. Khi vừa ra khỏi cổng Đại tự Kỳ-Viên, lại quên mất.

Lần thứ ba, thanh niên Kāḷa quyết tâm rằng: "Ta sẽ trở lại nghe pháp, lần này ta sẽ cố tâm học thuộc, nhớ kỹ kệ ngôn, rồi mới ra về".

Nhưng thanh niên Kāḷa không biết rằng "khi nghe pháp như thế, gọi là nghe pháp với tâm tôn kính Pháp, tâm sẽ trở nên an tịnh, từ đó trí quán sẽ sinh khởi, có khả năng nhận được tài sản của bậc Thánh là "văn tài sản (sutadhanaṃ)"[1], thành tựu được Thánh quả".

Pháp bảo giúp trí quán của thanh niên Kāḷa sinh khởi, nghe Đức Thế Tôn thuyết giảng dứt pháp thoại, thanh niên Kāḷa chứng Thánh quả Dự Lưu. Thanh niên Kāḷa đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thọ thực nơi tư gia của mình vào ngày mai. Đức Thế Tôn im lặng nhận lời.

Thanh niên Kāḷa ở lại trong Đại tự trọn đêm, vào rạng sáng thanh niên Kāḷa trở về nhà. Nhìn thấy con từ xa, Trưởng giả Cấp-Cô-Độc hoan hỷ rằng:

- Cử chỉ con ta hôm nay khác hẳn ngày thường.

Thanh niên Kāḷa thưa với cha rằng:

- Thưa cha, hôm nay con có thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tăng nhận thọ thực nơi tư gia của chúng ta. Cha hãy hoan hỷ phước với con.

- Lành thay, lành thay, này con.

Khi Đức Thế Tôn cùng chư Tăng ngự đến; gia chủ Cấp Cô Độc bước ra khỏi nhà đảnh lễ rồi rước bát, thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự vào bên trong.

---

[1]- A.iii. 53.

Thanh niên Kāḷa nhớ lại việc làm hôm qua của mình, hổ thẹn suy nghĩ: "Mong rằng cha ta đừng nhắc đến chuyện hôm qua".

Khi Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng thọ thực xong rồi, Trưởng giả Cấp-Cô-Độc nói rằng:

- Này Kāḷa con, con hãy dùng vật thực đi, số tiền ngàn đồng vàng cha đã đặt trên bàn cho con đấy.

Nghe cha nói như thế trước Đức Thế Tôn và Tăng chúng, thanh niên Kāḷa hổ thẹn, nói:

- Thưa cha, hôm nay con không còn mong số tiền ấy như trước.

Mặc cho cha nài ép, thanh niên Kāḷa cương quyết không nhận số tiền ngàn đồng vàng.

Ngạc nhiên trước thái độ hy hữu ấy, gia chủ Cấp Cô Độc bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay con rất hoan hỷ về tư cách của Kāḷa.

- Này gia chủ, vì sao thế?

Trưởng giả Cấp-Cô-Độc trình lên Đức Thế Tôn về chuyện hôm qua, rồi bạch rằng:

- Bạch Thế Tôn, nhưng hôm nay thanh niên Kāḷa đã cương quyết từ chối ngàn đồng vàng.

- Thật vậy, này gia chủ, hôm nay thanh niên Kāḷa chứng Thánh quả Dự Lưu, quả vị ấy cao quí hơn cả địa vị vua Chuyển Luân, chư Thiên và Phạm thiên.

Nhân đó, Đức thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

178- Pathabyā ekarajjena;
saggassa gamanena vā.
Sabbalokādhipaccena;
sotāpattiphalaṃ varaṃ.
"Hơn thống lãnh cõi đất;
Hơn được sinh cõi trời.
Hơn chủ trì vũ trụ;
Quả Dự Lưu tối thắng" (HT.TMC d)[1].

"Nghe nhiều, học nhiều (bāhussuta)" khiến *trí văn* (sutamayañāṇa: trí phát sinh do nghe, do đàm luận)[2] được dồi dào, sung mãn, từ đó dẫn đến *trí tư* (cintāmayanāṇa: trí phát sinh do suy tư) (sđd). Đức Thế Tôn tán thán Ngài Ānanda rằng:

Sādhu, sādhu, ānanda! Yāvatakaṃ kho, ānanda, takkāya pattabbaṃ, anuppattaṃ taṃ tayā.

"Lành thay, lành thay, Ānanda! Những gì có thể thành đạt được bởi suy tư đã được đạt đến"[3].

Như vậy chữ *"nghe nhiều (bāhussuta)"* ở đây chỉ cho "học nhiều".

Có hai hạng người *"nghe nhiều",* đó là người cư sĩ và bậc xuất gia.

Người c**ư sĩ** nghe nhiều.*

Đối với đời sống thế tục, người cư sĩ cũng phải "học nhiều", nhờ đó giúp cho nghề nghiệp được tinh xảo, giúp cho cuộc sống ổn định tốt đẹp, xử sự hợp lý với những tình huống xảy ra trong cuộc sống, đồng thời giúp đỡ những người khác. Như Trưởng giả Cấp-Cô-Độc buộc Vương tử Jeta (Chê-Tá) phải bán khu rừng Jeta, dù tâm Vương tử Jeta không muốn bán, và Trưởng giả Cấp-Cô-Độc thoát khỏi nguy hiểm, không rơi vào cạm bẫy của nhóm du thủ du thực [4].

---

[1]- DhpA. câu số 178.
[2]- D.iii. 219; Vbh.324.
[3]- M.iii. Anāthapiṇḍikovādasuttaṃ (kinh Giáo giới Cấp Cô Độc).
[4]- *Xem* Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 14).

Hay như bà Khujjuttarā (Khúch-Chút-Tá-Ra) nhờ "nghe nhiều" đã tế độ Hoàng hậu Sāmāvatī (Xa-Ma-Quá-Ti) cùng các cung nữ chứng Thánh quả Dự Lưu[1].

Trong quá khứ, tiền thân của Đức Thế Tôn đa phần là bậc "nghe nhiều". Sau đây là hai mẫu chuyện trong Bản Sớ giải kinh Bổn sự minh họa cho vấn đề này.

**(Tóm lược) Bổn sự Suppāraka (Súp-pa-rá-ká).*

Thuở xưa, khi vua Bharu (Phá-Rú) trị vì quốc độ Bharu, có một thị trấn nơi hải cảng có tên gọi là Bharukaccha *(Đầm Bharu)*.

Khi ấy Bồ-tát tái sinh vào một gia đình thuyền trưởng nơi hải cảng này, Ngài được gọi là Suppāraka (Súp-Pa-Rá-Ká). Bồ-tát có làn da màu vàng nâu rất xinh đẹp.

Khi Bồ-tát được 16 tuổi, Ngài tinh thông nghệ thuật hàng hải, khi cha mệnh chung, Ngài nối nghiệp cha, trở thành một thuyền trưởng nổi tiếng, những chiếc thương thuyền do Ngài chỉ huy, không một tai hại nào do bão lớn, giông tố nơi biển, hay những biển có nhiều loại cá dữ... cũng không thể làm hại được.

Thời gian sau, do ảnh hưởng nước biển mặn khi Ngài lặn lội trong biển, nên Bồ-tát bị mù mắt.

Khi bị mù, Bồ-tát không còn theo đuổi sự nghiệp thuyền trưởng nữa, Ngài quyết định phục vụ Đức vua để giám định hàng hóa, Bồ-tát đến yết kiến Đức vua Bharu, nói lên ý nguyện của mình và được vua Bharu thu nạp, từ đó Ngài là người giám định giá trị những vật quí như voi báu, ngọc báu...

- Có lần, có người mang đến con voi có màu da đen tuyền, xin vua tuyển voi làm quốc tượng. Vua Bharu cho vời Bồ-tát đến giám định giá trị voi đen, Bồ-tát dùng tay sờ thân voi rồi nói rằng: "Voi này bị dị tật ở chân sau, không xứng đáng là quốc tượng. Khi voi mẹ sinh ra voi con, không đủ sức mang voi con trên vai, nên để voi con ngồi xuống đất, do vậy voi con bị yếu chân sau".

Đức vua Bharu hỏi những người mang voi đến, họ xác nhận: "Lời phán đoán của Bồ-tát là chính xác", vua Bharu hoan hỷ thưởng cho Bồ-tát tám đồng tiền vàng.

- Lần khác, có người mang đến con ngựa quí, đề nghị đức vua Bharu dùng làm Vương mã, Bồ-tát được vời đến để giám định giá trị con ngựa quí. Bồ-tát dùng tay rờ mình ngựa, rồi nói rằng: "Ngựa này không xứng đáng là Vương mã, vì nó không có sức bền bỉ, vào ngày sinh nó ra, ngựa mẹ bị chết nên nó thiếu sữa mẹ nuôi dưỡng, nên không sải nhanh lâu dài được".

Lời phán đoán của Bồ-tát được những người buôn ngựa xác nhận chính xác, vua Bharu ban thưởng cho Bồ-tát tám đồng tiền vàng.

- Lần khác, có người mang đến Đức vua cỗ xe xinh đẹp bằng loại gỗ quí để làm Vương xa, Bồ-tát được vời đến để giám định hàng, Ngài dùng tay gõ vào thân xe, rồi nói rằng: "Cỗ xe này không xứng để làm Vương xa, trong gọng xe có một gọng xe bị rỗng ruột một khoảng".

Lời phán đoán của Bồ-tát là chính xác, vua Bharu thưởng cho Bồ-tát tám đồng tiền vàng.

Rồi có người mang đến dâng vua tấm thảm quí, Bồ-tát giám định tấm thảm, rồi nói rằng: "Tấm thảm này bị thủng lỗ do chuột cắn".

Sau khi quan sát kỹ tấm thảm, quả thật thảm bị thủng lỗ và được chấp vá lại. Bồ-tát được vua Bharu thưởng cho tám đồng tiền vàng.

Bồ-tát suy nghĩ: "Đức vua chỉ ban thưởng cho ta tám đồng tiền vàng, sau mỗi lần giám định kỳ diệu đối với những tài sản có giá trị cao. Tám đồng tiền vàng này chỉ là tiền thưởng cho thợ hớt tóc bình thường, đức vua hẳn là cậu bé thích hớt tóc khi còn bé. Tại sao ta phải phục vụ cho kẻ khinh thường ta như thế? Ta hãy trở về quê hương của mình.

Bồ-tát trở về hải cảng Bharukaccha và sống nơi đó.

---

91)- *Xem* DhpA. Câu số 21-22-23.

Có vài thương nhân chuẩn bị thuyền buôn để vượt biển buôn bán, họ đang tìm một thuyền trưởng lão luyện. Những thương nhân bàn luận cùng nhau rằng:

- Suppāraka là một thuyền trưởng lão luyện trước đây, đó là một người có kiến thức uyên bác lại thông minh; dù mù lòa nhưng Suppāraka vẫn là người tuyệt hảo. Chúng ta nên mời Suppāraka là vị thuyền trưởng của chiếc thương thuyền này".

Những thương nhân khẩn khoản nhiều lần, cuối cùng Bậc trí giả Suppāraka nhận lời làm thuyền trưởng trên chiếc thương thuyền ấy.

Thương thuyền ra khơi được 7 ngày vô sự, vào ngày thứ tám một cơn bão sái mùa khởi lên giữa biển, thổi thương thuyền trôi dạt vào vùng biển khác lạ.

Khi cơn bão sái mùa đi qua, thuyền đi vào vùng biển lạ, tại đây có loài cá có thân như thân người, nhưng mỏm cá nhọn hoắt, chúng đang nhào lộn trong nước xanh thẳm. Các thương nhân hỏi Bồ-tát.

- Thưa bậc Trí giả, nơi đây có những con cá có thân lớn như thân người, mỏm nhọn hoắt đang nhào lộn trong nước. Này Bậc Trí giả, đây là vùng biển gì?

- Này các người, đây là vùng biển được gọi là "Vành đai Dao nhọn (Khuramāla = Khú-rá-ma-lá)", loài cá này có tên là Khura (Khú-rá: Dao nhọn), đó là loài cá dữ, không loài cá nào dám đến gần chúng.

Bồ-tát suy nghĩ: "Trong lòng đại dương này có rất nhiều kim cương, nhưng nếu ta nói cho họ biết, do lòng tham khởi lên, chắc chắn họ sẽ bị cá dữ Khura sát hại". Bồ-tát im lặng.

Khi thuyền đi vào giữa vùng biển, Bồ-tát dùng sợi dây dài có cột cái vợt cá, thả xuống biển sâu như để bắt cá. Với cách này, Bồ-tát hốt được nhiều kim cương giấu trong khoang thuyền dành riêng cho mình.

Thương thuyền vượt qua biển Khuramāla, rồi đi vào vùng biển, nước biển tỏa sáng rực như đám lửa đang cháy, hay giống như mặt trời vào lúc giữa trưa.

- Thưa bậc Trí giả, vùng biển này là biển gì?

Các thương nhân mô tả cho Bồ-tát biết cảnh tượng của mình chứng kiến, Bồ-tát đáp.

- Này các người, đây là vùng biển "Vành đai Lửa (Aggimāla)", nước biển nơi này có độ nóng rất cao, nên không có loài thủy tộc nào sinh sống, các người nhớ cẩn thận, chớ rơi vùng nước biển này.

Đại dương này có chứa vàng nơi đáy biển, Bồ-tát theo cách thức trước, vớt được nhiều vàng giấu trong khoang thuyền của mình.

Thương thuyền vượt qua biển Aggimāla (Ắc-gí-ma-lá) đi vào vùng biển khác, nơi đây nước biển trắng đục, óng ánh như màu sữa đông. Các thương nhân mô tả cho Bồ-tát biết rồi hỏi rằng:

- Thưa Bậc Trí giả, đây là vùng biển gì?

- Này các người, đây là vùng biển có tên gọi là "Vành đai Sữa (Dadhimāla = Đá-thí-ma-lá)", nước biển ở đây lạnh buốt.

Trong lòng biển này có rất nhiều bạc, Bồ-tát theo cách thức trước hốt rất nhiều bạc, giấu trong thuyền.

Vượt qua biển *"Vanh đai sữa"*, thuyền đi vào vùng biển khác, vùng biển này có dạng như thảm cỏ vàng xanh hay như cánh đồng xanh vàng chen lẫn nhau. Sau khi mô tả vùng biển, các thương nhân hỏi Bồ-tát.

- Thưa Bậc Trí giả, vùng biển này có tên gọi là gì?

- Đây là vùng biển có tên gọi "Vành đai xanh vàng" Nīlavaṇṇakusamāla = Ni-lá-quăng-ná-kú-sá-ma-lá)".

Vùng biển này có rất nhiều loại ngọc bích quí, cũng như những lần trước Bồ-tát lấy được nhiều ngọc bích giấu trong khoang thuyền.

Thuyền vượt qua biển "Vành đai xanh vàng", đi đến vùng biển có hình dáng như một bãi lau sậy, hay giống như rừng tre. Các thương nhân hỏi Bồ-tát:

- Thưa Bậc Trí giả, vùng biển này có tên gọi là gì?

- Đây là vùng biển "Vành đai Lau sậy (Naḷamāla = Ná-lá-ma-lá)".

Vùng biển này chứa đầy San hô quí, Bồ-tát lấy được nhiều loại San hô quí cất trong thuyền.

Thuyền lại vượt qua vùng biển "Vành đai Lau sậy", đến vùng biển khác. Ở đây, nước rút đi cuốn về một phía tạo thành bức tường nước thẳng đứng để lại phía sau là một lòng chảo, rồi bức tường nước đổ xuống đập xuống lòng biển tạo ra những tiếng nổ như sấm, rồi nước biển rút về một phía khác tạo thành bức tường nước, bất kể là hướng nào. Khi thấy cảnh tượng này, các Thương nhân kinh hoàng hỏi Bồ-tát:

- Thưa Ngài, đây là vùng biển gì?

- Đây là vùng biển "Gương mặt mạnh (Balavāmukha = Bá-lá-qua-mú-khá)", thuyền đi vào vùng biển này, không thể thoát ra được sẽ bị nước nhận chìm vào lòng biển.

Bấy giờ thuyền bị dòng hải lưu mạnh cuốn trôi phăng phăng đi vào trung tâm biển, không thể nào tháo lui được.

Bảy trăm thuyền nhân trên thuyền đều kinh hoàng trước cái chết gần kề, họ than khóc van vái thần hộ mạng ầm ĩ.

Bồ-tát suy nghĩ: "Trừ ta ra, không ai có thể cứu thoát cho những thuyền nhân này".

Ngài nói rằng:

- Này các người, hãy tắm cho ta bằng nước thơm, mặc y phục mới cho ta; đưa ta ra trước mũi thuyền, đồng thời mang cho ta chum nước.

Bồ-tát ra đứng trước mũi thuyền, tay cầm chum nước, phát nguyện chân ngôn rằng: "Từ khi ta sinh ra cho đến nay, ta chưa từng sát hại một sinh vật nào. Do lời chân thật này, xin cho thuyền bình an trở về quê hương".

Một luồng hải lưu mạnh xuất hiện cuốn thuyền buôn trôi phăng phăng ra khỏi "vùng biển chết", rồi đưa thuyền buôn trở về hải cảng Bhārukaccha.

Thuyền buôn lênh đênh trên biển suốt bốn tháng qua các vùng biển, bỗng trở lại bến cảng Bhārukaccha chỉ trong một ngày

Khi về đến hải cảng Bhārukaccha an toàn, Bồ-tát phân phát số lượng kim cương, vàng, ngọc quí... đến các thuyền nhân, nói rằng:

- Với số lượng tài sản này, các người có thể sống sung túc trọn đời. Các người đừng nên du hành trên biển nữa.

Bồ-tát dạy những người này thực hành những thiện sự như bố thí, trì giới... đến trọn đời. Mệnh chung tất cả đều sinh về thiên giới.

Nhận diện bổn sự.

Bồ-tát Suppāraka nay là Đức Thế Tôn, 7oo thuyền nhân nay là hội chúng của Đức Thế Tôn[1].

** (Tóm lược) Bổn sự Sattubhasta (túi da đựng bánh).*

Có thời Bồ-tát tái sinh về nhân giới là con một gia tộc Bà-la-môn nơi thành Bāraṇasī (Ba-la-nại), Ngài được đặt tên là Senaka (Xê-Ná-Ká). Khi trưởng thành, Ngài đến kinh thành Takkasilā (Tắc-ká-xí-la: hòn đá lý luận), thông thạo các nghiệp nghệ gia tộc.

Trở về kinh thành Bārāṇasī, Bồ-tát Senaka được vua Janaka (Chá-Ná-Ká) đặt vào chức vụ Tế lễ sư.

Tế lễ sư Senaka thường giảng pháp nửa tháng một lần vào ngày Bố-tát (uposatha) đến đại chúng, có các đại thần, Phó vương, vua Janaka cùng hoàng tộc đến nghe Ngài giảng về Giới luật.

---

[1]- JA. iv. Suppārakajātaka (Bổn sự Suppāraka), số 463.

Có một Bà-la-môn già đi xin ăn, ông dành dụm được một ngàn đồng vàng, ông đưa cho một Bà-la-môn bạn nhờ giữ hộ, rồi ra đi xin ăn tiếp. Khi ông trở về đòi lại số tiền gửi, Bà-la-môn bạn đã xài hết số tiền đó, nên gả cô con gái của mình làm vợ ông, để xóa nợ.

Ông Bà-la-môn mang vợ về sống trong làng Bà-la-môn, vì còn trẻ, cô vợ không thỏa mãn tham dục nên đã phạm tà hạnh với một Bà-la-môn trẻ trong làng.

Ở đời có 16 điều không hề thỏa mãn, đó là:

1- Biển không thỏa mãn với nước các dòng sông.

2- Lửa không thỏa mãn với các nhiên liệu.

3- Đức vua không thỏa mãn với quốc độ.

4- Kẻ ngu không thỏa mãn với ác nghiệp.

5- Nữ nhân không thỏa mãn với ba việc: ân ái, trang sức và sinh con.

6- Bà-la-môn không thỏa mãn với Thánh kinh.

7- Bậc trí không thỏa mãn với thiền định.

8- Phàm nhân không thỏa mãn với danh tiếng.

9- Bậc ly tham không thỏa mãn với "biết đủ".

10- Người tinh tấn không thỏa mãn với nỗ lực.

11- Người hay nói không thỏa mãn với trò chuyện.

12- Nhà chính trị không thỏa mãn với hội nghị.

13- Người sùng đạo không thỏa mãn với việc phục vụ Tăng chúng.

14- Người có tâm xả ly không thỏa mãn với việc bố thí.

15- Bậc Đa văn không thỏa mãn với việc nghe pháp.

16- Hàng tứ chúng không thỏa mãn với việc yết kiến Đức Thế Tôn.

Để thường xuyên gặp người tình, cô vợ muốn lão Bà-la-môn đi xa.

Một hôm cô giả vờ bịnh bệnh nằm yên một chỗ, lão Bà-la-môn hỏi:

- Này nàng, nàng sao thế?

- Thưa anh, việc nhà nhiều quá, em làm không nổi, anh hãy thuê một nữ nô để giúp việc nhà hộ em.

- Này nàng, ta làm sao có tiền để thuê nữ nô chứ.

- Anh hãy đi xin một thời gian, sẽ có đủ tiền để mua một nữ nô.

Chiều ý cô vợ trẻ, lão Bà-la-môn nói:

- Vậy, nàng hãy sắp xếp vài vật để ta lên đường.

Cô vợ soạn cho lão Bà-la-môn túi da lớn, trong đó đặt các thứ bột đã nướng cùng chưa nướng để làm vật thực đi đường.

Lão Bà-la-môn mang chiếc túi lên vai, ra đi xin ăn. Khi tìm được số tiền là 700 đồng vàng, lão Bà-la-môn trở về nhà, trên đường trở về, ông đi đến bờ suối, mở túi ra lấy bánh dùng, rồi ông đi xuống suối uống nước. Một con rắn độc ngửi mùi bánh nướng, chui vào trong chiếc túi.

Thương hại lão Bà-la-môn, vị thần cây trong bọng cây, hiện ra cảnh báo rằng:

- Này Bà-la-môn, nếu ông nghỉ lại dọc đường, ông sẽ chết. Nếu ông về đến nhà, vợ ông sẽ chết.

Rồi vị thần cây biến mất, lão Bà-la-môn vô cùng kinh sợ, lão vừa đi vừa khóc.

Hôm ấy là ngày trăng tròn, Bồ-tát Senaka thuyết pháp đến đại chúng, lão Bà-la-môn đi đến cổng thành Bārāṇasī, thấy đại chúng từng đoàn mang hương hoa đến nghe bậc trí Senaka giảng pháp, lão Bà-la-môn hỏi:

- Các người đi đâu thế?

- Này Bà-la-môn, hôm nay bậc trí Senaka giảng pháp, chúng tôi đến nghe Ngài giảng pháp.

Lão Bà-la-môn suy nghĩ: "Đại chúng bảo Ngài Senaka là bậc hiền trí giảng pháp, còn ta đang lo âu sự chết sẽ đến. Các bậc trí có khả năng diệt trừ các phiền não. Ta nên đến nhờ Ngài Senaka giải thoát khỏi sự lo sợ này.

Lão Bà-la-môn theo đại chúng đến nghe Ngài Senaka giảng pháp, pháp thoại mang lại sự hân hoan, thích thú đến đại chúng, riêng lão Bà-la-môn vẫn sầu não. Nhìn thấy lão Bà-la-môn với gương mặt sầu khổ, Bồ-tát Senaka cho gọi lão Bà-la-môn đến, hỏi rằng:

- Này Bà-la-môn, vì sao ngươi sầu khổ? Ta là trí giả Senaka, ta có thể giải tỏa nỗi sầu của ngươi. Ngươi hãy nói lên điều gì làm ngươi sầu thảm?

- Thưa Ngài trí giả Senaka, có vị thọ thần bảo tôi rằng: "Nếu tôi nghỉ lại dọc đường, tôi sẽ chết. Còn nếu tôi trở về nhà, vợ tôi sẽ chết", vì thế tâm tôi lo sợ.

Bồ-tát Senaka suy nghĩ: "Có nhiều nguyên nhân gây ra tử vong, một số chết chìm trong nước, bị cá dữ ăn thịt hay bị cá sấu giết chết. Số khác bị thú dữ xé xác hay bị rơi từ cây cao xuống, bị vật nhọn bén xuyên qua thân... Số khác chết do chất độc, ăn nhằm chất độc, số khác chết do bệnh, một số chết do thời tiết "lạnh quá" hay do bị lửa thiêu đốt... Bà-la-môn này chết do nguyên nhân gì, nếu nghỉ lại trên đường? Còn như lão trở về nhà, thời vợ lão sẽ chết, vì sao thế?

Trong lúc suy gẫm, Ngài nhìn thấy túi vải trên vai lão Bà-la-môn, nghĩ rằng: "Chắc hẳn có con rắn độc trong túi vải của lão Bà-la-môn. Khi lão Bà-la-môn nghỉ lại, lão sẽ mở túi lấy lương thực để dùng, con rắn độc sẽ cắn chết lão; nếu lão về đến nhà, vợ lão sẽ mở túi ra xem, con rắn sẽ cắn chết vợ lão".

Bồ tát Senaka hỏi:

- Này Bà-la-môn, túi vải ngươi đựng cái chi thế?

- Thưa Ngài, là bánh nướng dùng làm lương thực để đi đường.

Do trí suy luận, Ngài như chứng kiến rõ vấn đề: "Bà-la-môn này mở túi lấy lương thực để dùng, rồi đi đâu đó quên buộc miệng túi lại; con rắn độc đã chui vào túi vải; khi trở lại, lão Bà-la-môn buộc miệng túi vải lại rồi mang đi".

- Này Bà-la-môn, sáng hôm nay ngươi có dùng vật thực không?

- Thưa bậc trí giả Senaka, có.

- Ngươi dùng vật thực ở nơi nào?

- Thưa Ngài, nơi bờ suối.

- Sau khi dùng vật thực, ngươi có cột miệng túi lại hay không?

- Thưa Ngài Senaka, không, tôi đi xuống suối để uống nước. Khi trở lại tôi mới buộc miệng túi, mang nó trên vai.

- Này Bà-la-môn, như vậy có con rắn độc chui vào túi vải của ngươi, do vậy: "Nếu hôm nay ngươi nghỉ lại, ngươi sẽ mở miệng túi ra lấy lương thực để dùng, con rắn độc sẽ cắn ngươi chết; nếu ngươi trở về nhà, vợ ngươi mở miệng túi để nhặt những vật ngươi mang về, con rắn độc sẽ cắn vợ ngươi chết".

Bồ-tát bảo lão Bà-la-môn đặt túi vải trước đại chúng, mở miệng túi vải ra, lấy cây đập nhẹ vào túi vải, con rắn nghe động từ từ chui ra khỏi miệng túi, mình nó đen tuyền, ngẩng cao đầu với chiếc mào giương rộng, lưỡi thè ra hai nhánh rít lên.

Bồ-tát sai người giỏi bắt rắn, bắt con rắn độc đen đem thả nó về rừng. Lão Bà-la-môn mừng rỡ, ông dâng đến Bồ-tát số tiền kiếm được là 700 đồng vàng, nhưng Bồ-tát Senaka không nhận, hỏi lão Bà-la-môn rằng:

- Này Bà-la-môn, vợ ông còn trẻ hay đã già?

- Thưa bậc trí giả, nàng còn trẻ.

Bồ-tát suy nghĩ: "Lẽ thường người vợ không bao giờ bảo chồng đi xa nhà quá lâu, như vậy nàng này đã tư tình với người khác".

Ngài cho thêm lão Bà-la-môn 300 đồng vàng, nói rằng:

- Này Bà-la-môn, số tiền này ngươi chớ mang về nhà, e có chuyện chẳng lành đến ngươi. Ngươi hãy chôn cất nơi kín đáo, rồi hãy về nhà.

- Vâng, thưa bậc trí giả.

Lão Bà-la-môn về đến làng, chôn số tiền ngàn đồng vàng nơi gốc cây vắng vẻ, rồi đi về nhà.

Vợ lão bà-la-môn đang ngồi với tình nhân, nghe tiếng lão Bà-la-môn gọi mở cửa, nàng tắt đèn rồi đi ra mở cửa, nhân bóng tối gã tình nhân lẻn trốn đi. Khi mở túi ra chẳng thấy cái chi trong túi, nàng hỏi:

- Này anh, anh chẳng kiếm được tiền phải không?

- Không, ta kiếm được ngàn đồng vàng.

- Thế tiền đâu?

- Ta chôn ngàn đồng vàng ở nơi kín đáo, mai ta sẽ ra lấy mang về.

Nàng hỏi chồng nơi chôn tiền, rồi lén thông tin cho tình nhân biết.

Sáng hôm sau, lão Bà-la-môn đi đến nơi giấu tiền, ngàn đồng vàng đã bị lấy mất, lão Bà-la-môn sầu khổ, suy nghĩ: "Việc này chỉ có bậc trí giả Senaka mới tìm ra ai đã trộm tiền của ta".

Lão Bà-la-môn đến yết kiến Bồ-tát, Ngài hỏi:

- Này Bà-la-môn, ngươi đến tìm ta có chuyện chi?

- Thưa bậc Trí giả, tôi theo lời Ngài dạy "chôn tiền rồi mới về nhà", nhưng sáng nay phát giác số tiền ấy đã bị kẻ trộm lấy mất.

- Ngươi có cho ai biết nơi ngươi chôn tiền không?

- Thưa Ngài, tôi có cho vợ tôi biết.

- Ta sẽ cho ngươi số tiền khác, đủ để ngươi tổ chức lễ tiệc 7 ngày. Ngày đầu ngươi mời 7 vị Bà-la-môn bạn của ngươi, vợ ngươi mời 7 vị Bà-la-môn bạn của vợ ngươi; mỗi ngày ngươi giảm đi một vị, vợ ngươi cũng giảm đi một vị. Đến ngày thứ bảy, nếu ngươi thấy vị Bà-la-môn còn lại của vợ ngươi đã đến liên tục 7 ngày; ngươi hãy báo cho ta biết.

- Vâng, thưa bậc trí giả.

Lão Bà-la-môn làm theo lời dạy của Bồ-tát và lão đến báo với Bồ-tát rằng:

- Thưa bậc trí giả, có một Bà-la-môn bạn của vợ tôi đã đến dự tiệc trọn 7 ngày.

Bồ-tát Senaka cho gọi người ấy đến, nói rằng:

- Ngươi đã lấy trộm ngàn đồng vàng của lão Bà-la-môn này, ngươi hãy trả lại mau.

Ban đầu gã Bà-la-môn còn chối quanh, nhưng không sao chối cãi trước những suy luận sắc bén cùng uy lực của Bồ-tát, cuối cùng gã đã nhận tội.

Lão Bà-la-môn nhận lại số tiền ngàn đồng vàng, Bồ-tát đã xử phạt gã Bà-la-môn trộm cắp, trục xuất hắn ra khỏi làng Bà-la-môn.

Lão Bà-la-môn nay là Ngài Ānanda, vị thần cây nay là Ngài Sāriputta, trí giả Senaka nay là Đức Thế Tôn[1].

**Bậc xuất gia nghe nhiều.*

"Nghe nhiều" của bậc xuất gia không phải là "nghe những chuyện thế tục, chuyện tranh đấu, chuyện những anh hùng, chuyện những mỹ nữ, chuyện những vì vua, văn thơ..." Tóm lại là "nghe nhiều những điều không có mục đích dẫn ra thoát khỏi khổ, không thành tựu được tri kiến đúng".

Có hai loại hội chúng:

a-Hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn".

Là hàng tứ chúng (Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ) không "lắng tai nghe Giáo pháp do Đức Thế Tôn thuyết giảng, không để tâm tìm hiểu, hiểu rõ những ý nghĩa thâm sâu vi diệu, liên hệ đến giải thoát, không nghĩ rằng: "Những pháp này cần phải học thuộc lòng".

Đối với các kinh điển của ngoại giáo, các thi văn do các thi - văn sĩ làm ra với các nguyên âm, phụ âm hoa mỹ, những người này lắng tai nghe, chú tâm để hiểu biết, học thuộc lòng".

---

[1]- JA. Sattubhastajātaka (Bổn sự "túi da đựng bánh"), chuyện số 402. Ngài Thông Kham có trích dẫn chuyện này trong tập "38 pháp hạnh phúc".

Những người này không cùng nhau hỏi, không mở rộng để thảo luận:"Vấn đề này là thế nào?", "ý nghĩa vấn đề này như thế nào?". Không mở rộng những gì được che kín, không phơi bày những gì cần phơi bày, không giải nghi những điểm nghi vấn đúng theo pháp".

Như vậy, gọi là *"hội chúng được huấn luyện trong khoa trương, không được huấn luyện trong chất vấn".*

b- Hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương.

Là hàng tứ chúng (Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ) đối với các kinh điển của ngoại giáo, các thi văn do các thi - văn sĩ làm ra với các nguyên âm, phụ âm hoa mỹ, những người này không lắng tai nghe, không chú tâm để hiểu biết, không học thuộc lòng".

Nhưng đối với các kinh điển do Như Lai tuyên thuyết, thâm sâu, ý nghĩa sâu kín, siêu thế, liên hệ đến giải thoát, khi các kinh điển ấy được thuyết giảng, họ khéo nghe, lóng tai, họ an trú tâm để hiểu biết, họ nghĩ rằng các pháp ấy cần phải lãnh thọ, cần phải học thuộc lòng.

Và sau khi học thuộc lòng các pháp ấy, họ hỏi đi hỏi lại cùng nhau, họ mở rộng ra để thảo luận với những câu hỏi như sau: "vấn đề này là gì? Thế nào là ý nghĩa của vấn đề này?".

Những người này mở rộng những gì được che kín, phơi bày những gì không được phơi bày, giải nghi về các điểm nghi vấn trong theo đúng pháp.

Như vậy, gọi là *"hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương".*

Trong hai hội chúng này, "hội chúng được huấn luyện trong chất vấn, không được huấn luyện trong khoa trương" là tối thắng[1].

Học thuộc lòng lời dạy của **Đức Thế Tôn.*

Ngoài Ngài Ānanda thuộc lòng Pháp Luật của Đức Thế Tôn; Ngài Upāli thuộc trọn vẹn Luật tạng được Đức Thế Tôn chế định, các vị Kết Tập sư cũng là những vị thuộc lòng Pháp Luật của Đức Thế Tôn, như Ngài Anuruddha (A-Na-Luật) là một trong những Kết tập sư quan trọng của cuộc Kết tập Phật ngôn lần I. Chính Ngài Anuruddha đã trùng tuyên bộ Aṅguttara nikāya (Tăng chi kinh) gồm 120 tụng phẩm (bhānavāra), với 557 bài kinh[2].

Điều này các vị Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn luôn thuộc lòng những lời giảng của Đức Thế Tôn.

Hoặc như Trưởng lão ni Khemā (Khê-Ma). Có lần vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) nước Kosala (Kiều-Tất-La) có đến viếng thăm Trưởng lão ni Khemā ở thị trấn Toraṇavatthu (Tô-rá-ná-quát-thú) ở khoảng giữa kinh thành Sāvatthi và thành Sāketa (Xa-kê-tá).

Đức vua Pasenadi hỏi Trưởng lão ni Khemā rằng:

- Thưa Nữ Tôn giả, *"Như Lai có tồn tại sau khi chết?*"
- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại sau khi chết".
- Thưa Nữ Tôn giả, *"Như Lai không tồn tại sau khi chết?"*
- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn không trả lời: "Như Lai không tồn tại sau khi chết".
- Thưa Nữ Tôn giả, *"Như Lai có tồn tại, không tồn tại sau khi chết?*"
- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn không trả lời: "Như Lai có tồn tại, không tồn tại sau khi chết".
- Thưa Nữ Tôn giả, *"Như Lai không tồn tại, không không tồn tại sau khi chết?*"

---

[1]- A.i. 70. Parisavaggo (Phẩm Hội chúng).

[2]- DA. i. 15. Mbv. 94.

- Thưa Đại vương, Đức Thế Tôn không trả lời: "Như Lai không tồn tại, không không tồn tại sau khi chết".

- Thưa Nữ Tôn giả, do nhân gì duyên gì? Đức Thế Tôn không trả lời.

- Thưa Đại vương, tôi sẽ hỏi Đại vương, Đại vương kham nhẫn như thế nào, hãy trả lời như vậy.

*Đại vương có người kế toán nào, người chưởng ấn (muddiko) nào, người toán số nào đếm được số lượng hạt cát trên bờ sông Hằng không?.

- Thưa Nữ Tôn giả, không.

*Đại vương có người kế toán nào, người chưởng ấn (muddiko) nào, người toán số nào đong được số lượng nước trong biển lớn chăng?

- Thưa Nữ Tôn giả, không.

- Vì sao?

- Thưa Nữ Tôn giả, vì biển lớn thâm sâu vô lượng, khó dò đến tận đáy.

- Cũng vậy, thưa Đại vương.

*Nếu có người muốn định nghĩa "Như Lai" qua sắc thân (rūpena), nhưng sắc thân ấy, Đấng Như Lai đã đoạn tận, cắt đứt tận gốc rễ, làm như thân cây Ta-la bị đứt đọt không thể sinh khởi trong tương lai, thoát ra sự ước lượng của sắc thân.

Thưa Đại vương, Như Lai là thâm sâu, vô lượng, không thể đến tận đáy như biển lớn.

Nói rằng: *"Như Lai tồn tại sau khi chết"*, không thể chấp nhận.

Nói rằng: *"Như Lai không tồn tại sau khi chết*", không thể chấp nhận.

Nói rằng: *"Như Lai tồn tại, không tồn tại sau khi chết"*, không thể chấp nhận.

Nói rằng: "*Như Lai không tồn tại, không không tồn tại sau khi chết"*, không thể chấp nhận.

*Nếu có người định nghĩa "*Như Lai*" qua cảm thọ...

*Nếu có người định nghĩa "*Như Lai*" qua các tưởng...

*Nếu có người định nghĩa "*Như Lai*"qua các hành...

*Nếu có người định nghĩa "*Như Lai*" qua các thức...

Vua Pasenadi hoan hỷ tín thọ lời dạy của Trưởng lão ni Khemā.

Thời gian sau, vua Pasenadi đến viếng Đức Thế Tôn nơi Đại tự KỳViên, bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, "*Như Lai* tồn tại sau khi chết?"

- Này Đại vương, Ta không trả lời "*Như Lai* tồn tại sau khi chết".

- Bạch Thế Tôn, "*Như Lai* không tồn tại sau khi chết?"

- Này Đại vương, Ta không trả lời "*Như Lai* không tồn tại sau khi chết".

- Bạch Thế Tôn, "*Như Lai* tồn tại, không tồn tại sau khi chết?"

- Này Đại vương, Ta không trả lời "*Như Lai* tồn tại, không tồn tại sau khi chết".

- Bạch Thế Tôn, "*Như Lai* không tồn tại, không không tồn tại sau khi chết?"

- Này Đại vương, Ta không trả lời "*Như Lai* không tồn tại, không không tồn tại sau khi chết".

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì? Đức Thế Tôn không trả lời.

(Tương tự như đoạn kinh văn trả lời của Trưởng lão ni Khemā ở trên).

(Vua Pasenadi tán thán rằng).

- Bạch Thế Tôn, thật vi diệu thay. Bạch Thế Tôn, thật hy hữu thay. Vì giữa Đạo sư với nữ đệ tử, ý nghĩa với ý nghĩa, văn ngôn với văn ngôn có sự tương đồng, có sự tương hòa, không có mâu thuẫn, tức là tối thượng văn cú...[1].

**Nữ dạ-xoa mẹ Piyaṅkara (Pí-dăng-ká-rá).*

---

[1]- Xem S.iv. 374.

Khi trú ngụ nơi Đại tự Kỳ-Viên, Ngài Anuruddha thức dậy khi đêm gần mãn, Ngài tụng đọc kinh Pháp cú.

Nữ dạ-xoa mẹ của Piyaṅkara đang ẵm con đi tìm vật thực, khi đi ngang qua Đại tự Kỳ-viên, tiếng tụng kinh Pháp cú của Ngài Anuruddha (ANaLuật) đã cuốn hút tâm của nữ dạ-xoa, nữ dạ-xoa đứng yên lặng lắng nghe, trong khi bé Piyaṅkara khóc đòi vật thực, nữ dạ-xoa dỗ con nín khóc như sau:

Mā saddaṃ kari piyaṅkara;
Bhikkhu dhammapadāni bhāsati.
Api ca dhammapadaṃ vijāniya;
Paṭipajjema hitāya no siyā.
"Này Piyaṅkara; chớ có sanh tiếng động.
Vị Tỳkhưu đang tụng; những lời về pháp cú.
Nếu chúng ta biết được; học được pháp cú này.
Rồi theo Pháp hành trì; chúng ta được lợi ích".
Pāṇesu ca saṃyamāmase;
Sampajānamusā na bhaṇāmase.
Sikkhema susīlyamattano;
Api muccema.
"Không sát hại sinh vật[1]*;*
Không cố ý nói láo.
Tự học tập giới luật;
Chúng ta thoát ngạ quỷ" (HT. TMC d)[2].

Theo Bản Sớ giải, nữ dạ-xoa này thuộc Yakkhavimāna (Dạ-xoa ngạ quỷ)[3].

**Thảo luận pháp.*

*Có lần Đức Anuruddha trú ngụ tại "rừng Mù", Ngài bị bệnh năng, chư Tỳkhưu đến viếng thăm, thấy Đức Anuruddha vẫn an nhiên tự tại, nên hỏi Đức Anuruddha rằng:

- Tôn giả Anuruddha an trú với pháp môn nào? Khiến cho thân có cảm thọ khổ, nhưng không ảnh hưởng đến tâm.

Ngài Anuruddha đáp rằng: "Tôi an trú tâm trong bốn niệm xứ"[4].

*Ngài Anuruddha khi an trú tại Sāketa trong rừng Kaṇṭakī (Kăng-tá-ki). Vào buổi chiều, Ngài Sāriputta cùng Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) từ chỗ thiền tịnh đi đến nơi ngụ của Ngài Anuruddha.

Sau những lời thăm hỏi thân hữu Ngài Xá-Lợi-Phất ngồi xuống một bên hỏi Ngài Anuruddha rằng:

-Thưa hiền giả Anuruddha, hữu học, hữu học (sekkhā), được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa hiền giả Anuruddha là hữu học?"

- Thưa hiền giả Sāriputta, do tu tập một phần bốn niệm xứ, là bậc hữu học...[5].

-Thưa hiền giả Anuruddha, vô học, vô học (asekkhā) được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, thưa hiền giả Anuruddha, là bậc vô học?"

- Thưa hiền giả Sāriputta, do tu tập hoàn toàn bốn niệm xứ...

- Thưa hiền giả Anuruddha, do tu tập, làm cho sung mãn những pháp nào, đại thắng trí được đạt đến?

- Do tu tập. do làm cho sung mãn bốn niệm xứ, đại thắng trí được đạt đến...[6].

---

[1]- Saṃyamāmasa
[2]- S.i. 2o9. Piyaṅkarasuttaṃ (kinh Piyaṅkara).
[3]- DA. ii. 509; PSA. 79.
[4]- S.v, 302.
[5]- S.v, 174. Tương ưng Niệm xứ (satipaṭṭhānasaṃyutta). Kinh "Một phần".
[6]- S.v, 175. Tương ưng Niệm xứ. Kinh "Hoàn toàn".

*Có lần, nơi rừng Sừng bò (Gosiṅgavana), vào đêm trăng tròn, các cây sālā (xa-la) trổ hoa, hương thơm lan tỏa khắp khu rừng. Các vị Trưởng lão như Moggallāna, Kassapa (Ca-Diếp), Ānanda, Revata (Rê-Quá-Tá), Anuruddha... đi đến Ngài Sāriputta nghe Pháp.

Ngài Sāriputta lần lượt hỏi các vị Trưởng lão: "Vị Tỳ-khưu nào có thể làm cho khu rừng Gosiṅga (Sừng bò) sáng chói?"

Các vị Trưởng lão đáp lời Ngài Sāriputta theo sở đắc của mình, như:

Ngài Ānanda đáp: Vị Tỳ-khưu đa văn có thể làm cho khu rừng Gosinga sáng chói.

Ngài Revata: Vị Tỳ-khưu ưa thích đời sống tịnh cư.

Ngài Kassapa: Vị Tỳ-khưu thực hành hạnh Đầu đà (dhutaṅga) sống ở rừng.

Ngài Anuruddha: Vị Tỳ-khưu đắc thiên nhãn.

Ngài Moggallāna: Hai vị Tỳ-khưu đàm luận về Thắng pháp.

Khi trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy: "Tất cả đều khéo nói"[1].

**Giải rộng Pháp và đoạn trừ nghi.*

Các vị Tỳ-khưu Trưởng lão khi gặp nhau, thường hỏi pháp với nhau. Ngay cả những cư sĩ có trí khi gặp vị Trưởng lão "nghe nhiều" cũng thường hỏi pháp. Sau đây là một số dẫn chứng cho điều này.

**Ngài Anuruddha với thợ mộc Pañcakaṅga (2).*

Có lần Ngài Anuruddha cùng ba vị Tỳ-khưu đến thọ thực nơi nhà của thợ mộc Pañcakaṅga (Panh-Chá-Kăng-Gá).

Sau khi Tôn giả Anuruddha thọ thực xong, thợ mộc Pañcakaṅga lấy chiếc ghế thấp ngồi xuống kế bên, hỏi pháp nơi Tôn giả Anuruddha rằng:

- Thưa Tôn giả, ở đây một số vị Trưởng lão Tỳ-khưu đến nói như sau: "Này gia chủ, hãy tu tập *vô lượng tâm giải thoát* (appamāṇā cetovimutti), có một số vị Trưởng lão Tỳ-khưu lại nói: "Này gia chủ, hãy tu tập *đại hành tâm giải thoát* (mahaggatā cetovimutti)".

Bạch Tôn giả, *vô lượng tâm giải thoát* và *đại hành tâm giải thoát*. Các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa chỉ khác biệt về văn?

- Này gia chủ, hãy nói lên những điều ngươi suy nghĩ về vấn đề này; nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở nên xác thật cho ngươi.

- Bạch Tôn giả, con nghĩ như sau*: "Vô lượng tâm giải thoát* và *đại hành tâm giải thoát*; các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn.

- Này gia chủ, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Tiếp theo, Ngài Anuruddha (ANaLuật) giảng giải.

*Thế nào là *vô lượng tâm giải thoát?*

Vị Tỳkhưu tu tập bốn tâm vô lượng (Từ, Bi, Hỷ, Xả) biến mãn khắp bốn phương, trên dưới, bề ngang không có biên giới. Như vậy gọi là *vô lượng tâm giải thoát.*

*Thế nào là *đại hành tâm giải thoát*?

Vị Tỳkhưu tu tập thiền tịnh, làm biến mãn (ấn tướng) lớn như một gốc cây, hai gốc cây... một mảnh vườn... một vương quốc... bao trùm cả trái đất... Gọi là *đại hành tâm giải thoát*[3].

**Ngài Ānanda với Ngài Sāriputta.*

Ngài Ānanda có giảng cho Ngài Sāriputta như sau:

Ở đây, thưa Hiền giả Sāriputta,

- Vị Tỳ-khưu học thông suốt pháp, tức là Khế kinh, Ký thuyết, Phúng tụng, Vô vấn tự thuyết, Như thị thuyết, Bổn sự, Vị tằng hữu pháp, Trí giải hay Phương quảng.

- Vị ấy thuyết pháp cho các người khác một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.

---

[1]- Xem M.i. Mahāgosiṅgasuttaṃ (Rừng sừng bò đại kinh), kinh số 32.

[2]- Về người thợ mộc đệ nhất thời ấy của vua Pasenadi này, xin xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 4).

[3]- Nghĩa là làm biến mãn ấn tướng đề mục thiền trở nên rộng lớn.

- Vị ấy khiến cho các người khác nói pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.

- Vị ấy tụng đọc pháp một cách rộng rãi như đã được nghe, như đã được học thông suốt.

- Vị ấy với tâm tùy tầm, tùy tứ, với ý tùy quán pháp như đã được nghe, như đã được học thuộc lòng.

- Tại trú xứ nào có các Tỳ-khưu trưởng lão trú ngụ, là bậc nghe nhiều, được trao truyền các tập Āgama (A-gá-má), bậc Trì pháp, Trì luật, Trì toát yếu.

Tại các chỗ ấy, vị ấy an cư vào mùa mưa, thỉnh thoảng đến các Tôn giả ấy; sau khi đến, phỏng vấn, đặt các câu hỏi: "Thưa Tôn giả, điều này là thế nào? Ý nghĩa điều này là gì?". Các Tôn giả ấy mở rộng những gì chưa được mở rộng, phơi bày những gì chưa được phơi bày, và đối với những đoạn sai khác, còn có chỗ nghi ngờ, các Tôn giả ấy giải thích các sự nghi ngờ.

Cho đến như vậy, thưa Hiền giả Sàriputta, Tỳ-khưu nghe pháp chưa được nghe, với pháp đã được nghe, không đi đến rối loạn; còn đối với các pháp trước kia tâm đã từng cảm xúc, chúng vẫn được hiện hành và vị ấy biết được điều trước kia chưa biết.

Và Ngài Sāriputta tán thán Ānanda là vị đã thành tựu sáu pháp trên[1].

**Ngài Mahākoṭṭhita với Ngài Sāriputta.*

Ngài Mahākoṭṭhita (Má-Ha-Kốt-Thí-Tá) là học trò của Ngài Sāriputta. Ngài Mahākoṭṭhita đi đến hỏi Ngài Sāriputta về ý nghĩa các pháp thuộc Thắng pháp (Abhidhamma), Ngài Sāriputta giải đáp rõ ràng minh bạch; như:

- Thế nào là liệt tuệ (duppaññā)?

Ngài Sāriputta giải thích: Đó là không như thật hiểu biết "bốn Thánh đế".

- Thế nào là trí tuệ?

- Là như thật hiểu biết "bốn Thánh đế"...

- Ý nghĩa của trí tuệ là gì?

- Là "hiểu cao tột (abhiññatthā)", là "hiểu trọn vẹn (pariññatthā)", là "hiểu biết đoạn tận (pahānatthā)".

- Có bao nhiêu duyên khiến chánh kiến sinh khởi?

- Có hai duyên khiến chánh kiến sinh khởi là: Tiếng nói người khác và "tác ý đúng".

- Chánh kiến được hỗ trợ (anuggahitā) bao nhiêu chi phần để có được tâm giải thoát, trí giải thoát?

- Chánh kiến được hỗ trợ bởi 5 chi phần để có được tâm giải thoát, trí giải thoát, đó là: Có *giới* (sīla) hỗ trợ, có *nghe* (suta) hỗ trợ, có *thảo luận (*sākacchā) hỗ trợ, có ***định*** *(samatha)* hỗ trợ, có *quán (vipassanā)* hỗ trợ...[2].

Trong kinh điển Đức Thế Tôn thường khiển trách những Tỳ-khưu "ít nghe" và khen ngợi những Tỳ-khưu "nghe nhiều".

**Chuyện nội cung.*

Có thời các nữ nhân trong cung của vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) bàn luận cùng nhau, "được nghe rằng: Có bốn điều khó là: Được sinh làm người, khó được sống lâu, khó được nghe Diệu pháp, Đức Thế Tôn xuất hiện trên đời là khó"[3]. Chị em chúng ta tuy có được thân người trong thời có Đức Thế Tôn xuất hiện, nhưng chúng ta không được đến Tự viện yết kiến Đức Thế Tôn để đảnh lễ, cúng dường Ngài, cũng không được nghe Chánh pháp từ nơi Ngài. Chúng ta như những người chỉ sống trong chiếc hộp kín; chúng ta nên yêu cầu Đức vua cử vị Tỳ-khưu "nghe nhiều" đến giảng pháp cho chúng ta, nhờ

---

[1]- A.iii. 361.Ānandasuttaṃ (kinh Ānanda).

[2]- Xem M.i. Mahāvedallasuttaṃ (Đại kinh Phương Quảng), kinh số 43.

[3]- Dhp. Câu số 182.

nghe pháp chúng ta sẽ thực hiện hoàn hảo những việc lành như bố thí, cúng dường, giữ giới, tu tập thiền định. Như vậy, chị em chúng ta sẽ có lợi ích lớn, quả báo lớn".

Các nữ nhân trong cung trình lên vua Pasenadi nguyện vọng của mình; Đức vua Pasenadi chấp thuận lời thỉnh cầu ấy.

Một hôm, Đức vua Pasenadi muốn đi du ngoạn trong vườn Ngự Uyển, ra lịnh cho người giữ vườn dọn dẹp sạch sẽ khu vườn. Trong khi dọn sạch sẽ vườn Ngự Uyển, người giữ vườn nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi nơi cội cây cổ thụ, liền đi đến thưa với vua Pasenadi rằng:

- Thưa Đại vương, vườn Ngự Uyển được dọn sạch sẽ, nhưng có Đức Thế Tôn đang ngồi nơi cội cây cổ thụ.

- Lành thay, chúng ta sẽ được nghe pháp từ Đức Thế Tôn.

Đức vua Pasenadi ngự lên cỗ xe được trang hoàng xinh đẹp, đến vườn Ngự Uyển đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Khi ấy cận sự nam Chattapāṇi (Chát-Tá-Pa-Ní) đã chứng đạt Thánh quả A-Na-Hàm, đang ngồi nghe Pháp từ Đức Thế Tôn.

Nhìn thấy cận sự nam Chattapāṇi, vua Pasenadi cảm thấy ngần ngại, đứng suy nghĩ: "Nếu là người ác, người này không ngồi nghe pháp từ Đức Thế Tôn".

Vua Pasenadi đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Nam cư sĩ Chattapāṇi vì cung kỉnh Đức Thế Tôn nên không đảnh lễ Đức vua. Vua Pasenadi không hoan hỷ với cận sự nam Chattapāṇi, biết được tâm của vua Pasenadi, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Đại vương, cận sự nam này là người đã xa lìa các dục, là bậc "nghe nhiều".

Người này được Đức Thế Tôn khen ngợi, hẳn không phải là bậc tầm thường. Vua Pasenadi nói với cận sự nam Chattapāṇi rằng:

- Này cận sự nam, nếu cần gì hãy nói với ta.

- Lành thay, lành thay, thưa Đại vương.

Sau khi nghe pháp thoại xong, Đức vua Pasenadi đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi trở lại hoàng cung.

Khi trở về Hoàng cung, các nữ nhân trong cung thưa rằng:

- Thưa Đại vương, đại vương có thỉnh được vị nào đến Nội cung dạy pháp không?

- Này các nàng, ta chưa thỉnh vì không biết phải thỉnh vị nào?

- Thưa Đại vương, hãy thỉnh Đại Đức Ānanda, vì Đại đức Ānanda là bậc đa văn.

Hôm sau, Đức vua Pasenadi đi đến Đại tự Kỳ-Viên, cận sự nam Chattapāṇi cũng đến Đại tự Kỳ-Viên để đảnh lễ và nghe pháp từ Đức Thế Tôn. Nhìn thấy vua Pasenadi nơi cổng Đại tự Kỳ-Viên, cận sự nam đảnh lễ Đức vua, Đức vua Pasenadi hỏi:

- Hôm nay ngươi mới biết ta là chủ của ngươi phải không?

- Thưa Đại vương, hôm qua vì có Đức Thế Tôn, nếu tôi đứng lên đảnh lễ Đại vương sẽ là "bất kính với Đức Thế Tôn". Do vậy, tôi ngồi yên, xin Đại vương hãy hoan hỷ.

- Lành thay, lành thay, ngươi làm như thế là đúng. Này cận sự nam, Đức Thế Tôn có khen ngợi ngươi là người "nghe nhiều"; các nữ nhân trong cung ta muốn được nghe giảng và học Chánh pháp.

Lành thay, ngươi hãy vào nội cung Giảng pháp đến những nữ nhân trong cung.

- Thưa Đại vương, điều này không thích hợp với người tại gia. Việc giảng pháp đến những nữ nhân trong nội cung, thích hợp với các Tôn giả là bậc xuất gia hơn người tại gia.

- Lành thay, lành thay, này cận sự nam, sự thật là như vậy.

Vua Pasenadi đi vào Đại tự Kỳ-Viên, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, thỉnh Đức Thế Tôn cho phép Ngài Ānanda vào nội cung dạy pháp đến các nữ nhân trong nội cung. Đức Thế Tôn chấp thuận.

Các nữ nhân trong nội cung được học pháp từ Ngài Ānanda.

Một hôm viên ngọc quí trên vương miện của Đức vua bị mất, các nữ nhân trong nội cung bị phiền nhiễu với sự tra xét để tìm viên ngọc quí, nhưng không tìm thấy.

Khi Ngài Ānanda đến dạy pháp, thấy các nữ nhân lo âu, sầu muộn. Khi biết được nguyên nhân, Ngài nói:

- Các người hãy yên tâm, ta sẽ giúp các người tìm ra viên ngọc.

Ngài Ānanda đi đến Đức vua Pasenadi, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn, nói với Đức vua rằng:

- Thưa Đại vương, nghe nói Đại vương bị mất viên ngọc quí phải không?

- Thưa Tôn giả Ānanda, có thật như vậy.

- Tôi sẽ giúp Đại vương tìm ra viên ngọc.

- Thưa Tôn giả, bằng cách nào?

- Thưa Đại vương, Đại vương hãy cho tập trung những người Đại vương nghi ngờ, Đại vương ra lịnh "những người này, vào sáng mai hãy mang một nắm rơm hay nắm đất sét đến đặt vào một nơi nào đó trong nội cung". Làm như thế ba ngày liên tục.

- Vâng, thưa Tôn giả.

Rồi Ngài Ānanda đứng dậy ra về.

Ba ngày trôi qua vẫn chưa tìm thấy viên ngọc quí.

Vào ngày thứ ba, Ngài Ānanda lại đến Hoàng cung, hỏi rằng:

- Thưa Đại vương, viên ngọc quí đã tìm thấy chưa?

- Thưa Tôn giả Ānanda, chưa tìm thấy.

- Vậy Đại vương hãy cho đặt một ghè nước sâu và lớn ở nơi kín đáo của sân Hoàng cung, đổ đầy nước vào ghè, chung quanh có che màn kín đáo. Cho triệu những người thường ra vào nội cung, dù là nam hay nữ đều phải cởi áo ngoài ra, đi vào bên trong màn một mình, rửa tay rồi đi ra.

Nói xong, Ngài Ānanda từ chỗ ngồi đứng dậy ra về.

Vua Pasenadi làm theo lời Ngài Ānanda, kẻ trộm ngọc lo sợ, suy nghĩ: "Có lẽ Ngài Ānanda đã biết ta, nhưng Ngài có lòng từ thương tưởng ta nên mở ra cho ta con đường. Nếu không tìm thấy viên ngọc, chắc chắn Ngài không bỏ cuộc, vì Ngài e ngại Đức vua sẽ nghi ngờ Ngài là "kẻ trộm ngọc"; ta nên nhân dịp này trả lại viên ngọc".

Nghĩ vậy, "kẻ trộm ngọc" dấu viên ngọc trong mình, đi vào màn kín bỏ viên ngọc vào ghè nước.

Thế là, viên ngọc quí được tìm thấy và tất cả mọi người đều hoan hỷ, tán thán Ngài Ānanda "đã tìm thấy viên ngọc quí mất trộm không phí sức". Việc này được lan truyền khắp kinh thành Sāvatthi[1].

**Mười nguy hại khi đi vào hậu cung".*

Do nhân câu chuyện này, Đức Thế Tôn dạy các Tỳ-khưu:

- Này các Tỳ-khưu, vào hậu cung của vua có 10 nguy hại. Thế nào là mười.

1- Đức vua đang ngồi với Hoàng hậu. Khi thấy vị Tỳ-khưu, hoàng hậu mỉm cười. Ở đây, vua có thể khởi lên ý nghĩ: "Chắc những người này đã hay sẽ làm (tội lỗi gì).

Đây là nguy hại thứ nhất khi vào hậu cung của vua.

2- Đức vua bận nhiều việc phải làm, khi đi đến một cung nữ rồi quên, cung nữ có thai. Ở đây, vua có thể khởi lên ý nghĩa: "Không có một ai vào đây, trừ vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ hai khi vào hậu cung của vua.

3- Trong hậu cung của vua có một châu báu bị mất. Ở đây, vua có thể khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây trừ vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ ba khi vào hậu cung của vua.

---

[1]- JA.i. 381. Mahāsārajātaka (Bổn sự Đại bảo vật).

4- Trong hậu cung của vua, có những việc cơ mật bị tiết lộ ra ngoài. Ở đây, vua có thể khởi lên ý nghĩ: "Không có một ai vào đây trừ vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ tư khi vào hậu cung của vua.

5- Trong hậu cung của vua, cha giết con hay con giết cha. Họ khởi lên ý nghĩ:"Không có một ai vào đây trừ vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ năm khi vào hậu cung của vua.

6- Vua đặt người có vị trí thấp lên địa vị cao; việc này không làm vừa ý một số người. Các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ sáu khi vào hậu cung của vua.

7- Vua đặt người có địa vị cao xuống địa vị thấp; việc này không làm vừa ý một số người. Các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ bảy khi vào hậu cung của vua.

8- Vua điều động quân đội không đúng thời; việc này không làm vừa ý một số người. Các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ tám khi vào hậu cung của vua.

9- Vua điều động quân đội không đúng thời, giữa đường lại rút quân; việc này không làm vừa ý một số người. Các người này khởi lên ý nghĩ: "Vua thân cận với vị xuất gia, có thể vị xuất gia đã làm như vậy".

Đây là nguy hại thứ chín khi vào hậu cung của vua.

10- Trong hậu cung của vua rộn rịp với voi, với ngựa, với xe, có những sắc, thanh, hương, vị, xúc hấp dẫn; không thích hợp với bậc xuất gia.

Đây là nguy hại thứ mười khi vào hậu cung của vua[1].

Lại nữa, kinh điển có ghi nhận:

Idha, bhikkhave, assutavā puthujjano ariyānaṃ adassāvī ariyadhammassa akovido ariyadhamme avinīto, sappurisānaṃ adassāvī sappurisadhammassa akovido sappurisadhamme avinīto...

"*Này các Tỳ-khưu, ở đây, có kẻ vô văn phàm phu, không đi đến yết kiến các bậc Thánh, không thuần thục pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đi đến yết kiến các bậc chân nhân, không thuần thục pháp các bậc chân nhân, không tu tập pháp các bậc chân nhân...*"

Và:

Sutavā ca kho, bhikkhave, ariyasāvako ariyānaṃ dassāvī ariyadhammassa kovido ariyadhamme suvinīto, sappurisānaṃ dassāvī sappurisadhammassa kovido sappurisadhamme suvinīto...

"*Và này các Tỳ-khưu, có vị Thánh đệ tử "nghe nhiều" đi đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thục các pháp bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến yết kiến các bậc chân nhân, thuần thục pháp các bậc chân nhân, tu tập pháp các bậc chân nhân..."*[2].

Đoạn kinh văn trên cho thấy "nghe nhiều" ngoài ý nghĩa "học nhiều", còn hàm ý là "được diện kiến bậc Thánh; thuần thục các pháp bậc Thánh; tu tập các pháp bậc Thánh. Được diện kiến bậc chân nhân, thuần thục các pháp bậc chân nhân, tu tập pháp các bậc chân nhân".

"Thuần thục pháp" ở đây nghĩa là "học thuộc lòng pháp", "hiểu rành nghĩa pháp, lý pháp" và "thực hành pháp ".

---

[1]- A.v.81. Rājantepurappavesanasuttaṃ (kinh Đi vào hậu cung). Chương mười pháp.

[2]- M.i. Alagaddūpamasuttaṃ (kinh Ví dụ con rắn), kinh số 22.

**Thế nào không phải là bậc chân nhân?*

Người "không phải là bậc chân nhân", là người: Không có niềm tin, không có hổ thẹn, không có ghê sợ, nghe ít, lười nhác, không có niệm, không có trí tuệ".

**Thế nào là bậc chân nhân?*

Gọi là bậc chân nhân vì có 7 chi phần: "Có niềm tin, có hổ thẹn, có ghê sợ, nghe nhiều, siêng năng tinh cần, có niệm, có trí tuệ"[(1)].

Lại nữa, gọi là bậc chân nhân vì đã thành tựu được 7 pháp:

1- *Biết pháp (dhammaññutā)*. Là hiểu rõ lời dạy của Đức Thế Tôn, hoặc hiểu rõ pháp này là thiện, pháp này là bất thiện, hay hiểu rõ: Đây là nhân tốt, đây là nhân xấu.

2- *Biết nghĩa (atthaññutā)*. Là hiểu rõ ràng ý nghĩa Phật ngôn đã học với nhiều khía cạnh; biết rõ lợi ích hay không lợi ích, kết quả tốt hay kết quả xấu của việc làm, lời nói, ý tưởng. Nói cách khác là "biết rõ về hậu quả".

3- *Biết rõ mình (attaññutā).* Là tự biết khả năng của mình, như: Có niềm tin hay không? Giới có trong sạch hay không? Có ham thích "nghe nhiều" hay không? Có tâm buông bỏ hay không? Có trí tuệ hay không? Có biện tài hay không?

4- *Biết đủ (mattaññutā).* Là có chừng mực khi thọ dụng bốn món vật dụng: Vật thực, y phục, sàng tọa và thuốc trị bịnh.

5- *Biết thời điểm (kālaññutā)*. Là biết rõ: "Thời điểm này nên làm việc gì, không nên làm việc gì".

6- *Biết hội chúng (parisaññutā)*. Là biết rõ hội chúng này thiên về điều gì? Là ác giới hay thiện giới, tu tập hay không tu tập...

7- *Biết người khác (puggalaparoparaññutā).* Là biết khuynh hướng của người như: Chú tâm hay phóng dật, thực hành pháp hay không thực hành pháp, có tâm buông bỏ hay có tâm bỏn xẻn...

Vị thành tựu được 7 pháp này là bậc đáng cung kỉnh, đáng cúng dường, đáng tán thán[(2)].

Bậc xuất gia "nghe nhiều" là học hiểu về 9 chi phần Giáo pháp: Khế Kinh (Sutta), Ứng tụng (Geyya), Giải thuyết (Veyyākarana), Kệ tụng (Gātha), Cảm hứng ngữ (Udāna), Như thị ngữ (Itivuttaka), Bổn sự (Jātaka), Vị tằng hữu pháp (Abbhutadhamma) và Phương quảng (Vedalla) (sđd).

Điều quan trọng "nghe nhiều" ở đây, trước tiên là *"hiểu nghĩa, hiểu pháp"* tiếp đến là "*thực hành pháp*", để làm cho điều đã nghe được hiển lộ.

Học những pháp trên, không hiểu ý nghĩa, không khéo quán sát nên ý nghĩa không rõ ràng. Học pháp chỉ vì "lợi đắc, muốn chỉ trích người khác, thích biện luận". Đức Thế Tôn ví như người bắt rắn, nắm đuôi rắn hay thân rắn, sẽ bị rắn quay lại cắn chết (sđd).

Lại nữa, Đức Thế Tôn có dạy "có bốn hạng người".

a- *Người nghe ít, điều đã được nghe không khởi lên.*

Này các Tỳ-khưu, ở đây, có hạng người *ít nghe* về 9 chi phần giáo pháp như: Khế Kinh, Ứng tụng.... Phương quảng; người ấy với điều được nghe ít ỏi này, *không biết nghĩa, không biết pháp*, không thực hành pháp, tùy pháp.

Này các Tỳ-khưu, như vậy, là người *nghe ít*, điều đã được nghe không khởi lên.

b- Người nghe ít, điều đã được nghe khởi lên.

Này các Tỳ-khưu, ở đây, có hạng người *ít nghe* về 9 chi phần giáo pháp như: Kinh, Ứng tụng... Phương quảng; người ấy với điều được nghe ít ỏi này, *biết nghĩa, biết pháp*, thực hành pháp, đúng pháp.

Này các Tỳ-khưu, như vậy, là người *nghe ít*, điều đã được nghe có khởi lên.

c- Người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên.

---

(1)- A.ii.218. Assaddhasuttaṃ (Người có niềm tin).

(2)- D.iii. 252; D.iii. 283; A.iv. 113.

Này các Tỳ-khưu, ở đây, có hạng người *nghe nhiều* về 9 chi phần giáo pháp như: Khế Kinh, Ứng tụng.... Phương quảng; người ấy với điều được nghe nhiều này, *không biết nghĩa, không biết pháp*, không thực hành pháp, tùy pháp.

Này các Tỳ-khưu, như vậy, là người *nghe nhiều*, điều đã được nghe không khởi lên.

d- Người nghe nhiều, điều đã được nghe không khởi lên.

Này các Tỳ-khưu, ở đây, có hạng người *nghe nhiều* về 9 chi phần giáo pháp như: Kinh, Ứng tụng.... Phương quảng; người ấy với điều được nghe nhiều này, *biết nghĩa, biết pháp*, thực hành pháp đúng pháp.

Này các Tỳ-khưu, như vậy, là người *nghe nhiều*, điều đã được nghe có khởi lên.

Appassutopi ce hoti;
Sīlesu asamāhito.
Ubhayena naṃ garahanti;
Sīlato ca sutena ca.
"Nếu là người nghe ít;
Không định tĩnh trong giới.
Họ chỉ trích người ấy,
Cả hai, giới và nghe".
Appassutopi ce hoti;
Sīlesu susamāhito;
Sīlato naṃ pasaṃsanti;
Tassa sampajjate sutaṃ.
Nếu là người nghe ít;
"Nhưng khéo định trong giới.
Họ khen về giới đức;
Về nghe không đầy đủ".
Bahussutopi ce hoti;
Sīlesu asamāhito.
Sīlato naṃ garahanti;
Nāssa sampajjate sutaṃ.
"Nếu là người nghe nhiều;
Không định tĩnh trong giới.
Họ chỉ trích (giới) người ấy,
Về nghe được đầy đủ".
Bahussutopi ce hoti;
Sīlesu susamāhito;
Ubhayena naṃ pasaṃsanti;
Sīlato ca sutena ca.
"Nếu là người nghe nhiều;
Lại khéo định trong giới.
Họ tán thán người ấy;
Cả hai, giới và nghe".
Bahussutaṃ dhammadharaṃ;
Sappaññaṃ buddhasāvakaṃ.
Nekkhaṃ jambonadasseva;
Ko taṃ ninditumarahati.
Devāpi naṃ pasaṃsanti;
Brahmunāpi pasaṃsito''ti.
"*Đệ tử Phật nghe nhiều;*
Trì pháp, có trí tuệ.
Như vàng cõi Diêm phù;

Ai có thể chỉ trích?

Chư thiên khen vị ấy;

Phạm thiên cũng ngợi khen"(HT. TMC d)[1].

"Nghe nhiều" nhưng không hiểu nghĩa, không hiểu pháp là một trong những nguyên nhân khiến diệu pháp hỗn loạn mang đến bất hạnh cho nhiều người. Vì sao? Vì không hiểu nghĩa, không hiểu pháp, vị ấy có thể khởi lên tà kiến; khiến nhiều người từ bỏ diệu pháp; khiến nhiều người làm theo tri kiến của vị ấy[2].

Hay "một trong bốn nguyên nhân khiến diệu pháp hỗn loạn và biến mất, đó là "*nghĩa lý bị hướng dẫn sai lạc pháp*", như:

"Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Tỳ-khưu học thuộc lòng kinh, được lãnh thọ sai lầm với văn cú sắp đặt bị đảo lộn.

Do văn cú bị sắp đặt đảo lộn nên nghĩa lý bị hướng dẫn sai lệch.

Này các Tỳ-khưu, đây là pháp thứ nhất đưa đến Diệu pháp hỗn loạn và biến mất"[3].

**Như thế nào được gọi là "bậc nghe nhiều"?*

Có vị Tỳ-khưu bạch hỏi Đức Thế Tôn rằng:

- Bậc nghe nhiều, gìn giữ pháp. Bậc nghe nhiều, gìn giữ pháp, bạch Thế Tôn được nói đến như vậy. Cho đến như thế nào, bạch Thế Tôn là bậc nghe nhiều, gìn giữ pháp?

(Đức Thế Tôn tán thán vị Tỳ-khưu ấy khéo hỏi và Ngài dạy)

... *"một bài kệ có bốn câu, nếu ai hiểu nghĩa, hiểu pháp và thực hành pháp tùy pháp, người ấy được gọi là vị nghe nhiều, gìn giữ pháp"*[4].

Như vậy, điều chủ yếu "nghe nhiều" ở đây là phải "hiểu nghĩa, hiểu pháp và thực hành pháp".

Hai câu chuyện sau đây minh họa cho vấn đề này.

**Trưởng lão Ekudāna (một kệ ngôn).*

Ngài là con của một Bà-la-môn đại thần trong thành Sāvatthi (Xá-Vệ), trong lúc Trưởng giả Cấp Cô Độc cúng dường Đại tự Kỳ-Viên đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng, Ngài cảm phục uy lực của Đức Thế Tôn, xin gia nhập vào Giáo pháp này.

Suốt thời gian thọ giới Sa-di Ngài sống trong rừng; một hôm Ngài đến Đại tự Kỳ-Viên để yết kiến Đức Thế Tôn, bấy giờ Ngài Sāriputta ngồi thiền tịnh cách Đức Thế Tôn không xa, Đức Thế Tôn thốt lên "*Cảm hứng ngữ* (udāna)"[5]:

Adhicetaso appamajjato,

Munino monapathesu sikkhato;

Sokā na bhavanti tādino,

Upasantassa sadā satīmato''ti.

"Với tâm cao thượng chí cần chuyên.

Học tập đường tu tịnh, định thiền.

Bậc đắc tâm bình, thường chánh niệm.

Như trên những chỗ chứa ưu phiền" (ĐTL Pháp Minh d).

Ngài học thuộc kệ ngôn trên, rồi trở về sống trong rừng tu tập theo ý nghĩa kệ ngôn trên.

Vì chỉ thuộc độc nhất một câu kệ, nên Ngài được gọi là Ekuddāniya (Ê- Kút-Đa-Ní-Dá: Chỉ một kệ ngôn).

Do ở trong rừng thanh tịnh, một hôm Ngài triển khai tuệ quán chứng Thánh quả A-La-Hán và kệ ngôn trên trở thành lời tuyên bố lên Thánh trí của Ngài[6].

---

[1]- A.ii. 6. Appassutaṃ (Kinh Nghe ít).

[2]- A.iii. 114. Therasuttaṃ (Vị Trưởng lão).

[3]- A.ii. 147. Sugatavinayasuttaṃ (kinh Luật Thiện Thệ).

[4]- A.ii. 177. Kinh Con đường sai lạc.

[5]- Ud. 43. Sāriputtasuttaṃ (kinh Sāriputta).

[6]- Thag. Câu số 68.

Được biết, vào Giáo pháp của Đức Thế Tôn Atthadassī (Át-Thá-Đas-Xi), tiền thân Ngài Ekuddāniya là một dạ-xoa chúa, chúa Dạ-xoa này than khóc vì đã đánh mất dịp may yết kiến Đức Thế Tôn, vì khi chúa dạ-xoa này đến yết kiến Đức Thế Tôn Atthadassī thì Đức Thế Tôn đã viên tịch.

Một vị Thánh đệ tử của Đức Thế Tôn là Sāgara (Xa-Gá-Rá) khuyên chúa Dạ-xoa cúng dường đến tháp thờ Xá-Lợi của Đức Thế Tôn Atthadassī.

Vào thời Đức Thế Tôn Kassapa (Ca-Diếp), tiền thân của Ngài là một gia chủ, xuất gia trong Tăng đoàn, đươc nghe Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn trên, vị Tỳ-khưu ấy đi vào sống trong rừng, hành pháp suốt 20 ngàn năm, nhưng không chứng Thánh quả chi cả[1].

Vào những ngày lễ Bố-tát (uposatha), Ngài Ekuddāniya thường kêu gọi chư thiên trú trong rừng đến nghe Ngài giảng pháp; rồi Ngài tụng lên kệ ngôn trên.

Chư thiên đồng thanh tán thán "sādhu, sādhu (lành thay, lành thay) " vang dội khắp khu rừng.

Có lần, vào ngày lễ Bố-tát, có hai vị Trưởng lão thuộc lòng Kinh điển, mỗi vị có 500 Tỳ-khưu tùy tùng; đi đến chỗ cư ngụ của Ngài Ekuddāniya. Thấy chư Tăng khách đến, Ngài Ekuddāniya hân hoan nói rằng:

- Lành thay, lành thay, hôm nay được chư Tăng đến nơi đây, chúng tôi sẽ được nghe Pháp thoại từ các ngài.

- Này hiền giả, nơi đây có thính chúng đến nghe pháp không?

- Bạch các Ngài, trong ngày lễ Bố-tát, khi tôi thuyết lên một kệ ngôn, chư thiên tán thán vang dội khắp khu rừng.

Hai vị Trưởng lão thay nhau giảng pháp, nhưng chư thiên trong rừng đều im lặng. Hai vị hỏi:

- Này hiền giả, hiền giả nói "chư thiên hoan hỷ tán thán vang dội", giờ đây sao im lặng thế?

- Bạch các Ngài, những ngày trước quả thật có như thế, nhưng hôm nay tôi cũng không biết vì sao chư thiên im lặng.

- Vậy hiền giả thử thuyết xem.

Ngài Ekuddāniya ngồi lên Pháp tọa, đọc lên kệ ngôn trên, chư thiên trong rừng đồng thanh tán thán vang dội.

Hai đoàn Tăng khách nói rằng:

- Chư thiên trong rừng này cũng thiên vị.

Khi trở về Đại tự Kỳ-Viên, hai vị Trưởng lão trình lên Đức Thế Tôn sự việc trên, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ-khưu, người học nhiều hoặc thuyết pháp nhiều, Ta không gọi là "bậc gìn giữ pháp (dhammadhāro)". Người chỉ thuộc một câu kệ nhưng thấu triệt được chân lý, Ta gọi người ấy là "bậc giữ gìn pháp".

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết kệ ngôn:

259- Na tāvatā dhammadharo;
Yāvatā bahu bhāsati.
Yo ca appampi sutvāna;
Dhammaṃ kāyena passati.
Sa ve dhammadharo hoti;
Yo dhammaṃ nappamajjati.

"Không phải vì nói nhiều;
mới xứng danh "giữ pháp".
Những ai tuy nghe ít;

---

[1]- ThagA. i. 153.

Nhưng tâm hành chánh pháp.
Không buông lung chánh pháp;
Mới xứng danh "giữ pháp" (HT. TMC d)[1].

Hai vị Tỳ-khưu bạn.

Có hai vị Tỳ-khưu là bạn với nhau khi chưa xuất gia, khi theo vị Tế độ sư năm năm để hiểu rành Giới luật.Vị Tỳ-khưu lớn tuổi đến yết kiến Đức Thế Tôn xin đề mục để thực hành thiền tịnh, còn vị trẻ tuổi có khuynh hướng về Pháp học.

Vị thiên về Pháp hành đến trú xứ thanh vắng thực hành thiền tịnh, nhờ nỗ lực chuyên cần nên Ngài chứng đắc Thánh quả A-La-Hán.

Vị thiên về Pháp học, học pháp tốt đẹp, trở thành một vị Pháp sư danh tiếng, có hội chúng đông đảo, có 500 đệ tử xuất gia là tùy tùng.

Có những vị Tỳ-khưu thiên về pháp hành, sau khi thỉnh giáo lời dạy vắn tắt của Đức Thế Tôn, đi đến nương nhờ vị Pháp hành, nhờ thực hành theo lời dạy của vị Pháp hành, các vị ấy đều chứng đắc Thánh quả. Rồi các vị ấy xin phép vị Pháp hành trở về Đại tự Kỳ-Viên yết kiến Đức Thế Tôn. Vị Pháp hành nói rằng:

- Này các hiền giả, hãy nhân danh ta đảnh lễ Đức Thế Tôn cùng các vị Trưởng lão, đồng thời gửi lời thăm hỏi đến vị Tỳ-khưu là bạn của ta khi trước.

Các vị Tỳ-khưu đã làm theo lời của vị Pháp hành, vị Pháp học hỏi:

- Giáo thọ sư của các hiền giả là ai?

- Đó là vị Trưởng lão là bạn cũ của Ngài trước khi hai Ngài xuất gia.

Vị Pháp học suy nghĩ: "Khi vị ấy về, ta sẽ vấn nạn về pháp".

Khi vị Pháp hành về Đại tự Kỳ-Viên yết kiến Đức Thế Tôn, rồi về chỗ ngụ của mình trong Đại tự Kỳ-Viên. Vị Pháp học đến viếng vị Pháp hành, toan vấn nạn vị Pháp hành, nhưng Đức Thế Tôn đã ngự đến nơi hai người, Ngài ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn (theo thông lệ, trước khi hai vị Tỳ-khưu luận pháp, luôn có một chỗ ngồi được soạn sẵn dành cho Đức Thế Tôn, khi Đức Thế Tôn bất ngờ ngự đến)

Đức Thế Tôn hỏi vị Pháp hành về trạng thái của Pháp hành, vị Pháp hành trả lời thông suốt; trong khi vị Pháp học không thể trả lời được. Do duyên sự này, Đức Thế Tôn dạy:

19- Bahumpi ce saṃhita bhāsamāno;
Na takkaro hoti naro pamatto;
Gopova gāvo gaṇayaṃ paresaṃ;
Na bhāgavā sāmaññassa hoti.
"Kinh nhiều, năng thuyết tụng;
Pháp không hành, phóng túng.
Như giữ đếm bò người.
Chẳng hưởng Sa-môn dụng".
20- Appampi ce saṃhita bhāsamāno;
Dhammassa hoti anudhammacārī.
Rāgañca dosañca pahāya mohaṃ;
Sammappajāno suvimuttacitto.
Anupādiyāno idha vā huraṃ vā;
Sa bhāgavā sāmaññassa hoti.
"Kinh nhiều, ít thuyết tụng.
Chánh pháp hành trì đúng.
Trí minh, tâm giải phóng;
Tất hưởng Sa-môn dụng" (HT. TMC d)[2].

---

[1]- DhpA. Câu số 259.
[2]- DhpA. Câu số 19-20.

Hiện nay một số vị Tỳ-khưu nương vào kệ ngôn này để biện minh cho sự "lười nhác học pháp". Đức Thế Tôn sách tấn, khích lệ những Tỳ-khưu thực hành pháp, nhưng trước khi thực hành pháp cần hiểu rõ về pháp; Pháp học là kim chỉ nam để hướng dẫn pháp hành, không học pháp, không hiểu pháp thì không thể thực hành đúng pháp.

Kệ ngôn trên, Đức Thế Tôn khiển trách những người "không hành pháp"; Đức Thế Tôn không dạy "nên hành pháp không cần học pháp".

**Ngài Ānanda với kệ ngôn sai lệch.*

Ngài Ānanda khi được 120 tuổi thọ, có lần Ngài du hành đến một Tự viện, nghe vị Tỳ-khưu trẻ tụng kệ ngôn:

"Ai sống cả trăm năm; không thấy con hạc nước.

Tốt hơn sống một ngày, thấy được con hạc nước".

Ngài Ānanda dạy rằng: "Này hiền giả, hiền giả đã tụng sai kệ ngôn ấy rồi. Kệ ngôn ấy như vầy:

"Ai sống cà trăm năm; không thấy pháp sinh diệt.

Tốt hơn sống một ngày, thấy được pháp sinh diệt"(1).

Vị Tỳ-khưu trẻ trình lại với thầy Tế Độ, do ngã mạn vị thầy Tế độ nói với vị Tỳ-khưu trẻ rằng: "Này con, Ngài Ānanda đã già nên Ngài nhớ sai lệch đấy".

**Lợi ích của nghe nhiều.*

**"Nghe nhiều"* là một trong 7 pháp, giúp cho Tăng đoàn cường thịnh, không bị thối giảm.

"*Này các Tỳ-khưu, khi nào chúng Tỳ-khưu có tín tâm, có tàm, có quý, có nghe nhiều, có tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ.*

Thời này các Tỳ-khưu, chúng Tỳ-khưu sẽ được cường thịnh, không bị suy giảm"(2).

**"Nghe nhiều"* là một trong bốn pháp giúp vị Tỳ-khưu thực hành con đường thông suốt và có những căn bản thẳng tấn để diệt trừ những ô nhiễm.

Bốn pháp đó là: Vị Tỳ-khưu có giới, nghe nhiều, tinh cần tinh tấn và có trí tuệ(3).

**"Nghe nhiều"* là một trong bốn pháp tác thành vị Trưởng lão. Đó là:

- Vị Tỳ-khưu có giới.
- Sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt.
- Nghe nhiều.
- Có trí tuệ, thực hành pháp, diệt trừ mọi ô nhiễm(4).

**"Có nghe* (học hỏi)" mới biết cách thực hành diệt trừ những ô nhiễm, ác xấu.

Tôn giả MahāCunda (Má-Ha-Chun-Đá) có bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có những sở kiến khởi lên trên đời liên hệ đến ngã luận hoặc liên hệ đến thế giới luận. Bạch Thế Tôn, với vị Tỳ-khưu có tác ý ngay từ ban đầu, thời có thể đoạn trừ những sở kiến ấy, có thể xả ly những sở kiến ấy hay không?

- Này Cunda, có những sở kiến khởi lên trên đời liên hệ đến ngã luận hoặc liên hệ đến thế giới luận; chỗ nào những sở kiến này tiềm ẩn, những chỗ nào những sở kiến này hiện hành, chỉ có liên hệ đến ngã luận hoặc liên hệ đến thế giới luận. Vị Tỳ-khưu như thật quán xét chúng với trí tuệ rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã". Có như vậy, thời có sự đoạn trừ những sở kiến ấy, có sự xả ly những sở kiến ấy"(5).

**"Có nghe (pháp)"* có thể phát sinh niềm tin nơi ân đức Tam bảo. Như những cận sự sau khi nghe pháp, xin xuất gia trong Tăng đoàn hay Ni đoàn.

---

(1)- Dhp. Câu số 113.

(2)- D.ii. 138. Mahāparinibbānasuttaṃ (kinh Đại Níp-Bàn).

(3)- A.ii. 76. Padhānasuttaṃ (kinh Tinh cần).

(4)- A.ii. 22. Dutiya uruvelasuttaṃ (kinh Uruvela (2)).

(5)- Xem M.i. Sallekhasuttaṃ (kinh Đoạn giảm)

*"Nghe nhiều" hiểu rõ về Giới, Định, Tuệ của bậc Thánh, từ đó thực hành theo, có khả năng dẫn đến Thánh quả.

Đức Thế Tôn có dạy bà Visākhā (Quí-Xa-Kha).

- Này Visākhā, có ba loại Bố-tát (uposatha). Thế nào là ba? Bố-tát như người chăn bò (opālakuposatha), bố-tát của Nigaṇṭha, bố-tát của bậc Thánh. Và Đức Thế Tôn giảng rộng về ba loại trai giới ấy(1).

*"*Nghe nhiều*" có thể phát sinh chánh kiến. Như Phật ngôn:

Chánh kiến phát sinh do hai duyên: "Tiếng nói người khác (parato ghoso)" và "có tác ý đúng (yoni so manasikāra)"(2).

*"Nghe nhiều" khi được tu tập, sẽ gột sạch những ô nhiễm từ bên ngoài vào.

Đức Thế Tôn có dạy:

Pabhassaramidaṃ, bhikkhave, cittaṃ. Tañca kho āgantukehi upakkilesehi vippamuttaṃ. Taṃ sutavā ariyasāvako yathābhūtaṃ pajānāti.

Tasmā 'sutavato ariyasāvakassa cittabhāvanā atthī'ti vadāmī''ti.

"Này các Tỳ-khưu, tâm này là sáng chói. Và tâm này được gột sạch các cấu uế từ ngoài vào. Bậc Thánh đệ tử nghe nhiều, như thật rõ biết tâm ấy.

Do vậy, Ta nói rằng tâm bậc Thánh đệ tử nghe nhiều có được tu tập" (HT. TMC d)(3).

**"Nghe nhiều"* là hai trong bốn pháp đưa đến Diệu pháp an trú không hỗn loạn và không biến mất.

a- Vị Tỳ-khưu thuộc lòng kinh, khéo lãnh thọ với văn cú sắp đặt đúng đắn. Do văn cú sắp đặt đúng đắn, nên nghĩa lý được hướng dẫn đúng đắn.

b- Vị Tỳ-khưu nghe nhiều, thông hiểu kinh điển, là bậc gìn giữ pháp, gìn giữ luật. Các vị ấy nói lại cho người khác một cách cẩn trọng. Khi vị Tỳ-khưu mang chung, kinh điển không bị cắt đứt tại gốc rễ, có chỗ y cứ(4).

**"Nghe nhiều"* là một trong sáu pháp làm cho vị Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ni, cận sự nam, cận sự nữ chói sáng.

Sáu pháp đó là: Có trí, được huấn luyện, không sợ hãi, nghe nhiều, gìn giữ pháp, thực hành pháp tùy pháp.

Có kệ ngôn sau:

Yo hoti viyatto ca visārado ca,
Bahussuto dhammadharo ca hoti;
Dhammassa hoti anudhammacārī,
Sa tādiso vuccati saṅghasobhano.
Ai là người thông minh;
Là người không sợ hãi.
Lại là người nghe nhiều;
Và cũng hạng trì pháp;
Đối với chánh diệu pháp.
Thực hành pháp tùy pháp;
Người như vậy được gọi;
Vị chói sáng tăng chúng".
Bhikkhu ca sīlasampanno;
Bhikkhunī ca bahussutā.
Upāsako ca yo saddho;
Yā ca saddhā upāsikā.
Ete kho saṅghaṃ sobhenti;

---

(1)- Xem A.i. 205. Uposathasuttaṃ (kinh Bố-tát). Chương ba pháp.
(2)- A.i. 86. Uposathasuttaṃ (kinh lễ Bố-tát)
(3)- A.i.10. Phẩm VI. Accharāsaṅghāta (Búng ngón tay).
(4)-A.ii. 147. Sugatavinayasuttaṃ (kinh Luật Thiện Thệ).

Ete hi saṅghasobhanā''ti.

"Vị Tỳ-khưu đủ giới;

Tỳ-khưu ni nghe nhiều.

Bậc cư sĩ tín nam;

Bậc cư sĩ tín nữ.

Họ chói sáng Tăng chúng.

Là ánh sáng Tăng chúng" (HT. TMC d)[1].

**"Nghe nhiều"* khi suy quán có khả năng thoát ra những trói buộc của thế tục.

Cận sự nam Icchānaṅgalaka.

Một cận sự nam ở làng Icchānaṅgala (Ích-cha-năng-gá-lá) nên được gọi là Icchānaṅgalaka (người làng Ích-cha-năng-gá-lá), ông là môn đệ thuần thành của Đức Thế Tôn, thường đến yết kiến Đức Thế Tôn[2]. Sau một thời gian vắng bóng, cận sự nam Icchānaṅgalaka đến thành Sāvatthi do một vài công việc, sau khi xong việc, cận sự nam Icchānaṅgalaka viếng Đức Thế Tôn nơi Đại tự Kỳ-Viên. Sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn hỏi:

- Này cận sự nam, đã lâu rồi, ngươi tạo được cơ hội là "đã đến được đây".

- Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con muốn yết kiến Đức Thế Tôn; nhưng con bị bận bịu bởi những công việc phải làm, nên con không thể đến yết kiến Đức Thế Tôn được.

Hiểu được ý nghĩa này, Đức Thế Tôn thốt lên Cảm hứng ngữ:

Sukhaṃ vata tassa na hoti kiñci,

Saṅkhātadhammassa bahussutassa;

Sakiñcanaṃ passa vihaññamānaṃ,

Ⱨano janasmiṃ paṭibandharūpo''ti.

"Ai lão luyện chánh pháp;

Được nghe nhiều Chánh pháp.

Không xem bất cứ gì;

Là an lạc của mình.

Hãy xem, não hại thay;

Những ai có sở hữu;

Khiến cho con người này

Bị người khác trói buộc" (HT. TMC d)[3].

**"Nghe nhiều"* là một trong năm pháp giúp vị Thánh hữu học không sợ hãi.

Năm pháp đó là: Có niềm tin, có giới, có nghe nhiều, có tinh cần tinh tấn và có trí tuệ[4].

**"Nghe nhiều"* là một trong bảy pháp giúp hành giả thoát ra những ô nhiễm (āsava). Bảy pháp đó là:

1- Có niềm tin (saddho).

2- Có giới (sīlavā).

3- Nghe nhiều (bāhussutto).

4- Ở nơi thanh vắng (Paṭisallino).

5- Có tinh cần tinh tấn (āraddhavīriyo).

6- Có sự ghi nhớ (satimā).

7- Có trí tuệ (paññavā).

**"Nghe nhiều"* dẫn đến giỏi biện luận do thông hiểu pháp.

Như gia chủ Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc) đã bác bỏ quan kiến sai lầm của ngoại giáo, khiến nhóm ngoại giáo phải hoang mang im lặng, sững sờ, thụt vai vào cổ.

---

[1]- A.ii. 8. Sobhanasuttaṃ (kinh Chói sáng).

[2]- UdA.115.

[3]- Ud. 13. Upāsakasuttaṃ (kinh Cận sự nam).

[4]- A.iii. 127. Sārajjasuttaṃ (kinh Đáng sợ hãi).

Nhóm ngoại giáo có quan điểm sai lầm như: Thế giới là thường còn, kiến này là sự thật, kiến khác là hư ngụy.

Có nhóm cho rằng: Thế giới là vô thường...

Có nhóm cho rằng: Thế giới là hữu biên...

Có nhóm cho rằng: Thế giới là vô biên...

Nhóm ngoại giáo khác có quan điểm như: "*Mạng sống* và *thân* (kāya) là một...

Nhóm khác cho rằng: "*Mạng sống* và *thân* (kāya) là khác...

Nhóm ngoại giáo có quan điểm: Chúng sinh tồn tại sau khi chết...

Có nhóm lại cho rằng: Chúng sinh không tồn tại sau khi chết...

Gia chủ Cấp Cô Độc đã bác bỏ tất cả quan điểm sai lầm ấy như sau: Thưa các tôn giả:

**Tôn giả nào nói như sau: *"Thế giới là thường còn, kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng"*.

Kiến này do nhân: Tự mình không tác ý đúng (ayoni so manasikāra) hay do duyên "*nghe tiếng người khác* (paraghosa)"[1].

Như vậy, kiến này khởi lên do tâm suy tư, khởi lên do duyên (nghe tiếng). Và cái gì do nhân suy tư, do duyên khởi lên, cái ấy là *vô thường*.

Tôn giả này đã chấp trước (với kiến ấy). Cái khổ ấy, Tôn giả chấp nhận.

(Do nhân suy tư hay do duyên *"nghe tiếng"*. Như vậy tự mình chưa thật sự "thấy rõ như thế". Nhưng tuyên bố rằng: "Kiến này là sự thật, kiến nào khác là hư vọng", tuyên bố này không đúng với sự thật, nên Trưởng giả Cấp Cô Độc gọi Tôn giả ấy "đã chấp trước").

Lý luận tương tự với các chủ kiến còn lại.

Các du sĩ nói với Trưởng giả Cấp Cô Độc rằng:

- Này gia chủ, tất cả kiến của chúng tôi đã được nói lên. Này gia chủ, hãy nói lên kiến của gia chủ là gì?

- Thưa các Tôn giả, phàm cái gì được sinh, được tác thành do tâm suy tư, do duyên khởi lên; cái ấy là vô thường, cái gì vô thường, cái ấy là khổ. Cái gì khổ, cái ấy không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta.

Này các Tôn giả, đây là kiến của tôi.

- Này gia chủ, *"cái này là khổ"*, gia chủ đã chấp trước *"cái này là khổ"*. Gia chủ đã chấp nhận *"cái này là khổ"*.

- Thưa các Tôn giả, "cái này là khổ, cái ấy không phải là ta, không phải là của ta, không phải là tự ngã của ta". Như vậy, như thật khéo thấy với chánh trí; và từ nơi khổ ấy, tôi như thấy biết rõ sự "ra khỏi khổ".

(Giải.

Trưởng giả Cấp Cô Độc khéo léo phản biện: "Đã không cho là *ta*, không cho là *của ta*, không cho là *tự ngã* của ta. Thì làm sao gọi là *chấp trước*?".

Lại nữa, do không chấp nhận "cái khổ" ấy, tìm cách thoát ra khổ. Khi ra khỏi "cái khổ" ấy, thì làm sao còn khổ và làm sao *"chấp nhận cái khổ?"*).

Các du sĩ nghe Trưởng giả Cấp Cô Độc nói như thế, ngồi im lặng, hoang mang, thụt vai, cúi đầu, sững sờ, không nói nên lời[2].

"Nghe nhiều" thực hành theo những điều được nghe, gột rửa dần những điều làm tâm nhơ bẩn.

"Này Cunda (Chun-Đá), ở đây đoạn giảm được các người thực hiện khi các ngươi nghĩ:

- Những kẻ khác có thể là những người làm hại, chúng ta ở đây không thể là những người làm hại", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

---

[1]- A.i.86. Āsāduppajahavaggo (Phẩm Mong cầu dứt bỏ xấu), chương hai pháp.

[2]- A.v. 185. Diṭṭhisuttaṃ (kinh Tà-kiến).

- Những kẻ khác có thể sát sinh, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ sát sinh", như vậy đoạn giảm được thực hiện.

- Những kẻ khác có thể lấy của không cho, chúng ta ở đây sẽ từ bỏ lấy của không cho, như vậy đoạn giảm sẽ được thực hiện...[1]

**"Nghe nhiều"* có thể mang nhiều lợi ích, nhiều an lạc đến nhân thiên[2].

* *"Nghe nhiều"* có bốn lợi ích được chờ đợi trong tương lai.

- Vị Tỳ-khưu, học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng.... Phương quảng. Các pháp được vị ấy nghe bằng tai, do đọc tụng bằng lời, do ý quan sát, do thấy khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sinh cộng trú với một loại thiên nhân; tại đấy *được các thiên nhân đọc Pháp cú*, vị ấy nhớ lại, niệm chậm chạp khởi lên, rồi chúng sinh ấy mau chóng đi đến thù thắng.

Đây là lợi ích thứ nhất được chờ đợi.

- Vị Tỳ-khưu, học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng.... Phương quảng. Các pháp được vị ấy nghe bằng tai, do đọc tụng bằng lời, do ý quan sát, do thấy khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sinh cộng trú với một loại thiên nhân; tại đấy *được vị Tỳ-khưu có thần thông, đạt được tâm tự tại, thuyết pháp cho hội chúng chư thiên*. Vị ấy sung sướng nghĩ như sau "đây là Pháp Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Vị ấy, niệm chậm chạp khởi lên, rồi chúng sinh ấy mau chóng đi đến thù thắng.

Đây là lợi ích thứ hai được chờ đợi.

- Vị Tỳ-khưu, học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng.... Phương quảng. Các pháp được vị ấy nghe bằng tai, do đọc tụng bằng lời, do ý quan sát, do thấy khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sinh cộng trú với một loại thiên nhân; tại đấy *được vị Thiên tử thuyết pháp cho hội chúng chư thiên*. Vị ấy sung sướng nghĩ như sau "đây là Pháp Luật mà trước đây ta đã sống Phạm hạnh". Vị ấy, niệm chậm chạp khởi lên, rồi chúng sinh ấy mau chóng đi đến thù thắng.

Đây là lợi ích thứ ba được chờ đợi.

- Vị Tỳ-khưu, học thuộc lòng pháp như: Khế kinh, Ứng tụng.... Phương quảng. Các pháp được vị ấy nghe bằng tai, do đọc tụng bằng lời, do ý quan sát, do thấy khéo thể nhập. Vị ấy khi mệnh chung bị thất niệm, được sinh cộng trú với một loại thiên nhân; tại đấy *được vị thiên nhân nhắc nhở*: "Này bạn, bạn có nhớ không? tại chỗ ấy chúng ta sống Phạm hạnh?". Vị ấy trả lời: "Này bạn tôi nhớ", vị ấy, niệm chậm chạp khởi lên, rồi chúng sinh ấy mau chóng đi đến thù thắng.

Đây là lợi ích thứ tư được chờ đợi[3].

**"Nghe nhiều"* là một trong năm hay bảy tài sản của bậc Thánh.

Bảy tài sản của bậc Thánh là:

1- Niềm tin là tài sản (saddhādhanaṃ).

2- Giới là tài sản (sīladhanaṃ).

3- Hổ thẹn với tội lỗi là tài sản (hiridhanaṃ).

4- Ghê sợ với tội lỗi là tài sản (ottappadhanaṃ)

5- Nghe nhiều là tài sản (sutadhanaṃ).

6- Sự dứt bỏ là tài sản (cāgadhanaṃ).

7- Trí tuệ là tài sản (paññādhanaṃ)[4].

Vị Thánh Hữu học chỉ có 5 loại tài sản (trừ hổ thẹn và ghê sợ).

**Sippañca (xíp-panh-chá)* = Sippaṃ + ca: nghề nghiệp giỏi.

Sippaṃ (xíp-păng) <= Sippa (síp-pá); dt, trung, cc, sđ: Nghệ thuật, nghề nghiệp, phận sự.

---

[1]- Xem M.i. Sallekhasuttaṃ (kinh Đoạn giảm).

[2]- It. 78.

[3]- A.ii. 185. Sotānugatasuttaṃ (kinh Nghe với tai), chương bốn pháp.

[4]- A.iv. 5.

Ngài Dhammapāla giải thích:

*Sippan*ti yaṃ kiñci hatthakosallaṃ:

"Ở đây, vài việc "cánh tay thông thạo" gọi là nghề nghiệp".

Giải.

Trước tiên chữ *sippa* có nghĩa là "nghệ thuật", như *sippaṭṭhāyatana* (xíp-pát-tha-dá-tá-ná): "một ngành kiến thức"; hay *sippasālā* (xíp-pá-sa-la): Trường mỹ thuật.

Về sau sippa được dùng với nghĩa "nghề nghiệp".

Với ý nghĩa "nghệ thuật" chữ sippa mang tính đa dạng hơn so với ý nghĩa "nghề nghiệp". "Nghệ thuật" đòi hỏi phải có được "sự thông thạo, sự khéo léo (kosalla)".

a- Sippa với nghĩa "nghệ thuật".

Kinh văn có ghi nhận:

"Dveme, bhikkhave, dhammā. Katame dve? Samāpattikusalatā ca samāpattivuṭṭhānakusalatā ca. Ime kho, bhikkhave, dve dhammā'ti.

"Này các Tỳ-khưu, có hai pháp. Thế nào là hai? "Thông thạo nhập định" và "thông thạo xuất định"[1].

*Trong cuộc đàm luận sẽ mang lợi ích cho cả hai, nếu cả hai đồng đẳng và thông thạo về giới, cả hai đồng đẳng và thông thạo về định, cả hai đồng đẳng và thông thạo về tuệ[2].

**Thông thạo cách thức trả lời câu hỏi.*

Có bốn cách trả lời câu hỏi.

a- Câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát. Như:

"Này các Kālāmā (Ka-la-ma), các ngươi nghĩ thế nào? Tham khởi lên trong nội tâm người nào, khởi lên như vậy đưa đến hạnh phúc hay bất hạnh?

- Bạch Thế Tôn, bất hạnh[3].

b- Câu hỏi cần phải trả lời bác bỏ. Như:

Tôn giả Mahākoṭṭhita (Má-Ha- Kốt-Thí-Tá) đi đến Tôn giả Sāriputta, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sàriputta những lời chào đón thăm hỏi thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Tôn giả Mahākoṭṭhita thưa với Tôn giả Sāriputta:

- Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

- Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?

- Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

(Giải. Nếu cho "còn có một cái gì khác" là rơi vào ***thường kiến***; nếu cho "không còn cái gì khác" là rơi vào ***đoạn kiến***. Nên Ngài Sāriputta có giải thích *"còn có một cái gì khác"* là trở thành hý luận cho một vấn đề không phải hý luận)[4].

c- Câu hỏi không trả lời. Như: Tôn giả có đắc chứng Thánh quả nào chưa?

*Nếu có đắc chứng, trả lời *có*. Phạm vào giới pācittiya (Ưng-đối-trị).

---

[1]- A.i. 94. XV. Samāpativaggo (Phẩm XV. Đắc định)

[2]- A.i. 124.

[3]- A.i. 188. Kesaputtasuttaṃ (kinh Kesaputta), chương ba pháp.

[4]- Xem A.ii. 161. Koṭṭhitasuttaṃ (kinh Koṭṭhita), chương bốn pháp.

*Nếu không đắc chứng, trả lời *có*. Phạm vào giới Pārājika (trục xuất)[1].

*Nếu không chứng đắc, trả lời *không*. Sẽ bị chỉ trích "giáo pháp này không cốt lõi, vô ích; vì chính hiền giả tu tập trong Giáo pháp này không chứng đắc chi cả.

Do vậy, câu hỏi này gác sang một bên.

Hoặc như gia chủ Visākha (Quí-Xa-Khá) hỏi Trưởng lão ni Dhammadinnā (Thăm-Má-Đin-Na):

- Thưa Ni sư, Níp-bàn lấy gì làm tương đương?

- Hiền giả Visākha, câu hỏi đi quá xa, vượt ra ngoài giới hạn câu trả lời. Hiền giả Visakha, phạm hạnh là để thể nhập vào Níp-bàn, để vượt qua đến Níp-bàn, để đạt cứu cánh Níp-bàn. Hiền giả Visākha, nếu Hiền giả muốn, hãy đến chỗ Thế Tôn ở, và hỏi ý nghĩa này. Và Thế Tôn trả lời cho Hiền giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì. (HT. TMC d)[2].

d- Câu hỏi cần phải trả lời phân tích.

Tôn giả Upavāna (Ú-Pá-Qua-Ná) đi đến Ngài Sāriputta, sau khi đi đến, nói lên những lời chào đón thân hữu, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Upavāna hỏi Ngài Sāriputta rằng:

- Thưa hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh hay không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Thưa hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ hạnh hay không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Thưa hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh và hạnh hay không?

- Thưa không, này hiền giả.

- Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) ngoài minh và hạnh hay không?

- Thưa không, này Hiền giả.

(Đây là những câu hỏi cần phải trả lời dứt khoát).

Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh hay không?", Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả".

Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ hạnh hay không?", Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả".

Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh và hạnh hay không?", Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả".

Khi được hỏi: "Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt (đau khổ) ngoài minh và hạnh hay không?", Tôn giả nói: "Thưa không, này Hiền giả".

Như thế nào, thưa Tôn giả, (cần phải hiểu) có người chấm dứt (đau khổ)?

- Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ.

Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt (đau khổ) nhờ hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ.

Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt (đau khổ) nhờ minh và hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ.

Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt (đau khổ) ngoài minh và hạnh, thời một người phàm phu có thể là người chấm dứt (đau khổ).

---

[1]- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật phân tích Giới Tỳ-khưu.

[2]- Xem M.i. Cūḷavedallasuttaṃ (Kinh Tiểu Phương Quảng).

Thưa Hiền giả, người phàm phu không có minh và hạnh nên không như thật thấy và biết, nhưng nếu có minh và hạnh ***đầy đủ, như thật thấy và biết***, là người chấm dứt (đau khổ)[1].

(*Giải.*

-Nếu cho chấm dứt đau khổ nhờ *minh*, thì người thành tựu môn nghệ thuật như "xem tướng loài vật, gọi là *súc sinh minh*, hay thành tựu được thiên nhãn minh, túc mạng minh cũng chấm dứt được đau khổ.

Do vậy, Ngài Sāriputta trả lời "vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ".

- Nếu cho chấm dứt đau khổ nhờ *hạnh*, thì người thực hành *khổ hạnh* khốc liệt hay "thờ thần lửa", hoặc hành "hạnh con chó, hạnh con bò"... cũng chấm dứt đau khổ.

Do vậy, Ngài Sāriputta trả lời "vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ".

- Nếu cho chấm dứt đau khổ nhờ *minh và hạnh*. người thực hành hạnh "ở rừng", chứng thiên nhãn minh, có thể chấm dứt đau khổ.

Do vậy, Ngài Sāriputta trả lời "vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ".

- Nếu cho chấm dứt đau khổ ngoài minh và hạnh thì người phàm phu cũng có thể chấm dứt đau khổ.

Do vậy, Ngài Sāriputta trả lời "vẫn là người chấm dứt (đau khổ) với chấp thủ".

Chỉ khi nào nhờ hạnh và minh, thấy biết như thật *lý **tứ đế***, khi ấy mới chấm dứt được đau khổ).

**Mau chóng hiểu thiện pháp, nắm giữ thiện pháp.*

Ngài Ānanda có nói với Ngài Sāriputta 5 điều "thiện xảo", giúp vị Tỳ-khưu nhanh chóng hiểu thiện pháp, khéo nắm giữ thiện pháp và không quên điều đã nắm giữ?. Năm pháp "thiện xảo" đó là:

- Thiện xảo về ý nghĩa.
- Thiện xảo về pháp.
- Thiện xảo về văn cú.
- Thiện xảo về địa phương ngữ.
- Thiện xảo về liên hệ trước sau[2].

**Thành tựu sáu pháp.*

- Vị Tỳ-khưu thiện xảo nhập định.
- Vị Tỳ-khưu thiện xảo an trú trong định.
- Vị Tỳ-khưu thiện xảo xuất khỏi định.
- Vị Tỳ-khưu thiện xảo trong an lạc thiền định.
- Vị Tỳ-khưu thiện xảo trong cảnh giới thiền định.
- Vị Tỳ-khưu thiện xảo trong sự dẫn khởi đến thiền định.

Thành tựu sáu pháp này, vị Tỳ-khưu có thể phá vỡ vua núi Tuyết sơn, còn nói gì đến vô minh hạ liệt[3].

Sự "thông thạo, khéo léo" được Đức Thế Tôn dùng nhiều trong các ẩn dụ[4]. Như:

* Này các Tỳ-khưu, một nông phu gia chủ cần phải làm trước ba việc. Thế nào là ba?

Trước hết *khéo cày và khéo bừa*; khéo cày, khéo bừa xong, người ấy gieo hạt giống đúng thời; gieo hạt giống đúng thời xong, người ấy cho nước chảy vào, chảy ra đúng thời.

Này các Tỳ-khưu, một nông phu gia chủ cần phải làm trước ba việc này.

Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu cần phải làm trước ba việc. Thế nào là ba?

Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học...[1].

---

[1]- A.ii.163. Upavānasuttaṃ (kinh Upavāna), chương bốn pháp.
[2]- A.iii. 201.Khippanisantisuttaṃ (kinh Đưa đến biết), chương năm pháp.
[3]- A.iii. 311. Kinh Vua núi Tuyết sơn. Chương sáu pháp.
[4]- A.ii. 185. Sotānugatasuttaṃ (kinh Nghe với tai), chương bốn pháp.

*Này các Tỳ-khưu, thành tựu bốn chi phần, một chiến sĩ xứng đáng để cho vua sử dụng, thuộc sở hữu của vua, là biểu tượng của vua. Thế nào là bốn?

Này các Tỳ-khưu, ở đây, người chiến sĩ "đứng khéo léo (ṭhānakosala)", bắn xa, bắn nhanh chớp nhoáng, đâm thủng vật lớn.

Cũng vậy, thành tựu bốn pháp này, Tỳ-khưu đáng được cung kỉnh, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Thế nào là bốn?

Vị Tỳ-khưu "đứng khéo léo".

Là vị Tỳ-khưu có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn Pāṭimokkha (Pa-tí-mốc-khá), có uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ, chấp nhận và học tập các học pháp.

- Vị Tỳ-khưu bắn xa.

Phàm sắc, thọ, tưởng, hành, thức gì thuộc về quá khứ, vị lai, hiện tại, trong hay ngoài, xa hay gần, thô hay tế, tốt hay xấu; vị ấy thấy với chánh trí rằng: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi; cái này không phải là tự ngã của tôi".

-Vị Tỳ-khưu bắn nhanh chớp nhoáng.

Vị Tỳ-khưu thấy như thật: "Đây là khổ, đây là nguyên nhân sinh khổ; đây là sự diệt khổ; đây là con đường đưa đến diệt khổ".

- Vị Tỳ-khưu đâm thủng vật lớn.

Là vị Tỳ-khưu xuyên thủng vô minh uẩn to lớn[2].

Ở đây, sự "thông thạo, khéo léo" cao tột là chỉ cho "thành tựu tuệ phân tích". Như lời của Ngài Sāriputta.

- Thưa các hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, *"nghĩa vô ngại giải"* được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ.

Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

- Thưa các hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, *"pháp vô ngại giải"* được chứng ngộ...

- Thưa các hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, *"từ vô ngại giải"* được chứng ngộ...

- Thưa các hiền giả, sau khi tôi thọ đại giới nửa tháng, *"biện vô ngại giải"* được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ.

Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp[3].

**"Thông thạo, khéo léo" là một trong năm pháp mà vị Tỳ-khưu được các bậc đồng Phạm hạnh ái mộ.*

Vị Tỳ-khưu thành tựu:

- Nghĩa vô ngại giải.
- Pháp vô ngại giải.
- Từ vô ngại giải.
- Biện vô ngại giải.
- Thiện xảo trong những việc lớn, nhỏ, không biếng nhác, thành tựu trí phương tiện.

---

[1]- A.i. 229. Khettasuttaṃ (kinh Ruộng), chương ba pháp.

[2]- A.ii. 170. Yodhājīvasuttaṃ (kinh Người chiến sĩ), chương bốn pháp.

[3]- A.ii. 160. Vibhattisuttaṃ (kinh Phân tích), chương bốn pháp.

Thành tựu năm pháp này, vị Tỳ-khưu được các bậc đồng Phạm hạnh mến mộ, được tôn trọng, được ưa thích và làm gương để học tập[1].

b- Sippa với ý nghĩa "nghề nghiệp".

Sống trong cộng đồng xã hội, mỗi người cần phải có nghề nghiệp để tự nuôi thân, đồng thời có thể giúp đỡ thân quyến.

"Này Đại vương, như một người mắc nợ, liền làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, người ấy không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ. Người ấy nghĩ: "Ta trước kia mắc nợ nên làm các nghề nghiệp. Những nghề này được phát đạt, ta không những trả được nợ cũ, còn có tiền dư để nuôi dưỡng vợ". Người ấy nhờ vậy được sung sướng, hoan hỷ "(HT.TMC d)[2].

Hay:

"Này Gia chủ, ở đây, vị Thánh đệ tử được tài sản nhờ nỗ lực tinh tấn, thâu góp với sức mạnh bàn tay, kiếm được do đổ mồ hôi ra, thâu được một cách hợp pháp; tự làm mình an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho mẹ cha an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc; làm cho vợ con, người phục vụ, các người làm công được an lạc, hoan hỷ và chơn chánh duy trì sự an lạc. Đây là lý do thứ nhất để gây dựng tài sản[3].

Nghề nghiệp phản ánh được đẳng cấp trong xã hội, từ những nghề nghiệp, các giai cấp hình thành.

Theo kinh Aggañña (Ắc-ganh-nhá: Khởi thế nhân bổn), Đức Thế Tôn có giảng cho thanh niên Vāseṭṭha (Qua-Sết-Thá) về nguồn gốc bốn giai cấp, như sau:

*Khi các chúng sinh hữu tình đề cử ra một người để trừng phạt những người phi pháp, người ấy được các hữu tình khác chia cho một phần lúa. Và giai cấp Khattiyā (Khát-tí-da: người chủ ruộng) hình thành.

Như vậy, "nghề phân xử" tạo thành giai cấp Sát-Đế-Lỵ .

*Một số hữu tình từ bỏ những ác bất thiện pháp, lập nên những chòi lá để tu thiền và đi vào làng, thị trấn để khất thực và giai cấp Brāhmanā (Bà-la-môn).

Như vậy, "tu thiền và đi xin ăn" hình thành giai cấp Bà-la-môn.

Một số "người tu thiền" này không thể tu thiền, đã đi xuống làng, thị trấn để làm sách. Vào thời ấy, họ thuộc hạ cấp, hiện nay họ được xem là cao thượng nhất.

Như vậy nghề "viết sách" hình thành cùng với nghề "tế lễ". Và các "tế lễ sư" được xem là cao thượng.

*Một số hữu tình theo pháp dâm dục, làm những nghề sai khác, như vậy gọi là Vessā (Ques-xa).

Như vậy, một số nghề sai khác hình thành giai cấp Vessa (Thương nhân) vì trao đổi những sản vật tự làm ra lẫn nhau.

*Một số hữu tình khác chọn nghề săn bắn, hay những nghề thấp kém, được gọi là Sudā (Xú-đa).

Như vậy, những nghề thấp kém hình thành giai cấp Sudā (thường dân)[4].

Trong xã hội Ấn cổ được phân thành bốn giai cấp nói trên và có quan niệm "giai cấp Bà-la-môn hay giai cấp Sát-đế-lỵ là cao quí nhất", giai cấp Sudā (thường dân) là thấp kém. Đó là cách phân chia giai cấp theo "quan niệm chung". Đức Thế Tôn không phân chia giai cấp theo thế tục như thế, Ngài phân giai cấp theo Pháp.

Như thế nào?

"Vị Sát-đế -lỵ thân thực hành sái quấy, thực hành lời nói sái quấy, thực hành ý sái quấy, có tà kiến; sau khi mệnh chung phải sinh vào khổ cảnh. Vị Bà-la-môn... Người

---

[1]- A.iii. 113. Paṭisambhidāpattasuttaṃ (kinh Đắc Vô ngại giải), chương năm pháp.

[2]- D.i. Sāmaññaphalasuttam. (kinh Sa-môn quả).

[3]- A.iii. 45.Ādiyasuttaṃ (kinh Trở thành giàu), chương năm pháp.

[4]- D.iii. Aggañña sutta (kinh Khởi thế nhân bổn).

"thương nhân (Vessā)... Người "thường dân (sudā) thân thực hành sái quấy, thực hành lời nói sái quấy, thực hành ý sái quấy, có tà kiến; sau khi mệnh chung phải sinh vào khổ cảnh.

"Vị Sát-đế-lỵ thực hành chánh hạnh về thân, thực hành chánh hạnh về lời, thực hành chánh hạnh về ý; sau khi mệnh chung, tái sinh về nhàn cảnh. Vị Bà-la-môn... Người thương nhân... người thường dân thực hành chánh hạnh về thân, thực hành chánh hạnh về lời, thực hành chánh hạnh về ý; sau khi mệnh chung, tái sinh về nhàn cảnh" (sđd).

Điều này cho thấy, nghiệp báo không phân biệt giai cấp. Và vị Tỳ-khưu là bậc Thánh A-La-Hán là tối thượng trong bốn giai cấp nói trên.

Đức Thế Tôn tán thán Phạm thiên Sanaṅkumāra (Xá-Năng-Kú-Ma-rá) đã khéo nói lên kệ ngôn, đầy đủ ý nghĩa và Đức Thế Tôn chấp nhận kệ ngôn này:

Khattiyo seṭṭho janetasmiṃ, ye gottapatisārino.

Vijjācaraṇasampanno, so seṭṭho devamanusse'ti.

"Chúng sinh tin giai cấp;

Sát-đế-lỵ tối thắng.

Ai đủ cả trí đức;

Tối thắng giữa nhân thiên" (sđd) (HT. TMC d).

Có hai loại nghề nghiệp.

Ngài Dhammapāla có giải thích: Nghề nghiệp (sippaṃ) ở đây là chỉ cho "*nghề nghiệp của bậc xuất gia* (anāgārikasippaṃ)" và "*nghề nghiệp của người tại gia* (agārikasippaṃ)".

a- Nghề của bậc xuất gia.

Một thiện gia nam tử trước khi xuất gia, có thể có một nghề khéo léo như "cắt tóc, may y, thợ mộc, xây dựng...", những nghề này có thể trợ giúp các bậc đồng phạm hạnh khi hữu sự.

Như Ngài Upāli là thợ cắt tóc trước khi xuất gia.

Ngài Upananda (Ú-Pá-Nan-Đá) rất khéo làm y[1].

Tôn giả Dhaniya (Thá-Ní-Dá) là thợ gốm[2].

Ngài Mahā Kaccāna (Má-Ha Kách-Cha-Ná) là vị Tế lễ sư của vua Caṇḍa Pajjota (Chăng-đá Pách-Chô-Tá)....

Thông thạo, khéo léo những nghề vô tội để giúp đỡ các bậc đồng phạm hạnh, là một trong năm pháp được bậc đồng phạm hạnh mến mộ, như:

"Này các Tỳ-khưu, thành tựu năm pháp này, một Tỳ-khưu Trưởng lão được các vị đồng phạm hạnh ái mộ, ưa thích, tôn trọng, làm gương để tu tập. Thế nào là năm?

Đạt được nghĩa vô ngại giải, đạt được pháp vô ngại giải, đạt được từ vô ngại giải, đạt được biện tài vô ngại giải. Đối với các việc lớn hay nhỏ các vị đồng phạm hạnh cần phải làm, vị ấy thiện xảo, không có biếng nhác, thành tựu trí phương tiện; ở đây vừa đủ để làm, vừa đủ khiến người làm"[3].

Lại nữa, có sáu pháp của sa-môn đối với người thế

1- Ngăn cản không cho làm điều ác.

2- Hướng dẫn làm việc lành.

3- Có tâm từ giúp đỡ.

4- Nói pháp chưa từng nghe.

5- Giảng rộng pháp đã từng nghe.

6- Hướng dẫn thực hành con đường đến nhàn cảnh[4].

---

[1]- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật phân tích giới Tỳ-khưu II, số 113.

[2]- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật phân tích giới Tỳ-khưu I, số 79.

[3]- A.iii. 113. Kinh Vô ngại giải; A.iv. 23.

[4]- D.iii. Siṅgalasuttaṃ (kinh Siṅgala).

Đối với bốn món vật dụng cần thiết cho đời sống sa-môn là: Vật thực, y phục, sàng tọa và thuốc trị bệnh; vị Tỳ-khưu tìm được dễ dàng và "*biết đủ*"[1].

Nghề *"đi xin ăn"* chỉ để nuôi mạng sống hợp pháp, để thực hành phận sự Sa-môn là tu tập giới, định, tuệ.

Nghề nghiệp chính của vị Sa-môn là "giáo hóa chúng sinh".

"Này các Tỳ-khưu, hãy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người hiểu được Giáo Pháp, (nhưng) do việc không nghe Giáo Pháp sẽ bị thoái hóa[2].

b- Nghề nghiệp của người tại gia.

Nghề nghiệp của người tại gia rất phong phú và đa dạng, có thể phân thành nhiều loại:

- Nghề nghiệp cao quí, như: Cách trị nước của Đức vua, xử kiện, Tế lễ sư (chủ trì lễ tế đàn), sáng tác, giáo hóa...
- Nghề nghiệp thông dụng, như: Thợ mộc, thợ kết hoa, buôn bán, thợ cắt tóc, nghề làm ruộng, xem thiên văn, xem địa lý, bói toán, đưa tin ...
- Nghề thấp kém như: Chài lưới, săn bắn, bẫy chim, huấn luyện thú, nô tỳ, đồ tể, đao phủ thủ, trộm cướp, ăn xin ...

Hỏi. Ăn xin là nghề thấp kém, vì sao bậc xuất gia lại chọn nghề này?

Đáp. Thật vậy, Đức Thế Tôn cũng xác nhận *"đi xin ăn* là nghề hèn kém nhất", nhưng không phải vì nguyên nhân lười biếng mà vì lý tưởng "thoát ra cái khổ"; tức là duy trì sự sống để thực hành pháp, thoát ra "khổ luân hồi".

Đức Thế Tôn có dạy các tân Tỳ-khưu nơi Tự viện Nigrodha (cây Bàng):

"Này các Tỳ-khưu, đây là nghề sinh sống hèn hạ nhất, tức là nghề xin ăn.

Này các Tỳ-khưu, đây là một lời nguyền rủa trong đời, khi nói: "Ngươi, kẻ khất thực với bát trên bàn tay, ngươi đi chỗ này, chỗ kia và đấy là nghề sinh sống".

Này các Tỳ-khưu, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị sống vì lý tưởng mục đích, duyên với lý tưởng mục đích; không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống, mà với ý nghĩ: "Ta bị chìm đắm trong sanh, già chết, sầu, bi, khổ, ưu, não; bị chìm đắm trong đau khổ, bị đoanh vây bởi đau khổ. Rất có thể, sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra"[3].

Lại nữa, vị Tỳ-khưu chỉ nuôi mạng bằng cách đi xin ăn, là cách nuôi mạng chân chánh. Vị Tỳ-khưu nuôi mạng bằng bất cứ nghề nào khác, được xem là "tà mạng trong Pháp luật "này[4].

**Nữ du sĩ Sūcimukhī với Ngài Sāriputta.*

Có lần nữ du sĩ ngoại đạo Sūcimukhī (Xu-Chí-Mú-Khi) đến hỏi Ngài Sāriputta rằng:

- Này Sa-môn, có phải người ăn cúi mặt xuống?
- Này chị, tôi ăn không cúi mặt xuống.
- Vậy Sa-môn, người ăn ngước mặt lên?
- Này chị, tôi ăn không ngước mặt lên.
- Vậy Sa-môn, người ăn nhìn bốn phương chính?
- Này chị, tôi ăn không hướng về 4 phương chính.
- Vậy Sa-môn, người ăn hướng về 4 phương phụ?
- Này chị, tôi ăn không hướng về 4 phương phụ.

---

[1]- A.iv. 23. Nāthasuttaṃ (kinh Hộ trì).

[2]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại phẩm I, số 23.

[3]- S.iii.91. Kinh Người khất thực.

[4]- Xem D.i. Sāmaññaphala (kinh Sa-môn quả).

Rồi Ngài Sāriputta giải thích:

*Ăn cúi mặt xuống là nuôi mạng bằng cách xem địa lý (vatthuvajjā), hoặc súc sinh minh[1].

*Ăn ngước mặt lên là nuôi mạng bằng cách xem thiên văn (nakkhattavijjā).

*Ăn nhìn bốn phương chính là nuôi mạng bằng cách đưa tin tức, làm môi giới.

*Ăn nhìn bốn phương phụ là nuôi mạng bằng những nghề bói toán.

Ngài Sāriputta không nuôi mạng bằng những nghề như thế, sau khi tìm được những vật thực hợp pháp (là đi xin ăn), Ngài thọ dụng.

Nữ du sĩ Sucīmukhī đi từ đường này sang đường khác tán thán rằng: "Những Sa-môn Thích tử tìm và dùng vật thực đúng pháp, tìm và dùng vật thực không có lỗi lầm. Hãy cúng dường đến các Sa-môn Thích tử"[2].

Lại nữa, vị Sa-môn nuôi mạng bằng cách "đi xin ăn" nhằm mục đích rèn luyện, tu tập hạnh nhẫn nại".

Nhẫn nại là Pháp môn được chư Phật dùng để Giáo giới *(ovāda)* các Tỳ-khưu. Có khả năng dẫn đến chứng đạt Níp-Bàn.

184- Khantī paramaṃ tapo titikkhā;
Nibbānaṃ paramaṃ vadanti buddhā.
Na hi pabbajito parūpaghātī;
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭhayanto.
"Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng.
Níp-bàn, quả tối thượng;
Xuất gia không phá người.
Sa-môn không hại người"(HT.TMC d)[3].

Và:

"Akkosaṃ vadhabandhañca;
Aduṭṭho yo titikkhati.
Khantībalaṃ balānīkaṃ;
Tamahaṃ brūmi brāhmaṇaṃ.
"Ai không lỗi, chịu đựng;
Nhiếc mắng cùng đánh trói.
Trang bị với nhẫn lực;
Kẻ ấy ta mới gọi;
Chánh danh Bà-la-môn"[4].

(Danh từ Bà-la-môn ở đây chỉ cho bậc cao quí, là bậc Thánh A-La-Hán).

**"Đi xin ăn"* xuất phát từ những vị có tâm xa lìa ác, bất thiện pháp, tinh cần tu tập thiền tịnh trong những chòi lá như đã nói ở trên. Là cách nuôi mạng đúng pháp. Như Kinh văn ghi nhận:

"Ở đây, này Dona (Đô-Ná), pháp là gì?

Không phải nhờ cày bừa, không phải nhờ buôn bán, không phải nhờ chăn bò, không phải do cung tên (issatha), không phải người của vua, không phải do một nghề nào khác. Hoàn toàn chỉ do xin ăn, không khinh thường bình bát của người xin ăn"[5].

**"Đi xin ăn"* chỉ là hình thức bên ngoài, ngoài ý nghĩa "nuôi mạng sống đúng pháp" còn hàm ý "diệt trừ mọi ô nhiễm", diệt trừ "tận gốc rễ sự khổ".

---

[1]- *Súc sinh minh* là xem tường các loài vật quý hay không quý như ngựa quý, voi quý... để định giá các con vật ấy.
[2]- S.iii, 238.
[3]- Dhp. Câu số 184.
[4]- M.ii. Vāseṭṭhasuttaṃ (Kinh Vāseṭṭha), kinh số 98.
[5]- A.iii. 223. Donasuttaṃ (kinh Dona). Chương năm pháp.

**Bà-la-môn khất sĩ.*

Có một Bà-la-môn theo chủ thuyết ngoại giáo, cũng hành nghề "xin ăn". Bà-la-môn ấy suy nghĩ: "Sa-môn Gotama (Gô-Tá-Má) gọi các đệ tử mình là "Tỳ-khưu". Vậy ta đây cũng phải được gọi là Tỳ-khưu".

Bà-la-môn ấy đi đến yết kiến Đức Thế Tôn và nói rằng:

- Thưa Sa-môn Gotama, tôi cũng đi "xin ăn" để nuôi mạng sống, như vậy tôi cũng là Tỳ-khưu.

- Này Bà-la-môn, Ta không gọi là Tỳ-khưu, chỉ vì người ấy đi "xin ăn". Người hằng quán xét các pháp hữu vi, người ấy xứng đáng gọi Tỳ-khưu.

Rồi Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn:

266- Na tena bhikkhu so hoti;
Yāvatā bhikkhate pare.
Vissaṃ dhammaṃ samādāya;
Bhikkhu hoti na tāvatā.
"Chỉ mang bình khất thực;
Đâu phải là Tỳ-khưu.
Phải theo Giới pháp bổn;
Mới xứng danh Tỳ-khưu".
267- Yodha puññañca pāpañca;
Bāhetvā brahmacariyavā.
Saṅkhāya loke carati;
Sa ve "bhikkhu"ti vuccati.
"Ai bỏ cả thiện ác;
Chuyên tu hành thanh tịnh.
Lấy hiểu biết ở đời;
Mới xứng danh Tỳ-khưu" (HT.TMC d)[1].

Hỏi. Vì sao được gọi là nghề cao quí?

Đáp. Vì những nghề này khi thực hành đúng pháp sẽ mang đến lợi ích cho mình, cho nhiều người, như:

*****Đức** vua.*

Đức vua trị nước theo pháp sẽ mang an lạc đến dân cư trong quốc độ, đất nước sẽ trở nên cường thịnh, phồn vinh. Đức vua trị nước theo pháp là theo mười điều:

1- Bố thí (dāna). Có tâm buông bỏ tài vật, trợ cấp đến dân chúng khi có tai họa bất ngờ như bão lụt, hạn hán...

2- Có giới (sīla). Là giữ gìn thân, lời nói và ý được tốt đẹp.

3- Buông bỏ cho người (pariccāga). Là không vì tư lợi, chỉ vì lợi ích chung.

4- Chánh trực (ajjava). Có tâm ngay thẳng, liêm khiết, không thiên vị.

5- Nhu hòa (maddava). Hành động, lời nói êm dịu, nhẹ nàhng, mềm mỏng.

6- Tự chế (tapa). Nỗ lực chế ngự những điều sái quấy, bất thiện, khắc phục những lỗi lầm; không bị những dục vọng thấp hèn chi phối.

7- Không phẫn nộ (akkodha). Là không quá nóng giận, luôn có tâm hòa ái.

8- Không làm hại (ahiṃsa). Là không có tâm ác độc, bức hại người.

9- Kham nhẫn (khanti). Là biết chịu đựng, kiên trì để đối phó với nghịch cảnh.

10- Không thiên lệch (avirodhana). Là giữ gìn truyền thống tốt đẹp, không làm sai pháp[2].

---

[1]- DhpA. Câu số 256-257.

[2]- JA.v. 378.

Quan xử kiện.

Khi thực hành đúng pháp, liêm chính, công minh, sẽ giúp cho nhiều người thoát khỏi bức hại, sầu não...

Tiền thân Đức Thế Tôn có thời là Vương tử Canda (Chan-Đá) con của vua Ekarāja (Ê-Ká-Ra-Chá: Duy nhất vương), Ngài là vị Phó vương. Vị Tế lễ sư của vua Ekarāja là Bà-la-môn Kaṇḍahāla (Kăng-Đá-Ha-Lá) được cử là "quan xử kiện", nhưng Bà-la-môn Kaṇḍahāla xử kiện không công minh, không xử kiện theo quốc luật, làm theo ý của mình để có được nhiều lợi nhuận, là vị quan xử kiện tham ô.

Có lần, có một vụ kiện tụng, Bà-la-môn Kaṇḍahāla nhận hối lộ, xử cho người phạm pháp thắng kiện. Đại chúng bất bình nhưng không thể nói gì được.

Bấy giờ Vương tử Canda trên đường đi đến Hoàng cung để hầu vua cha là Ekarāja, người thua kiện đi đến quỳ trước Vương tử Canda kêu oan.

Khi biết sự việc, Vương tử Canda đưa người ấy đến nơi xử kiện để kháng cáo. Rồi Vương tử Canda tự thân xử án theo quốc luật, mang công bằng đến cho vụ án.

Thấy Vương tử Canda xử án công minh, đại chúng hoan hỷ tán thán Vương tử vang dội[1].

**Tế lễ sư.*

Tế lễ sư là những Bà-la-môn thông thái.

Người Ấn cổ tin rằng: "Những tế đàn đúng pháp, do những Bà-la-môn tốt đẹp chủ trì lễ tế đàn, sẽ mang đến an lạc cho đại chúng".

Vị Bà-la-môn chủ trì tế lễ có đầy đủ bốn đức tính:

- Có huyết thống thanh tịnh từ mẫu hệ và phụ hệ đến bảy đời.
- Là nhà phúng tụng, là nhà trì chú, thông hiểu ba tập Vedā (Vệ-Đà) với danh nghĩa, lễ nghi, ngữ nguyên, chú giải và lịch sử truyền thống là thứ năm, thông hiểu ngữ pháp và văn phạm, biệt tài về Thuận thế (tự nhiên học) và tướng của vị đại nhân.
- Đầy đủ giới hạnh cao dày.
- Là vị bác học, tinh luyện, sáng suốt, là nhà cầm muỗng thứ nhất hay thứ hai.

Chính bốn đức tánh này là điều kiện chủ yếu cho lễ tế đàn[2].

Những tế đàn thực hành đúng pháp, mang đến lợi ích an lạc cho mình và cho người.

**Sáng tác.*

Như mười nhà hiền triết thời trước, được các Bà-la-môn tôn sùng[3].

Mười nhà hiền triết này là những Đạo sư của Bà-la-môn giáo, những vị này không dùng *vật thực phi thời*; là những tế sư lớn; là những hiền giả có nhiều giáo thuyết lợi ích như: "Đã phân chia có năm hạng Bà-la-môn":

- Bà-la-môn tương đồng Phạm thiên (Brahmasama).
- Bà-la-môn tương đồng chư thiên (Devasama).
- Bà-la-môn có giới hạn (mariyādaṃ).
- Bà-la-môn vượt giới hạn (sambhinnamariyāda).
- Bà-la-môn nô lệ (brahmaṇacaṇḍala) (sđd).

Được biết các nhà hiền triết nói trên chứng được thiên nhãn và kinh sách viết ra nương vào lời dạy của Đức Chánh Giác Kassapa (Ca-Diếp).

Do vậy, vào lúc bấy giờ nội dung ba Tạng Vedā (Vệ-Đà) rất phù hợp với "lời dạy của Đức Chánh Giác".

Về sau, những Bà-la-môn hậu bối cải biên thêm thắt vào những nghi thức không đúng pháp, khiến sai lệch với đường hướng ban đầu của những vị hiền triết nói trên[4].

---

[1]- JA. vi. 131. Candakumārajātaka (Bổn sự Vương tử Canda), chuyện số 544.
[2]- D.i. Kūṭadantasuttaṃ (kinh Kūṭadanta)
[3]- Xem A.iii. 223.
[4]- DA.i. 273.

**Giáo hóa.*

Giáo hóa là để duy trì những tinh hoa cho những thế hệ về sau, duy trì lợi ích an lạc đến cho nhiều người.

"Này các Tỳ-khưu, hãy lắng tai nghe, Ta sẽ chỉ dạy pháp Bất tử đã đạt được, Ta sẽ thuyết giảng Giáo Pháp. Trong khi thực hành theo như đã được chỉ dạy thì chẳng abo lâu sau ngay trong kiếp hiện tại này, các vị nhờ vào thắng trí sẽ tự mình thực chứng, đạt đến và an trú vào điểm tối thượng ấy, là mục đích cuối của Phạm hạnh, vì mục đích này mà những người con trai của các gia đình cao quí rời nhà xuất gia một cách chân chánh sống không nhà"[(1)]

Và.

"Này các Tỳ-khưu, hãy thuyết giảng Giáo Pháp toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, và toàn hảo ở đoạn kết, thành tựu về ý nghĩa, thành tựu về văn tự, giảng giải về Phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ. Có những hạng người sanh lên bị ít ô nhiễm sẽ là những người hiểu được Giáo Pháp, (nhưng) do việc không nghe Giáo Pháp sẽ bị thoái hóa... (sđd, số 32).

Đức Thế Tôn có dạy "thầy thương tưởng đến các đệ tử có 5 cách:

1- Huấn luyện đệ tử những gì mình đã được khéo huấn luyện.

2- Dạy đệ tử bảo trì những gì mình được khéo bảo trì.

3- Dạy đệ tử thuần thục các nghề nghiệp.

4- Khen đệ tử với các bạn bè quen thuộc.

5- Bảo đảm nghề nghiệp cho đệ tử về mọi mặt"[(2)].

**Bà-la-môn Saṅgārava.*

Đức Thế Tôn có giảng cho Bà-la-môn Saṅgārava (Săng-Ga-Rá-Quá) về ba loại thần thông là: Thần thông biến hóa, thần thông ký thuyết và thần thông giáo hóa.

Thần thông giáo hóa là "hãy tác ý như vầy, chớ tác ý như vầy; hãy từ bỏ cái này, hãy đạt đến cái này và an trú".

Bà-la-môn Saṅgārava chấp nhận: "Thần thông giáo hóa thù thắng hơn hai loại thần thông kia"[(3)].

Những nghề trên được gọi là "cao quí" khi thực hành đúng pháp sẽ mang lợi ích đến nhiều người, nếu thực hành sai pháp sẽ mang tai hại đến mình lẫn nhiều người, như:

**Về đức vua.*

Đức vua trị nước theo pháp sẽ mang lại an lạc cho cư dân trong quốc độ, ngược lại sẽ khiến cho dân chúng lầm than, nghèo khổ, có nhiều tại họa nổi lên cho dân chúng.

Có lần vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) xứ Kosala (Kiều-Tất-La) đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Thưa Đại vương, là vị vua phải cai trị quốc độ chân chánh. Khi đức vua thực hành chân chánh thì các đại thần sẽ thực hành chân chánh; khi đức vua thực hành bất chánh thì các đại thần sẽ thực hành theo bất chánh.

Này Đại vương, tài vật không mua chuộc được tử thần; không ai thắng được thần chết; khi mệnh chung chúng sinh chỉ nương tựa vào thiện nghiệp.

Do vậy, chúng sinh cần phải từ bỏ những ác bất thiện pháp, phải tinh cần thực hành Giới luật chân chánh. Các vị vua thời trước, nhờ nghe lời dạy của bậc trí, mệnh chung được sinh về thiên giới.

Theo lời thỉnh cầu của vua Pasenadi, Đức Thế Tôn nói lên Bổn sự Kukkuṭa (Kúc-kú-tá: con gà).

[(1)]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại phẩm I, số 12.

[(2)]- D.iii. Siṅgālasuttaṃ (kinh Siṅgala).

[(3)]- Xem A. i. 168. Saṅgāravasuttaṃ (kinh Saṅgārava), chương ba pháp.

**Bổn sự Kukkuṭa.*

Thuở xưa khi vua Brahmadatta (Brăm-Má-Đát-Tá) trị vì nơi kinh thành Bāraṇasī (Ba-La-Nại), khi ấy Bồ-tát là vị cố vấn đại thần (purohita) của Đức vua.

Vua Brahmadatta trị nước sái quấy, đàn áp chúng dân, thu đoạt những tài sản của chúng dân; Bồ-tát muốn khuyến giáo Đức vua, Ngài chờ cơ hội thuận lợi.

Bấy giờ, một nội thất trong cung chưa làm xong, mái nhà nội thất chưa vững chắc, các rui chống đỡ nóc nhọn chỉ được đặt gá vào đúng vị trí.

Đức vua sau khi đi du ngoạn nơi vườn Ngự Uyển, trở về cung, nhìn thấy nóc mái nhà hình tròn chưa vững chắc, sợ nó rơi xuống nên Đức vua bước ra ngoài đứng, suy nghĩ:" Làm thế nào nóc nhà này vững chắc, đứng yên". Đức vua hỏi Bồ-tát rằng:

- Nóc nhà hình tròn này được 8 cây rui chống đỡ, nóc nhà này có đứng vững được không?

Nhân cơ hội này, Bồ-tát khuyến giáo rằng:

- Nóc nhà có được 32 rui nhỏ liên kết nâng đỡ, nhờ đó nóc nhà được vững vàng. Cũng vậy, đức vua được các quan đại thần tài trí vây quanh, được chúng dân ủng hộ, thì đứng vững trên ngôi vị trị nước.

Nghe Bồ-tát nói như thế, đức vua suy nghĩ: "Nóc nhà sẽ không đứng vững nếu không được các rui mè nâng đỡ. Cũng vậy, nếu ta không được các đại thần có trí trợ giúp, không được các Bà-la-môn, các gia chủ ủng hộ, ta sẽ mất hết quyền lực. Ta nên thực hành việc trị nước cho công minh.

Bấy giờ, những cung nữ dâng đến Đức vua những trái bưởi, vua ban thưởng cho Bồ-tát một trái bưởi, nói rằng:

- Này hiền hữu, hãy dùng trái bưởi này.

Bồ-tát cầm trái bưởi, nói rằng:

-Thưa Đại vương, người không biết ăn bưởi, sẽ ăn cả vị đắng lẫn chát. Nếu biết dùng bưởi sẽ nếm được hương vị trái bưởi. Cũng vậy, vị minh quân không nên vơ vét tài sản của chúng dân, chỉ nhận phần thuế đóng góp của chúng dân đúng pháp.

Vua Brahmadatta suy gẫm cảm thấy hổ thẹn với hành động thu gom tài sản bất chính của mình.

Khi đi đến hồ sen, nhìn thấy một cánh sen nở ra trong ánh mặt trời, tỏa hương thơm, đức vua nói:

- Này hiền hữu, cánh hoa sen kia rực rỡ trong ánh mặt trời, không bị nước bùn làm ô nhiễm.

- Thưa Đại vương, một vị vua trị nước chân chánh cũng giống như cánh hoa sen kia.

Đức vua nghe lời Bồ-tát khuyên giáo từ đó về sau trị nước chân chính và thực hành các thiện sự, bố thí cùng nhiều phước nghiệp khác. Mệnh chung được sinh về thiên giới.

Đức vua Brahmadatta là tiền thân Ngài Ānanda, vị cố vấn đại thần nay là Đức Thế Tôn[1].

Những quốc độ như Daṇḍakī (Đăng-Đá-Ki), Kāliṅgā (Ka-Ling-Ga), Majjhā (Mách-Cha), Mātaṅgā (Ma-Tăng-Ga) trở thành rừng do các vị vua trị nước sai pháp, nghe lời các cận thần dèm siểm, có tâm sân hận với các ẩn sĩ[2].

**Chuyện các quan xử kiện.*

Có một số Tỳ-khưu sau khi đi khất thực phía Bắc cổng thành Sāvatthi (Xá-Vệ), trên đường trở về Đại tự Kỳ-Viên, một cơn mưa lớn trút xuống, các vị Tỳ-khưu đi vào trú mưa nơi "xử kiện". Các vị Tỳ-khưu thấy các quan xử kiện ăn hối lộ, rồi tước đoạt quyền sở hữu của người khác. Các Tỳ-khưu suy nghĩ: "Các vị xử kiện này đã xử kiện bất minh".

---

[1]- JA. Kukkuṭajātaka (Bổn sự Kukkuṭa). chuyện số 396.

[2]- M.ii. Upālisuttaṃ (kinh Upāli).

Khi về Đại tự Kỳ-Viên, các Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ-khưu, người chiều theo tham dục xấu xa, xử đoán bất minh, không đáng gọi là "công minh" (dhammaṭha). Người thấu rõ có tội là có tội, không tội là không tội, xử đoán công minh tùy theo lỗi nặng hay nhẹ, người ấy xứng đáng gọi "công minh".

Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn:

256- Na tena hoti dhammaṭṭho;
Yenatthaṃ sāhāsā naye.
Yo ca atthaṃ anatthañca;
Ubho niccheyya paṇḍito.
"Người đâu phải công minh;
Nếu xử phạt sai lệch.
Kẻ trí cần nhận biết;
Đâu chánh, đâu sái quấy".

257- Asāhasena dhammena;
Samena nayatī pare.
Dhammassa gutto medhāvī;
"Dhammaṭṭho"ti pavuccati.
"Không xem thường, đúng pháp;
Công bằng dẫn đến người.
Bậc trí gìn giữ pháp;
Được gọi là "công minh"[1].

Tế lễ sư và những tế đàn.

Trước và trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, dân Ấn cổ rất trọng vọng các "Tế lễ sư", vì đại chúng tin rằng: "Tế lễ sư là người giao tiếp và chuyển lễ vật đến Đại Phạm thiên qua những bài ca Thánh thán và chú thuật.

Đại Phạm thiên khi nhận được lễ vật cúng dường, sẽ gia hộ, ban an lạc đến những người cúng dường lễ vật".

Ban đầu các tế đàn mang tính thiện pháp, về sau các Bà-la-môn tế lễ sư hậu bối bày vẽ thêm vào nhiều nghi thức khác lạ, dần dần những tế đàn trở nên man rợ, độc ác.

**Bà-la-môn Ujjaya.*

Bà-la-môn Ujjaya (Úch-Chá-Dá) đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau những lời chào đón thân hữu, Bà-la-môn Ujjaya ngồi xuống một bên, bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Thưa Tôn giả Gotama (Gô-Tá-Má), có phải Tôn giả Gotama không tán thán tế đàn.

- Này Bà-la-môn, Ta không tán thán tất cả tế đàn. Nhưng Ta không phải không tán thán tất cả loại tế đàn.

Này Bà-la-môn, trong loại tế đàn nào, bò bị giết, dê cừu bị giết, gia cầm, heo bị giết, các loài sinh vật khác bị giết hại, loại tế đàn ấy, này Bà-la-môn, liên hệ đến sát sinh; Ta không tán thán loại tế đàn ấy. *Vì **có** sao*?

Này Bà-la-môn, tế đàn có sát sinh như vậy, các A-La-Hán, và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-La-Hán không có đi đến.

Này Bà-la-môn, tại tế đàn nào, không có bò bị giết, không có dê cừu bị giết, không có gia cầm, heo bị giết, không có các sinh vật khác bị giết.

Này Bà-la-môn, Ta tán thán tế đàn không có sát sinh như vậy, tức là bố thí thường làm từ lâu, tế đàn cầu hạnh phúc cho gia đình. *Vì **có** sao*?

Này Bà-la-môn, tế đàn không có sát sinh như vậy, các A-La-Hán và những ai đã đi trên con đường hướng đến A-La-Hán có đi đến[2].

---

[1]- DhpA. Câu số 256-257.

[2]- A.ii. 42. Ujjayasuttaṃ (kinh Ujjaya), chương bốn pháp.

Lưu ý. Đức Thế Tôn dạy: *"Ta không tán thán tất cả tế đàn"*, ngoài "những tế đàn có sát sinh", Đức Thế Tôn còn ám chỉ "những tế đàn cầu xin an lạc" hay "những tế đàn mang tính tà kiến".

Đức Thế Tôn có dạy gia chủ Cấp Cô Độc:

- Này gia chủ, vị Thánh đệ tử muốn có an lạc, không có thể do cầu xin an lạc hay tán thán để làm nhân đem đến an lạc. Vị Thánh đệ tử muốn có an lạc cần phải thực hành con đường dẫn đến an lạc.

Do vị ấy thực hành con đường dẫn đến an lạc, sự thực hành ấy đưa đến vị ấy nhận lãnh được an lạc, vị ấy nhận lãnh được an lạc hoặc chư Thiên, hoặc loài người[1].

**Giáo hóa.*

Khi giáo hóa môn đệ theo chánh pháp sẽ mang an lạc đến nhiều người. Trái lại giáo hóa người theo chủ thuyết sai lệch (tà-kiến) sẽ đưa đến bất hạnh, đau khổ đến nhiều người. Như:

"*Vị Tỳ-khưu Trưởng lão là bậc kỳ cựu, xuất gia đã lâu ngày, được nhiều người biết đến, có danh vọng, được một số đông người tại gia, xuất gia đoanh vây, nhận được các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.*

Vị ấy có tà kiến, có tri kiến điên đảo. Vị ấy làm cho nhiều người từ bỏ diệu pháp, chấp nhận phi diệu pháp. Vị ấy mang đến bất hạnh cho đa số, mang đến không an lạc cho đa số, mang đến không lợi ích, bất hạnh, đau khổ cho chư Thiên và loài Người"[2].

*Thế nào là **đ**iên **đả**o kiến (vipallāsadiṭṭhi)*.

Là "trong vô thường nghĩ là thường"; "trong khổ nghĩ là lạc"; "trong vô ngã nghĩ là ngã"; "trong không trong sạch nghĩ là trong sạch"[3].

Hoặc các chủ thuyết tà kiến của sáu Tôn chủ dị giáo trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, như: Tôn chủ Pūraṇa Kassapa (Pu-Rá-Ná Ca-Diếp), Tôn chủ Makkhaligosāla (Mắc-Khá-Lí-Gô-Xa-Lá), Tôn chủ Ajitakesakambala (Á-Chí-Tá-Kê-Xá-Kăm-Bá-Lá)...[4].

Hỏi. Vì sao gọi là nghề thấp kém.

***Đ**áp.* Những nghề như chài lưới, săn bắn, trộm cướp, cai ngục, đồ tể... được gọi là "thấp kém", vì những nghề này "hành hạ, làm khổ chúng sinh khác".

"Này các Tỳ-khưu, có người là người giết trâu bò, giết heo, săn thú, người đánh cá, ăn trộm, người xử tử các người ăn trộm, cai ngục và các người làm các nghề ác độc.

Này các Tỳ-khưu, đây gọi là "hạng người hành khổ người, chuyên tâm hành khổ người"[5].

Nói tóm gọn: "Bất kỳ nghề nào khi thực hành rơi vào ác bất thiện pháp, đó là nghề thấp kém", như nghề thông dụng là buôn bán chẳng hạn, nếu rơi vào ác bất thiện pháp như cân, đo, đong, đếm gian lận, tráo hàng thật bán hàng giả ...hoặc làm khổ chúng sinh khác cũng được xem là nghề thấp kém. Đức Thế Tôn có dạy:

"Này các Tỳ-khưu, có năm nghề buôn bán, một nam cư sĩ không nên làm. Thế nào là năm?

*Buôn bán đao kiếm (*satthavaṇijjā), *buôn bán người (*sattavaṇijjā), *buôn bán thịt (*maṃsavaṇijjā)[6], *buôn bán rượu (*majjavaṇijjā) *và buôn bán thuốc độc (*visavaṇijjā)*"*[7].

Ác **quả c**ủ**a nghề th**ấ**p kém.*

Một thời Đức Thế Tôn trú ở gần thành Rājagaha (Vương Xá) nơi Đại tự Trúc Lâm (Veḷuvanavihāra).

---

[1]- A. iii. 47. Iṭṭhasuttaṃ (Kinh Khả lạc), chương năm pháp.
[2]- Xem A.iii. 114. Therasuttaṃ (kinh Trưởng lão), chương năm pháp.
[3]- Xem A.ii.53. Kinh Tưởng điên đảo, chương ba pháp.
[4]- Xem D.i. Sāmaññaphalasuttaṃ (kinh Sa-môn quả).
[5]- Xem A,iii. 205. Kinh Tự hành hạ mình; chương bốn pháp.
[6]- "Buôn bán thịt" theo tập sớ giải là: "Nuôi thú rồi đem bán cho người giết".
[7]- A.iii. 208. Vaṇijjāsuttaṃ (kinh Người buôn bán); chương năm pháp.

Khi ấy, Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) và Ngài Lakkhaṇa (Lắc-Khá-Ná)[1] từ trên núi Gijjhakūṭa (Gích-chá-ku-tá)) đi vào thành Vương Xá để khất thực. Khi đi từ trên núi Gijjhakūṭa xuống, Ngài Moggallāna mỉm cười, Ngài Lakkhaṇa hỏi:

- Này hiền giả Moggallāna, do nhân gì, do duyên gì, hiền giả lại mỉm cười?

- Này hiền giả, không phải thời hỏi câu hỏi ấy. Hãy hỏi tôi câu ấy trước Đức Thế Tôn.

Sau khi thọ thực xong, hai Ngài trở về Đại tự Trúc Lâm, đi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngài Lakkhaṇa lập lại câu hỏi ban sáng, Ngài Moggallāna đáp:

- Này hiền giả, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi thấy một bộ xương đi giữa hư không, các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó và nó than khóc đau đớn.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là một *đồ tể giết trâu bò* (goghatako) ở thành Vương Xá này. Do nghiệp người đó thuần thục, sau khi bị nung nấu trong địa ngục nhiều trăm ngàn năm, quả còn dư sót của nghiệp ấy, người đó cảm thọ khổ với tự thể như vậy[2].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một miếng thịt đi giữa hư không, các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó và nó than khóc đau đớn....

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là *kẻ bẫy chim* ở thành Rājagaha này...[3].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một bị da đi giữa hư không, các con kên kên, các con quạ, các con chim ưng đuổi theo nó, cắn mổ xương sườn nó, cắn xé nó và nó than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là một *đồ tể giết dê* ở thành Rājagaha này...[4].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh với lông bằng các đao kiếm đang đi giữa hư không. Các đao kiếm ấy đứng dựng lên rồi rơi xuống trên thân chúng sinh ấy và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là một *đồ tể giết heo* ở thành Rājagaha này...[5].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh với lông bằng các cây lao đang đi giữa hư không. Những cây lao ấy đứng dựng lên rồi rơi xuống trên thân chúng sinh ấy và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là một *thợ săn thú* ở thành Rājagaha này...[6].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh với lông bằng các mũi tên đang đi giữa hư không. Những mũi tên ấy đứng dựng lên rồi rơi xuống trên thân chúng sinh ấy và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là một *kẻ tra tấn* ở thành Rājagaha này...[7].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh với lông bằng các mũi kim đang đi giữa hư không. Những mũi kim ấy đứng dựng lên rồi rơi xuống trên thân chúng sinh ấy và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là người *huấn luyện thú* ở thành Rājagaha này...[1].

---

[1]- Ngài Lakkhaṇa là một trong một ngàn đạo sĩ "thờ thần lửa" Uruvelā Kassapa, được Đức Thế Tôn tế độ chứng đắc Thánh quả A-La-Hán Lục thông. Ngài không thấy những con ma đói trên không phải vì Ngài không có thiên nhãn, mà do Ngài không chú tâm (*anāvajjento*) đến chúng. Ngài được gọi là *Lakkhaṇa* vì rất giống vị Phạm thiên (*brahmasamena*) (SA. II. 159).

[2]- S.ii. 254.

[3]- S.ii. 255.

[4]- S.ii. 256.

[5]- S.ii. 257.

[6]- S.ii. 257.

[7]- S.ii. 257.

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh với lông bằng các mũi tên đang đi giữa hư không. Những mũi tên đâm vào đầu rồi ra khỏi miệng người ấy, đâm vào miệng rồi ra khỏi ngực người ấy, đâm vào bụng rồi ra khỏi bắp vế người ấy, đâm vào bắp vế rồi ra khỏi cổ chân người ấy, đâm vào cổ chân rồi ra khỏi bàn chân người ấy và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là *kẻ do thám* ở thành Rājagaha này...[2].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh đang vác hòn dái đi giữa hư không, khi ngồi, chúng sinh ấy ngồi trên những hòn dái ấy. Các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuổi theo chúng sinh ấy để cắn mổ, cắn xé, và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là "*người xử kiện tham nhũng*" trong thành Rājagaha này[3].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một nữ nhân hôi hám, xấu xí đang đi giữa hư không. Các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuổi theo nữ nhân ấy để cắn mổ, cắn xé, và nữ nhân ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là "*người bói toán*" trong thành Rājagaha này[4].

*Này hiền giả, ở đây, khi tôi từ núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một chúng sinh không đầu, con mắt và miệng ở trên ngực, chúng sinh ấy đi giữa hư không. Các con chim kên kên, chim quạ, chim ưng đuổi theo chúng sinh ấy để cắn mổ, cắn xé, và chúng sinh ấy than khóc đau đớn.

- Này các Tỳ-khưu, chúng sinh ấy là "*kẻ cướp*" tên là Hārika (Ha-Rí-Ká) ở thành Rājagaha này[5].

**Nhạc kịch sư Tālapuṭa.*

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài sinh vào một gia đình kịch sĩ, trở thành kịch sĩ thiện xảo trong nghề diễn kịch, nổi tiếng khắp Ấn cổ. Ngài được gọi là Tālapuṭa (Ta-Lá-Pú-Tá) vì có màu da vàng trong sáng như trái thốt-nốt chín[6].

Nhạc kịch sư (naṭagāmaṇi) Tālapuṭa là trưởng đoàn diễn kịch có 500 diễn viên, trình diễn nhiều vỡ kịch hoành tráng từ cung vua đến các thành phố, thị trấn và vùng quê, được mọi người tán thưởng.

Một hôm, Tālapuṭa đến yết kiến Đức Thế Tôn, bạch hỏi: "Có phải diễn viên mang nụ cười đến thính chúng, mệnh chung được tái sinh về cảnh giới chư thiên hay cười (pahāsadeve)"?

Đức Thế Tôn từ chối câu hỏi hai lần.

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn dạy rằng: "Ai làm người khác đắm say và phóng dật, mệnh chung sẽ sinh vào địa ngục "Hý tiếu (Pahāsaniraya)". *Vì sao?*

"Này Thôn trưởng, đối với những loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng tham, còn bị lòng tham trói buộc. Nếu nhà nhạc kịch trên sân khấu hay trong kịch trường, tập trung những pháp hấp dẫn, thời khiến lòng tham của họ càng tăng thịnh.

Này Thôn trưởng, đối với những loại hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng sân, còn bị lòng sân trói buộc. Nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến sân, thời khiến cho lòng sân của họ càng tăng thịnh.

Này Thôn trưởng, đối với loài hữu tình thuở trước chưa đoạn trừ lòng si, còn bị lòng si trói buộc. Nếu nhà vũ kịch trên sân khấu hay trong kịch trường tập trung những pháp liên hệ đến si, thời khiến cho lòng si của họ càng tăng thịnh.

---

[1]- S.ii. 257.
[2]- S.ii. 257.
[3]- S.ii. 258.
[4]- S.ii. 260.
[5]- S.ii. 260.
[6]- SA.iii. 100.

Người ấy tự mình đắm say, phóng dật, làm người khác đắm say và phóng dật, sau khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh trong địa ngục Hý tiếu (Pahàso)"....

Nghe vậy, nhạc kịch sư Tālapuṭa bật khóc, sau khi nghe pháp nhạc kịch sư xin gia nhập Tăng đoàn, Ngài nỗ lực thực hành pháp, không bao lâu chứng Thánh quả A-La-Hán[1].

Đức Thế Tôn có dạy:

"Này các Tỳ-khưu, đây được xem là khóc than trong giới luật bậc Thánh, tức là ca vịnh.

Này các Tỳ-khưu, đây được xem là điên loạn trong giới luật bậc Thánh, tức là nhảy múa.

Này các Tỳ-khưu, đây được xem là trẻ con trong giới luật bậc Thánh, tức là cười quá đáng để lộ cả răng.

Do luật này, này các Tỳ-khưu, hãy phá cây cầu đi đến hát. Hãy phá cây cầu đi đến nhảy múa.

Thật là vừa đủ nếu các ngươi được hoan hỷ đúng pháp, mỉm cười để tỏ là các ngươi hoan hỷ"[2].

Sippa ở đây có nghĩa là "nghề nghiệp thông thạo, khéo léo". Nghề nghiệp này không rơi vào ác bất thiện pháp, như nghề thợ bạc, thợ kim hoàn, nghề kết vòng hoa, nghề mộc...

Cho dù một nghề thông thường nhưng thành thạo, khéo léo, cũng được tôn trọng, có thể tạo ra tài sản.

"Này Tỳ-khưu, ở đây, thiện nam tử phàm làm nghề gì để sinh sống, hoặc nghề nông, hoặc đi buôn, hoặc nuôi bò, hoặc làm người bắn cung, hoặc làm việc cho vua, hoặc bất cứ nghề gì.

Trong nghề ấy, người ấy thiện xảo, không biết mệt, biết suy tư phương tiện vừa đủ để tự làm và điều khiển người khác làm.

Này các Tỳ-khưu, đây gọi là đầy đủ tháo vát"[3].

*Như thợ làm vòng hoa Sumana (Xú-Má-Ná)[4], mỗi ngày mang đến Hoàng cung của vua Bimbisāra (Bình-Sa) 8 vòng hoa, nhận được 8 đồng tiền vàng.

*Trưởng lão Upāli (Ú-Pa-Lí) trước khi xuất gia, là thợ hớt tóc rất khéo, nên dòng Thích-Ca thu dụng làm thợ cắt tóc cho các tử hoàng.

Thợ mộc Pañcakaṅga (Panh-Chá-Kăng-Gá).

Pañcakaṅga là thợ mộc giỏi nhất trong xứ Kosala (Kiều-Tất-La).

Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích về người thợ mộc (thapati) này là: *Vaḍḍhakījettha*: "*Thợ mộc đàn anh"[5].*

Pañcakaṅga (Ngũ phần) là biệt hiệu của người thợ mộc danh tiếng này, vì đi đâu cũng mang theo người năm dụng cụ nghề mộc, đó là: Rìu (*vāsīpharasu*), đục (*nikhādana*), thước (*daṇḍa*), búa (*muggara*), và dây mực (*kāḷasutta*)[6].

Vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) đã tuyển dụng "người thợ mộc đệ nhất" này là người của hoàng cung, ông có nhiệm vụ tu bổ, kiến tạo những vật dụng bằng gỗ trong Hoàng cung.

Nghề chăn bò được xem như nghề thấp kém, nhưng nếu thông thạo, khéo léo mười một pháp, người chăn bò có thể làm cho đàn bò tăng thịnh, có thể tạo dựng tài sản lớn.

Mười một pháp của người chăn bò.

---

[1]- S. iv. 306; Thag. 1091-1145; ThagA. ii. 155.

[2]- A.i. 261. Ruṇṇasuttaṃ (kinh Khóc than).

[3]- A.iv. 322. Sampadāsuttaṃ (kinh Đầy đủ); chương tám pháp.

[4]- DhpA. Câu số 68.

[5]- MA. ii. 629; SA. iii. 86.

[6]- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 4).

1- Người chăn bò biết rõ các sắc.

2- Khéo (phân biệt) các tướng.

3- Trừ bỏ trứng con bọ chét.

4- Băng bó vết thương.

5- Có xông khói.

6- Biết chỗ nước có thể lội qua.

7- Biết chỗ uống nước.

8- Biết con đường.

9- Khéo léo đối với những nơi đàn bò có thể ăn cỏ.

10- Không vắt sữa cho đến khô kiệt.

11- Chú ý săn sóc những con bò đực già và đầu đàn.

Mười một pháp này, được Đức Thế Tôn dùng làm ẩn dụ để dạy các Tỳ-khưu.

1- Tỳ-khưu biết rõ các sắc.

Vị Tỳ-khưu đối với các sắc pháp, như thật biết rõ: "Đây là sắc tứ đại"; "đây là sắc do nương vào sắc tứ đại hình thành".

2- Tỳ khưu khéo (phân biệt) các tướng.

Vị Tỳ-khưu như thật biết "kẻ ngu và nghiệp tướng kẻ ngu", "kẻ trí và nghiệp tướng kẻ trí".

3- Tỳ-khưu trừ bỏ trứng con bọ chét.

Vị Tỳ-khưu, khi dục tầm khởi lên, không thọ dụng, từ bỏ, tránh né, chấm dứt làm cho dục tầm không khởi lên, không tồn tại. Khi sân tầm khởi lên... Khi hại tầm khởi lên... Khi ác bất thiện pháp khởi lên, không thọ dụng, từ bỏ, tránh né, chấm dứt làm cho ác bất hiện pháp không khởi lên.

4- Tỳ-khưu băng bó vết thương.

Vị Tỳ-khưu, khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến con mắt không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, gìn giữ con mắt, thực hành sự gìn giữ con mắt.

Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc...

Khi ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì khiến ý quyền không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác, bất thiện pháp khởi lên; Tỳ-khưu chế ngự nguyên nhân ấy, gìn giữ ý quyền, thực hành sự gìn giữ ý quyền.

5- Tỳ-khưu có xông khói.

Vị Tỳ-khưu, thuyết giảng rộng rãi cho các người khác biết Chánh pháp mình được nghe, được thọ trì.

6- Tỳ-khưu biết chỗ nước có thể lội qua.

Vị Tỳ-khưu, thỉnh thoảng đến gặp những Tỳ-khưu đa văn, được trao cho truyền thống giáo điển, những bậc trì Pháp, trì Luật, trì mātikā (mẫu đề) có hỏi, có trả lời các vị ấy: "Thưa Tôn giả, điểm này là thế nào? Ý nghĩa này là gì? Những bậc Tôn giả ấy làm cho hiển lộ những điều chưa được hiển lộ, làm cho rõ ràng những điều chưa được rõ ràng, và đối với những nghi vấn về Chánh pháp, các vị đoạn trừ nghi hoặc.

7- Tỳ-khưu biết rõ chỗ nước uống.

Vị Tỳ-khưu, khi Pháp và Luật do Như Lai tuyên thuyết, giảng dạy, chứng đạt nghĩa tín thọ, chứng đạt pháp tín thọ, chứng đạt sự hân hoan liên hệ đến Pháp.

8-Tỳ-khưu biết rõ con đường.

Vị Tỳ-khưu, biết rõ như thật Thánh đạo tám ngành.

9- Tỳ-khưu khéo léo nơi đàn bò ăn cỏ.

Vị Tỳ-khưu, như thật biết về Bốn Niệm xứ.

10- Tỳ-khưu không vắt sữa bò khô kiệt.

Vị Tỳ-khưu biết thọ nhận vừa đủ bốn món vật dụng cúng dường của người tại gia.

11- Tỳ-khưu có sự tôn kính đặc biệt đối với những Trưởng lão xuất gia lâu ngày[1].

**Nanda chủ trại bò.*

Trong thành Sāvatthi (Xá-Vệ) có người chủ trại bò tên là Nanda (Nan-Đá), rất giàu, có tài sản lớn. Người ta nói rằng "để tránh sự áp chế của Đức vua", Nanda tình nguyện làm gia nhân cho Trưởng giả Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc).

Chủ trại bò Nanda thỉnh thoảng mang năm món ngưu vi (gorasa) đến tặng gia chủ Cấp Cô Độc và được nghe pháp từ Đức Thế Tôn nơi tư gia của gia chủ Cấp Cô Độc.

Nhiều lần chủ trại bò Nanda thỉnh Đức Thế Tôn cùng chư Tỳ-khưu thọ thực nơi tư gia của ông, nhưng Đức Thế Tôn không nhận lời.

Khi thấy được duyên lành của gia chủ Nanda, Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của gia chủ Nanda.

Gia chủ Nanda cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng những thực phẩm thượng vị từ năm món ngưu vi trọn bảy ngày.

Vào ngày thứ bảy, gia chủ Nanda nghe pháp từ Đức Thế Tôn, dứt thời Pháp gia chủ Nanda chứng đạt Thánh quả Dự Lưu.

Gia chủ Nanda tiễn chân Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ra về, khi quay trở lại nhà, Nanda bị mũi tên của người thợ săn bắn trúng và mệnh chung.

Các Tỳ-khưu bàn luận với nhau: "Vì gia chủ Nanda tiễn chân Đức Thế Tôn nên bị trúng tên của người thợ săn". Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ-khưu, dù có hay không có tiễn chân Như Lai, gia chủ Nanda cũng thoát khỏi thần chết.

Nhân đó Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

42- Diso disaṃ yaṃ taṃ kariyā;
Verī vā pana verinaṃ.
Micchāpaṇihitaṃ cittaṃ;
Pāpiyo naṃ tato kare.

"Cừu địch hại cừu địch;
Oan gia báo oan gia.
Không bằng tâm thiên lệch;
Khiến kẻ ấy đọa sa " (HT. TMC d)[2].

**Lương y Jīvaka Komārabhacca.*

Đệ nhất danh kỹ trong thành Rājagaha (Vương Xá) là nàng Sīlavatī (Xi-Lá-Quá-Ti), nàng sinh ra một bé trai, cho người ném hài tử vào đống rác, bầy quạ bay che phía trên nơi hài tử nằm.

Vào sáng sớm, Vương tử Abhaya (Á-Phá-Dá) trên đường đi đến Hoàng cung để hầu vua Bimbisāra (Bình-Sa), nhìn thấy bầy quạ bay phía trên, hỏi những người hầu rằng:

- Này các người, cái gì thế?
- Thưa Vương tử, là một bé trai.
- Nó còn sống không?
- Thưa Vương tử, còn sống.
- Vậy hãy mang nó về cung của ta, giao cho những nhũ mẫu nuôi dưỡng.
- Vâng, thưa Vương tử.

Hài tử được đặt tên là *Jīvaka* (Chi-Quá-Ká), vì khi Vương tử Abhaya hỏi" nó còn sống không", những người hầu đáp "*jīvati*: nó sống" và được Vương tử Abhaya nuôi dưỡng nên đính kèm theo là "Komārabhacca (Kô-ma-rá-phách-chá: Được vương tử nuôi dưỡng).

---

[1]- M.i. Mahāgopālakasuttaṃ (Đại kinh Người chăn bò), kinh số 32.
[2]- DhpA. Câu số 42.

Khi Jīvaka Komārabhacca đến tuổi hiểu biết, đã hỏi Vương tử Abhaya rằng:

- Thưa Ngài, ai là mẹ, ai là cha của con?

- Này Jīvaka thân thương, ta không biết mẹ của con, nhưng ta là cha của con, vì ta nuôi dưỡng con.

Nghe vậy, Jīvaka suy nghĩ: "Nếu không có nghiệp nghệ không dễ gì sống nhờ vã vào những người này. Ta nên học lấy một nghiệp nghệ.

Được nghe tiếng một danh sư nổi tiếng về nghề y ở kinh thành Takkasilā (Tắc-ká-sí-la), Jīvaka theo bạn đến kinh thành Takkasilā (Đá biết nói) học nghiệp nghệ, không báo cho Vương tử Abhaya biết.

Jīvaka theo học vị đệ nhất danh y về ngành y bảy năm, Jīvaka suy nghĩ: "Ta theo thầy học nghề thấy thuốc đã bảy năm, đỉnh cao nhất của nghề y là ở đâu?"

Jīvaka hỏi thầy về điều này, vị danh sư nói:

- Này Jīvaka thân thương, con hãy cầm cái thuổng đi dạo quanh Takkasilā một do-tuần, nếu con thấy vật gì không phải là thuốc trị bệnh, con hãy mang về đây.

-Vâng, thưa thầy.

Sau khi đi dạo quanh thành Takkasilā một do-tuần, Jīvaka không tìm thấy vật gì "không phải là thuốc trị bệnh".

- Thưa thầy, sau khi đi dạo quanh thành Takkasilā một do-tuần, con không tìm thấy vật gì "không phải là thuốc trị bệnh".

- Này Jīvaka thân, con đã học xong nghề y, bấy nhiêu đó đủ cho cuộc sống của con rồi.

Vị danh sư ngành y cho Jīvaka chút ít tiền lộ phí để trở về kinh thành Rājagaha (Vương Xá).

Khi đi đến thành Sāketa (Xa-kê-tá) , Jīvaka hết tiền đi đường. Jīvaka suy nghĩ: "Đường về kinh thành Rājagaha còn xa, lại hoang vắng, thiếu nước, thiếu vật thực, không phải dễ dàng đi. Ta nên kiếm tiền đi đường".

Jīvaka đi vào thị trấn Sāketa hỏi các cư dân:

- Này các người, nơi đây có ai bị bệnh chăng? Tôi sẽ chữa bệnh cho người ấy.

Trong thị trấn Sāketa có vợ của một đại trưởng giả bị bệnh đau đầu đã bảy năm, nhiều lương y nổi tiếng đến chữa bệnh dài ngày, nhưng không khỏi bệnh.

Cư dân trong thành Sāketa giới thiệu Jīvaka đến trị bệnh cho vợ đại trưởng giả.

Chỉ với ít bơ lỏng hòa với vài vị thuốc, Jīvaka chữa dứt chứng bệnh đau đầu đã kéo dài bảy năm của bà đại trưởng giả.

Sau khi dứt bịnh đau đầu bà đại trưởng giả thưởng công cho Jāvaka bốn ngàn đồng vàng, con trai và con dâu của ông bà đại trưởng giả mỗi người thưởng cho Jīvaka bốn ngàn đồng vàng, ông đại trưởng giả thưởng cho Jīvaka bốn ngàn đồng vàng, tặng thêm cho Jīvaka một cỗ xe ngựa, một người tớ nam và một tớ nữ.

Như vậy, lần đầu tiên Jīvaka đã kiếm được 16 ngàn tiền vàng, một cỗ xe ngựa, một tớ nam, một tớ nữ.

Rồi lương y Jīvaka Komārabhacca chữa lành bệnh "lổ rò" của vua Bimbisāra (Bình-Sa), được ban thưởng toàn bộ nữ trang của 500 cung nữ, nhưng Jīvaka từ chối chỉ xin một chức vị, vua Bình-Sa chọn Jīvaka là ngự y.

Về sau, Ngài Jīvaka Komārabhaccatrở thành "đệ nhất danh y" và là một cận sự nam thuần thành của Đức Thế Tôn.

**Kỳ tích 1.*

Trong thành Rājagaha (Vương Xá) có một đại trưởng giả mắc bệnh "đau đầu" đã bảy năm, nhiều lương y nổi tiếng đến trị bệnh dài ngày, nhưng vị đại trưởng giả vẫn không khỏi bệnh, một số lương y tài giỏi nói: "Trong năm ngày nữa, đại trưởng giả này sẽ chết", một số lương y tài giỏi khác lại nói: "Trong bảy ngày nữa, đại trưởng giả này sẽ chết".

Vị đại thần thủ thành Rājagaha suy nghĩ:

"Vị đại trưởng giả này là người có công với kinh thành Rājagaha. Được nghe vị ngự y của Đức vua là Jīvaka, là vị lương y trẻ tuổi, tài giỏi; ta nên đến xin Đức vua cho ngự y Jīvaka đến chữa bệnh cho đại trưởng giả này".

Quan tổng trấn thành Rājagaha đến thỉnh cầu vua Bimbisāra cho ngự y Jīvaka đến chữa bệnh cho vị đại trưởng giả. Đức vua Bimbisāra đồng ý.

Lương y Jīvaka đến gặp vị đại trưởng giả, sau khi đến xem mạch, rồi quan sát sự thay đổi sắc mặt của vị đại trưởng giả, đã hỏi:

- Này gia chủ, nếu tôi chữa lành bệnh cho ông, tôi được công cán gì?

- Thưa thầy, tất cả tài sản sẽ là của thầy, tôi sẽ là tôi tớ của thầy.

- Này gia chủ, ông có thể nằm một bên hông trong bảy tháng không?

- Thưa thầy, được.

Lương y Jīvaka đặt vị đại trưởng giả nằm trên giường, buộc chặt vào giường, cắt làn da đầu, tách đôi vết mổ, bắt ra hai con sâu một lớn, một nhỏ, đưa cho mọi người thấy, nói rằng:

- Các vị lương y nói "trong năm ngày nữa, đại trưởng giả này sẽ chết", các vị ấy đã nhìn thấy con sâu lớn này, trong năm ngày nữa con sâu lớn sẽ tấn công vào bộ não của đại trưởng giả, do vậy, đại trưởng gia này sẽ chết. Các vị ấy đã thấy đúng.

Các vị lương y nói "trong bảy ngày nữa, đại trưởng giả này sẽ chết", các vị ấy đã thấy con sâu nhỏ này, trong năm ngày nữa con sâu nhỏ sẽ tấn công vào bộ não của đại trưởng giả, do vậy, đại trưởng gia này sẽ chết. Các vị ấy đã thấy đúng.

Lương y Jīvaka cho khép lại vết mổ, khâu lại đường cắt ở đầu rồi bôi thuốc vào.

Trải qua bảy ngày, đại trưởng giả nói với lương y Jīvaka rằng:

- Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông trong bảy tháng.

- Này gia chủ, không phải ông đã cam đoan với tôi "nằm một bên hông trong bảy tháng"?

- Có thật như vậy, nhưng tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm một bên hông bảy tháng.

- Này gia chủ, nếu thế ông hãy nằm bên hông kia trong bảy tháng.

- Vâng, thưa thầy.

Trải qua bảy ngày, đại trưởng giả nói với lương y Jīvaka rằng:

- Thưa thầy, tôi không thể nằm một bên hông kia trong bảy tháng.

- Này gia chủ, không phải ông đã cam đoan với tôi "nằm một bên hông kia trong bảy tháng"?

- Có thật như vậy, nhưng tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm một bên hông kia trong bảy tháng.

- Này gia chủ, nếu thế ông hãy nằm ngửa trong bảy tháng.

- Vâng, thưa thầy.

Trải qua bảy ngày, đại trưởng giả nói với lương y Jīvaka rằng:

- Thưa thầy, tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

- Này gia chủ, không phải ông đã cam đoan với tôi "nằm ngửa trong bảy tháng"?

- Có thật như vậy, nhưng tôi sẽ chết mất. Tôi không thể nằm ngửa trong bảy tháng.

- Này gia chủ, nếu tôi không nói nhiều như thế thì ông không thể nằm được như vậy. Tôi biết rằng: *'Trong ba lần bảy ngày, người gia chủ này khỏi bệnh"*; này gia chủ, hãy đứng dậy, ông đã khỏi bệnh. Công của tôi ra sao?

- Thưa thầy, tất cả tài sản này là của thầy, tôi sẽ là gia nhân của thầy.

- Thôi đủ rồi, này gia chủ. Hãy dâng cho Đức vua một trăm ngàn tiền vàng và tôi một trăm ngàn.

(Vào thời ấy, không có thuốc mê hay thuốc tê, mà làm được như thế, quả thật là kỳ tài).

**Kỳ tích 2.*

Người con trai của một đại trưởng giả nơi thành Bārāṇasī (Ba-La-Nại), trong lúc chơi giỡn trò nhào lộn, ruột bị xoắn lại nên vật thực ăn vào không được tiêu hóa hết, ngay cả cháo húp cũng không được tiêu hóa hết; việc tiêu tiểu cũng không bình thường. Do vậy, thân hình thanh niên này trở nên xanh xao, nổi đầy gân xanh.

Vị đại trưởng giả đến cầu xin vua Bimbisāra cho lương y Jīvaka đến thành Bārāṇasī trị bệnh cho con trai của mình. Đức vua chấp thuận lời thỉnh cầu ấy.

Lương y Jīvaka đến kinh thành Bāraṇasī, sau khi bắt mạch, quan sát sự biến đổi trên mặt thanh niên, rồi bảo mọi người tránh đi; dùng màn che vây kín, cột chặt thanh niên vào cây cột nhà, bảo người vợ đứng phía trước, cắt làn da ở bụng lấy ra khúc ruột bị xoắn lại cho người vợ thấy, nói rằng:

- Vì điều này mà chồng bà không thể tiêu hóa vật thực được, cũng không thể tiêu tiểu bình thường.

Lương y Jīvaka Komārabhacca tháo gỡ phần ruột bị xoắn, đặt ruột vào đúng vị trí như cũ rồi khâu vết mổ lại, thoa thuốc lên vết mổ.

Không bao lâu, con người đại trưởng giả khỏi bệnh, lương y Jīvaka được thưởng công là 16 ngàn tiền vàng.

Ngoài ra lương y Jīvaka còn trị dứt bệnh cho vua Caṇḍa Pajjota (Chăng-Đá Pách-Chô-Tá) xứ Ujjenī (Úch-Chê-Ni)[1].

Đại trưởng lão Thông-Kham có dẫn chứng "nghề nghiệp tinh xảo" qua mẩu chuyện "người què búng sạn" trong tác phẩm "*38 pháp hạnh phúc"* (xin độc giả tham khảo thêm).

Có kệ ngôn như sau:

107- Sādhu kho sippakaṃ nāma;
Api yādisa kīdisaṃ.
Passa khañjappahārena;
Laddhā gāmā catudiddisāti.
"Lành thay, một nghề tinh;
Dầu đó là nghề gì.
Xem kẻ què búng sỏi.
Được làng cả bốn phương" [2].

Kệ ngôn 2.

Vinayo ca susikkhito: Luật đã được khéo nghiêm trì.

**Vinayo* (quí-ná-dô) <= vinaya (quí-ná-dá); dt, nam, cc, sđ: luật lệ.

**Susikkhito* (Xú-xít-khí-tô) = su (xú: Tốt đẹp) + ngữ căn SIKKH (xít-khá: học tập, rèn luyện); qkpt, dt, nam, cc, sđ: đã được khéo nghiêm trì, đã được khéo huấn luyện, đã được học tập tốt.

Giải.

Luật là gì? Chữ *vinaya* = vi (quí: đặc biệt) + naya (ná-dá: phương châm). Như vậy, *"luật"* theo nghĩa đen là "phương châm đặc biệt".

Luật là "những điều được qui định cho một tập thể nào đó". Như "luật quốc độ", "luật hàng hải", "luật giao thông"...

Hay *"luật"* là "những điều nên làm và những điều không nên làm, dành cho một tập thể".

Luật có khác với *giới* không? Có. *Giới (sīla)* là "những điều nghiêm cấm, không được vi phạm"; nói cách khác *"giới"* ngăn chận những "ác xấu khởi lên từ thân, lời nói, ý tưởng; đặc biệt là "thân và lời nói". Như vậy, "*luật*" bao trùm cả *"giới".*

---

[1]- Xem ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại Phẩm II. Chương VIII. Y phục.

[2]- J. 107. Sālittakajātaka (Bổn sự người búng sỏi).

Một nam cư sĩ khởi lên ý "tà hạnh trong dục lạc", nhưng chưa vi phạm bằng thân thì không gọi đã "vi phạm giới"; nhưng theo *luật* "đó là điều không nên làm, không cho ý khởi lên".

Hay: *"Vị Tỳ-khưu cần làm trước ba việc:*

Thọ trì tăng thượng giới học, thọ trì tăng thượng định học, thọ trì tăng thượng tuệ học..."[1]

Đức Thế Tôn không dạy "thọ trì tăng thượng Luật học" mà là *"tăng thượng giới học*".

Lại nữa, Đức Thế Tôn có dạy Ngài Ānanda về bốn "đại căn cứ địa (mahāpadesa)".

a- Y cứ vào Đức Thế Tôn (Buddhāpadesa).

Có vị Tỳ-khưu tuyên bố: "Chính tôi được nghe từ Đức Thế Tôn dạy như sau: "Đây là Pháp, đây là Luật"; đây là lời dạy của Bậc Đạo Sư".

b- Y cứ vào Tăng chúng (Saṅghāpadesa).

Có vị Tỳ-khưu tuyên bố: "Tại chỗ kia, tôi được nghe từ Tăng chúng như sau: "Đây là Pháp, đây là Luật"; đây là lời dạy của Bậc Đạo Sư".

c- Y cứ vào số đông trưởng lão (sambahulatherā).

Có vị Tỳ-khưu tuyên bố: "Tại chỗ kia, tôi được nghe từ các trưởng lão đa văn như sau: "Đây là Pháp, đây là Luật"; đây là lời dạy của Bậc Đạo Sư".

d- Y cứ vào vị trưởng lão (ekatherāpadesa).

Có vị Tỳ-khưu tuyên bố: "Tại chỗ kia, tôi được nghe từ trưởng lão đa văn như sau: "Đây là Pháp, đây là Luật"; đây là lời dạy của Bậc Đạo Sư".

Vị Tỳ-khưu không tán thán cũng không hủy báng lời vị Tỳ-khưu ấy; ghi nhớ mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu, rồi so sánh với *kinh* (sutta), đối chiếu với *luật* (vinaya).

Nếu không phù hợp với *kinh,* không tương ứng với *luật*, thời có thể kết luận: "Chắc chắn đây không phải là lời dạy của Đức Thế Tôn, bậc Chánh Giác". Các ngươi hãy từ bỏ chúng.

Nếu phù hợp với *kinh*, tương ứng với *luật*, thời có thể kết luận: "Chắc chắn đây là lời dạy của Đức Thế Tôn, bậc Chánh Giác". Các ngươi hãy thọ trì[2].

Rõ ràng, Đức Thế Tôn dạy "*đối chiếu với luật*", không đối chiếu với *giới*.

Ngài Upāli (Ú-Pa-Lí) đã xử lý ba vụ án liên quan đến giới.

a- Vị Tỳ-khưu ni có mang trước khi xuất gia.

Trong thành Rājagaha (Vương xá) có cô gái con một gia tộc Trưởng giả danh tiếng. Khi tuổi trưởng thành, nàng có ý muốn được xuất gia, nhưng cha mẹ không chấp thuận vì nàng là con gái duy nhất của gia tộc này.

Nàng được gả cho một thanh niên con nhà vọng tộc tương xứng với gia tộc và nàng trở thành người vợ chung thủy đức hạnh, chu toàn mọi phận sự làm vợ. Tâm nàng luôn có khuynh hướng xuất gia tu tập để chứng Thánh quả ALaHán, nên chẳng màng đến thế tục.

Một hôm trong thành Rājagaha (Vương xá) khai mở lễ hội 7 ngày để chúng dân vui chơi.

Kinh thành Rājagaha được trang hoàng như thành phố chư Thiên, nhưng nàng chẳng màng trang điểm lại chẳng tha thiết đến lễ hội, lấy làm lạ, chồng nàng hỏi nguyên nhân, nàng thú thật với chồng rằng:

- Thưa anh, thân này chứa đầy 32 thể trược, trang điểm thân này làm gì? Thân này không phải là hóa sinh như thân chư Thiên, Phạm thiên, không phải được hóa sinh từ hoa sen trắng, sen hồng, không là ngọc vàng châu báu.

---

[1]-A.i. 229. Khettasuttaṃ (kinh Ruộng), chương ba pháp.

[2]- D.ii.123; A.ii. 167.

Thân này là kết tinh từ những ô trược của mẹ cha, thân này luôn bị định luật vô thường làm cho biến hoại. Như vậy trang điểm để làm gì?

Rồi nàng nói lên kệ ngôn của Đức Thế Tôn dạy (trong tập Suttanipāta – Kinh Tập).

194- Aṭṭhinahārusaṃyutto; tacaṃmaṃsāvalepano.

Chaviyā kāyo paṭicchanno; yathābhūtaṃ na dissati.

"Ràng buộc với xương gân;

Trét thoa[1] với da thịt.

Thân được da che đậy;

Không thấy rõ như thật"[2].

Như vậy, thưa anh trang điểm thân này làm gì? Phải chăng là trang điểm bên ngoài chiếc bình chứa đầy phẩn và nước tiểu bên trong?

- Thế sao nàng không xuất gia?

- Em rất mong như thế, nếu anh cho phép, hôm nay em sẽ xuất gia.

- Lành thay, lành thay, này em thân.

Chồng nàng vô cùng hoan hỷ và chấp thuận cho nàng được phép xuất gia, khi ấy nàng đã có mang nhưng nàng không hề biết điều này.

Chồng nàng tổ chức lễ xuất gia cho nàng thật long trọng, nàng xuất gia vào Ni đoàn, thuộc nhóm của Tôn giả Devadatta (ĐềBàĐạtĐa).

Thời gian sau, thai bào phát triển, mọi người biết nàng đã mang thai, các Tỳkhưu ni hỏi nàng rằng:

- Này Tỳkhưu ni, chuyện này như thế nào?

- Thưa chư Hiền tỷ, tôi cũng chẳng biết như thế nào cả. Nhưng tôi không hề phạm giới hủy diệt đời sống Phạm hạnh.

Các vị Tỳkhưu ni mang việc này trình lên Tôn giả Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa).

- Bạch Ngài, Tỳkhưu ni này xuất gia vì niềm tin, nhưng chúng tôi không rõ vì sao nàng mang thai.

Do e ngại mang tiếng nhơ, Tôn giả Devadatta không suy nghĩ cặn kẽ, không cho truy gạn lý do rõ ràng, vội quyết định rằng:

- Hãy trục xuất Tỳkhưu ni này ra khỏi Ni đoàn, trả nàng về với đời sống thế tục. Đừng để mang tai tiếng đến Ni giới trong trú xứ của chúng ta, những ni giới này luôn được chính ta giáo giới.

Nghe quyết định của Tôn giả Devadatta, nàng thưa với các vị Tỳkhưu ni rằng: "Thưa chư Hiền tỷ, tôi xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, không phải xuất gia trong giáo thuyết của Tôn giả Devadatta, hãy mang tôi đến Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy như thế nào tôi sẽ thực hành theo lời dạy của Đức Thế Tôn".

Vì nàng là con gái duy nhất của một gia đình vọng tộc, nên các vị Tỳkhưu ni không dám đi quá giới hạn, theo lời yêu cầu của nàng, đưa nàng vượt đường dài 45 do-tuần đến Đại tự Kỳ Viên, trình bạch việc này lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn thấu rõ mọi việc, Ngài suy nghĩ: "Tuy thai bào hình thành khi nàng còn cư sĩ, nhưng cũng là cớ để cho ngoại giáo xuyên tạc rằng: "Samôn Gotama nhận một Tỳ-khưu ni mà Tôn giả Devadatta đã tẩn xuất do phạm giới". Để minh bạch, việc này cần làm sáng tỏ trước đại chúng".

Đức Thế Tôn cho mời Đức vua Pasenadi cùng các vị Đại thần, Trưởng giả Mahā Anāthapiṇḍika (Đại Cấp Cô Độc), Trưởng giả Cūḷa Anāthapiṇḍika (Tiểu Cấp Cô Độc), bà Visākhā (Quí-Xa-Kha)... đến Đại tự Kỳ Viên.

Vào buổi chiều khi đại chúng có mặt đông đủ, Đức Thế Tôn dạy Ngài Upāli rằng:

---

[1]- Avalepano.

[2]- Sn. 34. Vijayasuttaṃ (kinh Thắng trận).

- Này Upāli, trước đại chúng, hãy làm sáng tỏ sự kiện của Tỳkhưu ni trẻ này đi.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Trưởng lão Upāli cho mời bà Visākhā đến nói rằng:

- Này Visākhā, nàng hãy xét nghiệm thai bào này hình thành trước hay sau khi nàng Tỳ- khưu ni này xuất gia?

- Vâng, bạch Ngài.

Bà Visākhā cho người che màn kín đáo chung quanh, cho vị Nữ ni vào bên trong màn, tự thân bà kiểm nghiệm từ tay chân, rún, bụng của nàng Nữ ni. Rồi tính ra ngày vị Nữ ni mang thai, sau khi tính toán xong, bà Visākhā công bố ngày vị Nữ ni mang thai.

So với ngày vị Nữ ni xuất gia thì nàng đã có mang trước, nhưng không hề hay biết.

Giữa hàng tứ chúng, Trưởng lão Upāli tuyên bố: "Vị Tỳkhưu ni này vô tội, giới của nàng hoàn toàn trong sạch".

**Trưởng lão Ajjuka.*

Một gia chủ ở thành Vesāli (Quê-Xa-Lí) là người hộ độ của Ngài Ajjuka (Ách-Chú-Ká). Người gia chủ này có người con trai và người cháu trai.

Người gia chủ nói với Ngài Ajuka rằng:

- Thưa Ngài, trong hai đứa trẻ trai này, đứa nào có niềm tin và mộ đạo, Ngài nên thông báo cơ hội (okāsaṃ) đến đứa ấy.

Người gia chủ qua đời, trong hai đứa trẻ trai; người cháo có niềm tin và mộ đạo, người con thì không và Ngài Ajjuka đã thông báo cơ hội đến người cháu trai. Người cháu trai đã bảo quản tài sản ấy và còn tạo thiện nghiệp bố thí.

Người con trai đến nói với Ngài Ānanda rằng:

- Thưa Ngài Ānanda, người thừa tự thật sự của cha là người con hay người cháu trai?

- Này gia chủ, là người con.

- Thưa Ngài Ānanda, Ngài Ajjuka đã bảo "tài sản của cha tôi" thuộc về người anh họ của chúng tôi.

- Này gia chủ, như vậy Tôn giả Ajjuka không phải là sa-môn.

Nghe vậy, Ngài Ajjuka nói với Ngài Ānanda rằng:

- Này Đại đức Ānanda, hãy cho tôi cuộc phân xử.

Bấy giờ, Ngài Upāli ủng hộ Ngài Ajjuka, đã hỏi Ngài Ānanda:

- Này hiền giả Ānanda, vị Tỳ-khưu được người chủ nói rằng: *"Hãy thông báo cơ hội đến người tên như vầy'*, rồi đã thông báo đến người ấy điều đã được dặn dò; vị Tỳ-khưu ấy phạm tội gì?

- Thưa Ngài, không phạm bất cứ tội gì, cho dù là tội dukkaṭa (tác ác).

- Này hiền giả Ānanda, như vậy Đại đức Ajjuka vô tội[1].

**Tôn giả Bhārukacchaka.*

Có vị Tỳ-khưu người thành phố Bhārukaccha, nên được gọi là Bhārukacchaka (Pha-Rú-Kách-Chá-Ká).

Vị ấy nằm mơ thấy mình giao hợp với người vợ cũ, nên nghĩ rằng: *"Ta không còn là sa-môn, ta sẽ hoàn tục"*. Trong lúc đi đến thành phố Bhārukaccha (Pha-rú-kách-chá), vị ấy gặp Ngài Upāli, đã trình bày sự việc đến Ngài Upāli, Ngài Upāli nói:

- Này Đại đức, trong giấc mơ thì không phạm tội[2].

Ngài Upāli đã xử lý ba sự kiện liên quan đến *giới*, và được Đức Thế Tôn tán thán.

Nhân những việc trên, Đức Thế Tôn ban cho Ngài Upāli là "đệ nhất giữ *luật* (*vinayadharānaṃ*)"[3].

---

[1]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳ-khưu I; số 172.

[2]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳ-khưu I; số 71.

[3]- A.i. 24.

Rõ ràng *"Giới nằm trong luật"*.

Ngài Dhammapāla có giải thích: Luật (vinaya) *ở* đây có nghĩa là *"luật của người tại gia* (agārikavinayo)" *và "luật của bậc xuất gia* (anāgārikavinayo).

"Đã được khéo rèn luyện (sussikkhito)" *ở* đây nghĩa là: "Thực hành không có ô nhiễm" và "nhận định được ân đức đặc biệt có nơi giới hạnh".

I- Luật người tại gia đã được khéo rèn luyện.

"*Luật tại gia"*, có hai điều là: Điều không nên làm và điều nên làm.

1- Điều không nên làm của người tại gia.

Là "không vi phạm vào 10 ác bất thiện nghiệp".

Nét chung của 10 ác bất thiện nghiệp này là: "Sẽ tái sinh về cảnh giới địa ngục, súc sinh hay "ma đói (peta)".

Nét riêng của 10 ác bất thiện nghiệp này là:

**Về sát sinh.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp sát sinh là "được sinh làm người, *có tuổi thọ ngắn* (yểu tử)".

**Về lấy của không cho.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp lấy của không cho là "được sinh làm người, sẽ là *người nghèo khổ*".

**Về tà hạnh trong dục lạc.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp tà hạnh trong dục lạc là "được sinh làm người, sẽ là người *bị người khác thù hận*".

**Về nói dối.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp nói dối là "được sinh làm người, sẽ là người *bị người khác vu cáo"*.

**Về nói chia rẽ.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp nói chia rẽ là "được sinh làm người, sẽ là người *không có bạn*".

**Về nói ác.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp nói dối là "được sinh làm người, sẽ là người *được nghe những tiếng không khả ý".*

**Về nói vô ích.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp nói chia rẽ là "được sinh làm người, sẽ là người *được nghe những lời khó chấp nhận*".

**Về uống rượu và chất say.*

Quả chín muồi rất là nhẹ của nghiệp rượu và chất say là "được sinh làm người, sẽ là *người điên loạn*"[1].

"Uống rượu" cũng là một trong những nguyên nhân đưa đến bại vong[2].

**Về tham ác.*

Là do lòng tham nên tạo những ác nghiệp như: trộm cắp, nói chia rẽ, sát sinh... ác quả của nghiệp này là rơi vào bốn khổ cảnh, nếu được làm người, sẽ là người khốn khổ, tật nguyền...

248. Hạng tham ô, thù nghịch,
Tìm cách để giết hại,
Luôn luôn hướng về ác,
Sau chết sinh tối tăm,
Chúng sinh ấy rơi vào,
Địa ngục đầu xuống trước[1].

---

[1]- A.iv. 247. Duccaritavipākasuttaṃ (kinh Quả chín muồi của thực hành ác). Chương tám pháp.

[2]- Sn.18. Parābhavasuttaṃ (kinh Bại vong), số 106.

**Về sân ác.*

Là do tâm sân chi phối mạnh, tạo ra những ác nghiệp như sát sinh, nói chia rẽ... mệnh chung rơi vào khổ cảnh, nếu sinh làm người sẽ là người có dung mạo xấu...

"*Ở đây, này thanh niên, có người nữ hay người nam, phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mệnh chung người ấy sinh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục; nếu được làm người, sẽ là người có sắc xấu*"[2].

**Về tà kiến ác.* Đã trình bày ở phần trước.

Giải rộng.

**Về sát sinh.*

Quả của nghiệp sát sinh là dẫn đến "yểu tử"; như những hài tử chết trong thai bào, chết khi vừa ra khỏi thai bào, chết lúc một tuổi, hai tuổi... Nghĩa là phải nhận "cái chết không đúng thời"; như ba thai nhi của người vợ nhỏ, bị người vợ lớn làm hại (đã nói ở tập 1).

Ngoài ra còn bị người khác ám hại nhiều lần, như câu chuyện Trưởng giả Ghosaka sau đây.

**Trưởng giả Ghosaka (Khô-Xá-Ká).*

Ghosaka là một đại trưởng giả trong thành Kosambi (Kô-xăm-bí). Trong tiền kiếp tiền thân trưởng giả Gosaka là người nghèo khổ trong xứ Allakappa (An-lá-kắp-pá) có tên gọi là Kotuhaliko (Kô-Tú-Há-Lí-Kô).

Có thời, xứ Allakappa mất mùa. nạn đói lan tràn khắp nơi, Kotuhaliko cùng vợ là Kālī (Ka-Li) và đứa con trai còn bú sữa, bỏ làng đi đến xứ khác để sống.

Trên đường đi, khi băng qua khu rừng vắng, hai vợ chồng Kotuhalijo hết lương thực, lại bị đói khát dày vò, lại quá mỏi mệt Kotuhaliko bỏ rơi đứa con nhỏ trong rừng và đứa bé đã chết (quả của ác nghiệp này, về sau hậu thân của Kotuhaliko đã mấy lần bị ném bỏ cho chết). Hai vợ chồng ra được khỏi rừng, rồi đi đến một trang trại nuôi bò, xin cơm ăn.

Hôm ấy, con bò cái giống tốt của người chủ trại bò sinh ra con bê đầu tiên, người chủ trại bò tổ chức lễ ăn mừng cho con bê vừa sinh ra. Chủ trại bò có hộ độ vị Phật Độc Giác, sau khi cúng dường cơm sữa sanh-tô (sapi) đến Đức Phật Độc Giác xong rồi, người chủ trại bò cho hai vợ chồng Kotuhaliko hai bát cơm sữa sanh-tô.

Người vợ thương chồng nên sớt cơm sữa sanh-tô của mình vào bát của chồng, nàng chỉ thọ dụng vừa đủ, còn Kotulika vì đói đã bảy ngày nên thọ dụng rất nhiều cơm sữa sanh-tô, nhưng vẫn chưa thỏa mãn.

Trong khi dùng cơm sữa sanh-tô, anh nhìn thấy con chó cái được người chủ bò vắt cơm sữa sanh-tô xuống cho con chó cái ăn, Kotuhaliko suy nghĩ: "Con chó cái này thật có phước, được chủ cho ăn những vật thực thượng vị như thế".

Đêm ấy, Kotuhaliko bị trúng thực do cơm sữa sanh-tô không tiêu hóa được, lúc sắp mệnh chung hình ảnh con chó cái hiện ra trong tâm Kotuhaliko, mệnh chung Kotuhaliko tái sinh vào thai bào con chó cái.

Vài tháng sau, cho chó sinh ra những con chó con, trong đó có một con chó đực, người chủ trại bò rất thương con chó con này, cho nó bú sữa bò nên nó lớn lên nhanh chóng và khỏe mạnh. Khi Đức Phật Độc Giác đến thọ thực, con chó quanh quẩn bên chân Đức Độc Giác và Ngài ban cho nó những vắt cơm sữa sanh-tô. Con chó rất khôn ngoan.

Thường người chủ trại bò đến thỉnh Đức Phật Độc Giác: "Thưa Ngài, đã đến giờ thọ thực, vật thực đã sẵn sàng".

---

[1]- Sn. 42.Āmagandhasuttaṃ (kinh Hôi thối), số 248.

[2]- M.iii. Cūḷakammavibhaṃgasuttaṃ (Tiểu nghiệp phân biệt kinh), kinh số 135.

Con chó thường chạy theo chủ trại bò, trên đường đi đến liêu thất của vị Phật Độc Giác, người chủ trại bò thường dùng gậy đập vào những bụi rậm để xua đuổi thú dữ cùng độc trùng, giữ an lành cho Đức Phật Độc Giác.

Một hôm, người chủ trại bò thưa với vị Phật Độc Giác rằng:

- Thưa Ngài, khi nào con bận việc, con sẽ sai con chó này đến Ngài, khi ấy Ngài biết rằng: "Đã đến giờ thọ thực".

Từ ấy, mỗi khi bận việc, người chủ trại bò sai con chó đến báo cho Đức Phật Độc Giác biết "đã đến giờ thọ thực".

Khi thấy con chó đến, Đức Phật Độc Giác biết "đến giờ thọ thực", Ngài đi đến nhà người chủ trại bò. Con chó chạy trước đến các bụi rậm, nó sủa vào bụi rậm để xua đuổi thú dữ cùng những độc vật như rắn, rết... giữ an lành cho Đức Phật Độc Giác như người chủ đã làm.

Thời gian sau, thấy chiếc y của Ngài đã quá cũ, người chủ trại bò dâng cho Ngài một xấp vải y mới, Ngài từ giã gia chủ để đi về núi Gandhamadāna (Hương Sơn) để làm y, Đức Phật Độc Giác theo đường hư không về núi.

Con chó nhìn theo Đức Phật Độc Giác, sủa lên thương mến vị Phật Độc Giác, khi khuất bóng hình Ngài nó tức bể tim lăn ra chết.

Mệnh chung con chó sinh về cõi trời Đao Lợi, là thiên chung chủ tòa thiên cung bằng ngọc quí, có ngàn thiên nữ phục vụ. Vị thiên tử này có tiếng nói vang vang khắp kinh thành Sudassana (Thiện Kiến) của cõi Đạo Lợi, nên được gọi là Ghositadevaputta (Lôi Âm thiên tử) (đây là quả phước của tiếng sủa với tâm thương mến Đức Phật Độc Giác).

Ghositadevaputta do đắm nhiễm trong dục lạc, bỏ ăn nên mệnh chung, tái sinh vào thai bào của nàng kỹ nữ trong thành Kosambi, khi hài tử được sinh ra bị bỏ vào giỏ, người hầu của nàng kỹ nữ mang chiếc giỏ ném vào đống rác (đây là quả "ném con ở giữa rừng"); theo qui luật của nghề kỹ nữ, khi sinh con gái thì nuôi rồi truyền nghề kỹ nữ cho con gái, nếu sinh con trai thì mang hài tử ném bỏ.

Hài tử nằm trên đống rác, chó và quạ bu quanh nhưng không con nào dám đến gần làm hại đứa bé (đây là quả giữ an lành cho vị Phật Độc Giác).

Có người đàn ông vào buổi sớm ra ruộng, trên đường đi nhìn thấy quạ và chó vây quanh đống rác, người ấy suy nghĩ: "Có gì lạ trong đống rác".

Người ấy đi đến đống rác, nhìn thấy hài tử, kêu lên rằng: "Ta có được đứa con rồi"; nguyên hai vợ chồng người này không có con, nên gặp được hài tử y vui mừng kêu lên như thế.

Vào ngày ấy, Đại trưởng giả trong thành Kosambi đi vào Hoàng cung để hầu Đức vua, trên đường đi đại trưởng giả gặp được quan chiêm tinh của Đức vua, sau những lời chào đón thân hữu, hỏi rằng:

- Thưa Ngài chiêm tinh, hôm nay Ngài xem thiên văn thấy có gì khác lạ chăng?.

- Này đại trưởng giả, không có gì khác lạ cả. Có điều, đứa bé nào sinh ra trong ngày hôm nay sẽ là vị đệ nhất trưởng giả trong thành Kosambi này.

Khi ấy, bà vợ của đại trưởng giả sắp đến ngày sinh, đại trưởng giả cho người hầu về nhà xem bà đại trưởng giả sinh con chưa? Người hầu sau khi về nhà biết bà đại trưởng gia chưa sinh con, sau đó đến báo tin cho đại trưởng giả rằng: "Thưa ông, bà chưa sinh".

Đại trưởng giả sau khi hầu vua xong trở về nhà, cho gọi nữ tỳ Kāḷī (Ka-Li) đến, bảo rằng:

- Con hãy đi khắp kinh thành Kosambi này, xem có đứa trẻ nào vừa sinh ra trong ngày hôm nay chăng?

- Vâng, thưa chủ.

Người nữ tỳ sau khi dò hỏi, biết được rằng: "Hôm nay có đứa bé vừa sinh ra, bị ném vào đống rác và có người nhặt được mang về nuôi dưỡng".

Nữ tỳ Kāḷī về báo cho chủ biết tin này.

- Này con, con hãy mang ngàn đồng vàng mua đứa bé ấy về đây cho ta.

- Vâng, thưa chủ.

Nữ tỳ Kāḷī mua được đứa bé trai ấy về cho chủ, đại trưởng giả suy nghĩ: "Nếu vợ ta sinh con gái, ta sẽ gả con gái ta cho đứa bé này, nếu vợ ta sinh con trai ta sẽ thủ tiêu thằng bé này".

Vài ngày sau, bà đại trưởng giả sinh ra một bé trai. Đại trưởng giả suy nghĩ: "Ta phải tìm cách giết thằng con hoang kia, con ta mới trở thành đệ nhất trưởng giả trong thành này được".

Đại trưởng giả sai nữ tỳ Kāḷī rằng:

- Này con, khi người ta mở chuồng bò, con hãy đặt thằng bé này nơi cửa chuồng bò, để bò giẫm chết nó. Khi thấy nó chết rồi, hãy về báo cho ta biết.

- Vâng, thưa chủ.

Khi thấy người chăn bò mở cửa chuồng bò, nữ tỳ Kāḷī đặt đứa bé ngay giữa lối đi. Thường khi con bò đực chúa đàn đi sau cùng, nhưng hôm nay nó xông ra trước, đến nơi đứa bé nằm, nó đứng dang bốn chân ra che chở hài tử rồi đứng yên, hài tử nằm giữa bốn chân con bò chúa đàn; đàn bò tuôn ra khỏi chuồng đi vẹt hai bên bò chúa đàn. Người chăn bò nhìn thấy đứa bé được bò chúa đàn che chở, anh vui mừng nói: "Ta có được đứa con trai rồi"; người chăn bò mang hài tử về nuôi dưỡng.

Nữ tỳ Kāḷī về báo lại cho chủ sự việc trên, đại trưởng giả bảo:

- Này con, con hãy mang ngàn đồng vàng đi chuộc thằng bé về đây.

- Vâng, thưa chủ.

Được tin, có 500 cỗ xe thương buôn đang chờ ngoài cổng thành, sáng mai sẽ đi vào thành Kosambi, đại trưởng giả bảo nữ tỳ Kāḷī rằng:

- Sáng mai, khi cửa thành vừa mở, con hãy đặt thằng bé nơi lối đi vào thành, khi nó bị những cỗ xe cán chết, con hãy về báo cho ta biết.

- Vâng, thưa chủ.

Khi cổng thành vừa mở, nữ tỳ Kāḷī đặt đứa bé nằm giữa lộ rồi ẩn vào một chỗ để quan sát.

Cỗ xe người trưởng đoàn đi trước, nhưng hai con bò khỏe mạnh kéo xe bỗng trở chứng, không chịu kéo cỗ xe đi cho dù bị đánh mạnh cỡ nào, chúng vẫn đứng ì ra đó, rống vang lên. Lấy làm lạ, người trưởng đoàn buớc xuống xe xem xét "có chuyện gì?". Nhìn thấy hài tử, bổng dưng ông có tâm thương mến như con của mình, ông nói: "Ta có được đứa con rồi". Và người trưởng đoàn mang hài tử lên xe để chăm sóc.

Nữ tỳ Kāḷī mang việc này trình lên cho chủ, thế là đại trưởng giả lại bỏ ra ngàn đồng vàng để chuộc đứa bé về.

Đại trưởng giả lại bảo nữ tỳ Kāḷī rằng:

- Này con thân, con hãy mang đứa bé này ném vào bụi rậm trong bãi tha ma.

- Vâng thưa chủ.

Nữ tỳ Kāḷī mang hài tử đi vào tha ma mộ địa, đặt hài tử vào nơi bụi cây rậm rạp.

Hôm ấy, người chăn dê đưa đàn dê hằng trăm con đi đến đồng cỏ để ăn cỏ, đàn dê đi ngang qua bãi tha ma, một con dê cái tách đàn đi tìm lá cây để ăn, nó đi vào bụi cây rậm rạp để ăn lá cây, nhìn thấy hài tử, con dê đi đến cho hài tử bú sữa của nó.

Người chăn dê đi tìm con dê cái, thấy hài tử đang bú sữa dê, ông hân hoan reo lên: "Ta có được đứa con trai rồi". Và người chăn dê mang hài tử về nhà nuôi dưỡng.

Đại trưởng giả lại bỏ ra ngàn đồng vàng chuộc đứa bé về.

Lần này, đại trưởng giả sai nữ tỳKāḷī mang đứa bé lên núi Trộm Cướp (Corapabbata), ném xuống hố. Nơi đây là nơi xử tội bọn trộm cướp, người ta dẫn bọn trộm cướp đến đây, xô chúng rớt xuống hố chết, nên núi có tên là "núi Trộm cướp".

Nữ tỳ Kāḷī mang đứa bé lên núi Trộm cướp, đứng trên mỏm đá ném đứa bé xuống hố. Nơi sườn núi phía dưới có một lùm tre lớn từ kẽ đá nhô ra, bên trên những ngọn tre có đám cam thảo rừng (jiñjuka) bao phủ, đứa bé rơi trên thảm cam thảo, nó khóc ré lên, tiếng khóc đứa bé vang rộng ra xa. Do nhân này, hài tử có tên là Ghosaka.

Có người thợ trưởng của nhóm thợ đan thúng, rổ, hôm ấy ông cùng người con trai đi vào rừng tìm tre để đốn mang về. Nghe tiếng khóc hài tử, ông tìm đến thấy hài tử nằm trên tấm thảm cam thảo, ông vui mừng reo lên: "Ta có được đứa con trai". Người thợ trưởng đi xuống mang hài tử về nuôi dưỡng.

Thế là, đại trưởng giả lại bỏ ra ngàn đồng vàng để chuộc hài tử về.

Qua những việc như thế, đại trưởng gia phát sinh kinh sợ: "Đứa bé này thật đại phúc, đã nhiều lần nó thoát khỏi cái chết. Ta hãy nuôi dưỡng rồi xem sao".

Về sau, đại trưởng giả hai lần sai người giết chết Ghosaka, nhưng bất thành (đây là quả phước giữ an lành cho Đức Phật Độc Giác).

Sau cùng, Ghosaka thừa hưởng gia sản của đại trưởng giả, trở thành vị đệ nhất trưởng giả trong thành Kosambi[1].

**Về lấy của không cho.*

Ngoài bốn khổ cảnh đang chờ đợi, khi được sinh làm người, tuy có được tài sản sẽ có 5 tai họa làm hư hoại tài sản ấy, đó là:

- Tài sản bị lửa làm hư hoại.
- Tài sản bị nước làm cho hư hoại.
- Tài sản bị trộm cướp làm cho hư hoại.
- Tài sản bị vua quan làm cho hư hoại.
- Trong gia tộc có người làm cho tài sản bị hư hoại[2].

"*Lấy của không cho"* không hẳn chỉ thu đoạt tài sản của người, phá hoại tài sản của người cũng xem như "lấy của không cho". Trong Tạng luật có ghi nhận:

Có vị Tỳ-khưu đã thả những con cá bị vướng vào rọ với tâm trộm cắp: "*(Phải hành động) trước khi các người chủ nhìn thấy"*.

Vị ấy đã có nỗi nghi hoặc: *"Điều học đã được Đức Thế Tôn quy định, phải chăng ta đã phạm vào tội pārājika (trục xuất)?"*

Vị ấy trình lên Đức Thế Tôn sự việc này.

- Này Tỳ-khưu, ngươi đã phạm tội pārājika[3].

Nữ nhân hói **đầu (Khall**āṭ**iya).*

Thuở xưa, vào thời Giáo pháp Đức Chánh Giác Kassapa, nơi thành Bārāṇasī (Ba-La-Nại) có một nữ nhân sống nhờ sắc đẹp của mình, nàng có mái tóc rất dài đen mướt, mềm mại óng ả, các bím tóc được nàng kết lại thành hai nắm tay, khi buông xuống chúng rơi đến tận thắt lưng.

Một số nữ nhân ganh tỵ với mái tóc xinh đẹp ấy, đã mua chuộc nàng hầu của nàng ấy, đưa cho nữ tỳ loại thuốc làm rụng tóc, người hầu pha loại thuốc ấy vào bột tắm, nữ nhân dùng bột tắm gội đầu và tóc nàng rụng hết, đầu nàng trơn láng giống như trái bầu khô.

Vì hổ thẹn, nàng không dám đi vào trong thành sinh sống, cư trú ở ngoài thành dùng khăn bao phủ quanh đầu, nàng sống bằng nghề bán dầu mè và rượu mạnh, vì nàng biết cách ép dầu mè.

Một hôm, có vài người đàn ông say rượu ngủ vùi, nàng lấy trộm tất cả y phục của họ đang treo mắc lủng lẳng rồi bỏ trốn.

---

[1]- Xem DhpA. Câu số 21-22-23.

[2]- S.iv. 322; A.iv. 6.

[3]- ĐĐ Indacanda (d). Luật phân tích Giới Tỳ-khưu I. Điều pārājika thứ nhì, số 153.

Có lần, nàng cúng dường đến vị Thánh Tăng chiếc bánh bằng hạt dẻ trộn dầu mè. Rồi ước nguyện "có được mái tóc xinh đẹp, đen tuyền, mềm mại óng ả như trước".

Mệnh chung, nàng tái sinh thành một nữ ma đói Vemāṇikā (Quê-ma-ní-ka), nữ ma đói (petī) này có được mái tóc xinh đẹp như lời ước nguyện. Nữ ma đói trú ngụ trong tòa lâu đài bằng vàng ròng rất xinh đẹp, tòa lâu đài này nằm trên một hoang đảo giữa đại dương.

Do quả trộm cắp y phục, nên nàng phải bị lõa thể, nữ ma đói phải dùng mái tóc dài xinh đẹp để che thân. Ban ngày nàng hưởng an lạc như nàng tiên nữ, ban đêm nàng bị ngọn lửa thiêu đốt thân, đau khổ cùng cực, mệnh chung, nữ ma đói tái sinh trở lại nơi chính tòa lâu đài ấy để chịu khổ vào đêm hôm sau; quả khổ đã thiêu đốt nữ ma đói như thế trọn một kiếp Đức Chánh Giác.

Vào thời Đức Thế Tôn còn tại tiền, có đoàn thương nhân nơi thành Sāvatthi (Xá-Vệ), cùng nhau đi thuyền đến vùng Suvaṇṇabhūmi (Đất vàng) để mua vàng mang về xứ Ấn buôn bán.

Đoàn thương buôn bị bão lớn, thuyền buôn bị trôi dạt vào hoang đảo ấy. Nữ ma đói đứng trong lâu đài bằng vàng, hiện gương mặt ra cho những thương nhân trông thấy, người trưởng đoàn nói rằng:

- Nàng là ai, sao được trú ngụ nơi tòa lâu đài bằng vàng, nàng hãy bước ra ngoài lâu đài này để chúng tôi chiêm ngưỡng.

- Tôi không thể bước ra ngoài lâu đài này được vì toàn thân tôi không có mảnh vải che thân.

- Chúng ta sẽ tặng nàng những xấp vải quí để nàng che thân.

- Vô ích thôi, vì tôi không thể mặc những loại y phục ấy.

- Thế chúng ta phải làm sao để giúp nàng?

- Trong đoàn các người, có một cận sự nam của Đức Chánh Giác, các người hãy dâng cho vị ấy chiếc y quí, rồi hồi hướng phước ấy đến tôi, tôi mới có được y phục để che thân.

Đoàn thương nhân làm theo lời nàng, khi cận sự nam được dâng y phục quí, hồi hướng phước đến nữ ma đói, lập tức nữ ma đói có được thiên y đắp lên thân.

Nữ ma đói có được y phục che thân, bước ra khỏi lâu đài bằng vàng ròng, vị cận sự nam hỏi:

- Này thiên nữ, vì sao nàng có được tòa lâu đài bằng vàng ròng xinh đẹp như thế này.

- Thưa Ngài, lâu đài bằng vàng ròng này là quả phước của việc cúng dường chiếc bánh làm bằng hạt dẻ có pha dầu mè đến vị Sa-môn. Nhưng tôi không còn thọ hưởng phước này lâu dài được, sau bốn tháng nữa, tôi mệnh chung tái sinh vào cảnh giới địa ngục do quả "lấy trộm y phục".

- Này thiên nữ, vậy nàng hãy bố thí vật thực đến chúng ta, rồi tưởng niệm đến ân đức Đức Thế Tôn, nhờ phúc lành này, nàng có thể thoát khỏi cảnh giới địa ngục.

- Vâng, thưa Ngài.

Nữ ma đói thiết đãi đoàn thương nhân những vật thực thượng vị. Sau đó, nữ ma đói nói với đoàn thương nhân rằng:

- Xin các Ngài hãy nhân danh tôi đảnh lễ dưới chân Đức Thế Tôn.

Nữ ma đói dùng thần lực của mình đưa thuyền của đoàn thương nhân trở lại bến cảnh nơi kinh thành Sāvatthi chỉ trong một ngày.

Khi về đến kinh thành Sāvatthi, đoàn thương nhân cùng nhau mang lễ vật đi vào Đại tự Kỳ-Viên, sau khi nhân danh nữ ma đói đảnh lễ rồi cúng dường lễ phẩm đến Đức Thế Tôn. Vị nam cận sự trình lên Đức Thế Tôn câu chuyện trên(1).

**Về tà hạnh trong dục lạc.*

Người nam muốn trở thành người nữ rất dễ dàng, ví như người đứng trên đỉnh núi nhảy xuống núi. Còn nữ nhân muốn trở thành nam nhân rất khó khăn, ví như người từ chân núi trèo lên đỉnh núi.

Nam nhân khi có ý tà hạnh trong dục liên hệ đến nữ nhân, xúc phạm đến bậc Thánh A-La-Hán, ngay trong kiếp ấy có khả năng thân nam chuyển thành thân nữ, như thanh niên Soreyya có ý tà hạnh với Ngài Mahā Kaccāna (Má-Ha Kách-Cha-Ná). Thân nam lập tức biến hành thân nữ(2).

**Nàng Rujā (Rú-Cha).*

Nàng Rujā là con gái của vua Aṅgati (Ăng-Gá-Tí) trị vì kinh thành Mithilā (Mí-thí-la) xứ Videha (Quí-đê-há).

Khi vua Aṅgati (tiền thân của Ngài Uruvelā Kassapa (Ú-rú-quê-la Ca-Diếp) tin vào tà kiến của tà sư Kassapa (Ca-Diếp) là "vô quả kiến", theo chủ thuyết của tà sư này "không có kết quả của thiện nghiệp hay ác nghiệp chi cả; chết là hết". Nàng Rujā khuyên cha hãy từ bỏ tà kiến trên, hãy từ bỏ ác pháp, thực hành thiện pháp. Nàng Rujā có khả năng nhớ lại 6 kiếp quá khứ và biết được một kiếp vị lai của mình. Nàng thuật cho cha nghe về những kiếp sống quá khứ của mình như sau:

* Có một kiếp tiền thân nàng Rujā là con trai của người thợ bạc nơi kinh thành Rājagaha (Vương Xá).

Thuở ấy, vì giao du với bạn xấu nên thanh niên này đã tà hạnh với vợ con người, nhưng nghiệp lành đã tạo trong đời trước vẫn còn, khi mệnh chung thanh niên này tái sinh làm con trai duy nhất của một đại trưởng giả có tài sản là tám trăm triệu tiền vàng trong thành Kosambi.

Trong kiếp này, nhờ giao du với bạn lành nên hiểu biết đúng – sai, gia chủ này thực hành thiện hạnh như giữ giới, bố thí, chuyên cần thực hành giới Bố-tát...

Bấy giờ ác quả tà hạnh kiếp trước đến thời cho quả, mệnh chung gia chủ ấy tái sinh vào địa ngục Roruva (Rô-rú-quá: Than khóc), chịu khổ trong địa ngục ấy với thời gian đếm năm không xuể, khi nhớ lại nàng Rujā còn kinh hãi cho ác quả này.

Thoát khỏi địa ngục Roruva, ác quả còn dư sót nên tái sinh vào cảnh giới súc sinh, là con lừa của vị quan đại thần trong thành Bhenākaṭa (Phê-na-ká-tá), con lừa bị thiến để được khỏe mạnh, dùng để cưỡi hay chở những vật nặng trên lưng, hay dùng để kéo những cỗ xe nặng.

Dứt kiếp làm lừa, tái sinh làm khỉ trong rừng, khi ra khỏi lòng mẹ không bao lâu, con khỉ con bị người bắt đem về bán cho người luyện thú của một đoàn xiếc, con khỉ bị thiến rồi biểu diễn những trò làm xiếc.

Dứt kiếp khỉ, lại tái sinh thành bò đực trong xứ Dasanna (Đá-xan-ná), tuy khỏe mạnh xinh đẹp, nhưng người chủ cũng thiến bò đực để có sức mạnh làm những công việc nặng nhọc như kéo xe...

Dứt kiếp làm bò, được tái sinh là người lưỡng tính(3) trong xứ Vajji (Bạt-Kỳ). Đây là ác quả của việc làm tà hạnh trong dục lạc.

Dứt kiếp làm người lưỡng tính, người ấy tái sinh về thiên giới, là một thiên nữ trong cõi Đạo Lợi. Mệnh chung từ cõi Đạo Lợi, tái sinh về nhân giới là nàng Rujā.

---

(1)- ĐĐ Siêu Minh (d). Chú giải ngạ quỷ sự. Chương I. Khallāṭiyapetivatthu (chuyện ma đói Nữ nhân sói đầu); chuyện số 10.

(2)- DhpA. câu số 43.

(3)- Là hạng người, khi gần người nữ thì xuất hiện nam tính; khi gần người nam thì xuất hiện nữ tính.

Như vậy, tà hạnh trong dục, nhận lãnh ác quả như thế đó; tuy có kiếp thực hành thiện hạnh là giữ giới Bố-tát, nhưng phải trải qua hai kiếp làm người nữ, sau đó mới thành thành người nam (đây là tiền thân của Ngài Ānanda)[1].

**Về nói dối.*

**Lời thề dối trá.*

Vào thời Giáo pháp Đức Thế Tôn Kassapa, có cận sự nam chứng đạt Thánh quả Dự Lưu ở xứ Kimbilā (Kim-bí-la). Cận sự nam có 500 người bạn đều là những người có niềm tin nơi Tam bảo, cùng nhau thực hành những thiện sự.

Vợ người cận sự nam cùng 500 người vợ của các cận sự nam kia, là những người gìn giữ giới năm giới tốt đẹp.

Có nhóm du thủ du thực đã đánh cuộc với nhau rằng: "Người nào quyến rũ được vợ người cận sự nam rơi vào "tà hạnh", sẽ nhận được số tiền là 1.000 đồng vàng". Một tên du thủ đã nhận lời.

Tên du thủ ấy đã quyến rũ được vợ cận sự nam phạm vào giới "tà hạnh".

Bọn du thủ thua ngàn đồng vàng, tức tối thông tin cho cận sự nam biết "vợ người cận sự nam đã phạm giới tà hạnh", cận sự nam hỏi vợ rằng:

- Được nghe nàng đã phạm giới tà hạnh phải không?

Người vợ do sợ nên chối phăng, đồng thời để củng cố sự tin tưởng có nơi chồng, nhân có con chó đứng gần đấy, nàng chỉ con chó thề rằng:

- Nếu em phạm giới tà hạnh, thì cho con chó đen kia hãy xé xác em.

Cận sự nam chưa tin hẳn người vợ hoàn toàn trong sạch, nên hỏi những người nữ cùng đi chung với vợ rằng:

- Này các người, có thật chăng, người này không rơi vào giới tà hạnh?

Tuy biết rõ vợ người cận sự nam đã hư hoại giới, nhưng những nữ nhân ấy dối trá để che chở cho người vợ cận sự nam, họ thề rằng:

- Người nữ này không có phạm vào giới tà hạnh, nếu chúng tôi dối trá sẽ là nô tỳ cho nàng ấy ở kiếp sau.

Vì hối hận do phạm giới tà hạnh lại dối trá, không bao lâu sau, vợ người cận sự nam mệnh chung, tái sinh thành ma đói Vemānikā (Quê-ma-ní-ka), ở trong tòa lâu đài gần bờ hồ Kaṇṇamuṇḍa (Kăng-ná-mun-đá), là một trong 7 hồ lớn rong dãy núi Himalaya (Hy-Mã-Lạp-sơn).

Năm trăm nữ nhân kia, khi mệnh chung cũng tái sinh làm 500 nữ ma đói, là nô tỳ cho nữ ma đói Vemānikā; do có giữ gìn năm giới trước đó nên nữ ma đói Vemānikā ban ngày hưởng an lạc như thiên nữ; khi đêm xuống, vào lúc nửa đêm nàng bị thiêu đốt bởi ác nghiệp tà hạnh, nên bước xuống giường ra khỏi lâu đài xuống hồ để tắm, một con chó đen to lớn từ hồ phóng lên xé xác nữ ma đói ra ăn thịt, nữ ma đói mạng chung, rồi tái sinh lại chính nơi đó, khi ấy nữ ma đói như người bệnh nặng cố gắng đi vào lâu đài, năm trăm ma đói nô tỳ cùng nhau chăm sóc, phục vụ cho nàng. Cứ như thế, hình phạt này kéo dài đến năm trăm năm[2].

Bà Hoàng Mallikā tuy có niềm tin mãnh liệt nơi Đức Thế Tôn, luôn hướng tâm cúng dường đến Đức Thế Tôn, đứng, ngồi, hay nằm nơi nào bà thường suy nghĩ: "Ta sẽ cùng dường đến Đức Thế Tôn loại vật thực gì?" Có lần bà nói dối vua Pasenadi, tâm bị ray rứt, mệnh chung bà tái sinh vào địa ngục 7 ngày[3].

Hoặc như nàng Ciñcāmāṇavikā (Chinh-Cha-Ma-Ná-Quí-Ka) đã vu khống Đức Thế Tôn, kết quả nàng bị đất rút xuống địa ngục A-tỳ, khi vừa khuất tầm nhìn của Đức Thế Tôn. Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

---

[1]- JA. Nāradabrahmajaataka (Bổn sự Phạm thiên Nārada).

[2]- ĐĐ Siêu Minh (d). Chú giải Ngạ quỷ sự. Chương II. Kaṇṇamuṇḍapetavatthu (chuyện ngạ quỷ trú ở ao hồ); chuyện số 12.

[3]- Xem DhpA. câu số 151.

176- Ekaṃ dhammaṃ atītassa;
Musāvādissa jantuno.
Vitiṇṇaparalokassa;
Natthi pāpaṃ akāriyaṃ.
"Ai vi phạm một pháp;
Ai nói lời vọng ngữ.
Ai bác bỏ đời sau;
Không ác nào không làm" (HT.TMC d)[1].

**Về uống rượu.*

Uống rượu là một trong bốn cửa làm cho tài sản có được đi đến khánh kiệt. Bốn cửa đó là:

- Đam mê nữ sắc, đam mê rượu, đam mê cờ bạc và giao du bạn ác[2].

Hay:

106- Itthidhutto surādhutto;
Akkhadhutto ca yo naro.
Laddhaṃ laddhaṃ vināseti;
Taṃ parābhavato mukkhaṃ.
"Người đắm say nữ nhân;
Đắm say rượu cờ bạc.
Hoang phí mọi lợi đắc;
Chính cửa vào bại vong" (HT. TMC d)[3].

Trong năm giới của người tại gia, giới uống men rượu men say là nặng nhất, *vì sao?*

Vì men rượu, men say có tác dụng làm hư hoại trí, nếu được sinh làm người sẽ là người "điên loạn", nhẹ nhất cũng là người thiếu trí.

Đã không trí hay thiếu trí thì trong kiếp ấy không thể chứng đắc thiền cũng như Thánh đạo Thánh quả.

Do vậy, giới này là nặng nhất.

Chuyện **Đại phú phá sản.*

Trong thành Bārāṇasī (Ba-La-Nại), có vợ chồng đại trưởng giả, thừa hưởng tài sản của cha mẹ để lại là 1.600 triệu tiền vàng.

Có nhóm du thủ du thực đã khuyến dụ ông đại trưởng giả đi vào con đường "uống rượu", thời gian sau gia tài khánh kiệt, vợ chồng ông phải đi xin ăn.

Một hôm, vợ chồng ông đi đến phước xá, nhận lãnh những vật thực dư thừa từ các vị Tỳ-khưu trẻ. Nhìn thấy vợ chồng ông, Đức Thế Tôn mỉm cười. Ngài Ānanda bạch hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn, do nhân gì duyên gì Ngài mỉm cười?
- Này Ānanda, ngươi có thấy vợ chồng người ăn mày ấy chăng?
- Thưa có, bạch Thế Tôn.
- Này Ānanda, vợ chồng này đã phung phí hết tài sản 1.600 triệu tiền vàng, rồi cùng nhau đi xin ăn.

Vào thời thiếu niên, nếu họ siêng năng trong công việc thì hai người này sẽ là "đệ nhất trưởng giả trong thành Bārāṇasī" này. Nếu xuất gia tu tập, người chồng sẽ chứng Thánh quả A-La-Hán, còn người vợ chứng Thánh quả A-Na-Hàm.

Vào thời trung niên, nếu không phung phí tài sản, siêng năng trong công việc, hai người này sẽ là "đệ nhị trưởng giả trong thành Bārāṇasī" này. Nếu xuất gia tu tập, người chồng sẽ chứng Thánh quả A-Na-Hàm, người vợ chứng Thánh quả Nhất lai.

---

[1]- DhpA. Câu số 176.
[2]- A.iv. 281. kinh Dīghajāni người Koliya.
[3]- Sn. 18. Parābhavasuttaṃ (kinh Bại vong).

Vào thời xế niên, đừng phung phí tài sản, siêng năng trong công việc, họ sẽ là "đệ tam trưởng giả trong thành Bārāṇasī" này. Nếu xuất gia tu tập, người chồng sẽ chứng Thánh quả Nhất Lai, người vợ sẽ chứng Thánh quả Dự Lưu.

Này Ānanda, hiện nay hai người này đã không còn tài sản thế tục, ngay cả Thánh sản cũng không có; phải đi xin ăn, giống như con cò già ủ rủ bên ao khô không cá.

Đức Thế Tôn thuyết lên hai kệ ngôn.

155- Acaritvā brahmaāriyaṃ;
Aladdhā yobbane dhanaṃ.
Jiṇṇakoñcāya jhāyanti;
Khīṇamaccheva pallale.
"*Lúc trẻ không phạm hạnh;*
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao;
Ủ rũ không tôm cá".
156- Acaritvā brahmacariyaṃ;
Aladdhā yobbane dhanaṃ.
Senti cāpātikhīṇāva;
Purāṇāni anutthunaṃ.
"Lúc trẻ không phạm hạnh;
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cây cung bị gẫy;
Thở than tháng ngày qua "(HT.TMC d)[1].

**Về nói ác.*

Lăng mạ người khác là tạo ra một nghiệp xấu, khi nói người như thế nào, về sau tái sinh làm ma đói nhận lại ác quả như thế.

**Chuyện ma đói chủ thợ dệt.*

Có 12 vị Tỳ-khưu sau khi bạch hỏi Đức Thế Tôn về đề mục thiền, rồi đi tìm nơi thanh vắng để an cư mùa mưa, thực hành thiền tịnh theo lời dạy của Bậc Đạo Sư.

Các Tỳ-khưu đi đến ngôi rừng thanh mát, có nước trong, lại không xa làng lắm. Các Ngài quyết định an cư mùa mưa ở nơi này.

Hôm sau, các Tỳ-khưu đi vào làng khất thực, trong làng có 11 gia đình thợ dệt. Làng thợ dệt thỉnh các Ngài an cư mùa mưa nơi đây và hộ độ các vị Tỳ-khưu trọn ba tháng mùa mưa. Các người nam đi vào rừng làm cho các Tỳ-khưu 12 liêu thất để các Tỳ-khưu trú ngụ.

Người trưởng làng dệt hộ độ hai vị Tỳ-khưu, mỗi nhà còn lại hộ độ cho một vị Tỳ-khưu.

Người vợ người trưởng làng dệt là người bỏn xẻn, không có niềm tin, nên hộ độ hai vị Tỳ-khưu không chu đáo, khi biết sự việc, người trưởng làng dệt cưới người em gái của người vợ cả, giao tài sản cho người vợ kế quản lý, đồng thời giao việc phục vụ hai vị Tỳ-khưu đến người vợ kế. Người vợ kế của người trưởng làng dệt, là người có niềm tin nên có tâm tôn kính hai vị Tỳ-khưu đồng thời hộ độ hai Ngài rất chu đáo.

Khó chịu trước cảnh này, người vợ trưởng làng dệt nguyền rủa chồng rằng: "Mong rằng những vật thực mà ông cúng dường đến hai Tỳ-khưu trở thành phẩn, nước tiểu, máu và mủ, mong rằng những chiếc y ấy trở thành những miếng thép nóng bỏng".

Mãn mùa an cư, các vị Tỳ-khưu trở về Đại tự Kỳ-Viên. Thời gian sau, người trưởng làng dệt mệnh chung, tái sinh là vị thần cây cai quản khu rừng *Vinjha* (Quin-chá). Vợ người trưởng làng mệnh chung tái sinh làm ma đói, cư ngụ không xa vị thần cây, nữ ma

---

[1]- DhpA. Câu số 155- 156.

đói này rất xấu xí kinh dị lại lõa thể, luôn bị đói khát dày vò; nữ ma đói đi đến vị thần rừng nói rằng: "Xin Ngài cho tôi vật thực để ăn cùng y phục để mặc".

Vị thần rừng cho nữ ma đói những thực phẩm chư thiên cùng y chư thiên.

Nhưng nữ ma đói khi vừa chạm đến những vật thực dành cho thiên nhân, những vật thực ấy biến thành phẩn, nước tiểu, máu và mủ; khi nữ ma đói đắp những chiếc thiên y lên mình, lập tức những tấm thiên y trở thành những tấm thép nóng bỏng, nữ ma đói phải cởi bỏ những thiên y ấy ra, rồi đi lang thang kêu khóc(1).

**Về nói chia rẽ.*

Gây chia rẽ có thể được thực hiện bằng lời gọi là "nói chia rẽ", cũng có thể gây chia rẽ bằng thân. Nặng nhất trong ác nghiệp gây chia rẽ là "chia rẽ tăng chúng", quả của ác nghiệp này ***chắc chắn*** phải tái sinh vào địa ngục ngay trong kiếp sau, như Tôn giả Devadatta, Tôn giả Kokālika (Kô-Ka-Lí-Ká).

**Gây chia rẽ bằng lời.*

Ma **đói **đầ**u heo.*

Có lần Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) cùng Ngài Lakkhaṇa (Lắc-Khá-Ná) từ trên núi Gijjhakūṭa (Kên kên) đi xuống để vào thành Rājagaha (Vương Xá) khất thực. Ngài Moggallāna mỉm cười, Ngài Lakkhaṇa hỏi:

- Này hiền giả Moggallāna, do nhân gì, duyên gì mà hiền giả mỉm cười.

- Này hiền giả Lakkhaṇa, đây không phải thời để trả lời câu hỏi này. Hãy mang câu hỏi này hỏi tôi trước Đức Thế Tôn.

Vào buổi chiều, trước Đức Thế Tôn, Ngài Lakkhaṇa lập lại câu hỏi trên, Ngài Moggallāna đáp rằng:

- Này hiền giả Lakkhaṇa, tôi thấy một chúng sinh đầu heo, có thân hình dài ba gāvuta (#12 km), trong miệng nó có cái đuôi đầy dòi, dòi bò ra lúc nhúc, rất hôi thối.

Đức Thế Tôn xác nhận có chúng sinh như thế. Các Tỳ-khưu bạch hỏi:

- Bạch Thế Tôn, chúng sinh ấy thọ khổ như thế, do đã tạo ác nghiệp gì?.

-Đức Thế Tôn nói lên ác tiền nghiệp của chúng sinh ấy như sau.

Trong thời Đức Thế Tôn Kassapa, trong ngôi làng trù phú có một Tự viện. Nơi Tự viện này có hai vị Tỳ-khưu sống rất hòa thuận với nhau, vị lớn được 60 tuổi đạo, vị nhỏ được 59 tuổi đạo. Mỗi khi đi đâu, vị nhỏ mang bát theo hầu vị lớn, phục vụ vị lớn như Sa-di phục vụ thầy Tế độ, hai vị giống như anh em ruột cùng sống chung hòa thuận với nhau.

Một hôm, vào ngày lễ Bố-tát (uposatha) có vị khách Tăng là một Giảng sư đến Tự viện, hai vị hoan hỷ cho vị khách Tăng trú ngụ và thỉnh cầu rằng:

- Hôm nay là lễ Bố-tát, xin bậc thiện trí hãy giảng pháp đến chúng tôi.

Vị Giảng sư giảng pháp làm hoan hỷ hai vị Tỳ-khưu thường trú. Hai vị suy nghĩ rằng: "Chúng ta có được vị Giảng sư đến trú nơi Tự viện này rồi".

Hôm sau, hai vị Tỳ-khưu thường trú cùng vị Giảng sư đi vào làng khất thực, sau khi thọ thực xong rồi, vị Trưởng lão nói với vị Giảng sư:

- Này hiền giả, hãy thuyết lên pháp thoại hoan hỷ phước đến các gia chủ đi.

Vị Giảng sư với pháp thoại sách tấn, khích lệ, làm hoan hỷ đến các gia chủ. Một gia chủ thỉnh cầu ba vị đến nhận vật thực nơi tư gia vào ngày mai.

Sự việc này cứ như thế tiếp diễn, cư dân trong làng rất hoan hỷ với ba vị. Vị Giảng sư khởi ý quấy rằng: "làng này thật trù phú, cư dân trong làng có niềm tịnh tín; nhưng hai vị Tỳ-khưu này thật vô dụng. Ta hãy tìm cách làm cho hai Tỳ-khưu này bỏ Tự viện ra đi, ta sẽ quản lý Tự viện này.

Khi vắng mặt vị Tỳ-khưu nhỏ, vị Giảng sư nói với vị Tỳ-khưu lớn rằng: "Vị Tỳ-khưu nhỏ nói xấu vị Tỳ-khưu lớn như vầy, như vầy...".

---

(1)- ĐĐ Siêu Minh (d). Chú giải ngạ quỷ sự. Phẩm I. Chuyện ngạ quỷ chủ thợ dệt, chuyện số 9.

Khi vắng mặt vị Tỳ-khưu lớn, vị Giảng sư nói với vị Tỳ-khưu nhỏ rằng: "Vị Tỳ-khưu lớn đã nói xấu vị Tỳ-khưu nhỏ như vầy, như vầy..."

Thế là, hai vị Tỳ-khưu trở nên bất hòa với nhau, rồi hai vị Tỳ-khưu bỏ Tự viện ra đi.

Dân làng không thấy hai vị Trưởng lão vào làng khất thực như mọi ngày, chỉ thấy có vị Giảng sư, nên bạch hỏi rằng:

- Thưa Ngài, chẳng hay hai vị Trưởng lão kia đâu rồi.

- Này các gia chủ, ta không biết vì sao hôm qua hai vị ấy cãi nhau kịch liệt, rồi hai người cùng bỏ Tự viện ra đi, cho dù ta có khẩn khoản hai vị ở lại, nhưng cả hai cương quyết ra đi.

- Xin Ngài đừng bỏ chúng con ra đi, xin thỉnh Ngài hãy ở lại Tự Viện để chúng con có nơi nương nhờ.

Thế là vị Giảng sư trở thành người chủ Tự viện.

Một trăm năm trôi qua, một hôm hai vị Tỳ-khưu gặp lại nhau trong một Tự viện khác. Hai Tỳ-khưu cảm thấy thương mến nhau, nên đến sám hối với nhau, sau đó vị Tỳ-khưu lớn nói với vị Tỳ-khưu nhỏ rằng:

- Này hiền giả, nếu tôi có vô ý phạm lỗi chi với hiền giả, hiền giả hãy nói với tôi, tôi sẽ khắc phục sửa chữa. Hiền giả đừng nói với người ngoài như hiền giả đã làm với vị Giảng sư khi trước.

- Thưa Ngài, con không có nói xấu gì Ngài với vị Giảng sư ấy cả, con chỉ nghe vị Giảng sư nói "Ngài đã nói xấu về con mà thôi".

Vỡ lẽ ra, hai vị Tỳ-khưu bị vị Giảng sư xuyên tạc, và vị Giảng sư đã chiếm Tự viện. Hai vị Tỳ-khưu cùng nhau trở về Tự viện trước đây. Khi thấy hai vị Tỳ-khưu cùng trở về với sự hòa thuận khi trước, vị Giảng sư biết rằng: "Việc gây chia rẽ của ta đã bị hai Tỳ-khưu này hiểu ra rồi", nên vội vàng bỏ Tự viện ra đi nơi khác.

Tuy tu tập hơn 10 ngàn năm trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn Kassapa, nhưng không ngăn được nghiệp gây chia rẽ hai vị có giới hạnh. Mệnh chung, vị Giảng sư rơi vào địa ngục A-tỳ chịu khổ trọn một kiếp Đức Phật (là thời gian giữa vị Phật này đến vị Phật sau), quả còn dư sót nên chúng sinh ấy tái sinh về cảnh giới ma đói (peta) sống ở núi Gijjhakūṭa, có thân hình kinh dị như đã nói ở trên.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này các Tỳ-khưu, vị Tỳ-khưu chánh hạnh phải giữ gìn thân, lời nói và ý cho trong sạch.

Nhân đó, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

281- Vācānurakkhī manasā susaṃvuto;
Kāyena ca nākusalaṃ kayirā.
Ete tayo kammapathe visodhaye;
Ārādhaye maggamisippaveditaṃ.

"*Ý điều lời thận trọng;*
Thân không làm điều ác.
Ba nghiệp này thanh tịnh;
Chứng đạo Thánh nhân dạy" (HT. TMC d)[1].

**Gây chia rẽ bằng thân.*

Là dùng thân để tạo ra sự bất hòa giữa hai người đang có sự thân thiết.

**Trưởng lão Koṇḍadhāna.*

Trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Kassapa, có hai vị Tỳ-khưu rất thân thiết, hòa thuận với nhau như anh em cùng cha mẹ sinh ra.

Vào thời ấy, cứ sáu tháng các Tỳ-khưu cùng hội lại để làm lễ Bố-tát. Hai vị Tỳ-khưu cùng nhau đi đến ngôi Đại tự chung để hành lễ Bố-tát.

---

[1]- DhpA. Câu số 181.

Có vị Thiên nhân nhìn thấy hai vị Tỳ-khưu thân thiết với nhau như vậy, một ý xấu khởi lên cho bị thiên nhân rằng: "Có cách nào gây chia rẽ hai vị Tỳ-khưu này chăng?"

Trên đường đi, một vị Tỳ-khưu do bức bách cơ thể nên nói với vị kia rằng:

- Hiền giả, hãy đi từ từ đợi tôi, tôi cần phải giải quyết bức bách cơ thể.

Vị ấy đi vào một bụi rậm, còn vị kia đi một khoảng rồi ngồi chờ. Vị giải quyết bức bách cơ thể xong, từ bụi rậm chuẩn bị đi ra, vị thiên nhân liến hóa thân thành một nữ nhân từ bụi rậm đi ra, đưa tay vuốt lại mái tóc, tay kia sửa lại y phục cho tề chỉnh, rồi rẽ hướng khác đi luôn. Vị Tỳ-khưu ngồi chờ, thấy được hình ảnh khả nghi này, kế thấy vị Tỳ-khưu bạn từ bụi rậm đi ra.

Khi vị Tỳ-khưu bạn đi đến, vị Tỳ-khưu ngồi chờ hỏi:

- Này hiền giả, có phải hiền giả vừa làm hư hoại giới?

- Này hiền giả, tôi không có làm hư hoại giới.

- Tôi vừa thấy một nữ nhân từ trong bụi rậm đi ra với dáng điệu đáng nghi ngờ, kế tiếp là hiền giả từ bụi rậm ấy đi ra.

- Này hiền giả, tôi không thấy có nữ nhân nào cả.

Một vị đề quyết vị kia đã làm hư hoại giới; vị kia kiên quyết bảo "không có".

Thế là bất hòa sinh khởi đến hai vị Tỳ-khưu, hai vị không cùng đi chung đường. Đến ngôi đại tự, khi thực hành lễ Bố-tát, vị Tỳ-khưu tuyên bố giữa Tăng chúng rằng "không thực hành lễ Bố-tát chung với vị Tỳ-khưu kia, vì vị ấy đã hoại giới Tỳ-khưu". Vị ấy trình bày giữa Tăng chúng hình ảnh mình thấy được, vị Tỳ-khưu bị cáo kiên quyết phản đối, cho rằng vị Tỳ-khưu kia đã cáo gian. Tăng chúng không thể xử lý được việc này.

Vị thiên nhân sinh khởi kinh sợ rằng: "Ta đã tạo một ác nghiệp lớn rồi, ta nên nói lên sự thật để sám hối việc làm của mình". Vị thiên nhân hiện thân đứng giữa hư không, nói rằng:

- Thưa các Ngài, vị Trưởng lão ấy không làm hư hoại giới, đây là việc do tôi tạo ra để xem có "gây bất hòa giữa hai vị Tỳ-khưu này không". Hình ảnh nữ nhân ấy là do tôi hóa hiện, không phải có thật.

Được vị chư thiên chứng minh "giới trong sạch" nên chư Tăng hành lễ Bố-tát chung với nhau, nhưng từ đó trở đi hai vị Tỳ-khưu không còn thân thiết với nhau nữa.

Mệnh chung, vị thiên nhân tái sinh về địa ngục A-Tỳ suốt thời gian một vị Phật.

Đến thời hiện tại, được tái sinh làm người, khi xuất gia trong Tăng đoàn, có một nữ nhân xuất hiện sau lưng vị Tỳ-khưu này, mọi người đều nhìn thấy, riêng vị ấy thì không thấy. Do nhân này, vị Tỳ-khưu ấy bị trêu chọc là "*Koṇḍa*: Mến thương" và được gọi là Koṇḍadhāna (Kông-Đá-Tha-Ná: Nắm giữ thương mến).

Thấy có hiện tượng này, các Tỳ-khưu nói với gia chủ Cấp Cô Độc:

- Này gia chủ, vị Tỳ khưu Koṇḍadhāna phá giới, gia chủ hãy tẩn xuất vị ấy ra khỏi Tự viện đi.

- Thưa các Ngài, Đức Thế Tôn có nơi Tự viện không?

- Có, này gia chủ.

- Nếu vậy, Đức Thế Tôn sẽ biết rõ việc này.

Các Tỳ-khưu cũng đề nghị bà Visākhā như trên và bà Visākhā cũng từ chối như trưởng giả Cấp Cô Độc.

Các Tỳ-khưu đưa vấn đề này đến vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc), đề nghị vua Pasenadi trục xuất Ngài Koṇḍdhāna ra khỏi Đại Tự Kỳ-Viên.

Vào buổi chiều vua Paseandi đến Đại tự Kỳ-Viên, nơi ngụ của Ngài Koṇḍadhāna, nghe tiếng ồn ở trước nơi ngụ của mình, Ngài Koṇḍadhāna bước ra khỏi phòng, nhìn thấy vua Pasenadi, Ngài quay trở vào ngồi vào chỗ của mình. Khi Ngài bước ra khỏi phòng, bóng hình người nữ xuất hiện sau lưng của Ngài, vua Pasenadi và mọi người đều thấy rõ.

Đức vua Paseandi đi đến phòng của Ngài Koṇḍadhāna, nhìn vào bên trong, không thấy người nữ nào cả, nhìn xuống gầm giường cũng không thấy. Vua Pasenadi hỏi rằng:

- Bạch Ngài, nữ nhân ấy đâu rồi.

- Thưa Đại vương, nơi đây không có nữ nhân nào cả.

Vua Pasenadi suy nghĩ: "Ta vừa thấy một nữ nhân, nhưng giờ thì không thấy, có việc gì kỳ lạ đây".

- Thưa Ngài, thỉnh Ngài ra khỏi nơi đây.

Ngài Koṇḍadhāna vừa ra khỏi phòng, lập tức bóng hình nữ nhân xuất hiện.

- Thỉnh Ngài hãy vào phòng.

Khi Ngài Koṇḍadhāna vào phòng thì hình bóng nữ nhân biến mất, vua Pasenadi tìm khắp phòng cũng không thấy. Vua Pasenadi suy nghĩ: "Đây là chuyện lạ, đó là bóng ảo", nên bạch với Ngài Koṇḍadhāna rằng:

- Thưa Ngài, khi có bóng ảo ở sau lưng Ngài, chắc không ai đặt bát cho Ngài. Xin thỉnh Ngài hãy đến hoàng cung để nhận vật thực cùng vật dụng cần thiết cho đời sống Sa-môn.

Trước đây, chưa ai chứng minh được sự trong sạch của mình, nên Ngài Koṇḍadhāna thường im lặng chịu đựng những lời trêu ghẹo, chỉ trích của các vị Tỳ-khưu phàm, nhưng nay đã có vua Pasenadi chứng nhận giới hạnh trong sạch của mình, nên Ngài Koṇḍadhāna tỏ ra phẫn nộ với những lời trêu chọc.

- Các ngươi là những người phá giới đê tiện, đã vu khống ta phạm giới.

Các Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn cho gọi Ngài Koṇḍadhāna đến dạy rằng:

- Này Tỳ-khưu, xưa kia ngươi đã tạo nghiệp đê tiện. Vì sao giờ đây ngươi lại tiếp tục tạo nghiệp xấu như thế.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-khưu, Đức Thế Tôn thuật lại ác nghiệp khi trước của Ngài Koṇḍadhāna, rồi Ngài thuyết lên hai kệ ngôn.

133- Māvoca pharusaṃ kañci;
Vuttā paṭivadeyyu taṃ.
Dukkhā hi sārambhakathā;
Paṭidaṇḍā phuseyyu taṃ.
"Chớ nói lời ác độc;
Nói ác, bị nói lại.
Khổ thay lời phẫn nộ.
Đao trượng phản chạm mình"

134- Sace neresi attānaṃ;
Kamso upahato yathā.
Esa pattosi nibbānaṃ;
Sārambho te an vijjhati.
"Nếu tự mình yên lặng;
Như chiếc chuông bị bể.
Ngươi đã chứng Níp-Bàn;
Ngươi không còn phẫn nộ" (HT. TMC d)[1].

Vâng theo lời dạy của Đức Thế Tôn, Ngài Koṇḍadhāna nỗ lực thực hành pháp, không bao lâu Ngài chứng đạt Thánh quả A-La-Hán; vừa chứng Thánh quả A-La-Hán bóng hình nữ nhân biến mất. Và Ngài được Đức Thế Tôn ban cho địa vị "Đệ nhất nhận phiếu thực đầu tiên"[2].

**Về nói vô ích.*

---

[1]- DhpA. Câu số 133-134.
[2]- A.i. 24.

Là nói những điều không đưa đến áp chế phiền não, không đưa đến giải thoát, đó là duyên cho "phóng dật" sinh khởi. Theo Luận tạng: *"Nơi nào có phóng dật, nơi ấy có bất thiện"*.

**Về tham ác.*

Khi tâm tham cường mạnh sẽ trở thành tham ác, người có tâm tham cường mạnh, khi mệnh chung tái sinh về cõi khổ.

**Cha của Subha Todeyya.*

Cha của thanh niên Subha Todeyya (Xú-Phá Tô-Đây-Dá) là Bà- la-môn Tế lễ sư của vua Pasenadi có tên gọi là Todeyya. Tuy có nhiều tài sản, nhưng Bà-la-môn rất hà tiện, ông đem tài sản của mình chôn dưới bốn chân giường ngủ của mình. Khi mệnh chung, ông nhớ lại tài sản được chôn dấu, nên tái sinh làm con chó trong nhà. Một hôm Đức Thế Tôn đi khất thực, Ngài đến đứng trước nhà thanh niên Subha Todeyya (con trai của Bà-la-môn Todeyya), con chó chạy ra sủa Đức Thế Tôn, Ngài nói: "Này Todeyya, vì tham ác ngươi phải tái sinh vào cảnh giới này", nghe vậy, con chó buồn bã chạy vào nhà leo lên giường nằm, không ai có thể đuổi nó ra khỏi giường[1].

**Vị Tỳ-khưu tái sinh làm rệp.*

Có vị Tỳ-khưu có được tấm vải mịn dài 9 hắc tay (hattha) (# 4,5 m), may thành tấm y. Vị Tỳ-khưu rất thích chiếc y mới, dự định *"mai ta hãy mặc chiếc y này".* Bất ngờ đêm ấy, vị Tỳ-khưu bị trúng thực mệnh chung, lúc sắp mệnh chung, nhớ lại chiếc y mới chưa mặc, nên tái sinh làm con rệp trong lá y[2].

**Chuyện ma đói các trái xoài.*

Nơi thành Sāvatthi (Xá-Vệ) có một gia chủ khánh tận tài sản, ông đưa người con gái đến ở nhà người bạn, mượn người bạn 100 đồng vàng (kahāpana) để đi buôn.

Thời gian sau, ông có được 500 đồng vàng, cùng những người thương buôn trở lại thành Sāvatthi. Trên đường đi ngang qua khu rừng, có bọn cướp xông ra, những người thương buôn bỏ chạy tán loạn, người gia chủ này ném bọc tiền vào bụi rậm rồi ẩn núp vào một bụi rậm khác gần đó, nhưng ông bị bọn cướp bắt được và giết chết. Khi sắp mệnh chung, ông nhớ đến túi tiền nên tái sinh làm ma đói ở ngay nơi đó[3].

**Về sân ác.*

Trong kinh điển đề cập rất nhiều đến điều này. Người bị sân ác chi phối, mệnh chung thường rơi vào khổ cảnh, như Dạ-xoa Nanda (Nan-Đá) đánh chùy đồng vào đầu Ngài Sāriputta, tái sinh vào địa ngục A-tỳ[4].

**Về kiến ác.*

**Người chiến đấu (Yodhājivo).*

Một Chiến đấu sư Yodhājivo (Dô-Tha-Chí-Quô) đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Con được nghe, các vị Đạo sư, Tổ sư thuở xưa nói về các chiến đấu viên, nói rằng: "Vị chiến đấu viên nào trong chiến trường, hăng say, tinh tấn; do hăng hay tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại; vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarājitā (Xá-ra-chí-ta)". Ở đây, Thế Tôn nói như thế nào?

Đức Thế Tôn từ chối trả lời hai lần.

Lần thứ ba, Ngài dạy rằng:

-Này Chiến đấu sư, đối với chiến đấu viên nào trong chiến trường hăng say, tinh tấn, tâm của vị ấy trước đó phải có những ý nghĩ thấp kém, ác ý, ác nguyện như sau:

---

[1]-DA. ii. 384 ; MA. ii. 963 nói thêm rằng Phật chứng minh con chó là Todeyya bằng cách bảo chó chỉ chỗ giấu tài sản của ông.

[2]- DhpA. Câu số 240.

[3]- ĐĐ Siêu Minh (d). Chú giải Ngạ quỷ sự. Chương IV. Đại phẩm; chuyện số 12.

[4]- Ud. 39.

"Mong rằng các loài hữu tình ấy bị giết, bị bắt, bị tàn sát, bị tàn hại!", hay: "Mong họ chớ có tồn tại!".

Do vị ấy hăng hái, tinh tấn như vậy, nếu vị ấy bị người khác tàn sát, đánh bại, thời người ấy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sinh vào địa ngục tên là Sarājitā.

Nếu người ấy có *tà kiến* như sau: "Vị chiến đấu viên nào giữa chiến trường hăng say, tinh tấn; do hăng say, tinh tấn như vậy, bị người khác tàn sát, đánh bại, vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên tên là Sarājitā". Như vậy là tà kiến.

Này Chiến đấu sư, ai rơi vào tà kiến này, Ta nói rằng, người ấy chỉ có một trong hai sanh thú: Một là địa ngục, hai là súc sinh (HT. TMC d)[1].

Ngoài ra, người tại gia không nên có tâm ganh tỵ hay bỏn xẻn với người khác.

Khi ganh tỵ với người, có thể tái sinh làm ma đói, như chuyện *"ma đói chủ thợ dệt"* đã nói ở trên.

Khi có tâm bỏn xẻn, có thể mất quyền chức, mất lợi đắc, hao tổn tài sản đang có. *Vì sao?* Vì không tạo phước mới để sinh khởi tài sản, đồng thời chỉ biết thọ dụng phước cũ, nên phước cũ hao mòn dần.

Vua Paseandi (Pa-Tư-Nặc) có tổ chức "đại thí vô song" (là bố thí vật không bố thí nào sánh bằng".

Trong lễ "Đại thí vô song" này, Đại thần Junha (Chun-Há) hoan hỷ với thí sự của Đức vua Pasenadi, nên vua Pasenadi ban cho phần thưởng "được làm vua 7 ngày", còn đại thần Kāla (Ka-Lá) tiếc rẻ với chi phí mỗi ngày là 140 triệu tiền vàng, liên tục cả bảy ngày của vua Pasenadi, nên vua Pasenadi trục xuất đại thần Kāla ra khỏi vương quốc Kosala (Kiều-Tất-La).

Đức Thế Tôn có dạy:

177- Na ve kadariyā devalokaṃ vajanti;
Bālā have nappasaṃsanti dānaṃ.
Dhīro ca dānaṃ anumodamano;
Tenava so hoti sukhī parattha.
"Keo kiết không sinh thiên;
Kẻ ngu ghét bố thí.
Người trí thích bố thí;
Đời sau được hưởng lạc" (HT. TMC d)[2].

*2- **Điều nên làm của người tại gia.***

Trước tiên, người tại gia nên thực hành ba pháp căn bản của người tại gia, đó là bố thí, giữ giới và tu tập thiền tịnh.

*A- **Về bố thí.***

Bố thí có nhiều loại, nhưng tựu trung có hai là: *Bố thí tài vật (āmisadāna) và bố thí pháp (dhammadāna)*. Trong hai loại thí này, ***bố thí pháp*** là tối thắng[3].

**Vua Trời hỏi pháp.*

Tương truyền, có bốn vấn đề khởi lên trong nhân loại là:

a- Trong các sự thí, bậc trí gọi sự thí nào là tối thắng?

b- Trong các sự hoan hỷ (rati), bậc trí gọi sự hoan hỷ nào là tối thắng?

c- Trong các vị (rasa), bậc trí gọi vị nào là tối thắng.

d- Vì sao chấm dứt ái, được gọi là cao thượng nhất?

Nhân loại không ai giải đáp được bốn vấn đề này, chư thiên địa cầu nghe được bốn vấn đề này, cũng không giải đáp được, đi đến hỏi Tứ Đại vương. Tứ đại vương cũng

---

[1]- S. vi. 308. Yodhājivosuttaṃ (kinh Người chiến đấu).

[2]- Xem DhpA. Câu số 177.

[3]- A.i.91. Phẩm Bố thí.

không giải đáp được. Bốn vấn đề này được đưa đến vua Trời Sakka (Đế-Thích), vua Trời Đế-Thích cũng không thể giải đáp được, nên cùng thiên chúng tùy tùng đi đến Đại tự Kỳ-Viên bạch hỏi Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy rằng:

354- Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.
Sabba rasaṃ dhammarasaṃ jināti.
Sabbaratiṃ dhammaratī jināti.
Taṅhakkhayo sabbadukkhaṃ jināti.
"Pháp thí thắng mọi thí.
Pháp vị thắng mọi vị.
Pháp hỷ thắng mọi hỷ.
Diệt ái thắng mọi khổ"

Nghe vậy, vua Trời Đế -Thích thỉnh cầu rằng:

- Bạch Thế Tôn, thật bất lợi cho chúng con, khi không được chia phước bố thí pháp như thế. Từ nay trở đi, xin Ngài từ bi dạy các Tỳ-khưu chia phước Pháp thí đến chúng con.

Đức Thế Tôn im lặng nhận lời, sau đó Ngài dạy các vị Tỳ-khưu rằng:

- Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép các ngươi chia phước pháp thí đến tất cả chúng sinh sau khi Giảng pháp, dạy pháp, đàm luận pháp hay tùy hỷ pháp[1].

Hỏi. Vì sao "*pháp thí là tối thắng tất cả sự thí"*?

Đáp. Vì rằng: Tuy cúng dường vật chất như vật thực, y phục, sàng tọa, thuốc trị bệnh... đến Đức Chánh Giác, Đức Phật Độc Giác, chư Thánh Thinh Văn nhiều vô số, quả của thí sự này có thể được làm vua Chuyển Luân, có thể được sinh về thiên giới hưởng an lạc nhiều đời nhiều kiếp, nhưng cũng không thể thoát ra bốn khổ cảnh khi quả lành ấy không còn.

Trái lại, khi nghe được Chánh pháp, chứng được Thánh quả Dự lưu, vĩnh viễn thoát ra bốn khổ cảnh, không còn phải tái sinh vào cảnh giới địa ngục, súc sinh, ma đói (peta) hay cảnh giới thần quỷ (asura).

Đức Phật có dạy,

178- Pathabyā ekarajjena;
Saggassa gamanena vā.
Sabbalokādhipaccena;
Sotāpattiphalaṃ varaṃ.
"Hơn thống lãnh cõi đất;
Hơn được sinh cõi trời.
Hơn chủ trì vũ trụ
Quả Dự Lưu tối thắng" (HT. TMC d)[2].

Có lần Đức Thế Tôn lấy một ít đất nơi đầu móng tay, hỏi các Tỳ-khưu rằng: "Đất trên đầu móng tay và trái đất, cái nào nhiều hơn?".

- Bạch Thế Tôn, trái đất nhiều hơn, còn đất nơi đầu móng tay ít hơn.

- Cũng vậy, này các Tỳ-khưu, vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, nhiều hơn là sự khổ đã bị tiêu mòn, đã bị diệt tận. Rất ít là khổ còn tồn tại, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: "Đây là Khổ", đã rõ biết: "Đây là nguyên nhân sinh khổ"; đã rõ biết: "Đây là sự diệt khổ", đã rõ biết: "Đây là Con Đường đưa đến Khổ diệt"[3].

Một thiên nhân có bạch hỏi Đức Thế Tôn.

42- Kiṃdado balado hoti; kiṃdado hoti vaṇṇado.
Kiṃdado sukhado hoti; kiṃdado hoti cakkhudo.

---

[1]- DhpA. Câu số 354.
[2]- Dhp. Câu số 178,
[3]- S.v. 459. Kinh "Đầu móng tay".

Ko ca sabbadado hoti; taṃ me akkhāhi pucchito'ti.
"Cho gì là cho lực? cho gì là cho sắc?
Cho gì là cho lạc? cho gì là cho mắt?
Cho gì cho tất cả? xin đáp điều con hỏi".
Annado balado hoti; vatthado hoti vaṇṇado.
Yānado sukhado hoti; dīpado hoti cakkhudo.
So ca sabbado hoti; yo dadāti upassayaṃ.
Amataṃ dado ca so hoti; yo dhammamanusāsatī'ti.
(Thế Tôn).
"*Cho ăn là cho lực; cho mặc là cho sắc.*
Cho xe là cho lạc; cho đèn là cho mắt.
Ai cho chỗ trú xứ; vị ấy cho tất cả.
Ai giảng dạy chánh pháp;
Vị ấy cho Bất tử" (HT.TMC d)[1].

Ngoại trừ Bậc Chánh Giác, Đức Phật Độc Giác, tự mình "chứng ngộ pháp", còn tất cả những vị Thánh Thinh Văn phải nghe được Chánh pháp mới có thể chứng đạt Thánh Đạo, như "nhóm năm Kiều Trần Như" nhờ nghe Đức Thế Tôn giảng bài kinh "Vô ngã tướng (Anattalakkhaṇasuttaṃ)", năm Ngài chứng Thánh quả A-La-Hán; nhóm "ngàn vị đạo sĩ thờ lửa Uruvelā Kassapa" nhờ nghe Đức Thế Tôn giảng bài kinh "Giải về lửa", tất cả đều chứng đạt Thánh quả A-La-Hán, Ngài Sāriputta nhờ nghe Đức Thế Tôn giảng kinh "Trường trảo (Dīghanakhasuttaṃ)" đến du sĩ Trường trảo, Ngài chứng đạt Thánh quả A-La-Hán...

Những gia chủ như vua Bimbisāra (Bình Sa), Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc), nàng Visākhā (Quí-Xa-Kha) nhờ nghe pháp chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, từ đó tạo công hạnh như: Vua Bimbisāra cúng dường Đại tự Trúc Lâm, gia chủ Cấp Cô Độc cúng dường Đại tự Kỳ-Viên, nàng Viākhā cúng dường Tự Viện Đông Phương (Pubbārāma)... đồng thời thực hành nhiều phước lành khác.

Các Giáo thọ sư tiền bối có nói rằng: "Phước cúng dường vật chất cao quý như cúng dường Tự viện... không bằng 1/16 của phước "chú ý" nghe Pháp hay "tùy hỷ pháp".

Chúng sinh không nghe được Chánh pháp, sẽ không có tâm dũng mãnh để thực hành bố thí sự, thậm chí có thể "chỉ một muỗng canh" cũng không bố thí.

Nhờ nghe được Pháp, thiện gia chủ thực hiện được thí sự tốt đẹp, thực hiện nhiều thiện hạnh tốt đẹp mang lại quả báu lớn, kết quả lớn.

Do vậy, *"Pháp thí thắng mọi thí"*.

Lại nữa, bố thí pháp mang lại 5 lợi ích:

1- *Người nghe pháp được hiểu rõ lý pháp* (athadhammappaṭisamvedī).
2- Người nghe pháp được hân hoan (pāmojjaṃ).
3- Người nghe pháp sinh khởi hỷ lạc (pīti).
4- Người nghe pháp sinh khởi tâm an tịnh (passaddhi).
5- Người nghe pháp sinh khởi tâm an trụ (samādhi)[2].

Người nghe pháp cũng phát sinh năm lợi ích.

1- *Nghe được điều chưa từng nghe* (assutaṃ suṇāti).
2- *Hiểu rõ điều đã được nghe* (sutaṃ pariyodapeti).
3- *Diệt trừ được hoài nghi* (kaṅkhaṃ vihanati).
4- *Làm cho sự hiểu biết được đúng đắn* (diṭṭhī ujuṃ karoti).
5- Tâm sinh khởi niềm tin trong sạch (cittaṃ - assa pasīdati)[3].

---

[1]- S.i. 32. Kiṃdadasuttaṃ (kinh Cho gì).
[2]- Đ.T.L Bửu Chơn (biên soạn). Kho tàng pháp bảo. Chương năm pháp.
[3]- A.iii. 248. Kinh Nghe pháp, chương năm pháp.

**Thí sự được hoàn hảo.*

Thí sự được hoàn hảo y cứ vào ba điều căn bản: Tâm thí, đối tượng nhận vật thí và vật thí.

**Tâm thí.*

Là người cho có tâm ly tham, ly sân và ly si.

**Ly tham.* Là khi cho rồi, tâm không còn luyến tiếc vật đã cho, nếu còn luyến tiếc vật đã cho, sẽ không thọ hưởng được an lạc do quả lành này mang đến.

Có một gia chủ có tài sản là 800 triệu tiền vàng, nhưng chỉ ăn cháo tấm của ngày hôm trước để lại, mặc y phục bằng vải gai ghép lại thành ba tấm, đi xe nhỏ cũ kỹ hư nát.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Người gia chủ trưởng giả ấy, thuở xưa, đã bố thí vật thực đến vị Phật Độc Giác Tagarasikkhi (Tá-gá-Rá-Síc-Khí). Vị ấy nói: " Hãy bố thí cho vị Sa-môn".

Nói xong, vị ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, rồi bỏ đi. Nhưng về sau, vị ấy hối tiếc, nói rằng: "Tốt hơn, các người phục dịch hay làm công ăn vật thực này".

Do kết quả hành động ấy, vị ấy được sinh về cõi trời bảy lần, quả lành còn dư sót, vị ấy đã bảy lần là trưởng giả trong thành Sāvatthi.

Vì sau khi bố thí, lại hối tiếc nói rằng: "Tốt hơn, các người phục vụ hay làm công ăn vật thực này,

Do tâm hối tiếc ấy, nên vị ấy thọ dụng vật thực không tốt đẹp, thọ dụng y phục không tốt đẹp, thọ dụng xe nhỏ và cũ kỹ. Tâm vị ấy hướng về sự thọ hưởng năm dục sung mãn không được tốt đẹp[1].

**Ly sân.* Là người cho không phải do vì sợ mà đem cho, không phải vì ganh tỵ với người mà đem cho. Người cho có tâm từ với người nhận, có tâm muốn người nhận có được sự an lạc.

**Ly si*. Là người cho hiểu rõ về nhân quả, như cho vật thực sẽ nhận lại bốn kết quả là: Tuổi thọ dài, dung sắc tốt, có được sự an lạc và có được sức lực.

Đức Thế Tôn có dạy bà Suppavāsā (Súp-Pá-Qua-Xa)[2]: "Này Suppavāsā, các Thánh nữ đệ tử khi cho vật thực đến người nhận, là cho bốn sự: "Cho thọ mạng (āyu), cho dung sắc (vaṇṇā), cho an lạc (sukha) và cho sức lực (bala)".

Sau khi cho thọ mạng, người cho nhận được thọ mạng nơi cõi trời hay cõi người.

Sau khi cho dung sắc, người cho nhận được dung sắc nơi cõi trời hay cõi người.

Sau khi cho an lạc, người cho nhận được an lạc nơi cõi trời hay cõi người.

Sau khi cho sức lực, người cho nhận được sức lực nơi cõi trời hay cõi người"[3].

Trong bài kinh khác, ngoài bốn lợi ích căn bản nói trên, còn một lợi ích khác là "có được biện tài (paṭibhānaṃ)". Như:

- Này các Tỳ-khưu, người bố thí bữa ăn, người thí chủ đem lại cho người thọ lãnh năm điều.

Thế nào là năm? Cho thọ mạng, cho dung sắc, cho an lạc, cho sức mạnh, cho biện tài.

*Cho thọ mạng, vị ấy được chia thọ mạng chư Thiên hay loài người.

*Cho dung sắc, vị ấy được chia dung sắc chư Thiên hay loài người.

*Cho an lạc, vị ấy được chia an lạc chư Thiên hay loài người.

*Cho sức mạnh, vị ấy được chia sức mạnh chư Thiên hay loài người.

*Cho biện tài, vị ấy được chia biện tài chư Thiên hay loài người[4].

---

[1]- S.i. 91.

[2]- Bà Suppavāsā là mẹ của Ngài Sīvali (Xi-Quá-Lí), bà chứng đạt được Thánh Quả Dự Lưu.

[3]- A. ii. 62. Suppavāsāsuttaṃ (kinh Suppavāsā).

[4]- A.iii. 42.Bhojanasuttaṃ (kinh vật thực). Chương năm pháp.

Ngoài ra, người thí có niềm tin, là đặt niềm tin vào sự Giác ngộ của Đức Thế Tôn, tin vào Giáo pháp được Đức Thế Tôn giảng dạy, có khả năng hướng thượng, dẫn xuất ra khỏi luân hồi, tin vào những hạnh lành của Tăng chúng và tin vào quả của nghiệp lành.

Người thí có niềm tin này, sẽ làm tăng trưởng phước lành bố thí đã làm. Đức Thế Tôn có dạy:

- Này các Tỳ-khưu, do có mặt của ba pháp, một thiện gia tử có niềm tin tạo ra nhiều phước. Thế nào là ba?

*Có niềm tin, một thiện gia nam tử tạo ra nhiều phước.

*Do có vật thí, một thiện gia nam tử tạo ra nhiều phước.

*Có được vị xứng đáng nhận vật cúng dường".

Do có được ba pháp này, một thiện gia nam tử có niềm tin tạo ra nhiều phước[1].

Hỏi: Như thế nào được biết là "vị có niềm tin"?

Đáp. Do ba sự kiện, một người được biết là có niềm tin. Thế nào là ba?

*Ưa thích được gặp người có giới hạnh.

*Ưa thích nghe diệu pháp.

*Có tâm lìa bỏ nhơ bẩn bỏn xẻn (macchariya), thường bố thí rộng rãi[2].

Niềm tin ở đây là chỉ cho "vị nương nhờ ân đức Tam Bảo".

Niềm tin có hai loại: Niềm tin đúng và niềm tin sai.

Niềm tin đúng là: Tin nhân, tin quả, tin nghiệp báo và tin trí tuệ của Đức Thế Tôn.

Niềm tin sai là:

a- Là tin vào điều không có căn cứ. Như tin có vị Sáng tạo chủ là người sáng tạo ra thế gian, tin có một tự ngã thường hằng bất biến...

b- Tin lệch lạc. Là tin vào điều không hẳn sai, nhưng không hoàn toàn đúng. Như có một số Phật tử tin vào một tha lực có thể giúp họ thoát khỏi khổ.

Cậu của Ngài Sāriputta, mỗi tháng bỏ ra ngàn đồng vàng cúng dường nhóm du sĩ Nigaṇṭha Nātaputta để mong cầu sinh về Phạm Thiên giới[3].

Phạm thiên giới vốn có, nhưng phải tu chứng thiền định mới được tái sinh về cảnh giới Phạm thiên, không phải do làm lễ tế đàn mà được sinh về Phạm thiên giới.

Đây là niềm tin lệch lạc.

c- Điều thực có nhưng không tin.

Như không tin có đời trước, không có đời sau ...

Có hai Bà-la-môn được 120 tuổi, già yếu. Đi đến gặp Đức Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn, nói lên lời chào đón thân hữu, rồi ngồi xuống một bên thưa rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi là những Bà-la-môn già yếu, đã 120 tuổi, đã đi đến cuối đời; nhưng chúng tôi không làm điều lành, không làm điều thiện, không làm những điều để chấm dứt các sợ hãi.

Tôn giả Gotama hãy răn dạy chúng tôi, Tôn giả Gotama hãy giảng dạy chúng tôi. Nhờ vậy, chúng tôi sẽ được hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Đức Thế Tôn dạy hai Bà-la-môn 120 tuổi ấy: "Thế giới này bị già, bịnh, chết thiêu đốt; thế giới này như ngôi nhà bị lửa cháy, cần phải mang đồ ra là bố thí, gìn giữ tài sản ấy là giữ giới và tìm chỗ nương nhờ tốt đẹp, là quy ngưỡng Tam Bảo[4].

Lại nữa, người thí có ba chi phần về thí sự là:

- Trước khi bố thí, ý vui thích.

- Trong khi bố thí, ý tịnh tín.

- Sau khi bố thí, ý hoan hỷ.

**Đối tượng xứng đáng nhận vật thí.*

---

[1]- A.i. 15o. Phẩm V. Cūḷavaggo (phẩm nhỏ).

[2]- A.i. 150. Kinh Sự kiện. Chương ba pháp.

[3]- DhpA. Câu số 206.

[4]- A.i. 156. Dvebrahmaṇasuttam (kinh Hai Bà-la-môn). Chương ba pháp.

Vị xứng đáng nhận vật thí là người có giới hạnh trong sạch, không bị tham, sân, si chi phối.

Với người nhận vật thí có dục tầm, có sân tầm, có hại tầm, thí sự ấy không có quả báu lớn.

Với người nhận vật thí không có dục tầm, không có sân tầm, không có hại tầm, thí sự ấy có quả báu lớn[1].

Đối tượng xứng đáng nhận vật thí, cao tột là vị Thánh A-La-Hán.

Có lần bà Veḷukantakī (Quê-Lú-Kan-Tá-Ki) mẹ của Nanda (Nan-Đá)[2], thực hành thí sự có sáu chi phần đến hai Ngài Sāriputta và Moggallāna cùng 500 vị Tỳ-khưu tùy tùng.

Đức Thế Tôn tán thán thí sự có sáu chi phần này:

Ba chi phần của người cho là:

- Trước khi bố thí, ý vui thích.
- Trong khi bố thí, ý tịnh tín.
- Sau khi bố thí, ý hoan hỷ.

Ba chi phần của người nhận thí vật là:

- Bậc đã ly tham hay đang thực hành hạnh ly tham.
- Bậc đã ly sân hay đang thực hành hạnh ly sân.
- Bậc đã ly si hay đang thực hành hạnh ly si.

Thí sự có sáu chi phần như thế, không dễ gì ước lượng được phước báu vô lương ấy, ví như không dễ dàng gì ước lượng số giọt nước biển trong đại dương[3].

**Vật thí.* Là vật tốt đẹp.

Có ba cách bố thí là:

- *Dāsadānaṃ: Nô lệ thí.* Là người thí dùng vật tốt, có giá trị; nhưng khi cho thì cho những vật thấp kém, cũ kỹ.

- *Sahāyadānaṃ: Bằng hữu thí.* Là người thí dùng vật như thế nào, khi cho cũng cho những vật có giá trị tương đương như thế.

- *Sāmīdānaṃ: Gia chủ thí.* Là người thí dùng những vật bình thường, nhưng khi cho thì cho những vật có giá trị cao. Như vật để dành cúng dường đến cha mẹ, thầy[4].

Cần lưu ý. Vật thí này không thể so sánh theo cách thông thường, vật thí có thể không tốt với người khác nhưng là vật quí của người cho.

Như chiếc y choàng của Bà-la-môn Cūḷekasātaka (Tiểu Nhất y) không có giá trị lớn với người khác, nhưng là vật có giá trị nhất của ông, vì cả hai vợ chồng chỉ có duy nhất tấm y choàng này. Ông đã cúng dường chiếc y choàng này đến Đức Thế Tôn, xem như thực hành "gia chủ thí".

Đức Thế Tôn có dạy:

Dhammaṃ care yopi samuñjakaṃ care,
Dārañca posaṃ dadamappakasmiṃ,
Sataṃ sahassānaṃ sahassayāginaṃ,
Kalampi nāgghanti tathāvidhassa te'ti.
"Sở hành vẫn chơn chánh;
Dầu phải sống vụn vặt,
Dầu phải nuôi vợ con,
Với đồ ăn lượm lặt.
Nhưng vẫn bố thí được,
Từ vật chứa ít ỏi.

---

[1]- Xem A.i. 274 . Kusinārasuttaṃ (kinh Kusināra). Chương ba pháp.

[2]- Bà Veḷukantakī mẹ của Nanda được Đức Thế Tôn ban cho địa vị "nữ cận sự đệ nhất tu thiền" (A.i. 26); bà đã chứng đắc Thánh quả A-Na-Hàm.

[3]- A.iii. 336. Dānasuttaṃ (kinh Bố thí). Chương sáu pháp.

[4]- Đ.T.L Bửu Chơn (biên soạn). Kho tàng pháp bảo. Chương ba pháp.

Từ ngàn người bố thí,
Từ trăm ngàn vật cho
Trị giá không ngang bằng,
Kẻ bố thí như vậy" (HT. TMC d)[1].

**Lãnh chúa Pāyāsi*

Lãnh chúa Pāyāsi (Pa-Da-Xí) có ác tà kiến là "không tin có đời sau, không có chúng sinh hóa sinh, không có quả báu của thiện hay ác nghiệp". Ngài Kumāra Kassapa (Kú-Ma-Rá Ca-Diếp) sau khi biện thuyết cho lãnh chúa Pāyāsi từ bỏ ác kiến ấy; lãnh chúa Pāyāsi tổ chức một thí sự rộng lớn, cúng dường đến Sa-môn, Bà-la-môn, bố thí đến những người già, những người nghèo, những ngườii đói khổ.

Thanh niên Uttara (Út-Tá-Rá) không hoan hỷ với thí sự của lãnh chúa Pāyāsi, đã chế nhạo: "Với cuộc bố thí này, ta được gặp Tôn chủ Pāyāsi trong đời này, nhưng không gặp trong đời sau".

Khi lãnh chúa Pāyāsi hỏi thanh niên Uttara "vì sao chế nhạo thí sự của ông như thế", thanh niên Uttara đáp:

- Thưa Tôn chủ, trong thí sự của Ngài, những vật thực đem cho, Ngài không muốn lấy bàn chân chạm vào, huống hồ là ăn; các thứ vải thô được dùng để bố thí, Ngài không muốn lấy chân chạm vào, huống hồ là mặc.

- Vậy thì, này thanh niên Uttara, hãy phân phát những vật thực như vật thực ta đã ăn; hãy phân phát những loại vải như loại vải ta đã mặc.

Thanh niên Uttara tổ chức thí sự y như lời lãnh chúa Pāyāsi thách thức.

Mệnh chung, lãnh chúa Pāyāsi sinh về cõi Tứ Đại vương trong cung điện trống không của Serisaka (Xê-rí-xá-ká). Còn thanh niên Uttara sinh về cõi Trời Đạo Lợi[2].

Như vậy, lãnh chúa Pāyāsi đã thực hành "nô lệ thí", còn thanh niên Uttara đã thực hành "bằng hữu thí".

**Gia chủ Ugga ở Vesāli.*

Gia chủ Ugga (Úc-Gá) ở thành Vesāli (Vệ-Xá) được Đức Thế Tôn ban cho địa vị "*nam cư sĩ tối thắng về hạnh bố thí những vật khả ý (manāpadāyakānaṃ)*"[3].

Không ai biết tên thật của trưởng giả Ugga (Uggaseṭṭhi) là gì, vì có thân hình cao lớn, lại có đức hạnh, nên được gọi là Ugga.

Khi được gặp Đức Thế Tôn lần đầu, gia chủ Ugga chứng đạt Thánh quả Dự Lưu, về sau chứng đạt Thánh quả Bất Lai.

Lúc về già, một hôm trong lúc độc cư, gia chủ Ugga chợt khởi lên ý nghĩ: "Ta được nghe Đức Thế Tôn dạy: "Ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý", mong rằng Đức Thế Tôn ngự đến đây, ta sẽ cúng dường đến Ngài cùng Tăng chúng vật khả ý".

Biết được tâm của gia chủ Ugga, Đức Thế Tôn cùng các Tỳ-khưu tùy tùng ngự đến tư gia của gia chủ Ugga.

Gia chủ Ugga bước ra đảnh lễ rồi thỉnh Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng ngự vào bên trong, ngồi vào chỗ ngồi được soạn sẵn.

Gia chủ Ugga cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng bốn món vật thực khả ý là: Cháo nấu từ hoa Sāla (Xa-lá); thịt heo nấu với trái táo; loại rau dài có đầu (ngó sen); cháo gạo đã loại bỏ những hạt gạo đen dùng với canh cùng các loại vật thực thượng vị khác.

Mỗi lần dâng vật thực gia chủ Ugga đều nói: "Bạch Thế Tôn, con nghe từ miệng Đức Thế Tôn "ai cho vật khả ý, nhận được điều khả ý". Xin Đức Thế Tôn vì lòng từ mẫn thọ dụng loại vật thực này".

---

[1]- S.i. 18. Maccharisuttam. (kinh bỏn xẻn)

[2]- D.ii. 316. Pāyāsisuttam. (kinh Tệ Túc), kinh số 23.

[3]- A.i. 26.

Sau đó, gia chủ Ugga còn cúng dường đến Đức Thế Tôn tấm y bằng vải Kāsi (Ka-xí); một ghế dài cùng vật dụng trên ghế có giá trị 100 ngàn tiền vàng[1].

Đây là bố thí theo cách "gia chủ thí".

Khi thực hành pháp bố thí, người gia chủ nên thực hành theo pháp của bậc trí hay bậc chân nhân, đó là:

a- Bố thí với niềm tin (saddhāya dānaṃ deti).

b- Bố thí có tâm kỉnh trọng (sakkaccaṃ dānaṃ deti).

c- Bố thí đúng thời (kālena dānaṃ deti).

d- Bố thí với tâm tế độ (anuggahitacitto dānaṃ deti).

e- Bố thí không làm hại mình hại người (attānañca parañca anupahacca dānaṃ deti)[2].

Ngược lại, không phải là cách bố thí của bậc trí hay của bậc chân nhân.

Hỏi. Thế nào là bố thí với niềm tin.

Đáp. Là tin rằng *"ta sẽ nhận lại quả lành này"* nên người ấy không bố thí những vật thấp kém, bố thí những vật tốt đẹp. Tức là có niềm tin về nghiệp báo và sau khi bố thí không có tâm hối tiếc, cho dù người nhận vật thí là người ác giới.

Đức Thế Tôn có dạy: *"Cho đến súc sinh được 100 lần phước, cho đến người ác giới được ngàn lần phước*..."[3].

Đức Thế Tôn có dạy Du sĩ Vacchagotta (Quách-Chá-Gốt-Tá) rằng:

- Này Vaccha, ai ngăn chận người khác bố thí, người ấy tạo ra ba chướng ngại pháp và đánh cắp mất ba vật. Thế nào là ba?

*Người ấy làm chướng ngại người cho không được công đức.

*Người ấy ngăn chặn người nhận không được bố thí.

*Tự thân người ấy trước đã mất gốc, lại càng bị thương tổn.

Này Vaccha, ai ngăn chặn người cho không bố thí người khác, tạo ra ba chướng ngại như vậy, và đánh cắp mất ba vật.

(Đoạn kinh trên cho thấy, *"ngăn cản người khác bố thí đồng nghĩa là trộm cắp)*.

Này Vaccha, ta nói như sau: "Những ai đổ đồ phế thải trên mâm bàn, hay đồ rửa chén bát vào hố phân hay hố rác rưởi với ý nghĩ để các loài hữu tình trong ấy nhờ đấy được ăn để sống". Do nhân duyên ấy, này Vaccha, ta nói có đem lại công đức, còn nói gì đối với loài người.

Lại nữa, này Vaccha, Ta tuyên bố rằng, cho người có giới hạnh được quả lớn, cho người ác giới không phải như vậy.

Người có giới hạnh là người đã đoạn tận năm pháp và đã đầy đủ năm pháp.

**Thế nào là năm pháp đã được đoạn tận?*

Là đã đoạn tận được *dục tham; sân; dã dượi, lười nhác*; *tâm tán loạn, hối tiếc*; và *hoài nghi*.

**Thế nào năm pháp đã đầy đủ?*

Là đã đầy đủ *vô học giới uẩn*, *vô học định uẩn, vô học tuệ uẩn, vô học giải thoát uẩn, vô học giải thoát tri kiến uẩn.*

Ở đây, Ta tuyên bố rằng, bố thí cho người đoạn tận năm pháp, đầy đủ năm pháp có quả lớn[4].

Quả thiết thực hiện tại với người có niềm tin.

Người có niềm tin có được năm lợi ích thiết thực trong hiện tại là:

1- Bậc thiện trí, bậc chân nhân có tâm thương tưởng đến vị có niềm tin trước tiên; không có như vậy với người không có niềm tin.

---

[1]- A.iii. 49. Kinh Cho các vật khả ý. Chương năm pháp.

[2]- A.ii. 172. Sappurisadānasuttaṃ (kinh Bố thí của bậc chân nhân), chương năm pháp.

[3]- M.iii. Dakkhināvibhaṅgasuttaṃ (kinh Cúng dường phân biệt), kinh số 142.

[4]- A.i. 160. Vacchagottasuttaṃ (Kinh Vacchagotta), chương ba pháp.

2- Bậc thiện trí, bậc chân nhân khi viếng thăm, viếng thăm vị có niềm tin trước tiên; không có như vậy với người không có niềm tin.

3- Bậc thiện trí, bậc Chân nhân nhận vật thực của người có niềm tin trước tiên; không có như vậy với người không có niềm tin.

4- Bậc thiện trí, bậc Chân nhân khi giảng pháp, trước tiên giảng pháp đến người có niềm tin; không có như vậy với người không có niềm tin.

5- Khi mệnh chung được sinh lên thiên giới[1].

*Đại Phạm thiên Sanaṅkumāra (Xá-Năng-Kú-Ma-Rá) có thuyết giảng nơi cõi "Ba mươi ba".

- Chư Thiện hữu, những ai quy ngưỡng Phật, quy ngưỡng Pháp, quy ngưỡng Tăng và giữ trọn giới luật.

Những vị này khi thân hoại mệnh chung, một số được sinh lên Thiên chúng Parinimiittavasavati (Tha Hóa Tự tại thiên), một số được sinh lên Thiên chúng Nimmānaratī (Hóa Lạc thiên); một số được sinh lên Thiên chúng Tusitā (Đẩu-suất thiên), một số được sinh lên Thiên chúng Yāmā (Dạ-ma-thiên), một số được sinh lên Thiên chúng Tāvatimsā (Tam thập tam thiên), một số được sinh lên Thiên chúng Catumārājikā (Tứ Thiên vương thiên), những ai phải điền vào cho đủ số hạ phẩm nhất được sinh vào chúng Gandhabba (Càn-thát-bà)[2].

Lại nữa, Đức Thế Tôn có dạy:

Ye keci buddhaṃ saraṇaṃ gatāse;
Na te gamissanti apāyabhūmiṃ
Pahāya mānussaṃ dehaṃ;
Devakāyaṃ paripūressanti.
"*Những ai nương nhờ Phật;*
Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người;
Sẽ tràn đầy thiên giới".
Ye keci dhammaṃ saraṇaṃ gatāse;
Na te gamissanti apāyabhūmiṃ
Pahāya mānussaṃ dehaṃ;
Devakāyaṃ paripūressanti.
"*Những ai nương nhờ Pháp;*
Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người;
Sẽ tràn đầy thiên giới".
Ye keci saṅghaṃ saraṇaṃ gatāse;
Na te gamissanti apāyabhūmiṃ
Pahāya mānussaṃ dehaṃ;
Devakāyaṃ paripūressanti.
"*Những ai nương nhờ Tăng;*
Sẽ không đi đọa xứ,
Từ bỏ thân làm người;
Sẽ tràn đầy thiên giới" (HT. TMC d)[3].

***Hỏi**. Thế nào là bố thí với tâm tôn trọng.*

***Đáp**.* Người gia chủ khi bố thí đến người gia chủ, có tâm tôn trọng người nhận, do nghĩ rằng "nhờ người này, ta đã tạo được phước báu".

---

[1]- A.iii. 42. Saddhasuttaṃ (kinh Niềm tin).
[2]- D.ii. Javanasabhasuttaṃ (kinh Javanasabha), kinh số 18.
[3]- D.ii. Mahāsamayasuttaṃ (kinh Đại hội), kinh số 20.

Với những bậc trưởng thượng trong gia tộc hay các Sa-môn, Bà-la-môn có giới hạnh, người thí có tâm cung kỉnh, do nghĩ rằng "nhờ những bậc này, phước báu của ta được tăng trưởng sung mãn".

Hỏi. Thế nào là bố thí đúng thời?

Đáp. Là khi người nhận thí cần thiết đến vật thí ấy. Bố thí đúng thời có năm cách:

- Bố thí đến vị Tỳ-khưu vừa đến (āgantukadānaṃ).
- Bố thí đến vị Tỳ-khưu sắp đi xa (gamikadānaṃ).
- Bố thí đến vị Tỳ-khưu bị bệnh (gilānadānaṃ).
- Bố thí khi có nạn đói (dubbhikkhadānaṃ).
- Bố thí trái cây đầu mùa (nāvadānaṃ)[1].

*Bà Visākhā (Quí-Xa-Kha) có xin Đức Thế Tôn:

-Trọn đời cùng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu vừa đến (āgantukabhattaṃ).

-Trọn đời cúng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu sắp đi xa (gamikabhattaṃ).

-Trọn đời cúng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu bệnh (gilānabhattaṃ).

- Trọn đời cúng dường thuốc trị bệnh đến vị Tỳ-khưu bệnh (gilānabhesajjaṃ).

Khi được Đức Thế Tôn hỏi: "Vì sao con xin những điều này?", bà Visākhā thưa rằng:

*Bạch Thế Tôn. Khi vị Tỳ-khưu vừa đến, không rành đường, không rành khu vực, đi khất thực khi thân còn mệt mỏi. Nhận được vật thực dành cho vị Tỳ-khưu vừa đến, sau đó vị ấy sẽ rành đường, rành khu vực, đi khất thực với thân không còn mệt mỏi.

Do nhận thấy được lợi ích này, nên con nguyện được "trọn đời cúng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu vừa đến".

* Bạch Thế Tôn, khi sắp đi xa, vị Tỳ-khưu tự mình đi tìm vật thực có thể bị trễ đoàn lữ hành, vị ấy phải vượt đường xa đến nơi vị ấy muốn với thân mệt mỏi vào lúc trời tối.

Vị Tỳ-khưu sắp đi xa, nhận được vật thực của con cúng dường sẽ không bị trễ đoàn lữ hành, không phải vượt đường xa đến nơi mình muốn vào lúc trời tối với thân mệt mỏi.

Do nhận thấy lợi ích này, nên con nguyện được "trọn đời cúng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu sắp đi xa".

*Bạch Thế Tôn, vị Tỳ-khưu bệnh, không nhận được vật thực thích hợp, bệnh sẽ trầm trọng hơn, hoặc sẽ mệnh chung.

Vị ấy nhận được vật thực thích hợp dành cho người bệnh, bệnh sẽ không trầm trọng, không đi đến mệnh chung.

Do nhận thấy lợi ích này, nên con nguyện được "trọn đời cúng dường vật thực đến vị Tỳ-khưu bệnh".

*Bạch Thế Tôn, vị TỳKhưu bệnh, nếu không nhận được dược phẩm thích hợp, bịnh sẽ trở nên trầm trọng, có thể mệnh chung. Vị ấy nếu nhận được dược phẩm thích hợp dành cho người bệnh, bệnh sẽ không trầm trọng, sẽ không đi đến mệnh chung.

Do nhận thấy lợi ích này, nên con nguyện được "trọn đời dâng thuốc trị bệnh đến các vị Tỳ-khưu bệnh".

Đức Thế Tôn chấp thuận lời thỉnh cầu của bà Visākhā[2].

*Trưởng giả Meṇḍaka (Mêng-Đá-Ká), trong tiền kiếp đã bố thí trong thời có nạn đói khốc liệt, trong thời Đức Phật hiện tại, ông là đệ nhị trưởng giả trong toàn cõi Ấn cổ, ngoài ra ông có "năng lực thần thông do phước".

Sau khi gội đầu, Trưởng giả Meṇḍaka ra ngồi trước cửa nhìn lên không trung, một trận mưa lúa gạo đỏ sāli (xa-lí) rơi xuống tràn ngập vào 1.250 kho lúa[3].

---

[1]-A.iii. 41.Kālasuttaṃ (kinh Bố thí đúng thời). Chương năm pháp.

[2]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại Phẩm II. Chương VI. Dược phẩm (Bhesajjia).

[3]- DhpA. Câu số 252; PSA. 509; Vsm. 383 có đôi chút khác biệt.

*Tiền thân Ngài Aññā Koṇḍaññā (A-Nhã Kiều-Trần-Như) trong thời Đức Thế Tôn Vipassī (Quí-Pas-Xi), là chủ ruộng lúa có tên là Mahākāla (Má-Ha-Ka-Lá).

Gia chủ Mahākāla cúng dường đến Đức Thế Tôn cùng Tăng chúng cháo sữa làm từ những hạt lúa đang ngậm sữa trong ruộng và ước nguyện chứng đắc Thánh quả đầu tiên trong Giáo pháp Đức Chánh Đẳng Giác.

Hậu thân gia chủ Mahākāla là Ngài Aññā Koṇḍaññā, vị chứng Thánh quả đầu tiên trong Giáo pháp này[1], còn người em của gia chủ Mahākāla là Cūḷakāla (Chu-Lá-Ka-Lá) sau khi gặt lúa xong mới cúng dường đến Đức Thế Tôn Vipassī, hậu thân là du sĩ Subhadda (Xú-Phách-Đá) là vị đệ tử cuối cùng của Đức Thế Tôn[2].

Quả của bố thí đúng thời là được sinh vào thời kỳ có Giáo pháp Đức Chánh Giác hay được sinh vào thời có Đức Chánh Giác hiện tiền, khi duyên lành hội tụ, nghe Đức Thế Tôn Giảng pháp, cuối thời pháp có khả năng chứng đạt Thánh đạo; như cha mẹ, người vợ cũ của Ngài Yasa (Da-Xá) chẳng hạn[3].

Hỏi. Thế nào là bố thí với tâm tế độ.

Đáp. Là bố thí với tâm mong người nhận thí được an lạc, thoát ra được cái khổ đang áp bức.

Hỏi. Thế nào là bố thí không hại mình, hại người?.

Đáp. Là bố thí những lễ phẩm phát sinh đúng pháp, những vật không gây tai hại đến người khác hoặc làm hư hoại phước lành của mình; như không bố thí chất say, không bố thí chất độc, không bố thí vũ khí để hại người, không bố thí dục tình, không bố thí những tranh tượng lõa thể[4].

*Có nữ cư sĩ tên là Supabbā (Xú-Pắp-Ba) ở trong thành Rājagaha (Vương Xá), là người có niềm tin mù quáng, cô đã có tri kiến như vầy: *"Người nữ nào cúng dường việc đôi lứa thì người nữ ấy dâng vật tối thượng"*. Khi nhìn thấy vị Tỳ-khưu, cô đã nói:

- Thưa Ngài, hãy đến. Ngài hãy thực hiện việc đôi lứa.

- Này chị, thôi đi. Việc ấy không được phép...[5].

Đây là bố thí làm hại người, hại mình.

Lễ phẩm dùng để cúng dường hay bố thí, theo Tạng Luật có bốn là: y phục, vật thực, sàng tọa và thuốc trị bệnh. Theo Tạng Kinh có 10 là: cơm, nước, y phục, xe thuyền, vòng hoa, vật thoa xức, vật thơm, chỗ ngụ, sàng tọa, ánh sáng (đèn).

Trong tập "*Sớ giải chuyện thiên cung* (Vimānavatthu-Atthakathā)" có ghi lại nhiều mẩu chuyện về quả lành của bố thí, xin độc giả hãy tham khảo. Ở đây, chúng tôi chỉ trích dẫn một câu chuyện điển hình về quả lành của sự bố thí nước.

**Thiên cung có chiếc thuyền.*

Khi Đức Thế Tôn ngự trú nơi thành Sāvatthi (Xá-Vệ), có 16 vị Tỳ-khưu an cư mùa mưa nơi ngôi làng biên địa. Mãn mùa an cư, các vị trở về Đại tự Kỳ-Viên để yết kiến Đức Thế Tôn, trên đường về các Ngài phải băng qua vùng đất hạn hán khô cằn như bãi sa mạc không có nước, các Ngài bị sức nóng bức bách, không thể tìm được nước, nên thân rất mỏi mệt.

Có một nữ nhân mang bình ra giếng lấy nước, các vị Tỳ-khưu đi theo nữ nhân ấy.

Nữ nhân đi đến giếng nước, lấy nước từ giếng lên, thấy các vị Tỳ-khưu, nghĩ rằng: "Các Ngài đang khát nước". Nàng đi đến cung kính cúng dường nước đến các vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu dùng vải lọc nước, sau khi lọc nước xong dùng nước đến thỏa thích, rồi làm mát tay chân với nước. Các Ngài phúc chúc đến nữ nhân ấy rồi ra đi.

Nữ nhân ấy thỉnh thoảng nhớ lại công hạnh ấy, tâm nàng vô cùng hoan hỷ.

---

[1]- DhpA. Câu số 11-12.

[2]- D.iii. Mahāparinibbānasuttaṃ (kinh Đại viên tịch).

[3]- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 3).

[4]- Xem Đ.T.L Bửu Chơn (soạn dịch). Kho tàng Pháp bảo. Pháp năm chi.

[5]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích giới Tỳ-khưu I, số 72.

Về sau, mệnh chung nàng tái sinh về cõi trời Đạo lợi, là thiên cung chủ tòa thiên cung rất xinh đẹp, gần thiên cung có cây Như ý. Quanh cây như ý là một dòng suối với nước suối với nước trong như ngọc, hai bên bờ suối là dãy cát trắng, lòng suối cũng là dải cát trắng, những hạt cát lấp lánh như những viên ngọc trai.

Trước cổng đi vào tòa thiên cung là một hồ sen lớn, trong hồ là những cánh hoa sen năm màu đang nở rất xinh đẹp và có chiếc thuyền vàng để nàng thiên nữ đi dạo trong hồ[1].

Quả của bố thí sự.

*Khi Đức Thế Tôn ngự trú nơi Đại tự Kỳ-Viên, gần thành Sāvatthi (Xá-Vệ),

Bấy giờ công chúa Sumanā (Xú-Má-Na) với năm trăm thiếu nữ hộ tống trên năm trăm cỗ xe, đi đến Đức Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ xong rồi ngồi xuống một bên, bạch hỏi Đức Thế Tôn.

- Bạch Thế Tôn, có hai đệ tử của Đức Thế Tôn đồng đẳng về tín, đồng đẳng về giới, đồng đẳng về tuệ. Một có bố thí, một không bố thí, mệnh chung được sinh về cõi trời, giữa hai vị thiên nhân ấy có gì sai biệt chăng?

- Này Sumanā, có sự sai biệt. Người có bố thí khi sinh làm chư thiên vượt qua người không bố thí được sinh làm chư thiên qua năm phương diện: Tuổi thọ chư thiên *(dibbena āyunā)*, dung sắc chư thiên *(dibbena vaṇṇena)*, an lạc chư thiên *(dibbena sukhena)*, thiên danh tiếng chư thiên *(dibbena yasena)* và quyền lực chư thiên *(dibbena ādipateyyena*).

- Bạch Thế Tôn, nếu được sinh làm người, vị có bố thí và vị không có bố thí, có gì sai biệt chăng?

- Này Sumanā, có sai biệt. Người có bố thí, khi được làm người vượt qua người không bố thí năm phương diện: Tuổi thọ cõi người *(mānusakena āyunā),* dung sắc cõi người *(ānusakena vaṇṇena),* an lạc cõi người *(mānusakena sukhena),* danh tiếng cõi người *(mānusakena yasena)* và quyền lực cõi người *(mānusakena ādhipateyyena).*

- Bạch Thế Tôn, nếu cả hai đều xuất gia, giữa hai vị xuất gia ấy, vị có bố thí, vị không có bố thí; có gì sai biệt nhau.

- Này Sumanā, có sự sai biệt. Người có bố thí được xuất gia vượt hơn người không bố thí được xuất gia năm phương diện: Thường được yêu cầu nhận y phục, thường được yêu cầu nhận vật thực, thường được yêu cầu nhận sàng tọa, thường được yêu cầu nhận thuốc trị bệnh và được các bậc đồng phạm hạnh mến mộ[2].

Một đoạn kinh khác ghi nhận:

*Khi Thế Tôn trú ngụ "*Giảng đường có nóc nhọn* (kūṭāgārasālā)", trong Đại Lâm, gần thành Vesāli (Vệ-Xá).

Bấy giờ, tướng quân Sīha (Xi-Há) đi đến Đức Thế Tôn, sau khi đảnh lễ Đức Thế Tôn xong rồi, ngồi xuống một bên, tướng quân Sīha bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể giảng cho con biết về quả thiết thực hiện tại của bố thí?

- Có thể được, này tướng quân Sīha.

*Người bố thí được đại chúng ái mộ, ưa thích. Này Sīha, đây là quả thiết thực hiện tại thứ nhất của bố thí.

*Người bố thí được bậc thiện trí, bậc Chân nhân thân cận. Này Sīha, đây là quả thiết thực hiện tại thứ hai của bố thí.

*Người bố thí có được danh tốt đẹp lan truyền đi. Này Sīha, đây là quả thiết thực hiện tại thứ ba của bố thí.

---

[1]- VvA. Thiên cung có thuyền (Nāvāvimāna). Chương I, chuyện số 6.

[2]- A.iii. 32. Sumanasuttamn. (kinh Sumana). Chương năm pháp.

*Người bố thí có tâm tự tin khi đi vào bất cứ hội chúng nào. Này Sīha, đây là quả thiết thực hiện tại thứ tư của bố thí.

*Người bố thí sau khi mệnh chung được sinh về thiên giới. Này Sīha, đây là quả thiết thực hiện tại thứ năm của bố thí[1].

**Bố thí với niềm tin.*

Khi là chư thiên hay là người, quả của phước lành này là "có đại tài sản, tài sản sung mãn, có dung sắc xinh đẹp như hoa sen, nhiều người mến mộ".

**Bố thí với tâm kỉnh trọng* .

Khi là chư thiên hay là người, quả phước lành này là "được sinh vào dòng cao sang có đại tài sản, các người con, vợ, nô tỳ, người giúp việc... đều sẵn sàng làm theo lời người ấy với sự hiểu biết".

**Bố thí đúng thời.*

Khi là người hay chư thiên, quả phước lành này "có được đại tài sản sung mãn, những vật dụng cần thiết phát sinh đúng thời và sung túc".

**Bố thí với tâm tế độ.*

Khi là chư thiên hay là người, quả phước lành này được "có đại tài sản, thọ hưởng an lạc từ năm pháp: Sắc, thinh, hương, vị, xúc được sung mãn".

**Bố thí không hại mình, hại người.*

Khi là chư thiên hay là người, quả phước lành này "là người có nhiều tài sản, không một tai nạn nào xảy đến làm hư hoại tài sản của người ấy, như: Tài sản không bị hoại do lửa, do nước, do trộm cướp, do vua quan, do người thù nghịch hay do người thừa tự"[2].

B- Về giữ giới.

Trước tiên, *giới* nghĩa là gì? Sách Thanh Tịnh đạo (Visuddhimagga) có giải thích: Giới (sīla) được hiểu theo nghĩa "kết hợp (sīlana)". Kết hợp có hai nghĩa là:

a- *Phối hợp* (samādhāna), là chỉ cho "không phải là một" của ba nghiệp: Thân, ngữ và ý được tốt đẹp.

b- *Nâng lên* (upadhārana), nghĩa là nền tảng (ādhāra) cho những thiện pháp[3].

Người gia chủ ngoài giữ gìn trọn vẹn năm giới, nên giữ thêm giới Bố-tát (uposathasīla), tức là giữ tám giới vào ngày mùng 8, 14 và 15 mỗi nửa tháng. *Vì sao ba ngày này là ngày giới Bố-tát*?

Đáp. Vì ba ngày này là ba ngày đặc biệt của mỗi nửa tháng.

- Này các Tỳ-khưu, thuở xưa Thiên chủ Sakka đang thuyết giảng cho chư Thiên ở cõi Trời "Ba mươi ba", nói lên bài kệ như sau:

Ngày mười bốn, ngày rằm,
Ngày tám trong nửa tháng,
Kể cả phần đặc biệt,
Khéo đầy đủ cả tám,
Theo làm lễ Bố-tát,
Vị ấy giống như ta[4].

Lại nữa.

*Vào ngày thứ tám của mỗi nửa tháng, các Đại thần cố vấn của Tứ đại vương đi du hành trong thế giới loài người, xem loài người có nhiều hay ít người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính trọng các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các bậc trưởng thượng trong gia tộc, có thọ giới Bố-tát,có làm các thiện sự?

*Vào ngày 14 của mỗi nửa tháng, các Hoàng tử của Tứ đại vương đi du hành trong thế giới loài người, xem loài người có nhiều hay ít người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha,

---

[1]- A.iii. 38.Sīhasenāpatisuttaṃ (kinh Tướng quân Sīha). Chương năm pháp.
[2]- A.iii. 172. Sappurisadānasuttaṃ (kinh Bậc chân nhân bố thí). Chương năm pháp.
[3]- Ni sư Thích nữ Trí Hải (d). Thanh tịnh đạo I. số 19.
[4]- A.i.143. Dutiyacatumahārājasuttaṃ (kinh Tứ đại vương II). Chương ba pháp.

có kính trọng các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các bậc trưởng thượng trong gia tộc, có thọ giới Bố-tát, có làm các thiện sự?

*Vào ngày 15 của mỗi nửa tháng, Tứ đại vương đi du hành trong thế giới loài người, xem loài người có nhiều hay ít người có hiếu với mẹ, có hiếu với cha, có kính trọng các Sa-môn, Bà-la-môn, có tôn trọng các bậc trưởng thượng trong gia tộc, có thọ giới Bố-tát, có làm các thiện sự?

Vào ngày lễ Đại hội chư thiên, chư thiên cõi "Ba mươi ba" được nghe Tứ Đại vương báo "có ít người thực hành những thiện sự trên", chư thiên cõi "Ba mươi Ba" không hoan hỉ nói: "Thật vậy, thiên chúng sẽ bị tổn giảm, chúng A-tu-la (Asura) sẽ sung mãn".

Nếu "có nhiều người thực hành những thiện sự trên", chư thiên cõi "Ba mươi Ba" sẽ nói: "Thật vậy, thiên chúng sẽ sung mãn, chúng A-tu-la sẽ bị tổn giảm[1].

Người tại gia giữ giới nên hiểu rõ giới và pháp, nên giữ giới của bậc Thánh, không nên giữ giới như người chăn bò; giữ giới như ngoại đạo.

Đức Thế Tôn có dạy bà Visākha (Quí-Xa-Kha): "Có ba cách giữ giới Bố-tát: Giữ giới Bố-tát như người chăn bò, giữ giới Bố-tát như ngoại đạo Nigaṇṭha (Ní-găng-thá) và giữ giới Bố-tát của bậc Thánh"[2].

**Thế nào là "giữ giới như người chăn bò?"*

Thông thường, người chăn bò buổi sáng đưa bò ra đồng để ăn cỏ, buổi chiều đếm đủ số lượng bò mang về chuồng cho chủ, không tìm hiểu bò có ăn cỏ được no không, có được uống nước tốt không?... Cũng vậy, người gia chủ chỉ biết giữ năm giới theo hình thức, không tìm hiểu ý nghĩa của giới, quả tốt đẹp của giới, ân đức của giới.

Khi giữ giới Bố-tát cũng không tìm hiểu ý nghĩa của giới, giống như người chăn bò, vào buổi chiều sau khi đưa bò vào chuồng, suy nghĩ rằng: "Hôm nay những con bò ăn cỏ chỗ này, uống nước chỗ này; ngày mai những con bò sẽ ăn cỏ chỗ này, sẽ uống nước nơi này"; cũng vậy, người giữ giới Bố-tát suy nghĩ rằng: "Hôm nay ta đã dùng vật thực loại này, loại này; ngày mai ta sẽ dùng vật thực loại này, loại này. Như vậy, người ấy sống cả ngày với tâm cùng đồng hành với tham dục.

**Thế nào là giữ giới như ngoại đạo Nigaṇṭha.*

Là tuân thủ những tà giới; như một đệ tử của Tôn chủ Nigaṇṭha "không dùng nước lạnh, vì cho rằng trong nước lạnh có chúng sinh", vào ngày giới bố-tát, nhóm Sa-môn Nigaṇṭha khích lệ chúng đệ tử như sau: "Ngươi hãy quăng bỏ đao trượng đối với các chúng sinh sống ở hướng Đông, ngoài một trăm do-tuần.

Hãy quăng bỏ đao trượng đối với các chúng sinh sống ở phương Nam, ngoài một trăm do-tuần.

Hãy quăng bỏ đao trượng đối với các chúng sinh sống ở phương Tây, ngoài một trăm do-tuần.

Hãy quăng bỏ đao trượng đối với các chúng sinh sống ở phương Bắc, ngoài một trăm do-tuần".

Như vậy, họ khích lệ vì lòng thương, vì tâm bi mẫn đối với một số chúng sinh, không khích lệ vì lòng thương, vì tâm bi mẫn với một số chúng sinh khác.

Trong ngày Bố-tát, họ khích lệ đệ tử như sau: "Các ngươi hãy quăng bỏ tất cả quần áo và nói như sau: "Ta không có bất cứ vật gì, không có cái gì là của ta", nhưng họ vẫn nhận biết "mẹ, cha, vơ con, người nô tỳ, người làm công của mình", như vậy "người ấy nói dối".

Cha mẹ, vợ con, nô tỳ... nhặt những gì họ quăng bỏ, mang vào cất giữ. Hôm sau, họ thọ hưởng tài sản chưa được cho, như vậy là "phạm vào giới lấy của chưa cho" (sđd).

Ngoài ra những du sĩ Nigaṇṭha còn thực hành giới khổ hạnh rất khốc liệt.

---

[1]- A.i. 142. Catumahārājasuttaṃ (Kinh Tứ Đại vương). Chương ba pháp.

[2]- A.i. 205. Uposathasuttaṃ (kinh Bố-tát). Chương ba pháp.

Theo quan điểm của Tôn chủ Nigaṇṭha Nātaputta (Ní-găng-thá Na-Tá-Pút-Tá) là "làm tiêu mòn ác nghiệp cũ bằng khổ hạnh khốc liệt", gìn giữ không tạo *tội* (daṇḍa) mới bằng thân, lời nói, và ý.

Nhờ diệt các nghiệp cũ, không tạo *tội* mới nên không có sự tiếp tục trong tương lai và nhờ đó, các Nigaṇṭha đạt đến giải thoát khỏi vòng sinh tử.

Đức Thế Tôn chấn chỉnh quan điểm sai lạc này với những lý lẽ như sau, Ngài hỏi:

- Chư hiền Nigaṇṭha, các người có biết: "Trong quá khứ chúng tôi có hiện hữu, hay trong quá khứ chúng tôi không hiện hữu?"

- Thưa không, này hiền giả.

- Chư hiền Nigaṇṭha, các người có biết: "Trong quá khứ chúng tôi có tạo ác nghiệp, hay trong quá khứ chúng tôi không tạo ác nghiệp?"

- Thưa không, này hiền giả.

- Chư hiền Nigaṇṭha, các người có biết: "Trong quá khứ chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia?

- Thưa không, này hiền giả.

- Chư hiền Nigaṇṭha, các người có biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay tất cả khổ sẽ được diệt tận với sự diệt tận khổ ở mức độ như thế này?"

- Thưa không, này hiền giả.

- Chư hiền Nigaṇṭha, các người có biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp?"

- Thưa không, này hiền giả[1].

Đã không biết "trong quá khứ có tạo ác nghiệo hay không có tạo", không biết "có hay không có tạo ác nghiệp như vầy; không biết "khổ như thế này đã được đoạn tận, khổ còn lại như thế này cần phải đoạn tận hay tất cả khổ cần phải được đoạn tân với khổ hạnh như vầy"; trong hiện tại không biết "sự đoạn tận các bất thiện pháp, sự thành tựu các thiện pháp"; lại thực hành khổ hạnh khốc liệt để diệt tận khổ, rõ ràng "đó là niềm tin mù quáng".

Lại nữa, theo quan điểm của Nigaṇṭha Nātaputta: "Trong hiện tại, được cảm nhận thọ khổ, thọ lạc hay thọ không khổ không lạc, là do nhân của nghiệp quá khứ; nên cần thực hành khổ hạnh khốc liệt để diệt trừ nghiệp quá khứ. Nghiệp quá khứ bị diệt, nghiệp mới không tạo, sẽ không có diễn tiến đến tương lai.

Do nghiệp được diệt tận, cảm thọ được diệt tận, cảm thọ được diệt tận, tất cả khổ thọ được diệt tận".

Đức Thế Tôn phản bác luận điểm "tà kiến" này: "Trong hiện tại nỗ lực thực hành khổ hạnh khốc liệt dẫn đến thọ khổ, không nỗ lực thực hành khổ hạnh khốc liệt, không dẫn đến khổ thọ. Có hợp lý chăng khi nói "trong hiện tại, được cảm nhận thọ khổ, thọ lạc hay thọ không khổ không lạc, là do nhân nghiệp quá khứ?" (sđd).

**Thế nào thực hành giới theo bậc Thánh?*

Là làm tâm uế nhiễm được trong sạch với phương pháp thích nghi. Là niệm tưởng đến "ân đức Phật, ân đức Pháp, ân đức Tăng, ân đức giới, ân đức bố thí và ân đức chư thiên"[2].

"*Này Cundī (Chun-Đi), các giới được bậc Thánh ái kính, tức là "giới không bị bể vụn, không bị sứt mẻ, không bị vết chấm, không bị ô nhiễm..."*[3].

Như thế nào? Lấy giới *không sát sinh* để minh họa cho vấn đề này. Giới sát sinh có năm chi.

---

[1]- M.iii. Devadahasuttaṃ (kinh Devadaha), kinh số 101.

[2]- Xem A.i. 205. Uposathasuttaṃ (kinh Bố-tát). Chương ba pháp.

[3]- Xem A.iii. 35. Cundīsuttaṃ (kinh Cundī). Chương năm pháp.

*Chúng sinh có sự sống (pāṇo).

*Biết chúng sinh có sự sống (pāṇasaññitā).

*Cố ý giết (vadhakacittaṃ).

*Rán sức giết (upakkhamo).

*Chúng sinh ấy đã chết (tenamaranaṃ)[1].

Tuy không cố ý giết chúng sinh, nhưng hành hạ, đánh đập. khiến chúng sinh ấy mạng chung. Gọi là "giới sát sinh bị bể vụn", tuy không hoàn toàn đứt giới sát sinh, vì chưa tròn đủ năm chi.

Tuy không cố ý giết; nhưng vô ý làm chết chúng sinh ấy, gọi là "giới sát sinh bị sứt mẻ".

Có tâm muốn giết chúng sinh,nhưng không thực hiện bằng thân hay xúi bảo người khác giết, gọi là "giới sát sinh bị vết chấm (lủng lỗ)", như tấm vải bị lủng lỗ ở giữa.

Không cố ý giết, nhưng đánh đập, hành hạ chúng sinh khác, gọi là "giới sát sinh bị ô nhiễm".

Các giới khác cũng lý giải tương tự.

**Pháp liên hệ với giới.*

Người gia chủ khi thực hành pháp "giữ giới", cần tìm hiểu "pháp trong điều học", như:

**Không sát sinh* là "tu tập pháp vô sân (adosa), vô sân khi được làm cho sung mãn trở thành *tâm từ (mettā)*".

**Không lấy của không cho* là pháp vô tham (alobha), vô tham khi tăng trưởng trở thành *"ly tham (virāga)"* . Kinh văn ghi nhận:

"Này Cundī (Chun-Đi), dầu cho loại pháp nào, hữu vi hay vô vi, ly tham (virāga) được xem là tối thượng trong tất cả pháp" (sđd).

"Vô tham" là pháp căn bản của sự giải thoát khỏi khổ cảnh, thoát ra khỏi sự sinh tử luân hồi.

**Không tà hạnh trong dục lạc*, là áp chế được sự đắm nhiễm trong các dục (kāma), đồng thời duy trì được trí nhớ, làm tăng trưởng trí đang có. Đắm nhiễm trong các dục là chốt chặn cho sự chứng đắc thiền định.

Bà-la-môn Saṅgārava (Xăng-Ga-Rá-Quá) có bạch hỏi:

- Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, duyên gì, các chú thuật (manta) học thuộc lâu ngày, lại không thể nhớ, còn nói gì đến các chú thuật không được học thuộc lòng?

- Này Bà-la-môn, do tâm trú với dục tham, bị dục tham chi phối...[2].

**Không thực hành phi phạm hạnh* (abrahmacariyā), là *xuất ly ra khỏi dục.*

**Không nói dối*, là thực hành *pháp chánh ngữ*.

**Không uống men rượu, chất say*, là *gìn giữ trí*, không làm cho trí bị hư hoại".

Không dùng vật thực phi thời* là áp chế, từ bỏ được "*đắm nhiễm trong vị chất***".

Giới thứ 7 của bát quan giới* là áp chế, từ bỏ được *"đắm nhiễm trong sắc, đắm nhiễm trong âm thanh, đắm nhiễm trong mùi hương**".*

Không nằm ngồi nơi quá cao và xinh đẹp*, là áp chế, từ bỏ được *"đắm nhiễm trong xúc chạm**".*

**Lợi ích của giữ giới.*

Giới được gìn giữ có nhiều lợi ích, trước tiên là "không có hối hận", như:

"*Này Ānanda, các thiện giới có ý nghĩa là "không hối tiếc (avippatisāro)*"[3].

Một đoạn kinh khác, Đức Thế Tôn dạy:

"Này gia chủ, có năm lợi ích cho người đức hạnh viên mãn giới, đó là:

---

[1]- Xem ĐĐ Tăng Định (biên soạn). Kinh Nhật tụng cư sĩ. Trong tập này, chữ Pāṇa được dịch là "thức tánh"; chữ Pāṇa nghĩa là "đời sống", nên chúng tôi tạm dịch là "sự sống"- Ns.

[2]- A.iii. 230. Saṅgāravasuttaṃ (kinh Saṅgārava). Chương năm pháp.

[3]- A.v.1.

- Thừa hưởng đại gia sản do nhờ tinh cần.
- Tiếng lành truyền lan xa.
- Không sợ hãi, rụt rè khi đi vào bất cứ hội chúng nào.
- Tâm định tĩnh khi sắp lâm chung.
- Mệnh chung sinh về thiên giới"[1].

Một đoạn kinh khác, Đức Thế Tôn dạy:

"Nếu vị Tỳ-khưu có ước nguyện "mong rằng tôi được các bậc đồng phạm hạnh ái mộ, thì vị ấy hãy thành tựu viên mãn các Học giới"[2].

*Giới là nền tảng để sinh khởi định, rồi đưa đến giải thoát, như:

"Này các Tỳ-khưu, với người có giới, gìn giữ giới; do vậy, định được đầy đủ"[3].

*Giới là một trong năm (hay bảy) tài sản bậc Thánh:

- Này các Tỳ-khưu, ở đây, vị Thánh đệ tử từ bỏ sát sinh... từ bỏ đắm say rượu men, rượu nấu. Này các Tỳ-khưu, đây gọi là giới tài"[4].

C- Về tu thiền.

Người gia chủ nên làm cho tâm được trong sạch, an tịnh, bằng cách an trú tâm vào các đề mục thiền tịnh như: Tùy niệm ân đức Phật (Buddhaṃ anussarati); tùy niêm ân đức Pháp (Dhammaṃ anussarati); tùy niệm ân đức Tăng (Saṅghaṃ anussarati)... hay thực hành pháp ***"tứ niệm xứ"***.

Về thiền quán (vipassanājhāna), nên thường "quán xét thể trược", quán xét lý vô thường, quán xét sự khổ, quán xét lý vô ngã ...

Ngài Cūḷ**apanthaka.*

Trong thời Đức Thế Tôn tại tiền, có Tỳ-khưu Cūḷapanthaka (Chu-Lá-Pan-Thá-Ká) học kệ ngôn bốn câu với 4 tháng không thuộc.

Khi Tôn giả Cūḷapanthāka muốn hoàn tục, được gặp Đức Thế Tôn, Ngài dẫn Tôn giả Cūḷapanthaka đến trước Hương thất của Ngài, bảo Tôn giả Cūḷapanthaka ngồi mặt hướng về hướng Đông, cầm chiếc khăn vò trong tay nói rằng: "Rajoharanaṃ: Tẩy sạch nhơ bẩn".

Chiếc khăn ban đầu trong sạch, nhưng khi bị vò đi vò lại trở thành nhơ bẩn, Tôn giả Cūḷapanthaka suy ngẫm: "Khăn này vốn trong sạch, nhưng khi chạm vào thân này, khăn trở nên dơ bẩn", Tôn giả Cūḷapanthaka chú tâm quán xét lý vô thường của thân năm nhóm.

Từ nơi tư gia của lương y Jīvaka (Chi-Quá-Ká), Đức Thế Tôn phóng hào quang đến trước Tôn giả Cūḷapanthaka, nói lên ba kệ ngôn:

Rāgo, rajo na ca pana reṇu vuccati;
Rāgassetaṃ adhivacanaṃ rajoti.
Etaṃ rajaṃ vippajahitva bhikkhvo.
Viharanti te vigatarajassa sāsane.
"Tham cấu uế, còn bụi không gọi thế,
Tham chính là cấu uế, đúng như tên.
Này chư Tăng, xa uế đó mới nên.
Trong giáo pháp, trú vững bền vô uế".
Doso, rajo na ca pana reṇu vuccati;
Dosassetaṃ adhivacanaṃ rajoti.
Etaṃ rajaṃ vippajahitva bhikkhvo.
Viharanti te vigatarajassa sāsane.
"Sân cấu uế, còn bụi không gọi thế,

---

[1]- M.ii. 86.
[2]- M.i. 33.
[3]- A.iii.19. Dussilāsuttaṃ (kinh Ác giới).
[4]- A.iii. 53. Sampadāsuttaṃ (kinh Tài sản). Chương năm pháp.

Sân chính là cấu uế, đúng như tên.
Này chư Tăng, xa uế đó mới nên.
Trong giáo pháp, trú vững bền vô uế".
Moho, rajo na ca pana reṇu vuccati;
Mohassetaṃ adhivacanaṃ rajoti.
Etaṃ rajaṃ vippajahitva bhikkhvo).
Viharanti te vigatarajassa sāsane[1].
"*Si cấu uế, còn bụi không gọi thế,*
Si chính là cấu uế, đúng như tên.
Này chư Tăng, xa uế đó mới nên.
Trong giáo pháp, trú vững bền vô uế" (Đ.T.L Pháp Minh d).

Nghe dứt ba kệ ngôn, Tôn giả Cūḷapanthaka chứng Thánh quả Tuệ phân tích (Paṭisambhidā).

Tương truyền, tiền thân Ngài Cūḷapanthaka có một kiếp là vị vua, sau khi đi diễu hành quanh thành phố rồi trở về hoàng cung, người hầu dâng lên Đức vua khăn lau mặt.

Khi lau mặt xong, đức vua nhìn thấy khăn lau trở nên dơ bẩn, quán tưởng rằng: "Khăn này trước đây không dơ bẩn, nhưng khi chạm vào thân này trở nên dơ bẩn, thân này thật là một khối ô trược. Đưa tâm quán tưởng về ô trược, đức vua thấy được tướng vô thường của pháp hữu vi".

Đây là duyên lành giúp Ngài Cūḷapanthaka chứng đạt Thánh quả A-La-Hán[2].

II- Luật của bậc xuất gia khéo rèn luyện.

Luật của bậc xuất gia trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn, có hai là: Luật thu thúc (saṃvaravinaya) và luật từ bỏ (pahānavinaya).

A- Luật thu thúc.

Có năm điều là:

1- Sīlasaṃvara: Thu thúc trong Giới bổn.
2- Satisaṃvara: Niệm thu thúc.
3- Ñāṇasaṃvara: Trí thu thúc.
4- Khantisaṃvara: Nhẫn thu thúc.
5- Vīriyasaṃvara: Cần thu thúc.[3]

**Thế nào là thu thúc trong Giới bổn.*

Là nghiêm trì các Học giới do Đức Thế Tôn chế định. Học giới được Đức Thế Tôn chế định cho các Tỳ-khưu và Tỳ-khưu ni có 7 phần là: 4 điều Pārājika (trục xuất); 13 điều Saṅghādisesa (Tăng tàng), 2 điều Aniyata (bất định), 30 điều Nissaggiya pācittiya (Ưng xả đối trị), 92 điều Pācittiya (Ưng đối trị), 4 điều Pāṭidesanīya (Ưng phát lộ), 75 điều Sekhiya (Ưng học).

Ngoài ra, còn có những Học giới thuộc về trọng tội (thullacaya), ác ngữ (dubbhāsita), tác ác (dukkata).

"Này Mahānāma (Má-Ha-Na-Má), ở đây, vị Tỳ-khưu giữ giới, sống với sự gìn giữ của Giới bổn, đầy đủ hành xứ (gocarā) và chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các Học giới"[4].

**"Giới bổn (Pātimokkha)".* Gọi là *Pātimokkha* (pa-tí-mốc-khá) vì đưa đến giải thoát *(mokkheti)*, người gìn giữ *(pāti)* giới này, giới này giúp vị ấy thoát khỏi *(mocayati)* các khổ cảnh là: Địa ngục, súc sinh, ma đói.

**"Gìn giữ".* Là không vi phạm về thân, không vi phạm về lời trong bốn oai nghi : Đi, đứng, nằm, ngồi.

---

[1]- Mahānidesa. 290.
[2]- Xem DhpA. Câu số 25.
[3]- Vism.7; PsA.14, 447; VbhA.330.
[4]- A.i.219. Mahānāmasakkasuttaṃ (kinh Mahānāma dòng Thích- Ca).

*"*Hành xứ*". Là nơi đi đến. Có hành xứ thích đáng và hành xứ không thích đáng.

**Thế nào là hành xứ không thích đáng.*

Như vị Tỳ-khưu thường lui tới nơi ở của: Kỹ nữ, đàn bà góa, gái già, hoạn quan, Tỳ-khưu ni và nơi quán rượu. Như vậy gọi là "hành xứ không thích đáng"; hoặc sống liên hệ với vua, đại thần, ngoại giáo, đệ tử ngoại giáo, những cận sự nam, nữ không có niềm tin trong sạch...

**Thế nào là hành xứ thích đáng?*

Là vị Tỳ-khưu không đi đến những nơi đã nêu trên.

*"*Chánh hạnh*". Có tà hạnh và chánh hạnh.

**Thế nào là tà hạnh?*

Là vi phạm vào Học giới bằng thân, bằng lời, bằng thân lẫn lời. Hoặc nuôi mạng bằng những việc làm sái quấy như: đưa tin, cho tre, cho hoa, hoặc nói nịnh hót, nói dọa dẫm...

Tà hạnh về thân.

Ngoài thân vi phạm vào những Học giới, "tà hạnh về thân" còn là "không cung kỉnh các vị cao hạ hơn mình, chen lấn với các vị cao hạ hơn mình, thiếu lễ độ với các vị Trưởng lão như khi đứng nói chuyện vung tay, ngồi nơi cao hơn, đứng ngồi thúc vào các vị Trưởng lão, chen vào ngồi giữa các vị trưởng lão, ngồi trên gió trong khi các Trưởng lão ngồi nơi dưới gió, đường đột xông vào nơi dành riêng cho nữ nhân...[1].

Tà hạnh về lời.

Là vô lễ với các vị Trưởng lão, không xin phép các vị Trưởng lão mà nói pháp, trả lời pháp...[2]. Hay nói dọa dẫm, nói ướm, nói bóng gió, nói nịnh hót để nuôi mạng sống.

Thế nào là chánh hạnh? Là không vi phạm vào Học giới bằng thân, bằng lời, bằng thân lẫn lời, không nuôi mạng sái quấy. Và thực hành trái ngược với những điều tà hạnh ở trên; đồng thời có tâm "hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi".

**"Những lỗi nhỏ nhặt"* là chỉ cho tác ác (dukkata), hay do vô ý phạm vào điều học, hay tâm khởi lên ý bất thiện. "Tác ác" làm sai, làm không đúng, làm xấu.

Vị Tỳ-khưu khinh thường giới nhỏ.

Có vị Tỳ-khưu thường dùng vật của Tăng như ghế dài chẳng hạn, khi mang ra ngoài để nằm hay ngồi, vị ấy bỏ luôn vật ấy bên ngoài, vật ấy bị mưa, nắng hay bị sâu mọt làm hư hoại, các vị Tỳ-khưu nhắc nhở rằng:

- Này hiền giả, vật dụng của Tăng khi dùng xong, hiền giả hãy mang vào nơi cũ.

Nghe vậy, vị Tỳ-khưu ấy chống chế rằng:

- Này các hiền giả, việc làm ấy thật là nhỏ nhặt; hơn nữa những vật dụng ấy không có tâm thức.

Vị Tỳ-khưu ấy không sửa chữa lỗi của mình, vẫn cứ làm như thế.

Các vị Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn vấn đề này. Đức Thế Tôn khiển trách vị Tỳ-khưu ấy rằng:

- Này Tỳ-khưu, ngươi không nên làm như thế, dù là ác nghiệp nhỏ cũng không nên xem thường. Như bình không nắp để ngoài trời, từng giọt nước mưa chảy vào, một lúc nào đó bình sẽ tràn đầy nước; cũng vậy, ác nghiệp nhỏ được tích lũy sẽ trở thành ác nghiệp lớn.

Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

121- Māvamaññetha pāpassa;
Na mattaṃ āgamissati.
Udabindunipātena;
Udakumbho pi pūrati.

---

[1]- Nd.i. 228-229.

[2]- Nd.i. 230

Pūrati bālo pāpassa;
Thokathokampi ācinaṅti.
"Chớ chê khinh điều ác;
Cho rằng "chưa đến mình".
Như nước nhỏ từng giọt;
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác;
Do chất chứa dần dần"(HT. TMC d)[1].

Hỏi: Luật có trước Học giới hay Học giới có trước Luật?

Đáp. Luật có trước Học giới.

Vào mùa an cư thứ nhất của Đức Thế Tôn, khi thế gian này có được 61 vị Thánh A-La-Hán: Một vị Chánh Giác và 6o vị Thánh A-La-Hán Thinh văn. Đức Thế Tôn dạy "sáu mươi vị Tỳ-khưu cất bước du hành, mỗi người đi một hướng để tế độ chúng sinh".

Bấy giờ có những thiện gia nam tử được nghe pháp từ các vị Thánh A-La-Hán, muốn được xuất gia, thọ giới Tỳ-khưu. Vị Thánh A-La-Hán ấy đưa thiện gia nam tử ấy đến Đức Thế Tôn để được xuất gia.

Nhận thấy cả thầy lẫn trò đều mỏi mệt nơi thân, vì phải vượt đường xa, nên Đức Thế Tôn cho phép:

"*Này các Tỳ-khưu, Ta cho phép kể từ nay ở trong mọi phương, ở trong mọi xứ sở, chính các ngươi hãy cho xuất gia, hãy cho tu lên bậc trên (upasampada)".*

Nghi thức cho xuất gia thọ giới Tỳ-khưu như vầy: Giới tử sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp lên mình chiếc y hoại sắc, đắp thượng y một bên vai, đảnh lễ ở chân vị Tỳ-khưu Tế độ sư, rồi ngồi chồm hổm chấp tay lên, vị Tế độ sư dạy: *"Ngươi hãy nói như vầy"*:

Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi:
Con đi đến nương nhờ Đức Phật.
Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi:
Con đi đến nương nhờ Giáo pháp.
Saṅghaṃ saranaṃ gacchāmi:
Con đi đến nương nhờ chư Tăng.
Dutiyaṃpi, Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ nhì, con đi đến nương nhờ Đức Phật.
Dutiyaṃpi, Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ nhì, con đi đến nương nhờ Giáo pháp.
Dutiyaṃpi, Saṅghaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ nhì, con đi đến nương nhờ chư Tăng.
Tatiyaṃpi, Buddhaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ ba, con đi đến nương nhờ Đức Phật.
Tatiyaṃpi, Dhammaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ ba, con đi đến nương nhờ Giáo pháp.
Tatiyaṃpi, Saṅghaṃ saranaṃ gacchāmi:
Lần thứ ba, con đi đến nương nhờ chư Tăng[2].

Thế là, Giới tử trở thành vị Tỳ-khưu trong Tăng đoàn.

Như vậy rõ ràng, Luật xuất hiện vào hạ thứ nhất của Đức Thế Tôn.

Nghi thức xuất gia thọ giới Tỳ-khưu được thay đổi, khi Bà-la-môn Rādha (Ra-Thá) muốn được xuất gia, nhưng các Tỳ-khưu không nhận vì Bà-la-môn Rādha đã già, vì vị Tỳ-khưu khi xuất gia khi tuổi đã già, có năm khiếm khuyết:

---

[1]- DhpA. Câu số 121.

[2]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại phẩm I. Chương I. Trọng yếu.

a- Nipuṇo: Vị Tỳ-khưu già có tâm cứng rắn, khó dạy bảo cho bỏ được tật xấu hay thói quen xấu.

b- Akappasampanno: Khó được hạnh kiểm thanh cao.

c- Abahussutto: Khó thuộc lòng Pháp vì hay quên.

d- Na dhammakatthiko: Khó là vị Giảng sư có tài.

e- Na vinayadharo: Khó gìn giữ Luật[1].

Nhận thấy duyên lành Thánh quả A-La-Hán của Bà-la-môn Rādha và nhân duyên cớ Ngài Sāriputta có thọ ân của Bà-la-môn này, nên Đức Thế Tôn dạy Ngài Sāriputta cho Bà-la-môn Rādha xuất gia theo nghi thức "Tứ tác bạch tuyên ngôn (catutthakammavācā)", nghi thức này được duy trì cho đến thời hiện tại[2].

Còn Học giới mãi đến hạ thứ 12 của Đức Thế Tôn mới xuất hiện.

Trong mùa hạ này, Tôn giả Sudinna (Xú-Đin-Ná) con trai của Kalanda (Ká-Lan-đá) ở làng Kalanda gần thành Vesāli (Vệ-Xá), Tôn giả Sudinna đã cùng người vợ cũ thực hiện việc lứa đôi, với mục đích "cho hạt giống", làm ô nhiễm đời sống phạm hạnh trong Giáo pháp của Đức Thế Tôn".

Do sự kiện này, Đức Thế Tôn chế định Học giới đầu tiên[3] trong Giới bổn Pātimokkha.

Hỏi. Vì nguyên nhân nào Đức Thế Tôn chế định Học giới đến các Tỳ-khưu?

Đáp. Để duy trì Giáo pháp được tồn tại lâu dài.

Khi Đức Thế Tôn cùng 500 vị Tỳ-khưu an cư mùa mưa lần thứ 12 tại làng Verañja[4] (Quê-ranh-chá), gần cội cây Nimba (Nim-bá) của dạ-xoa Naḷeru (Ná-Lê-Rú).

Bấy giờ, Ngài Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) có bạch hỏi Đức Thế Tôn "trong quá khứ, Giáo pháp của Đức Chánh Giác nào được tồn tại lâu dài, Giáo pháp của Đức Chánh Giáo nào không được tồn tại lâu dài?"

Đức Thế Tôn dạy: "Giáo pháp của Đức Chánh Giác Vipassī (Quí-Pát-Xi), Sikhī (Xi-Khi), Vesabhū (Quét-Xá-Phu) không tồn tại lâu dài.

Giáo pháp của Đức Chánh Giác Kakusantha (Ká-Kú-Xan-Thá), Konāgamana (Kô-Na-Gá-Ma-Ná), Kassapa (Ca-Diếp) được tồn tại lâu dài".

Đức Thế Tôn có giải thích: "Giáo pháp của các Đấng Chánh Giác không chế định Học giới cho các Tỳ-khưu, do vậy, Giáo pháp của các Bậc Chánh Giác ấy không tồn tại lâu dài. Giáo pháp của các bậc Chánh Giác có chế định Học giới cho các Tỳ-khưu, do vậy, Giáo pháp của các Bậc Chánh Giác ấy được tồn tại lâu dài.

Ví như, nhiều loại hoa khác nhau được đặt trên tấm ván, không được kết lại với nhau bởi sợi chỉ, cơn gió sẽ làm phân tán, làm tung tóe và hủy hoại chúng. Cũng vậy, các Tỳ-khưu về sau, có tên khác nhau, có tộc họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau, nếu không có Học giới, đã khiến cho Giáo pháp nhanh chóng biến mất.

Nếu các loại hoa ấy được kết lại bởi sợi chỉ, cơn gió không làm những cánh hoa phân tán, tung tóe và hủy hoại được. Cũng vậy, các Tỳ-khưu về sau, có tên khác nhau, có tộc họ khác nhau, có giai cấp khác nhau, có gia tộc khác nhau, nếu có Học giới, đã khiến cho Giáo pháp được tồn tại lâu dài (sợi chỉ ví như Học giới).

Sở dĩ, các Bậc Chánh Giác không chế định học giới cho các đệ tử, vì các vị Tỳ-khưu đệ tử không làm sinh khởi những điều dẫn đến ô nhiễm (āsava) trong Giáo pháp của Đức Chánh Giác.

---

[1]- Xem Đ.T.L Bửu Chơn (biên soạn), Kho tàng pháp bảo, chương năm pháp.

[2]- Xem Đức Phật và 45 năm Hoằng pháp độ sinh (tập 4).

[3]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích giới Tỳ-khưu I. Chương I. Điều Pārājika (trục xuất) thứ nhất.

[4]- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) có giải thích ở *Samantapāsādikā* (Chú Giải Tạng Luật), Verañjā là tên của một thành phố, Pucimanda là cây *Nimba* (Từ điển Pāli-English của *Pali Text Society* cho biết đó là một loại cây có lá đắng và gỗ cứng) (cây Sầu đâu), Naḷeru là tên của một dạ-xoa.

Như Đức Chánh Giác Vessabhū cùng một ngàn vị Tỳ-khưu đi vào khu rừng ghê rợn, người chưa dứt trừ được ái dục, khi đi vào khu rừng ấy, phát sinh kinh sợ lông tóc dựng ngược.

Đức Thế Tôn Vessabhū với tâm mình biết được tâm của các Tỳ-khưu, đã giáo giới ngàn vị Tỳ-khưu rằng: "*Hãy suy tầm như vầy*[1]*, chớ suy tầm như thế*[2]*. Hãy tác ý như vầy*[3]*, chớ tác ý như thế*[4]*. Hãy từ bỏ điều này*[5]*. Hãy thành tựu rồi an trú điều này*"[6].

Và cả ngàn vị Tỳ-khưu ấy chứng đạt Thánh quả A-La-Hán.

Nghe vậy, Ngài Sāriputta sau khi đắp lại thượng y tề chỉnh, đã thỉnh cầu Đức Thế Tôn chế định Học giới cho các Tỳ-khưu.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Này Sāriputta, ngươi hãy chờ đợi! Trong trường hợp ấy, chỉ có Như Lai mới biết thời điểm.

Này Sāriputta, khi nào chưa xuất hiện một số pháp đưa đến ô nhiễm trong hội chúng này, thì cho đến khi ấy bậc Đạo Sư chưa quy định điều học và công bố giới bổn *Pātimokkha (Pa-tí-mốc-khá)* cho các đệ tử.

Này Sāriputta, khi nào xuất hiện một số pháp đưa đến ô nhiễm trong hội chúng này, khi ấy bậc Đạo Sư quy định điều học và công bố giới bổn *Pātimokkha* cho các đệ tử, nhằm diệt trừ chính các pháp đưa đến ô nhiễm ấy...

Này Sāriputta, trong số 500 vị Tỳ-khưu này, vị thấp nhất là bậc Dự Lưu, không còn pháp bị đọa, được bền vững và hướng đến sự giải thoát[7].

Hỏi. Vì sao Đức Thế Tôn không chế định Học giới trước khi điều dẫn đến ô nhiễm xảy ra?

Đáp. Như vị lương y tài giỏi chỉ bốc thuốc điều trị bệnh khi bệnh xuất hiện, không bốc thuốc điều trị bệnh khi bệnh chưa xuất hiện.

Cũng vậy, Đức Thế Tôn chế định Học giới khi điều dẫn đến ô nhiễm Giáo pháp này đã xuất hiện, khi điều dẫn đến ô nhiễm trong Giáo pháp này chưa xuất hiện thì Đức Thế Tôn chưa chế định Học giới ấy.

****Lợi ích của Học giới.***

Ngài Upāli (Ú-Pa-Lí) có bạch hỏi Đức Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, do duyên bao nhiêu mục đích, các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai, và Giới bổn Pāṭimokkha được tuyên đọc?

- Này Upāli, do duyên mười mục đích các học pháp được thiết lập cho các đệ tử Như Lai, và Giới bổn Pāṭimokkha được tuyên đọc. Thế nào là mười?

1- Để Tăng chúng được cực thiện (saṅghasuṭṭhutāya)

2- Để Tăng chúng được an vui (saṅghaphāsutāyasaṅghaphāsutāya).

3- Để chặn đứng những người khó dạy (dummaṅkūnaṃ puggalānaṃ niggahāya).

4- Các thiện Tỳ-khưu sống được an vui (pesalānaṃ bhikkhūnaṃ phāsuvihārāya).

5- Ngăn chặn các ô nhiễm trong hiện tại (diṭṭhadhammikānaṃ āsavānaṃ saṃvarāya).

6- Để ngăn chặn các ô nhiễm trong tương lai (samparāyikānaṃ āsavānaṃ paṭighātāya).

7- Phát sinh niềm tin đến người chưa có niềm tin (appasannānaṃ pasādāya).

8- Làm tăng trưởng niềm tin đến người có niềm tin (pasannānaṃ bhiyyobhāvāya).

---

[1]- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: "Là suy tầm về ly dục, suy tầm về vô sân, và suy tầm vô hại".

[2]- Ngài Buddhaghosa giải thích: "Là chớ suy tầm về ngũ dục, chớ suy tầm về sân hận, chớ suy tầm về hãm hại".

[3]- Ngài Buddhaghosa giải thích: "Là Tác ý đến vô thường, tác ý đến khổ não, tác ý đến vô ngã, tác ý đến bất tịnh".

[4]- Ngài Buddhaghosa giải thích: "Là chớ tác ý đến bốn điều đối nghịch trên là: thường, lạc, ngã, tịnh".

[5]- Ngài Buddhaghosa giải thích: Là hãy từ bỏ bất thiện pháp.

[6]- Ngài Buddhaghosa giải thích: Là hãy thành tựu và an trú vào thiện pháp.

[7]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích giới Tỳ-khưu I. Chương Verañja.

9- Để diệu pháp được tồn tại (saddhammaṭṭhitiyāsaddhammaṭṭhitiyā).

10- Để nâng đỡ Tạng Luật (vinayānuggahāya)[1].

Thành tựu được "thu thúc trong Giới bổn Pāṭimokkha" là do nương vào niềm tin và hổ thẹn tội lỗi (hiri: tàm) và ghê sợ tội lỗi (ottappa: quý).

"Này Pahārāda (Pá-ha-ra-đá)[2], khi các Học pháp được Ta chế định cho các đệ tử, các đệ tử của ta dù do nhân vì nhân sinh mạng cũng không vượt qua"[3].

Các vị A-xá-lê tiền bối có ví dụ như sau:

*Như gà mái dù chết cũng bảo vệ trứng. Cũng vậy vị Tỳ-khưu dù có chết cũng không làm hư hoại giới.

*Như con bò Yar Tây tạng, dù có chết cũng bảo vệ lông đuôi của mình. Cũng vậy vị Tỳ-khưu dù có chết cũng không làm hư hoại giới.

*Như người mẹ bảo vệ đứa con duy nhất của mình, dù hy sinh mạng sống cũng bảo vệ con. Cũng vậy vị Tỳ-khưu dù có chết cũng không làm hư hoại giới.

*Như người gìn giữ con mắt còn lại của mình, không làm hư hoại đến con mắt còn lại của mình. Cũng vậy, vị Tỳ-khưu gìn giữ Giới không cho giới bị hư hoại giống như thế.

**Vị Tỳ-khưu giữ giới.*

Có vị Trưởng lão đi vào rừng Mahāvattani (Má-ha-quát-tá-ní) thực hành pháp, có bọn cướp sau khi cướp tài vật ở một ngôi làng, rồi chạy vào rừng, thấy vị Trưởng lão đang hành đạo, chúng bắt vị Trưởng lão trói lại bằng một loại dây leo màu đen (như dây bình bát), rồi chúng đi trốn nơi khác.

Vị Trưởng lão không dám bứt bỏ dây trói vì sợ phạm vào giới Ưng-đối-trị (pācittiya) "làm hại thảo mộc".

Trong bảy ngày nằm ở trong khu rừng, Ngài nỗ lực thực hành pháp quán chứng đạt Thánh quả A-Na-Hàm. Mệnh chung Ngài tái sinh về cõi Tịnh cư (Suddhavāsā)[4].

Trưởng lão Mahā Tissa (Más-Ha Tít-Xá) ởCīragumba (Chi-rá-gum-phá) luôn tâm niệm:

"Tài sản nên bỏ để cứu chân tay
Chân tay phải bỏ để cứu mạng sống
Tài sản, chân tay và tánh mạng
Đều nên bỏ để thực hành Chánh pháp!" (sđd, số 133)

Sự thanh tịnh của giới có được nhờ hai phương diện

- Thấy nguy hiểm của sự phạm giới
- Thấy lợi ích của sự viên mãn giới

Sự chế định Học giới cho các Tỳ-khưu, không thuộc lãnh vực trí của bậc Thánh thinh văn, các vị đệ tử không được chế định Học giới.

Ngài Upasena (Ú-Pá-Xê-Ná)[5] có bạch với Đức Thế Tôn rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con sẽ không quy định điều không được quy định; không hủy bỏ điều đã được quy định. Chúng con sẽ thọ trì và thực hành các điều học đã được quy định.

- Lành thay, lành thay, này Upasena. Không nên quy định điều không được quy định; không hủy bỏ điều đã được quy định. Nên thọ trì và thực hành các điều học đã được quy định"[6].

*Đức Thế Tôn thường tán thán vị Tỳ-khưu giữ giới, như:

---

[1]- A.v. 70. Upālisuttaṃ (kinh Upāli). Chương mười pháp.

[2]- Pahārāda là vị chúa của các Asura (a-tu-la).

[3]- A.iv. 201, Pahārādasuttam, (kinh Pahārāda), chương tám pháp.

[4]- Ni sư Thích nữ Trí Hải (d). Thanh tịnh đạo I. số 99.

[5]- Ngài Upasena là em trai của Ngài Sāriputta. Ngài Upasena thực hành ba pháp "Đầu-đà (dhutaṅga)" là: Ở rừng, mặc y là vải được quăng bỏ (*paṃsukūla)* và đi khất thực để sống.

[6]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích giới Tỳ-khưu II; số 91.

"Nếu là người nghe ít; nhưng khéo định tĩnh trong giới.
Họ khen về giới đức; về nghe không đầy đủ".
"Nếu là người nghe nhiều; không định tĩnh trong giới.
Họ chỉ trích giới người ấy; về nghe được đầy đủ".
"Nếu là người nghe nhiều; lại khéo định trong giới.
Họ tán thán người ấy; cả hai giới và nghe"[1].

*Vị Tỳ-khưu gìn giữ Giới bổn tốt đẹp, được các bậc đồng phạm hạnh mến mộ[2].

*Gìn giữ giới bổn tốt đẹp là một trong 8 nhân đưa đến chứng đạt Thánh quả. Như Kinh văn ghi nhận:

"Vị có giới, sống chế ngự với sự chế ngự của Giới bổn, đầy đủ hành xứ chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập các Học pháp. Này các Tỳ-khưu, đây là nhân thứ tư, duyên thứ tư khiến căn bản Phạm hạnh chưa chứng có thể chứng được với trí tuệ; nếu chứng được thời đưa đến tăng trưởng, tu tập được viên mãn"[3]

Vị Tỳ-khưu giết ngỗng trời.

Trong thành Sāvatthi (Xá-Vệ) có hai thiện gia nam tử, sau khi nghe được giáo pháp của Đức Thế Tôn, xin xuất gia trong Tăng đoàn. Hai vị Tỳ-khưu này thường đi chúng với nhau.

Một hôm hai vị cùng đi tắm ở sông Aciravatī (Á-chí-rá-quá-ti), khi đứng phơi khô thân thể và trò chuyện cùng nhau, có hai con ngỗng trời bay qua, vị Tỳ-khưu nói với bạn rằng:

- Này hiền giả, nếu muốn tôi có thể búng sỏi trúng mắt con ngỗng trời.
- Này hiền giả, hiền giả không thể làm được như thế đâu.
- Vậy, hiền giả hãy xem đây.

Vị Tỳ-khưu nhặt lấy hai viên sỏi, búng viên sỏi thứ nhất lao nhanh về phía đuôi con ngỗng trời, nghe tiếng gió rít sau đuôi, con ngỗng quay đầu lại, vị Tỳ-khưu liền búng viên sỏi thứ hai trúng vào mắt bên này rồi xuyên qua mắt bên kia của con ngỗng trời, ngỗng trời kêu lên đau đớn và rơi xuống đất.

Các vị Tỳ-khưu trong sạch đứng gần đấy, thấy thế đã khiển trách vị Tỳ-khưu giết ngỗng trời. Rồi trình lên Đức Thế Tôn, Đức Thế Tôn khiển trách vị Tỳ-khưu giết ngỗng trời:

- Này Tỳ-khưu, vì sao ngươi lại làm như thế. Thuở xưa, bậc trí tuy sống đời thế tục, vẫn cảm thấy hổ thẹn và ghê sợ tội lỗi dù chỉ là chút ít, khi thấy giới của mình không được hoàn toàn trong sạch.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-khưu, Đức Thế Tôn thuật lại Bổn sự Pháp Kuru [4].

(Tóm lược) Bổn sự Pháp Kuru (Kú-rú).

Thuở xưa, khi vua Dhanañjaya (Thá-Nanh-Chá-Dá) là vua xứ Indapatta (In-đá-pát-tá) trong vương quốc Kuru. Vua Dhanañjaya giữ gìn pháp Kuru (là giữ gìn năm giới), cũng như Đức vua, Hoàng thái hậu, Vương hậu, các vương đệ, Phó vương, quan Tế lễ, người đánh xe... người gác cổng, nàng kỹ nữ, ai ai cũng giữ năm giới.

Vua Dhanañjaya cho xây dựng sáu Bố thí đường: Bốn ở bốn cổng thành, một ở trung tâm kinh thành và một ở trước cổng Hoàng cung, mỗi ngày Đức vua bố thí sáu mươi ngàn tiền vàng đến chúng dân.

Vua Kāliṅga (Ka-Ling-Gá) ở thành Dantapura (Dan-tá-pú-ra) trong vương quốc Kāliṅga, nước Kāliṅga hạn hán rất lâu, mất mùa, phát sinh nạn đói kém.

---

[1]- A.ii.6. Kinh Học hỏi ít. Chương bốn pháp.
[2]- A.iii. 262. Chương năm pháp.
[3]- A.iv. 151. Paññāsuttaṃ (kinh Tuệ). Chương tám pháp.
[4]- JA. Chuyện số 276.

Theo lời các quan đại thần, vua xứ Kāliṅga sai tám Bà-la-môn sang xứ Kuru xin vua Dhanañnjaya con voi chúa có tên Añjanavasabho (Anh-chá-ná-quá-xá-phô), nhưng xứ Kāliṅga vẫn không có mưa.

Lần thứ hai, vua xứ Kāliṅga theo lời các đại thần, sai tám Bà-la-môn trả voi Hạnh phúc về xứ Kuru, mang theo bảng vàng để ghi chép pháp Kuru.

**Chuyện vua Dhanañjaya* (Thá-Nanh-Chá-Dá).

Nghe tám vị Bà-la-môn xin ghi chép pháp Kuru, vua Dhanañjaya nói:

- Thật sự ta có giữ pháp Kuru, nhưng có một việc khiến ta áy náy "giới của ta không được trong sạch", nên tâm của ta không được an lạc.

- Thưa Đại vương, việc gì thế?

- Này các Bà-la-môn, theo thông lệ cứ mỗi ba năm một lần, vào ngày trăng tròn tháng Kattika (Kát-tí-ká: Rằm tháng mười âl, tính theo lịch VN), xứ Kuru có mở lễ hội. Đức vua sẽ bắn bốn mũi tên theo bốn hướng, mọi người đều nhìn thấy chỗ rơi của ba mũi tên, riêng mũi tên thứ tư bắn rơi trên nước nên không ai thấy mũi tên đâu cả, ta suy nghĩ: "Có thể mũi tên của ta rơi xuống nước trúng vào con cá, nên không tìm thấy mũi tên". Do vậy, ta áy náy về giới hạnh của ta.

- Thưa Đại vương, không cố ý thì không thể gọi là sát sinh được. Chỉ một chuyện nhỏ như vầy, Ngài còn áy náy thì làm sao Ngài có thể vi phạm vào tội lớn được. Xin Ngài hãy truyền pháp Kuru đến chúng tôi.

Đức vua truyền 5 giới đến tám vị Bà-la-môn, rồi nói rằng: "Mẹ ta là người giữ giới rất tốt đẹp, các ngươi hãy đến xin giới từ mẹ ta đi".

- Vâng, thưa Đại vương.

**Chuyện Hoàng Thái Hậu.*

Tám Bà-la-môn đi đến Hoàng Thái Hậu xin ghi chép pháp Kuru. Bà nói:

- Thật sự ta có giữ pháp Kuru, nhưng có một việc khiến ta áy náy, e ngại giới của ta không được trong sạch.

- Thưa Hoàng Thái Hậu, chuyện ấy ra sao?

- Ta có hai con dâu, một là Vương hậu, một là Vương phi, vợ của phó vương. Có hai sứ thần dâng cho Đức vua hai cống phẩm: một chiếc vòng vàng trị giá một trăm ngàn đồng vàng và một thứ dầu thơm hương trầm cũng trị giá một trăm ngàn đồng vàng. Đức vua dâng hết cho ta. Ta nghĩ: "Ta không xức dầu thơm, cũng không đeo vòng cổ, vậy ta nên cho vợ của các con ta". Nhưng ta lại nghĩ thêm: "Vương hậu (vợ Đức vua) giàu nên ta cho chiếc vòng vàng còn Vương phi (vợ phó vương) nghèo nên ta cho dầu thơm hương trầm". Ta chợt áy náy, tất cả đều là con dâu, tại sao ta lại còn phân biệt giàu hay nghèo, như vậy ta còn thiên vị và giới của ta không được trong sạch.

- Thưa Hoàng Thái Hậu, vật trong tay của Hoàng Thái Hậu là của Hoàng Thái Hậu, tùy ý bà muốn cho ai như thế nào tùy theo ý bà.

Nhưng một việc nhỏ như vậy mà bà còn áy náy thì làm sao bà có thể tạo việc ác lớn được. Giới của bà vẫn còn trong sạch, xin bà hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Hoàng Thái Hậu truyền pháp Kuru cho các vị sứ thần rồi giới thiệu đến Hoàng Hậu.

**Chuyện Hoàng hậu:*

Các vị Bà-la-môn đến Hoàng Hậu xin pháp Kuru, Hoàng hậu nói:

- Thật sự ta có giữ pháp Kuru, nhưng ta vẫn áy náy vì giới của ta không được trong sạch.

- Thưa Hoàng hậu vì sao vậy?

- Này các sứ thần, có lần ta đang ngồi ở cửa mắt cáo nhìn xuống thấy nhà vua cùng Phó Vương đang tham dự một cuộc diễu hành long trọng quanh kinh thành. Phó vương ngồi trên lưng voi, phía sau Đức vua. Ta thấy Phó vương xinh đẹp hơn Đức vua, ta suy nghĩ: "Nếu sau khi Đức vua mất, Phó vương lên thay, ước gì Phó vương chọn ta làm

Hoàng hậu". Ta chợt hối hận nghĩ rằng mình đã có chồng tại sao còn tư tưởng đến Phó vương, nên ta cứ ray rứt mãi.

- Thưa Hoàng hậu, tội không chỉ là sự khởi ý rồi bị dập tắt, nhưng chỉ một việc nhỏ như vậy mà Hoàng hậu còn ray rứt thì làm sao bà có thể phạm lỗi nặng được. Xin bà hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Hoàng Hậu truyền pháp Kuru cho các vị sứ thần rồi giới thiệu đến Phó vương.

**Chuyện Phó vương:*

Tám vị Bà-la-môn đến Phó vương xin ghi chép pháp Kuru, Phó vương nói:

- Thật sự ta có giữ pháp Kuru, nhưng có một việc khiến ta ray rứt mãi, e rằng giới của ta không được trong sạch.

- Thưa Phó Vương, chuyện như thế nào?

- Này các sứ thần, khi ta vào cung để hầu Vương huynh, nếu ta muốn ngụ lại hoàng cung qua đêm thì ta để dây cương và roi ngựa trên gọng xe, nếu ta muốn trở về ngay thì ném dây cương và roi vào trong thùng xe.

Có lần, ta đến hầu Vương huynh và muốn trở về ngay, ta để dây cương và roi vào trong thùng xe. Bất ngờ có một trận mưa lớn trút xuống, Vương huynh không cho ta về, giữ ta ở lại trong cung suốt đêm.

Sáng ra, khi ra tới chỗ để xe ngựa, cả nhóm tùy tùng đã đứng suốt đêm trong cơn mưa chờ đợi ta. Ta hối hận "Tại sao ta vô ý làm cho những người tùy tùng khổ đến như vậy?", do việc này khiến ta áy náy không yên, nghĩ rằng giới của mình không được trong sạch.

- Thưa Phó Vương, ngài đã không có ý định làm cho những người đó khổ như vậy, đó không phải là tội lỗi. Chỉ một việc nhỏ như vậy còn khiến ngài ray rứt thì làm sao ngài có thể phạm lỗi lớn được. Xin ngài hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Phó Vương truyền pháp Kuru cho các vị sứ thần rồi giới thiệu đến vị tế lễ sư.

**Chuyện Tế lễ sư:*

Các vị Bà-la-môn đến gặp vị Tế lễ sư xin pháp Kuru, vị Tế lễ sư nói:

- Ta có giữ pháp Kuru nhưng ta còn đang ray rứt vì giới của ta không trong sạch.

- Thưa ông, tại sao như vậy?

- Một lần nọ, trên đường đi vào chầu vua, ta nhìn thấy một chiếc xe rất đẹp nên đã hỏi xem xe đó của ai. Khi biết đó là quà của một vị vua khác gửi đến tặng cho đức vua, ta nghĩ: “Mình đã già rồi, hy vọng đức vua sẽ cho mình chiếc xe này”. Ta hối hận vì mình là người hành trì pháp Kuru nhưng lại còn có ý nghĩ ham muốn tài sản của người khác. Việc này làm ta ray rứt mãi nghĩ rằng giới của mình không trong sạch.

- Thưa ông, nếu chỉ có ý tham dục như vậy thì không thể làm cho giới hạnh của ông bị rạn nứt, một việc nhỏ như vậy còn khiến ông ray rứt thì ông không thể tạo lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền dạy pháp Kuru cho chúng tôi.

Vị tế lễ sư truyền pháp Kuru cho các vị sứ thần rồi giới thiệu đến người quản tượng.

**Chuyện người quản tượng.*

Tám vị sứ thần tìm gặp người quản tượng để xin pháp Kuru, người quản tượng nói:

- Ta giữ pháp Kuru nhưng ta áy náy vì giới của ta không được trong sạch.

- Thưa ông, vì sao vậy?

- Có lần khi đang đo một cánh đồng, ta cầm cái cọc có buộc một sợi dây thừng, đưa đầu dây không có cọc cho người chủ đất cầm rồi đi để căng dây thì ta đến ngay một cái hang cua.

Ta nghĩ: “Nếu ta cắm cọc bên kia lỗ thì đức vua bị thiệt hại tài sản, nếu ta cắm cọc bên này lỗ thì người điền chủ bị thiệt, nếu ta cắm cọc vào lỗ này thì con cua ở trong lỗ sẽ bị thương”. Sau đó ta nghĩ thêm: “Nếu con cua ở trong lỗ thì nó phải tự lộ ra” nên đã cắm

cọc vào lỗ thì nghe thấy con cua phát ra tiếng động. Ta nghĩ mình đã giết chết con cua nên đã áy náy không yên.

- Thưa ông, ông đã không cố ý giết chết con cua, nếu vì một việc nhỏ như vậy mà đã khiến ông áy náy thì ông không thể phạm lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Người quản tượng truyền pháp Kuru cho tám vị Bà-la-môn rồi giới thiệu đến người đánh xe.

**Chuyện người đánh xe.*

Tám vị Bà-la-môn đến gặp người đánh xe để xin pháp Kuru, người đánh xe nói:

- Ta có giữ pháp Kuru nhưng đã xảy ra một chuyện khiến ta ray rứt, e rằng giới của ta không trong sạch.

- Thưa ông, chuyện xảy ra như thế nào?

- Một hôm ta đánh xe đưa đức vua đến hoa viên thưởng ngoạn, đến chiều đưa đức vua trở về thành. Tuy nhiên đã có một cơn dông đổ xuống vào lúc hoàng hôn, trước khi xe vào thành. Ta lo sợ đức vua có thể bị ướt nên đã quất roi vào hai con ngựa quí để chúng phóng thật nhanh. Kể từ đó, mỗi khi đi qua quãng đường này, hai con ngựa lại phóng nhanh hơn bình thường vì chúng nghĩ rằng sẽ có nguy hiểm xảy ra. Ta chợt hối hận: "Dù đức vua có bị ướt thì cũng không phải lỗi của ta, nhưng chỉ vì lo như vậy mà ta lại quất roi vào hai con ngựa này để chúng phải cố hết sức chạy". Chính vì vậy mà ta cứ ray rứt, nghĩ giới của mình không trong sạch.

- Thưa ông, ông không cố ý làm cho những con ngựa đó bị mệt. Nếu vì một việc quá nhỏ như vậy mà còn ray rứt thì làm sao ông phạm lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Người đánh xe truyền pháp Kuru cho các vị sứ giả rồi giới thiệu đến vị trưởng giả.

**Chuyện vị trưởng giả*

Các vị Bà-la-môn đến gặp vị trưởng giả để xin ghi chép pháp Kuru, vị trưởng giả nói:

- Ta có giữ pháp Kuru nhưng ta ray rứt vì e rằng giới của mình không trong sạch.

- Thưa ông, tại sao vậy?

- Một lần khi ra thăm đồng lúa, ta đã hái chùm lúa vừa nở nứt vỏ. Ta chợt áy náy: "Ta sẽ phải dâng đức vua số lợi tức từ đồng lúa này nhưng ta lại lấy đi nắm lúa chưa chín". Ta ray rứt mãi khi nghĩ giới của mình không trong sạch.

- Ông không có ý lấy cắp, nếu chỉ vì một việc nhỏ nhặt như vậy mà ông cứ áy náy thì ông không phạm lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Vị trưởng giả truyền pháp Kuru đến tám vị Bà-la-môn và giới thiệu đến người giữ kho.

**Chuyện người giữ kho*

Tám vị Bà-la-môn đến gặp người giữ kho để xin pháp Kuru, người giữ kho nói:

- Ta có giữ pháp Kuru nhưng có một việc xảy ra khiến ta ray rứt, nghĩ rằng giới của mình không trong sạch.

- Thưa ông, chuyện như thế nào?

- Một lần nọ, khi đang đếm thóc nộp thuế cho đức vua, ta đã để một số hột thóc ra riêng để làm dấu. Khi thấy mưa bắt đầu rơi, ta vội đếm các hột thóc dùng làm dấu và để vào đống thóc đã được đong đếm. Sau đó, ta chợt nghĩ không biết mình đã đặt những hột thóc dùng làm dấu vào đống thóc nào "Nếu ta đã bỏ các hột thóc dùng làm dấu vào đống thóc đã được đếm thì chủ điền bị thiệt". Vì vậy ta cứ ray rứt mãi nghĩ giới của mình không trong sạch.

- Thưa ông, ý định lấy trộm ông cũng không có, chỉ vì một việc quá nhỏ nhặt như vậy mà ông còn ray rứt thì ông không thể nào phạm lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Người coi thóc truyền pháp Kuru đến các vị Bà-la-môn và giới thiệu đến người gác cổng.

**Chuyện người gác cổng thành*

Tám vị Bà-la-môn đi tìm gặp người gác cổng thành để xin pháp Kuru, người gác cổng nói:

- Thật sự thì ta có giữ pháp Kuru nhưng ta e ngại giới của mình không được trong sạch.

- Thưa ông, tại sao vậy?

- Một đêm nọ, khi đến giờ đóng cổng thành, ta gọi lớn lên ba lần. Sau đó ta thấy một người nam và một người nữ chạy vội vào thành. Ta nói: "Anh không biết đã đến giờ đóng cổng thành hay sao mà còn vào rừng làm chuyện yêu đương". Người này giải thích rằng đó là em gái mình. Ta áy náy không yên vì mình đã có suy nghĩ sai lầm như vậy.

- Thưa ông, ông chỉ nói điều mình nghĩ, đó không phải là tội lỗi. Chỉ vì một điều quá nhỏ nhặt như vậy mà ông còn ray rứt không yên thì ông không thể phạm lỗi nặng được. Xin ông hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Người gác cổng thành truyền pháp Kuru đến các vị Bà-la-môn và giới thiệu đến nàng kỹ nữ.

**Chuyện nàng kỹ nữ*

Tám vị Bà-la-môn đến gặp nàng kỹ nữ và xin pháp Kuru, nàng kỹ nữ nói:

- Ta có giữ pháp Kuru, nhưng đã xảy ra một chuyện khiến ta ray rứt mãi, nghĩ rằng giới của ta không trong sạch.

- Thưa cô, chuyện như thế nào?

- Một lần nọ ta nhận một ngàn đồng tiền từ một người đàn ông, sau khi đưa tiền cho ta, người ấy bảo đi một lát rồi sẽ quay lại. Suốt ba năm sau đó, không thấy người này quay trở lại, ta thì dần trở nên nghèo khó, vì danh dự nên ta đã không nhận bất cứ thứ gì từ những người đàn ông khác. Ta không thể tiếp tục sống như vậy nên đã đến pháp đường kể lại câu chuyện cho ngài phán quan để xin lời khuyên. Ngài phán quan đã khuyên ta kiếm tiền như trước kia vì người đàn ông đó đã ba năm không quay trở lại.

Sau khi rời khỏi pháp đường, một người đàn ông đến tặng ta một ngàn đồng. Khi ta đưa tay ra nhận thì người đó hiện thành người đàn ông nọ. Đó là người khi xưa đã cho một ngàn đồng nên ta đã không nhận.

Người đó hiện thành Đế Thích, tán thán và đã ban cho ta nhiều loại châu báu. Nhưng ta vẫn ray rứt không yên, nghĩ rằng giới của mình không trong sạch: "mình đã nhận tiền của một người nhưng mà lại còn đưa tay ra muốn nhận tiền của người khác".

- Thưa cô, nếu chỉ đưa tay ra thì không phạm đến đức hạnh, đức hạnh của cô thật hoàn hảo. Xin cô hãy truyền pháp Kuru cho chúng tôi.

Nàng kỹ nữ truyền pháp Kuru đến tám vị Bà-la-môn. Các vị Bà-la-môn quay trở về thành Dantapura, kể lại cho vua xứ Kāliṅga. Sau đó, vua xứ Kāliṅga đã thực hành theo giới luật Kuru và tuân theo ngũ giới, xứ Kāliṅga có mưa rơi xuống, ba mối lo sợ là hạn hán, mất mùa, đói kém đã giảm đi.

Sau khi kể xong pháp thoại, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

362- Hatthasaṃyato pādasaṃyato;
Vācāsaṃyato saṃyatuttamo.
Ajjhattarato samāhito;
Eko santusito tamāhi bhikkhuṃ.

"Người chế ngự tay, chân;
Chế ngự lời, chế ngự cao tột.
Vui thích nội thiền tịnh;
Độc thân, biết vừa đủ;

Ta gọi là Tỳ-khưu" (HT.TMC d)[1].

Vị Tỳ-khưu búng sỏi giết ngỗng trời là hậu thân "người què búng sạn" trong Bổn sự Sālittaka[2].

**Vị Tỳ-khưu.*

Có lần Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) cùng với Ngài Lakkhaṇa (Lắc-Khá-Ná) từ trên núi Gijjhakūṭa (Kên kên) đi vào thành Vương Xá để khất thực, trên đường đi xuống núi, Ngài Moggallāna mỉm cười.

Trước mặt Đức Thế Tôn, Ngài Mục-Kiền-Liên được hỏi vì sao Ngài mỉm cười, Ngài Mục-Kiền Liên đáp:

- Này hiền giả Lakkhaṇa, từ trên núi Gijjhakūṭa đi xuống, tôi nhìn thấy một ma đói là bộ xương đi giữa hư không, bộ xương ấy đắp y vàng bên ngoài, chiếc y bị cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn; bát, dây nịt và toàn thân bị cháy đỏ rực, cháy đỏ ngọn. Ma đói ấy kêu khóc đau đớn.

Đức Thế Tôn dạy:

- Này các Tỳ-khưu, Tỳ-khưu ấy là một ác Tỳ-khưu trong thời Giáo pháp của Đức Chánh Giác Kassapa[3].

Do duyên sự này, Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn.

Kāsāvakaṇṭhā bahavo;
Pāpadhammā asaññatā.
Pāpā papehi kammehi;
Nirayaṃ te upapajjare.
"Nhiều người khoác Cà-sa;
Ác hạnh không nhiếp phục.
Người ác, do ác hạnh;
Phải sinh cõi địa ngục" (HT.TMC d)[4].

**Thế nào là "niệm thu thúc"?*

Là gìn giữ sáu cửa: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý không cho rơi vào tham, ưu.

Bằng cách nào? Nếu không dùng niệm (sati) để gìn giữ, không đóng lại cánh cửa "nhãn quyền"[5], tham, ưu có cơ hội xâm nhập vào nội tâm của người ấy.

Nếu được niệm gìn giữ, đóng lại cánh cửa "nhãn quyền", tham ưu không có cơ hội xâm nhập vào nội tâm của người ấy.

13- Yathā agāraṃ ducchannaṃ;
Vuṭṭhī samativijjhati.
Evaṃ abhāvitaṃ cittaṃ;
Rāgo samativijjhati.
"Như ngôi nhà vụng lợp;
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu;
Tham dục liền xâm nhập."
14- Yathā agāraṃ suchannaṃ;
Vuṭṭhī na samativijjhati.
Evaṃ subhāsitaṃ cittaṃ;
Rāgo na samativijjhati.
"Như ngôi nhà khéo lợp;
Mưa không xâm nhập vào.

---

[1]- DhpA. Câu số 362.
[2]- Xem JA. Chuyện số 107.
[3]- S. ii. 26o. Vị Tỳ-khưu.
[4]- Dhp. Câu số 307.
[5]- Cakkhundriya (nhãn quyền), ở đây chỉ cho "thần kinh nhãn", là "con ngươi".

Cũng vậy tâm khéo tu;

Tham dục không xâm nhập" (HṬTMC d)[1].

Kinh văn có ghi nhận:

"*Vị ấy khi mắt thấy sắc, không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn quyền không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị ấy tự chế ngự những nguyên nhân ấy, gìn giữ nhãn quyền, thực hành sự gìn giữ nhãn quyền"*[2].

"Khi mắt thấy sắc", nghĩa là "nhãn thức sinh lên do nương nhờ vào mắt", nên nói "mắt thấy sắc".

Các Giáo thọ sư tiền bối có giải thích: "Con mắt không biết sắc, vì không có tâm; tâm không biết cảnh sắc vì không có mắt. Nhưng khi con mắt tiếp xúc với cảnh sắc, là duyên khiến nhãn thức sinh khởi".

Thật ra, "nhãn quyền (con mắt)" không cần phải gìn giữ, vì đó thuộc về sắc pháp. Khi nhãn quyền tiếp xúc với cảnh sắc, khi ấy sinh khởi "nhãn thức", tiếp theo là một loạt những tâm thức, trong đó có 7 sát-na (khaṇa) *tâm đổng lực* (javanacitta).

Chính trong giai đoạn *tâm đổng lực* (javanacitta) cần phải được gìn giữ bằng niệm (ghi nhận) đóng lại cánh cửa "con mắt", khi ấy tham, ưu mới không có cơ hội xâm nhập vào, vì nhãn quyền với cảnh sắc chỉ là duyên làm sinh khởi tâm lộ, nên được gọi là "thu thúc nhãn quyền (con mắt) bằng niệm".

**"Ghi nhận (niệm)" như thế nào để đóng lại cánh cửa con "mắt"?*

Kinh văn có ghi nhận: "*không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng*"

**"Không nắm giữ tướng chung"*, là không để ý "đó là người nam hay người nữ hay bất cứ tướng gì làm sinh khởi tham ái hay ưu bi; chỉ ghi nhận "là cảnh sắc"mà thôi.

**"Không nắm giữ tướng riêng"*, là không chú ý đến bất cứ khía cạnh nào của khối được thấy, như tay, chân, mắt, mũi, nụ cười, ngó, liếc, dáng đi... gọi là "tướng riêng", vì chúng phát sinh từng thể trược khác nhau, hoặc vì chúng nổi bật nhất trong khối sắc thể ấy.

Tương tự như thế với: Thu thúc tai, thu thúc mũi, thu thúc lưỡi, thu thúc thân, và thu thúc ý.

**Trưởng lão Vaṅgīsa.*

Khi mới xuất gia, Tôn giả Vaṅgīsa (Quăng-Gi-Xá) cùng với thầy Tế độ là Trưởng lão Nigrodha Kappa (Ní-Grô-Thá Kắp-Pá) trú ngụ nơi đền Aggāḷava (Ắc-ga-lá-quá) gần thành Āḷavi (A-lá-quí).

Khi Ngài Nigrodha Kappa đi khất thực, tân Tỳ-khưu Vaṅgīsa phải trông coi đền[3], có nhiều nữ nhân trang điểm xinh đẹp đi đến đền để ngoạn cảnh, Tỳ-khưu Vaṅgīsa khởi lên tâm bất mãn với đời sống Phạm hạnh, do cảm dục khuấy phá.

Tỳ-khưu Vaṅgīsa cố gắng diệt dục cảm, giữ tâm tịnh tín nơi Đức Thế Tôn. Khi vượt qua dục cảm, Tỳ-khưu Vaṅgīsa đã nói lên kệ ngôn.

Nikkhantaṃ vata maṃ santaṃ;
Agārasmānagāriyaṃ.
Vitakkā upadhāvanti;
Pagabbhā kaṇhato ime.

"Với ta đã xuất gia;
Bỏ nhà sống không nhà.
Tâm tư nay chạy loạn;

---

[1]- Dhp. Câu số 13-14.

[2]- A.iii.93. Dutiyayodhājīvasuttaṃ (kinh Người chiến sĩ 2).

[3]- Vì Ngài mới xuất gia nên sự đắp y chưa thiện xảo.

Khởi lên từ đen tối".
Uggaputtā mahissāsā;
Sikkhitā dalhadhammino.
Samantā parikireyyuṃ;
Sahassaṃ apalāyinaṃ.
"Con nhà bậc thượng lưu;
Thiện xảo trong cung pháp.
Ngàn người bắn tứ phía;
Vẫn không bỏ chạy loạn".
Sacepi etato bhiyyo;
Āgamissanti itthiyo.
Nevamaṃ byādhavissanti;
Dhamme samhi patiṭṭhitaṃ.
"Nếu nữ nhân có đến;
Dầu nhiều hơn, đông hơn.
Sẽ không não loạn ta;
Vì ta trú Chánh pháp".
Sakkhi hi me sutaṃ etaṃ;
Buddhassādiccabandhuno.
Nibbānagamanaṃ maggaṃ;
Tattha me nirato mano.
"Chính ta từng được nghe;
Phật giòng họ mặt trời.
Thuyết Níp-bàn lạc;
Ở đây ta ưa thích".
Evañce maṃ viharantaṃ;
Pāpima upagacchasi.
Tathā maccu karissāmi;
Na me maggampi dakkhasī'ti.
"Nếu ta trú như vậy;
Ác ma ngươi có đến.
Sở hành ta là vậy;
Người đâu thấy đường ta" (HT.TMC d)[1].

Trưởng lão Mahā Tissa.

Trưởng lão Mahā Tissa (Má-Ha Tít-Xá) trú ngụ ở núi Cetiya (Chê-tí-dá).

Khi Ngài Mahā Tissa trên đường đi từ núi Cetiya (Cetiyapabbata) đến thành Anurādhapura (Á-nú-ra-thá-pú-rá) để khất thực, trên đường đi Ngài Mahā Tissa an trú tâm trong đề mục "*xương* (aṭṭhi)".

Có nàng dâu của một Trưởng giả, đã cãi nhau với chồng, nên từ sáng sớm đã bỏ nhà chồng đi đến nhà bà con, nàng trang điểm xinh đẹp như thiên nữ.

Nhìn thấy Ngài Mahā Tissa, nàng khởi lên tâm thô xấu, bật lên tràng cười lớn. Nghe tiếng cười, Ngài Mahā Tissa nhìn lên, bất tịnh tướng nơi hàm răng của nàng hiển lộ, Ngài thấy "một bộ xương", đưa tâm quán xét "bất tịnh tướng" ấy, Ngài chứng Thánh quả A-La-Hán ngay chính nơi đang đứng. Có kệ ngôn như vầy:

"Thấy xương hàm răng;
Duy trì "cốt tưởng".
Chưa dời chân bước;

---

[1]- S.i. 185. Nikkhantasuttaṃ (Kinh Xuất gia). Kệ ngôn này còn được tìm thấy trong Thag. (1209- 1213). Bản Sớ giải Kinh Phác cú có ghi "câu chuyện của Tôn giả Vaṅgīsa có chi tiết sai khác" (dhpA. câu số 410-420).

Chứng quả Vô sinh".

Chồng nàng đi tìm nàng, gặp Trưởng lão Mahā Tissa, anh hỏi:

- Thưa Ngài, Ngài có thấy nữ nhân nào đi qua đây không?

Trưởng lão đáp.

"Không rõ ông hay bà;
Vì ta không để ý.
Nhưng trên đường cái này;
Có đống xương di động[1].

**Trưởng lão Cittagutta.*

Trưởng lão Citagutta (Chít-Tá-Gút-Ta: Nhiếp Tâm) trú ngụ nơi đại thạch động ở Kuraṅdaka (Kú-răng-đá-ká). Ngài Cittagutta gìn giữ "con mắt", Ngài không nhìn lên, không ngó xuống, không ngó sang hai bên, Ngài chỉ ngó phía trước với khoảng cách khoảng hai mét.

Trên trần đại thạch động Kuraṅdaka có bức bích họa xinh đẹp, diễn tả sự xuất gia của 7 vị Phật, một số vị Tỳ-Khưu đến viếng thăm Ngài Cittagutta, nhìn thấy bức bích họa trên trần, khen rằng:

- Thưa Ngài, bức bích họa trên trần hang động rất xinh đẹp.

- Thưa chư hiền, tôi ở đây đã 60 năm, chưa hề thấy bức bích họa ấy, nhờ chư hiền có mắt nên tôi được biết có bức bích họa trên trần hang động.

Cạnh lối vào hang động có một cây cổ thụ lớn, Ngài Citagutta không bao giờ nhìn lên cây cổ thụ, Ngài chỉ biết cây cổ thụ trổ hoa khi hoa của nó rụng xuống, rơi trên lối đi của Ngài.

Đức vua nghe được giới hạnh thu thúc "con mắt" của Ngài Cittagutta, nên cho vời Ngài đến Hoàng cung, cả ba lần Ngài Cittagutta đều từ chối.

Vua cho niêm phong tất cả bầu sữa của nữ nhân có con còn đang bú, nói rằng: "Nếu Ngài Cittagutta không đến Hoàng cung, tất cả trẻ con còn bú sữa mẹ sẽ chết".

Nghe vậy, vì tâm bi mẫn với những đứa bé, Ngài Cittagutta đi đến Hoàng cung. Nghe Trưởng lão Cittagutta đến, đức vua cho thỉnh Ngài vào nội cung, Đức vua đi đến đảnh lễ Ngài, nói rằng:

- Thưa Ngài Trưởng lão, tôi muốn được thọ giới từ Ngài, nhưng nay chưa thuận tiện. Mai tôi và Hoàng hậu đến xin thọ giới nơi Ngài".

Hôm sau, Đức vua và Hoàng hậu đến cúng dường, thọ trì Giới nơi Ngài Cittagutta.

Đức vua lưu Ngài Cittagutta ở lại Hoàng cung 7 ngày, trong thời gian ấy, khi Đức vua hay Hoàng hậu đến đảnh lễ, Ngài đều chúc: "Chúc cho Đại vương được an vui".

Sau này, các vị Tỳ-khưu có hỏi: "Vì sao Ngài chỉ chúc có một câu như thế", Ngài đáp:

- Thưa chư hiền, tôi không để ý đó là Đức vua hay Hoàng hậu.

Ở Hoàng cung 7 ngày, Ngài Cittagutta cảm thấy không được thoải mái, giống như chim thiên nga bị nhốt vào lồng hay như voi chúa bị xiềng xích. Biết được ý Ngài Cittagutta muốn trở về, Đức vua cho người đưa Ngài trở lại hang động Kuraṅdaka.

Trở về nơi ngụ cũ, Ngài Cittagutta hân hoan như chim Thiên nga trở về với khung trời rộng, như voi chúa trở về rừng. Đêm ấy, Ngài đi kinh hành nơi đường đi kinh hành, vị thần cây nơi cây cổ thụ trước hang cầm đuốc soi đường cho Ngài, Ngài nỗ lực thực hành pháp quán và chứng đắc Thánh quả A-La-Hán[2].

**Thế nào là trí thu thúc?*

Là quán tưởng bốn món vật dụng (paccaya): Y phục (cīvara), vật thực (piṇḍapāta), trú xứ (senāsana) và thuốc trị bệnh (bhesajja) với ba thời điểm: Trước khi thọ dụng, trong khi thọ dụng và sau khi thọ dụng.

---

[1]- Ni sư Thích nữ Trí Hải (d). Thanh tịnh đạo I. 55.

[2]- Ni sư Thích nữ Trí Hải (d). Thanh tịnh đạo I. Số 104- 107.

Bốn món vật dụng này là nhu cầu căn bản trong đời sống[1].

Kinh văn có ghi:

"Chân chánh quán tưởng khi thọ dụng y phục: Vị Tỳ-khưu thọ dụng y phục chỉ để ngăn ngừa lạnh nóng, ngăn ngừa sự xúc chạm bọ chét, ruồi, rít, bọ cạp, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát. Thọ dụng y phục chỉ với mục đích che đậy sự hổ thẹn.

Chân chánh quán tưởng khi thọ dụng vật thực: Vị Tỳ-khưu thọ dụng vật thực không phải để chơi đùa, không phải để có sức mạnh như người võ sĩ; không phải để được xinh đẹp, không phải để vui đùa như trẻ thơ. Mục đích việc thọ dụng vật thực này để duy trì sự sống, thực hành pháp, để diệt các cảm thọ cũ, không cho các cảm thọ mới sinh lên, diệt trừ các ác bất thiện pháp, sự sống được an vui do không có lỗi lầm.

Chân chánh quán tưởng khi thọ dụng liêu thất: Chỉ để ngăn ngừa sức nóng, lạnh từ bên ngoài xâm nhập vào, ngăn ngừa sự xâm nhập các loài bò sát, tránh tai hại do thời tiết nóng, lạnh gây ra. Với mục đích độc cư thiền tịnh.

Chân chánh quán tưởng thuốc trị bệnh: Chỉ với mục đích chấm dứt các cảm giác thống khổ đã sinh[2].

Nếu trước hay trong khi thọ dụng bốn món vật dụng không quán tưởng, cần phải quán tưởng sau khi đã thọ dụng, nếu không quán tưởng xem như "dùng như người mang nợ".

Có bốn cách thọ dụng bốn món vật dụng này:

- Dùng như kẻ trộm.
- Dùng như người mang nợ.
- Dùng như người thừa tự.
- Dùng như người chủ.

*Người không có giới hạnh, dùng bốn món vật dụng được cúng dường, gọi là "dùng như kẻ trộm".

*Người có giới hạnh, dùng bốn món vật dụng được dâng cúng, nhưng không quán tưởng bốn món vật dụng theo ba thời điểm, nếu mặt trời lên mà chưa quán tưởng bốn món vật dụng, xem như "dùng như người mang nợ".

*Dùng như người thừa hưởng, là chỉ cho bậc Thánh Hữu học. Vì các Bậc này là đệ tử của Đấng Như Lai, dùng những vật này như thừa hưởng của cha để lại.

*Dùng như người chủ, là chỉ cho bậc Thánh A-La-Hán (sđd, số 125-127).

Lại nữa, thọ dụng bốn món vật dụng một cách chân chánh là "biết vừa đủ với bốn món vật dụng", vì đây là truyền thống của bậc thánh (Ariyavaṃsa). Truyền thống của bậc Thánh có bốn là:

a- Biết đủ với y phục (cīvarasantosa).

b- Biết đủ với vật thực (piṇḍapātasantosa).

c- Biết đủ với trú xứ (senāsanasantosa).

d- Biết đủ với thuốc trị bệnh (bhesajjasantosa)[3].

Trong tập Trường bộ và Tăng chi kinh có khác chút ít là: Điều thứ tư được thay thế: "Vui thích trong tu tập thiện pháp và diệt trừ ác pháp (bhāvanāpahārāmatā)"[4].

**Về y phục.*

Mục đích chính của thọ dụng y phục là "ngăn trừ sự hổ thẹn" vì được sử dụng với thời gian dài, còn mục đích khác chỉ là phụ, vì có tính nhất thời.

Thích thú những y phục tốt hay khinh chê những y làm bằng vải bị quăng bỏ, là bộc lộ tính tham dục trong y phục. Đức Thế Tôn thường khen ngợi những vị Tỳ-khưu thực hành "mặc y làm bằng vải đáng quăng bỏ".

---

[1]- Vin.i.58.

[2]- M.i. 10.

[3]- Nd2. 107.

[4]- D.iii. 224; A.iii. 27.

Đức Thế Tôn ban một đặc ân đến: "Vị Tỳ-khưu sống ở rừng, đi khất thực để nuôi mạng sống và mặc y đáng quăng bỏ" được đến viếng Đức Thế Tôn bất luận thời điểm nào"[1].

Biết đủ trong y phục là "bằng lòng với bất kỳ loại vải y nào".

**Tôn giả Devadatta.*

Có lần Tôn giả Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa) được các cư sĩ trong thành Rājagaha (Vương Xá) cúng dường xấp vải y xứ Gandhāra (Gan-tha-rá) trị giá 100 ngàn tiền vàng. Tôn giả Devadatta dùng xấp y quí may thành y hạ (antaravāsika) và y thượng (uttarasaṅga). Tôn giả Devadata hãnh diện, mặc chiếc y quí đi nhởn nhơ, một số gia chủ đã nói: "Tôn giả Devadatta không xứng đáng mặc chiếc y quí này; chiếc y quí này xứng đáng với Ngài Sāriputta".

Có vị Tỳ-khưu đi từ thành Rājagaha đến thành Sāvatthi (Xá-vệ), trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy:

9- Anikkasāvo kāsāvaṃ;
Yo vatthaṃ paridahissati.
Apeto damasaccena;
Na so kāsāvamarahati.
"Ai muốn đắp huỳnh y;
Phiền trược chưa đoạn ly.
Không chơn thật tự chủ;
Y, người chẳng thích nghi".
10- Yo ca vantakasāvassa;
Sīlesu susamāhito.
Upeto damasaccena;
Sa ve kāsāvamarahati.
"Ai phiền trược đoạn ly;
Giới luật khéo tu trì.
Tự chủ, cách chơn thật;
Người ấy xứng huỳnh y" (HT.TMC d)[2].

**Về vật thực.*

Mục đích chính của vật thực là "duy trì mạng sống". Như: Sabbe satā āhāraṭṭhitikā:
"Tất cả chúng sinh tồn tại nhờ vật thực"[3].

Không vì những loại vật thực thượng vị, phát sinh tham đắm, cũng không vì vật thực thô xấu mà phát sinh ưu bi.

Biết đủ "trong vật thực", là còn khoảng bốn hay năm miếng nữa thì no, dừng lại uống nước vào là đủ. Như Kệ ngôn của Ngài Sāriputta.

982- Allaṃ sukhaṃ vā bhuñjanto;
Na bāḷhaṃ suhito siyā.
Ūnūdaro mitāhāro;
Sato bhikkhu paribbaje.
"*Ăn đồ ướt hay khô;*
Không ăn quá thỏa mãn.
Bụng trống, ăn tiết độ;
Tỳ-khưu trú chánh niệm.
983- Cattaro pañca ālope;
Abhutvā udakaṃ pive.

---

[1]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích giới Tỳ-khưu II; số 91.
[2]- DhpA. Câu số 9 -10.
[3]- Khd. Kumārapañhāsuttaṃ (kinh Hỏi Nam tử).

Alaṃ phāsuvihārāya;
Pahitattassa bhikkhuno.
"Ăn bốn, năm miếng xong;
Rồi hãy uống nước uống.
Thật đủ trú thoải mái;
Với Tỳ-khưu tinh cần"[1].

**Vị* Sa-di.*

Có vị Sa-di là đệ tử cũng là cháu của Trưởng giả Saṅgharakkhita (Tăng Hộ), hai vị được một gia tộc cúng dường thực phẩm thượng vị. Vị Sa-di dùng vật thực không quán tưởng, Ngài Saṅgharakkhita dạy rằng:

- Này Sa-di, ngươi chớ nên đốt lưỡi ngươi bằng vị chất của vật thực này.

Vị Sa-di rúng động tâm (saṃvegacitta), đưa tâm quán tưởng vật thực đang thọ dụng, hiện tướng "không trong sạch" khởi lên, vị Sa-di đưa tâm quán xét hiện tướng ấy, chứng Thánh quả A-La-Hán ngay chỗ ngồi. Hân hoan vị ấy nói lên kệ ngôn:

"*Thấy tôi thản nhiên ăn;*
Thầy tôi liền dạy răn.
Sa-di không chế ngự,
Thì coi chừng lưỡi bỏng.
Nghe xong lời thầy dạy;
Tôi tinh cần nhiệt tâm.
Trong một thời thiền tọa;
Đắc A-La-Hán quả..."[2].

**Vua Pasenadi.*

Có lần vua Pasenadi đến yết kiến Đức Thế Tôn, vì dùng vật thực quá nhiều nên thân đức vua cảm thấy mệt mỏi, buồn ngủ xâm nhập vào tâm, Đức vua cố gắng áp chế cơn buồn ngủ, bằng cách nhìn khắp nơi; hiểu được tâm của đức vua, Đức Thế Tôn hỏi:

- Này Đại vương, đại vương chưa nghỉ ngơi sao lại đến đây?
- Bạch Thế Tôn, do vì con dùng vật thực quá độ, nên có sự uể oải.
- Này Đại vương, người thiếu tiết độ trong vật thực, thường cảm nhận khổ.

Đức Thế Tôn dạy kệ ngôn.

325- Middhī yadā hoti mahagghaso ca;
Niddāvitā samparivattasāyī.
Mahāvarāhova nivāpapuṭṭho;
Punappunaṃ gabbhamupeti mando.
"Người ưa ngủ, ăn nhiều;
Nằm lăn lóc qua lại.
Chẳng khác heo no bụng;
Kẻ ngu nhập thai mãi" (HT.TMC d).

Đức vua Pasenadi bảo thanh niên Uttara (Út-Tá-Rá) học thuộc kệ ngôn trên, khi thấy vua dùng vật thực vừa đủ thì nói lên kệ ngôn trên. Nhờ biết đủ trong vật thực, thời gian sau thân thể vua Pasenadi trở nên khỏe mạnh[3].

**Về trú xứ.*

Trú xứ ở đây chỉ cho giường (sena), chỗ ngồi (āsana) hay liêu thất. Mục đích chính của trú xứ là "tránh nguy hiểm từ thời tiết gây nên" để được an lạc khi độc cư, khi không thích hợp với thời tiết, thân trở nên rối loạn dẫn đến tâm rối loạn, khó an trú tâm trong thiền tịnh.

---

[1]- Thag. Câu số 982-983.
[2]- Ni sư Thích nữ Trí-Hải (d). Thanh tịnh đạo I. Số 130.
[3]- DhpA. Câu số 325.

Ngoài ra, liêu thất (hay hang động) có thể tránh được những nguy hiểm bất ngờ như: Cọp, beo, các độc vật lớn khó xâm nhập.

"Biết đủ" với trú xứ là "bằng lòng với bất cứ chỗ ngụ nào", như Ngài Sāriputta ngụ nơi cội cây, khi nhóm Tỳ-khưu Assaji (Át-Xá-Chí) và nhóm Tỳ-khưu Punabbasuka (Pú-Nắp-Pá-ú-Ká) đã tranh chiếm hết liêu thất, Ngài trú ngụ nơi cội cây[1]; hay như Ngài Rāhula nằm ngủ nơi nhà vệ sinh của Đức Thế Tôn[2].

**Về dược phẩm.*

Nghĩa là loại vật thực đi ngược (pati-ayana) bệnh tật. Dược phẩm là loại thuốc thích hợp để chấm dứt bệnh.

Dược phẩm là một nhu yếu vì kéo dài được mạng sống.

Có năm loại thuốc dùng để tăng cường sức khỏe cho các Tỳ-khưu là: Đường, mật, sữa tươi, sữa đặc và dầu mè.

Biết đủ trong dược phẩm là bằng lòng với thuốc trị bệnh thông dụng, như dùng thuốc làm từ nước tiểu con bò đen.

**Thế nào là cần thu thúc.*

Là nuôi mạng sống chân chánh, bằng cách kiên trì thường xuyên đi xin ăn mỗi ngày; tránh xa sáu Học giới vi phạm vào "các nuôi mạng sái quấy", đó là:

1- Vì lý do sinh sống, vị Tỳ-khưu tự xưng đã chứng đắc Thượng nhân pháp như thiền định, Thánh quả... mà chưa thật sự chưa chứng đắc, phạm vào tội "trục xuất".

2- Vì lý do sinh sống, vị Tỳ-khưu làm mai mối cho người nữ đến với người nam, người nam đến với người nữ, phạm vào tội Tăng tàn.

3- Vì lý do sinh sống, vị Tỳ khưu tán thán vị Tỳ-khưu bạn là bậc Thượng nhân như A-La-Hán,... Dự Lưu, để được các cận sự nam, nữ cúng dường, phạm vào "ưng đối trị".

4- Vì lý do sinh sống, vị Tỳ khưu nhân danh vị Tỳ-khưu bệnh, xin vật thực dành cho người bệnh, rồi dùng riêng, phạm vào tội "Ưng phát lộ".

5- Tương tự như thế với vị Tỳ-khưu ni.

6- Sa-di hay Sa-di ni thì phạm vào tội tác ác [3].

Ngoài ra còn tránh xa 26 điều "nuôi mạng sái quấy" được Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Luật, như nói bóng gió, nói dọa dẫm, nói ướm, nói nịnh hót ....

**Ngài Sāriputta bị bệnh.*

Một thời Ngài Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) sống trong rừng với Ngài Moggallāna (Mục-Kiền-Liên).

Một hôm, Ngài Sāriputta bị chứng bệnh đau bụng trầm trọng, vào buổi chiều Ngài Mục-Kiền-Liên đi đến nơi ngụ của Ngài Xá-Lợi-Phất, đã hỏi:

- Hiền giả Xá-Lợi-Phất, khi trước hiền giả bị đau bụng như thế này, hiền giả dùng thuốc gì để trị dứt cơn bệnh.

- Này hiền giả Mục-Kiền-Liên, khi ở nhà, khi tôi bị đau bụng, mẹ tôi thường trộn bơ, mật, đường... và cho tôi dùng cháo với sữa tươi, bệnh chấm dứt.

Một thần cây (rukkhadeva) ở gần đó, nghe được câu chuyện, vị ấy suy nghĩ: "Ta sẽ cúng dường cháo sữa đến Tôn giả Sāriputta vào ngày mai".

Vị thần cây đi đến gia đình hộ độ Ngài Sāriputta, nhập vào thân đứa con trai lớn, làm cho nó đau đớn oằn oại, vị thần cây nói: "Ngày mai hãy nấu cháo với sữa, cúng dường đến Tôn giả Sāriputta, ta sẽ tha cho đứa bé này".

Gia đình ấy nói:

- Dù Ngài không bảo, chúng tôi vẫn thường cúng dường đến Ngài Sāriputtta những vật cần dùng.

---

[1]- JA. Tittirajātaka (Bổn sự con chim Trĩ), chuyện số 37.

[2]- ĐĐ Indacanda (d). Luật phân Giới tích Tỳ-khưu II. Số 290.

[3]- Vin. v. 146.

Gia đình người hộ độ làm món cháo nấu với sữa.

Hôm sau, Tôn giả Moggallāna đi đến gia đình hộ độ ấy, gia chủ cúng dường Ngài một bát cháo nấu với sữa, Tôn giả Moggallāna toan bước đi, gia đình hộ độ ấy nói: "Thỉnh Ngài hãy dùng cháo sữa ấy đi, chúng con sẽ dâng đến Ngài Sāriputta bát cháo sữa khác".

Ngài Moggallāna dùng xong bát cháo sữa, gia đình người hộ độ tiếp lấy bát của Ngài Moggallāna, rửa sạch bát, cúng dường một bát cháo sữa khác, cúng dường đến Ngài Sāriputta.

Khi nhìn thấy bát cháo sữa, Ngài Xá-Lợi-Phất nói:

- Này hiền giả Moggallāna, món vật thực này không thể dùng được, vì tôi đã nhắc đến nó vào chiều hôm qua. Cho dù ruột tôi có đứt ra, bò lổm ngổm trên đất, tôi cũng không dùng loại vật thực đã nhắc đến chiều hôm qua.

Nghe vậy, Ngài Moggallāna trút bát cháo xuống đất, lập tức chứng đau bụng của Ngài Sāriputta dứt hẳn, trải qua suốt 45 năm, chứng bệnh này không sinh khởi đến Ngài Sāriputta.

Thật ra, Ngài Sāriputta dùng cháo sữa cũng không phạm giới, nhưng để làm gương cho các đệ tử "không nên sống tà mạng", nên Ngài không dùng cháo sữa ấy.

Như vậy, trong mọi trường hợp.

"Người xuất gia vì lòng tin;
Hãy thanh tịnh mạng sống.
Luôn chân chánh quán tưởng;
Không tầm cầu bất chánh"[1].

**Thế nào là nhẫn thu thúc.*

Là chịu đựng với thời tiết khắc nghiệt, không vì quá nóng hay quá lạnh mà buông rơi sự hành pháp.

Lại nữa, "nhẫn thu thúc " là chịu đựng sự khinh miệt, sự sỉ nhục, sự xúc phạm... của người tại gia, khi đi khất thực. Như Ngài Ratthapāla (Tát-Thá-Pa-Lá) đến khất thực nơi nhà cha mẹ, bị cha sỉ nhục, mạ lỵ, Ngài vẫn đứng im chịu đựng.

**Trưởng lão Sāriputta nhẫn nại.*

Tương truyền các cận sự trong thành Sāvatthi thường tán thán Ngài Sāriputta; *"Thật đáng khen ngợi Ngài Sāriputta, Ngài có đức nhẫn nại cao tột, cho dù bị lăng mạ hay bị đánh đập, Ngài vẫn không giận".*

Có một Bà-la-môn tà kiến nói rằng: "Ai mà không giận chứ, ta sẽ làm cho Tôn giả Sāriputta nổi giận".

Khi Ngài Sāriputta ôm bát đi khất thực, Bà-la-môn tà kiến đi theo sau lưng, bất ngờ đánh mạnh vào người Ngài Sāriputta, Ngài vẫn im lặng bước đi. Khi ấy toàn thân Bà-la-môn ấy nóng rực lên; kinh hoàng Bà-la-môn tà kiến đi đến trước Ngài Sāriputta quỳ xuống đảnh lễ dưới chân Ngài Sāriputta, nói rằng:

- Xin Ngài hãy tha thứ cho con.
- Này Bà-la-môn, chuyện gì thế?
- Thưa Ngài, vì con đã đánh vào thân Ngài để xem Ngài có nóng giận không?
- Nếu thế, này Bà-la-môn hãy đứng dây đi, ta tha lỗi cho ngươi.

Lập tức thân của Bà-la-môn không còn bị nóng bức[2].

Đức Thế Tôn có dạy:

Sace neresi attānaṃ;
Kaṃsoupahato yathā.
Esa pattosi nibbānaṃ;

---

[1]- Ni sư Thích nữ Trí Hải (d). Thanh tịnh đạo I. Số 117- 122.

[2]- DhpA. Câu số 389-390.

Sārambho te na vijjati.

"Nếu tự mình yên lặng;

Như chiếc chuông bị bể.

Ngươi sẽ chứng Níp-Bàn;

Ngươi không còn phẫn nộ" (HT.TMC d)[1].

B- Luật từ bỏ.

Có năm cách.

a-Tadaṅgappahāna: Tạm thời dứt trừ phiền não do tu tập tuệ minh sát. Như quán tưởng vô thường từ bỏ thường tưởng; quán tưởng khổ từ bỏ lạc tưởng, quán tưởng vô ngã từ bỏ ngã tưởng, quán tưởng bất tịnh từ bỏ tịnh tưởng ...

b-Vikkhambhabappahāna: Áp chế phiền não (tức là năm pháp che lấp)[2] do nhờ thiền định. Như Sơ định áp chế được năm pháp chướng ngại; Nhị định áp chế được tầm, tứ , Tam định áp chế được hỷ...

c- Samucchedappahāna. Diệt trừ phiền não nhờ chứng Thánh đạo. Chứng đạo Dự Lưu diệt trừ được phiền não tà kiến và hoài nghi.

Chứng đạo Nhất Lai diệt trừ được phiền não sân thô thiển và tham dục thô thiển.

Chứng đạo Bất Lai diệt trừ được phiền não sân vi tế và tham dục vi tế.

Chứng đạo A-La-hán diệt trừ được tất cả phiền não còn lại.

d- Paṭipassaddhippahāna: Đã diệt trừ phiền não do nhờ chứng đạt Thánh quả.

e- Nissaraṇappahāna: Dứt bỏ phiền nảo và giải thoát (do nhờ Níp-Bàn)[3].

Ngoài ra, vị Tỳ-khưu muốn tế độ thiện gia nam tử thọ giới Tỳ-khưu, vị ấy phải được từ 10 hạ (tuổi đạo Tỳ-khưu) trở lên, phải am tường pháp làm thầy. Đó là:

- Người không có bát, không được thọ giới Tỳ-khưu.
- Người không có y, không được thọ giới Tỳ-khưu.
- Người không có y bát, không được thọ giới Tỳ-khưu.
- Người vay mượn bát, vay mượn y, vay mượn y lẫn bát, không được thọ giới Tỳ-khưu.
- Những người bị cụt tay, cụt chân, người lưỡng tính, người vô căn, không được thọ giới Tỳ-khưu...[4].

Vị thấy Tế độ, hay vị thầy nương nhờ, phải có 5 pháp.

Trước tiên , tối thắng là "các bậc Thánh", là vị Thành tựu vô học Giới uẩn, thành tựu vô học định uẩn, thành tựu vô học tuệ uẩn, thành tựu vô học giải thoát uẩn, thành tựu vô học giải thoát tri kiến uẩn.

*Hội đủ năm điều kiện khác là: Có niềm tin, có sự hổ thẹn (tội lỗi), có sự ghê sợ tội lỗi, có nỗ lực tinh tấn, có niệm được thiết lập.

*Hội đủ năm điều kiện khác là: Không bị hư hỏng về giới thuộc tăng thượng giới[5], không bị hư hỏng về hạnh kiểm thuộc tăng thượng hạnh[6], không bị hư hỏng về tri kiến, nghe nhiều (bahussuto), có trí tuệ (paññāya).

*Hội đủ năm điều kiện khác là: Vị có khả năng huấn luyện các điều học thuộc về phận sự cơ bản, (có khả năng) hướng dẫn các điều học về phần đầu của Phạm hạnh, (có

---

[1]- Dhp. Câu số 134.

[2]- Nīvaraṇa: Pháp che lấp, có năm là: Hôn trầm, hoài nghi, sân hận, phóng dật và tham dục.

[3]- Đ.T.L Bửu Chơn (biên soạn). Kho tàng Pháp bảo. Chương năm pháp.

[4]- ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại Phẩm I. Số 134.

[5]- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: Tăng thượng giới (adhisīla) là "bốn tội Pārājika (trục xuất)" và 13 tội Tăng tàn (Saṅghādisesa)".

[6]- Ngài Buddhaghosa (Phật Âm) giải thích: Tăng thượng hạnh (ajjhācāra)) là "năm nhóm tội còn lại của Giới bổn Pātimokkha".

khả năng) hướng dẫn về Thắng Pháp, (có khả năng) hướng dẫn về Thắng Luật[1], (có khả năng) phân tích đúng Pháp để loại trừ tà kiến .

*Hội đủ năm điều kiện khác là: Phạm tội biết phạm tội, không phạm tội biết không phạm tội, phạm tội nhẹ biết phạm tội nhẹ, phạm tội năng biết phạm tội năng và được 10 hạ Tỳ-khưu trở lên...[2].

Kệ ngôn 3.

Subhāsitā ca yā vācā: và lời đã khéo nói.

Subhāsitā (xú-pha-xí-ta) <= su (xú: tốt, khéo) + bhāsati (pha-xá-tí); bhāsati <= ngữ căn BHĀS (pha-xá: nói) +a (á): đã nói.

Subhāsitā; qkpt, nữ, cc, sđ: đã khéo nói, đã khéo thốt ra.

Ca (chá), lt: và.

Yā (da), đdt, nữ, cc, sđ: Cái đó.

Vācā (qua-cha); dt, nữ, cc, sđ: Lời nói, ngôn từ.

Giải.

Subhāsitā vācā: *Lời đã khéo nói ở* đây chỉ cho "lời nói đúng" và "lời nói êm dịu (piyavācā)". Như Kinh văn ghi nhận:

452- Subhāsitaṃ uttamamāhu santo;
Dhammāṃ bhaṇe nādhammaṃ taṃ dutiyaṃ;
Piyaṃ bhaṇe nāppiyaṃ taṃ tatiyaṃ,
Saccaṃ bhaṇe nālikaṃ taṃ catuttha'nti.

"Bậc thiện nhân nói lên, lời khéo nói tối thượng;
Thứ hai, nói đúng pháp;
Thứ ba, nói khả ái; không nói phi khả ái.
Thứ tư, nói chân thật;
Không nói không chân thật" (HT. TMC d)[3].

Trong tập Tăng chi kinh có ghi nhận:

- Này các Tỳ-khưu, thành tựu năm chi phần, các lời là thiện thuyết không phải ác thuyết; không có phạm tội và không bị người trí khiển trách. Thế nào là năm?

- Nói đúng thời, nói đúng sự thật, nói lời êm dịu; nói liên hệ đến lợi ích, nói với tâm từ[4].

Như vậy. *"lời đã khéo nói" ở* đây là "*đã nói lời đúng đắn* (sammāvācā: chánh ngữ) và *êm dịu* (piyavācā : ái ngữ)".

Lời đúng đắn ở đây là "lời nói không rơi vào: dối trá, nói ác, nói chia rẽ và nói vô ích".

"*Lời êm dịu* (ái ngữ)" là "không nói cộc cằn, thô lỗ".

**Thế nào là nói hợp thời* (kālena ca bhāsitā hoti)?

Nói hợp thời là nói phù hợp với hoàn cảnh đang diễn ra và phù hợp với đối tượng.

**Về thực trạng đang diễn ra.*

Là nói phù hợp với những gì đang diễn tiến, không nói trái ngược với hoàn cảnh hiện tại.

**Tôn giả Loḷudāyi.*

Tương truyền Tôn giả Loḷudāyi (Lô-Lú-Đa-Dí) là người "thường nói phi thời", khi đến nhà gia chủ có chuyện vui, Tôn giả chúc phúc bằng những bài kinh cầu siêu như Tirokuḍḍesu (cầu siêu cho ma đói); khi nhà gia chủ có "người mạng chung", Tôn giả lại tụng những bài kinh an lành (pāritta) như "kinh Hạnh phúc", "kinh Châu báu

---

[1]- Ngài Buddhaghosa giải thích: Hướng dẫn về Thắng Pháp là có khả năng hướng dẫn về sự phân biệt Danh Sắc, và hướng dẫn về Thắng Luật là hướng dẫn về toàn bộ Tạng Luật.
[2]- Xem thêm ĐĐ Indacanda (d). Luật Đại Phẩm I. Số 98.
[3]- Sn. 78. Subhāsitasuttaṃ (kinh Khéo nói).
[4]- A.iii. 243. Kinh Lời nói; chương năm pháp.

(Ratanasutta)"... Tôn giả lập tâm "ta sẽ tụng bài kinh này", nhưng khi lại tụng bài kinh khác mà không tự biết có hợp thời không.

Các Tỳ-khưu mang việc này trình lên Đức Thế Tôn. Ngài dạy rằng:

- Này các Tỳ-khưu, chẳng phải hiện tại Tỳ-khưu Loḷudāyi nói phi thời, trong quá khứ cũng đã từng như thế.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-khưu, Đức Thế Tôn nói lên Bổn sự Somadatta (Xô-Má-Đát-Tá)[1].

**(Tóm lược) Bổn sự Somadatta.*

Thuở quá khứ, Bồ-tát Somadatta là con của Bà-la-môn Aggidatta (Ắc-Gí-Đát-Tá) trong thành Bārāṇasī (Ba-la-nại). Bồ-tát Somadatta phục vụ vua Brahmadatta (Brăm-Má-Đát-Tá) rất chu đáo, nên được vua quí mến.

Bà-la-môn Aggidatta theo nghề nông, ông có hai con bò để cày ruộng, chẳng may một con chết, ông nói với con trai rằng:

- Này Somadatta con thân, con hãy xin vua cho cha một con bò đi.

- Thưa cha, con mới vào phục vụ đức vua, nếu xin vua ban thưởng, sự tình này không xứng đáng lắm. Cha hãy vào xin đức vua đi.

- Này con thân, nếu vậy con hãy đưa cha vào gặp đức vua đi.

Bồ-tát suy nghĩ: "Bà-la-môn này thường nói không đúng thời, nghĩ như thế này lại nói như thế khác. Ta phải giúp cha ta mới được".

Bồ-tát đưa cha đến nghĩa địa, sắp xếp các bó cỏ thành khung cảnh của triều đình, chỉ cho cha hình dung rằng: "Đây là đức vua, đây là quan Cố vấn đại thần, đây là vị thống soái... ", chỉ dẫn cho cha khi đi đến Hoàng cung phải đi tới như thế này, đi lui như thế này, đảnh lễ đức vua như thế này, chào hỏi các đại thần như thế này... Rồi dạy cha rằng:

- Khi cha đến đảnh lễ Đức vua xong rồi, chúc tụng đức vua bằng kệ ngôn để xin bò như vầy:

Dve me gonā mahāraja; yehi khettaṃ kasame se.

Tesu seko mato deva; dutiyaṃ dehi khettiyāti.

"Thưa đại vương, con có đôi bò, dùng cày ruộng nhà.

Một con chết rồi, xin Đại vương ban con thứ hai".

Suốt một năm trời vị Bà-la-môn Aggidatta (Ắc-Gí-Đát-Tá) mới học thuộc kệ ngôn ấy. Bồ-tát nói rằng:

- Cha hãy sắm ít lễ vật dâng lên Đức vua đi, con sẽ đợi cha ở cổng Hoàng cung.

- Này con, được thôi.

Bà-la-môn mang lễ vật đến Hoàng cung có Bồ-tát chờ nơi cổng Hoàng cung, rồi đưa cha vào bái kiến Đức vua. Đức vua ân cần tiếp đón Bà-la-môn Aggidatta, sau khi đảnh lễ đức vua dâng lên lễ vật xong rồi, Bà-la-môn Aggidatta nói kệ ngôn:

Dve me gonā mahārāja; yehi khettaṃ kasame se.

Tesu seko mato deva; dutiyaṃ gaṇha khettiyāti.

"Thưa đại vương, con có đôi bò; dùng cày ruộng nhà.

Một con chết rồi; Đại vương hãy lấy luôn con thứ hai".

Nghe vậy, Đức vua nói:

- Này Bà-la-môn, nói chi lạ thế, hãy nói lại đi.

Nhưng Bà-la-môn Aggidatta (Ắg-Gí-Đát-Tá) vẫn lập lại kệ ngôn như trên. Hiểu tý Bà-la-môn muốn xin con bò nhưng nói sai ý, đức vua mỉm cười nói với Bồ-tát:

- Này Somadatta thân, nhà khanh nhiều bò lắm nhỉ?

- Thưa đại vương, bò đại vương ban cho thì có rất nhiều.

---

[1]- JA. Somadattajātaka (Bổn sự Somadatta), chuyện số 211.

Hài lòng trước câu nói khôn ngoan của Bồ-tát, vua Brahmadatta (Brăm-Má-Đát-Tá) ban cho Bà-la-môn Aggidatta 16 con bò cùng nhiều tặng phẩm, miễn thuế cho Bà-la-môn Aggidatta.

Nhận diện bổn sự.

Đức vua nay là Ngài Ānanda, Bà-la-môn Aggidatta nay là Tôn giả Loḷudāyi (Lô-Lú-Đa-Dí); Bồ-tát Somadatta (Sô-Má-Đát-Tá) nay là Đức Thế Tôn.

Tiếp theo Đức Thế Tôn thuyết lên kệ ngôn:

152- Appassutāyaṃ puriso;
Balibaddova jīrati.
Maṃsāni tassa vaddhanti;
Paññā tassa na vaḍḍhati.

"*Người ít nghe, kém học;*
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên;
Nhưng tuệ không tăng trưởng"(HT. TMC d)[1].

Hoặc như câu chuyện Tỳ-khưu Kokālika (Kô-Ka-Lí-Ká).

**Tỳ-khưu Kokālika.*

Tỳ-khưu Kokālika là bạn thân của Tôn giả Devadatta (Đề-Bà-Đạt-Đa), hai người hợp tác với nhau để chia rẽ Tăng chúng. Việc bất thành, Tỳ-khưu Kokālika (Kô-Ka-Lí-Ká) đã mạ lỵ hai Ngài Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) và Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) là "ác dục", tuy được Đức Thế Tôn khuyến cáo, nhưng ông không từ bỏ tâm phẫn nộ đối với hai vị Thượng thủ thinh văn.

Rồi Tỳ-khưu Kokālika trở về Tự viện của mình, trên đường đi, thân của Tỳ-khưu Kokālika nổi lên những mụt nhọt, các mụt nhọt cứ lớn dần lên rồi vỡ tung ra, khi vừa ra khỏi cổng Đại tự Kỳ-Viên, Tỳ-khưu Kokālika đau đớn ngã quỵ xuống.

Thầy của Tỳ-khưu Kokālika là Bích Chi Phạm thiên Tudu (Tú-Đú) nghe ông than khóc, hiện ra bảo ông hãy "đặt niềm tin vào hai Ngài Thượng thủ Thinh văn"; nhưng ông không nghe; mệnh chung Tỳ-khưu Kokālika tái sinh vào địa ngục Sen hồng (Padumaniraya)[2].

Các Tỳ-khưu trình lên Đức Thế Tôn việc này, Đức Thế Tôn dạy:

-Này các Tỳ-khưu, không phải trong hiện tại Tỳ-khưu Kokālika bị họa vì nói không đúng thời; trong quá khứ cũng từng bị hại như thế do nói không đúng thời rồi.

Theo lời thỉnh cầu của các Tỳ-khưu, Đức Thế Tôn nói lên Bổn sự Tittira (Tít-tí-rá: Chim Đa đa).

**(Tóm lược) Bổn sự Tittira.*

Thuở quá khứ, Bồ-tát là vị sư trưởng của hội chúng ẩn sĩ 500 vị, sống nơi núi Tuyết để tu tập.

Có một vị tu khổ hạnh bị bệnh vàng da, dùng búa chặt củi, một vị tu khổ hạnh nói nhiều đi đến ngồi gần, nói rằng:

- Hãy chặt nơi này, hãy chặt nơi này.

Vị chẻ củi mất kiên nhẫn, phẫn nộ nói:

- Ngươi đâu phải thầy ta mà dạy ta chẻ củi.

Không dằn được cơn phẫn nộ, vị kia vung búa bén chém vào người vị nói nhiều, đoạt mạng sống của vị ấy. Bồ-tát cho thiêu xác vị khổ hạnh nói nhiều.

Không xa am thất của nhóm ẩn sĩ, có con chim Đa đa sống nơi gò mối, vào buổi chiều nó thường đứng trên gò mối hót lên lớn tiếng, một thợ săn ác độc nghe tiếng hót

---

[1]- DhpA. Câu số 152.

[2]- S. i. 149; A. v. 171; SN. 123; SNA. ii. 473

chim Đa đa, tìm đến và giết chết chim Đa đa. Kết hợp hai việc này, Bồ-tát nói lên kệ ngôn:

117- Accuggatātilapatā; ativelaṃ pabhāsitā.

Vācā hanati dummedhaṃ; tittiraṃvātivassitan'ti.

"Lời quá thời cao mạnh; đưa chết cho người nói.

Chim Đa đa mất mạng; vì ngu hót quá lời"[1].

**Về đối tượng.*

Nên hiểu đối tượng đang nói chuyện có khuynh hướng như thế nào?

- Nếu đối tượng có khuynh hướng "không có niềm tin", không nên nói về "niềm tin", *vì sao?* Vì người "không có niềm tin" sẽ biểu lộ sự phẫn nộ, tức tối, mất bình tỉnh và hiềm khích.

Như các đệ tử ngoại giáo chưa có niềm tin nơi Đức Thế Tôn, nếu nói về "niềm tin được đặt nơi Đức Thế Tôn" sẽ gây phản ứng nơi tâm của người nghe.

Bà-la-môn Soṇadaṇḍa (Sô-Ná-Đăng-Đá) muốn tìm hiểu giáo thuyết của Đức Thế Tôn, nhưng Đức Thế Tôn không vội thuyết giảng Giáo pháp, trước tiên Đức Thế Tôn dạy "Bà-la-môn Soṇadaṇḍa trình bày giáo thuyết của mình trước"; Đức Thế Tôn nhân đó thuyết giảng Pháp của Đấng Giác ngộ, không làm cho Bà-la-môn Soṇadaṇḍa bất bình, phẫn nộ. Như thế, được gọi là khéo thuyết[2].

Ngược lại, nếu đối tượng đang nghe là người "có niềm tin", nói về "niềm tin" khiến người nghe hoan hỷ, thích thú, được gọi là "nói hợp thời".

Tương tự như thế, với người ác giới, nói về "giới hạnh" là ác thuyết; với người có giới, nói về giới hạnh là nói hợp thời.

Với người "nghe ít", nói về "nghe nhiều" là ác thuyết; với người "nghe nhiều" nói về "nghe nhiều" là nói hợp thời.

Với người bỏn xẻn, nói về bố thí là ác thuyết; với người có tâm buông bỏ, nói về bố thí là nói hợp thời[3].

Với người "kém trí" nói về trí tuệ là ác thuyết; với người có trí, nói về trí tuệ là nói hợp thời.

**Thế nào là "lời chân thật"* (saccā ca bhāsitā hoti).

"Lời chân thật" là lời nói đúng hiện trạng đã xảy ra, không vì một lý do gì "bẻ cong sự thật" để người nghe hiểu sai sự thật hay dối trá, nói sai với những gì đã xảy ra.

Đức Thế Tôn có dạy: "Có tám lời nói được gọi là Thánh ngôn" là:

- Không thấy nói không thấy (adiṭṭhe adiṭṭhavāditā).
- Không nghe nói không nghe (asute asutavāditā).
- Không nghĩ nói không nghĩ (amute amutavāditā).
- Không biết nói không biết (aviññāte aviññatavāditā).
- Thấy nói thấy (diṭṭhe diṭṭhavāditā).
- Nghe nói nghe (sute sutavāditā).
- Nghĩ nói nghĩ (mute mutavāditā).
- Biết nói biết (viññāte viññātavādite).

Ngược lại là phi thánh ngôn[4].

"Lời chân thật" ở đây là chỉ cho "lời nói đúng theo pháp, lời nói đúng theo luật". Như Đức Thế Tôn đã dạy: "saccaṃ ve amattā vācā: *Chân thật là lời bất tử*"[5].

---

[1]- JA. Tittirajātaka (Bổn sự chim Đa đa), chuyện số 117.

[2]- D.i. Soṇadaṇḍasuttaṃ (kinh Soṇadaṇḍa),

[3]- *Xem* A.iii. 181. Dukkathāsuttaṃ (kinh Ác thuyết). Chương năm pháp.

[4]- Xem A.iv. 307. Ariyavohārasuttaṃ (kinh Thánh ngôn). Chương tám pháp.

[5]- Sn. 78. số 455.

Toàn bộ Giáo pháp của Đức Thế Tôn có 84 ngàn "nhóm pháp (dhammakkhandhā: Pháp uẩn)" là lời dạy đúng theo chân lý, đưa đến giải thoát, thành tựu đời sống Phạm hạnh nên luôn có giá trị bền vững.

Có lần Ngài Aṅgulimāla (Ăng-Gú-Lí-Ma-Lá) đi vào thành Sāvatthi (Xá-Vệ) để khất thực, một người nữ đang sinh con khó khăn và đau đớn, đã cầu cứu Ngài. Ngài Aṅgulimāla trở về Tự viện, trình lên Đức Thế Tôn việc này. Đức Thế Tôn dạy:

- Này Aṅgulimāla, ngươi hãy đến người nữ ấy nói rằng: "Này chị, từ khi tôi sinh ra đến nay, chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh. Mong rằng với lời chân thật này, chị được an lành và sinh con được an toàn".

- Bạch Thế Tôn, nếu nói như thế là con cố ý nói dối. Bạch Thế Tôn, con đã cố ý giết hại mạng sống rất nhiều chúng sinh rồi.

- Vậy thì, này Aṅgulimāla (Ăng-Gú-Lí-Ma-Lá), ngươi hãy đi đến trước nữ nhân ấy, nói như sau: "Này chị, từ khi tôi sinh vào dòng Thánh đến nay, tôi chưa bao giờ cố ý giết hại mạng sống của chúng sinh. Mong rằng với lời chân thật này, chị được an lành và sinh con được an toàn".

Ngài Aṅgulimāla làm theo lời dạy của Đức Thế Tôn và người nữ ấy sinh con được dễ dàng[1].

Tôn giả Vaṅgīsa (Quăng-Gi-Xá) có kệ ngôn tán thán như sau:

456- Yaṃ buddho bhāsati vācaṃ; khemaṃ nibbānapattiyā.

Dukkhassantakiriyāya; sā ve vācānamuttamā'ti.

"Lời gì Đức Phật nói; an ổn đạt Níp-Bàn.

Đoạn tận các khổ đau; đấy lời nói tối thượng"[2].

**Thế nào là lời dịu ngọt* (sanhā ca vācā).

Lời dịu ngọt là lời nói không thô lỗ, cộc cằn, gây khó chịu đến người nghe. Tuy không mắng nhiếc, nói êm dịu nhưng lời nói có ý châm biếm, mai mỉa người nghe, lời nói ấy không gọi là "lời dịu ngọt".

Như Tôn giả Sudhamma (Xú-Thăm-Má: Thiện Pháp) bất bình với Trưởng giả Citta (Chít-Tá), khi gia chủ này cung kỉnh và cúng dường vật thực đến hai vị hượng thủ Thinh văn là Ngài Sāriputta (Xá-Lợi-Phất) và Moggallāna (Mục-Kiền-Liên) và 500 vị Tỳ-khưu tùy tùng. Tôn giả Sudhamma đã nói lời châm biếm trưởng giả Citta:

- Này gia chủ, những lễ vật cúng dường của ông rất trọng thể, nhưng tiếc thay còn thiếu một món.

- Thưa Ngài, còn thiếu món chi.

- Này gia chủ, còn thiếu bánh mè.

(Tổ phụ của Trưởng giả Citta là người bán bánh mè)[3].

Đây không phải là lời dịu ngọt.

**Có ba hạng người.*

Hạng người nói lời dối trá như: "không biết, nói có biết; có biết, nói không biết; không thấy, nói có thấy; có thấy nói không thấy", do vì mình, vì người hay vì lợi đắc nhỏ, cố ý nói dối. Hạng người này được gọi là "nói như phân".

Hạng người không nói lời dối trá như: "không biết, nói không biết; có biết, nói có biết; không thấy, nói không thấy; có thấy nói có thấy", không vì mình, không vì người, không vì lợi đắc nhỏ, không cố ý nói dối. Hạng người này được gọi là "nói như hoa".

Hạng người từ bỏ ác ngữ, đoạn tận ác ngữ, không nói lời hại người hại mình, lời nói dễ nghe, êm dịu, lễ độ, đi thẳng vào tâm, được nhiều người ưa thích, được nhiều người thích ý. Hạng người này được gọi là "nói như mật"[4].

---

[1]- M.ii. Aṅgulimālasutaṃ (kinh Aṅgulimāla). Kinh số 86.

[2]- Sn. 78. Số 456.

[3]- DhpA. Câu số 73-74.

[4]- A.i. 127. Gūthabhāṇīsuttaṃ (kinh Nói như phân). Chương ba pháp.

Lưu ý.

Hoa có bốn loại:

- *Có loại hoa có sắc đẹp nhưng không có hương thơm.* Cũng vậy, lời nói tuy chân thật nhưng không đưa đến sự ích lợi chi cả, như nói về vua chúa, nói về những anh hùng, những mỹ nữ ...

- *Có loại hoa không có sắc đẹp nhưng có hương thơm.* Cũng vậy, có những lời khiến người nghe khó chịu, nhưng dẫn đến lợi ích như: Lời dạy nghiêm khắc đúng pháp của thầy đối với trò (như Ngài Mahā Kassapa (Đại Ca-Diếp) đã khiển trách Ngài Ānanda: "Đứa trẻ này không tự lượng sức mình")(1), hay lời khiển trách của bậc trí...

- *Có loại hoa có sắc lại có hương.* Là lời nói chân thật đưa đến lợi ích, như nói pháp, nói luật...

Vào thời Asoka (A-Dục), vua Asoka là người sùng tín nên cúng dường tứ sự đến các Tỳ-khưu rất nhiều. Do vậy, rất nhiều người xuất gia vào Tăng đoàn nhưng không giữ giới luật, là phi sa-môn giả dạng sa-môn, phi Phạm hạnh giả dạng Phạm hạnh.

Các vị Tỳ-khưu trong sạch không chịu làm lễ Bố-tát với các Tỳ-khưu này. Để hòa giải, vua Asoka sai vị đại thần nhân danh vua Asoka đến một Đại tự, yêu cầu các Tỳ-khưu hãy làm lễ Bố-tát cùng nhau, nhưng các Tỳ-khưu trong sạch cương quyết không chịu, cho rằng các Tỳ-khưu này chống lệnh vua nên vị Đại thần đã chém chết rất nhiều vị Tỳ-khưu có giới hạnh. Khi biết sự việc này, vua Asoka băn khoăn rằng: "Ta có tội hay không có tội?".

Vua Asoka thỉnh Ngài Moggaliputta Tissa (Mốc-Gá-Lí-Pút-Tá Tít-Xá) đến Hoàng cung, rồi bạch hỏi Ngài về nghi vấn này. Ngài Moggaliputta Tissa đáp rằng:

- Này Đại vương, không cố ý giết thì vô tội(2).

Lời nói này đúng theo Pháp, đồng thời đoạn trừ được nghi hoặc trong tâm của vua Asoka.

Đây là lời nói ví như "hoa có sắc lại có hương".

- *Có loại hoa không hương cũng không sắc.* Là lời nói không thật nhưng tạm thời làm an tâm người nghe, như "vị lương y trấn an người bệnh rằng: Bệnh này tôi sẽ chữa trị hết; nhưng thật tế vị lương y biết "không thể chữa trị được". Tức là lời không thật đồng thời không mang lại lợi ích chi cả.

Hay những lời "xuyên tạc sự thật", "né tránh sự thật"; tuy không phải là lời dối trá, ác độc như "lời nói như phân", nhưng cũng không nói đúng sự thật và không mang lại lợi ích đến người nghe. Điển hình như:

*Bà-la-môn Verañja (Quê-Ranh-Chá) có bạch với Đức Thế Tôn;

- Ngài Gotama (Gô-Tá-Má) thuyết về đoạn diệt (ucchedavādo)(3).

- Này Bà-la-môn, thật sự có một pháp môn với pháp môn ấy, trong khi nói đúng đắn về Ta thì có thể nói rằng: "Sa-môn Gotama thuyết về đoạn diệt".

Này Bà-la-môn, bởi vì Ta thuyết về đoạn diệt của luyến ái, của sân hận, của si mê, Ta thuyết về sự đoạn diệt của các pháp ác và bất thiện có nhiều dạng. Chắc chắn rằng ngươi không liên tưởng đến ý nghĩa ấy khi nói ra(4).

Lại nữa, Tỳ-khưu ni Thullatissā (Thun-Lá-Tít-Xa) đã "xuyên tạc" Ngài Mahā Kassapa (Má-Ha Ca-Diếp) là "người bán kim trước người làm kim (là Ngài Ānanda)" (trong khi Ngài Mahā Kassapa là bậc A-La-Hán, còn Ngài Ānanda (A-Nan-Đá) là bậc Dự Lưu)(5).

---

(1)- S.ii. 217.

(2)- Xem Mahāvaṃsa (Đại sử). Cuộc kết tập Phật ngôn lần III.

(3)- Theo ngài Buddhaghosa, vị Bà-la-môn chỉ trích rằng Đức Phật thuyết về đoạn kiến (ucchedavāda) chủ trương sau đời này không có đời khác.

(4)- ĐĐ Indacanda (d). Luật Phân tích Giới Tỳ-khưu I. Số 1.

(5)- S.ii. 214.

Hai câu chuyện trên là điển hình cho "lời xuyên tạc sự thât".

*Bà la môn Saṅgārava (Săng-Ga-Rá-Quá) sau khi nghe Đức Thế Tôn giải về "lợi ích của tế đàn và lợi ích xuất gia", đã thừa nhận rằng:

- Thưa Tôn giả Gotama, sự việc này là như vậy, con đường đưa đến công đức này là ảnh hưởng đến nhiều người, tức là kết quả của sự xuất gia.

Được nghe nói như vậy, Tôn giả Ānanda nói với Bà-la-môn Saṅgārava:

-Này Bà-la-môn, trong hai con đường, con đường nào ngươi có thể kham nhẫn là giản dị hơn, ít khó chịu hơn, kết quả lớn hơn và lợi ích hơn?

- Như Tôn giả Gotama và Tôn giả Ānanda, cả hai đối với tôi là đáng kính lễ và đáng tán thán(1).

Đây là "lời tránh né sự thật".

Thông thường chúng sinh khó chấp nhận "những lời thô lỗ, cộc cằn", nên "lời khéo nói" là lời dịu ngọt (còn được gọi là ái ngữ (piyavācā).

**Bò mộng Nandivisāla.*

Trong thời Đức Thế Tôn còn tại thế, có nhóm Tỳ-khưu Lục sư đã mắng nhiếc các Tỳ-khưu hiền thiện. Đức Thế Tôn đã khiển trách nhóm Tỳ-khưu Lục sư, Ngài nói lên chuyện bò chúa Nandivisāla (Nan-Đí-Quí-Xa-Lá) như sau:

- Này các Tỳ-khưu, thuở quá khứ nơi thành Takkasīla (Tắc-ká-xi-lá), một Bà-la-môn có con bò chúa tên là Nandivisāla rất khỏe mạnh, có khả năng kéo 100 cổ xe hàng hóa nối liền nhau.

Để giúp chủ, bò chúa Nandivisāla nói với chủ rằng:

- Thưa chủ, hãy đánh cược ngàn đồng vàng với nhà phú thương rằng: *"Con bò mộng của tôi sẽ kéo đi một trăm cổ xe hàng hóa nối liền nhau"*.

Người Bà-la-môn ấy đã đánh cược một ngàn đồng vàng với nhà phú thương. Một trăm cổ xe chất đầy hàng hóa được nối liền với nhau, người Bà-la-môn đưa bò chúa vào ách xe, nói rằng: "Này đồ đần độn. hãy kéo trăm cổ xe hàng hóa này đi".

Bò chúa Nandivisāla nghe lời thô bỉ ấy, nản chí không kéo xe nổi, đã đứng yên. Thế là Bà-la-môn thua một ngàn đồng vàng, nên sầu khổ.

Bò chúa Nandivisāla đi đến hỏi Bà-la-môn rằng:

- Thưa chủ, vì sao chủ lại sầu khổ như vậy?

- Này bò mộng, vì ngươi đã làm ta thua một ngàn đồng vàng.

- Thưa chủ, vì sao chủ lại nói lời thô bỉ, bôi nhọ với tôi như thế? Trong khi tôi không phải là "đồ đần độn".

Thưa chủ, chủ hãy đánh cuộc hai ngàn đồng vàng rằng: *"Con bò của tôi sẽ kéo đi một trăm cổ xe hàng hóa nối liền nhau"*, nhưng chủ đừng nói lời thô bỉ, bôi nhọ tôi như thế.

Người Bà-la-môn đánh cược với người phú thương hai ngàn đồng vàng. Sau khi nối liền một trăm cỗ xe chất đầy hàng hóa, người Bà-la-môn đưa bò chúa Nandivasāla vào ách xe, nói rằng: "Này bạn thân, hãy kéo xe. Này bạn thân, hãy kéo xe".

Bò chúa Nandivasāla nghe được lời dịu ngọt, tâm phấn khởi, nỗ lực kéo trăm cỗ xe hàng hóa đi dễ dàng.

Sau khi nói xong Bổn sự, Đức Thế Tôn dạy rằng:

Manuññameva bhāseyya; nāmanuññaṃ kudācanaṃ.

Manuññaṃ bhāsamānassa; garuṃ bhāraṃ udaddhari.

Dhanañca naṃ alābhesi; tena cattamano ahūti.

"Vị nói lời hòa nhã; không hòa nhã luôn tránh.

Được nói lời hòa nhã; bò kéo đi gánh nặng.

Vị thành tựu tài sản; nhờ vậy được hoan hỷ"(1).

---

(1)- A.i. 168.

"Lời dịu ngọt" hay ái ngữ (piyavācā) là một trong bốn pháp nhiếp phục (saṅgaha) hội chúng. Bốn pháp đó là: Bố thí (dāna), ái ngữ (piyavācā), lợi hành (atthacariyā) và đồng sự (samānattatā).

Gia chủ Hatthaka (Hắt-Thá-Ká) người xứ Aḷavī (Á-lá-qui) cùng với hội chúng 500 nam cận sự đi đến yết kiến Đức Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Đức Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Đức Thế Tôn nói với gia chủ Hatthaka người xứ Aḷavī rằng:

- Này Hatthaka, hội chúng này thật lớn. Này Hatthaka, làm sao ngươi nhiếp phục được hội chúng này?

- Bạch Thế Tôn, có bốn nhiếp pháp được Đức Thế Tôn thuyết giảng. Con thu phục hội chúng này với bốn nhiếp pháp ấy.

Bạch Thế Tôn, khi con biết rằng: "Người này cần nhiếp phục với pháp bố thí; thời con thu nhiếp bằng pháp bố thí".

Khi con biết rằng: "Người này cần nhiếp phục với pháp ái ngữ; thời con thu nhiếp bằng pháp ái ngữ".

Khi con biết rằng: "Người này cần nhiếp phục với pháp lợi hành; thời con thu nhiếp bằng pháp lợi hành".

Khi con biết rằng: "Người này cần nhiếp phục với pháp đồng sự; thời con thu nhiếp bằng pháp đồng sự".

- Lành thay, lành thay, này Hatthaka; đây là nguyên lý để thu phục hội chúng...[2].

**Thế nào là "lời liên hệ đến lợi ích* (atthasaṅhitā ca bhāsitāhoti)"?

Lời có liên hệ đến lợi ích là lời mang lại sự an vui, mang lại sự tấn hóa cho người, cho đại chúng ngay trong hiện tại lẫn vị lai, đồng thời lời ấy không có tai hại đến mình.

Lại nữa, lời nào giúp cho người chưa có niềm tin sinh khởi niềm tin, đang có niềm tin làm tăng trưởng niềm tin. Đó là lời lợi ích.

Lời nào giúp cho người lìa bỏ "bỏn xẻn", thực hành pháp bố thí. Đó là lời lợi ích.

Lời nào giúp cho người ác giới, thực hành giới hạnh. Đó là lời lợi ích.

Lời nào giúp người biếng nhác trở nên tinh tấn thực hành pháp. Đó là lời lợi ích.

Lời nào người lìa bỏ được tà kiến. Gọi là lời có lợi ích.

Lời nào giúp người từ bỏ ác, bất thiện pháp; thực hành thiện pháp. Gọi là lời lợi ích ...

Như Đức Thế Tôn chế định Học giới cho chư Tỳ-Khưu. Đó là lời lợi ích.

Đức Thế Tôn có dạy Vương tử Abhaya (Á-Phá-Dá).

- Lời không chân thật, không tương ứng mục đích, người nghe không ưa thích. Đấng Như Lai không nói.

- Lời chân thật, không tương ứng với mục đích, người nghe không ưa thích. Đấng Như Lai không nói.

- Lời chân thật, tương ứng với mục đích, người nghe không ưa thích. Đấng Như Lai biết thời để giải thích.

- Lời không chân thật, không tương ứng với mục đích, người nghe ưa thích. Đấng Như Lai không nói.

- Lời chân thật, không tương ứng với mục đích, người nghe ưa thích. Đấng Như Lai không nói.

- Lời chân thật, tương ứng với mục đích, người nghe ưa thích. Đấng Như Lai nói lời ấy[3].

---

[1]- ĐĐ Indacanda (d). Luật phân tích Giới Tỳ-khưu II. Số 183 – 184; JA. Nandivasālajātaka (Bổn sự bò Nandivasāla), chuyện số 28.

[2]- A.iv. 218. Kinh Hatthaka người Aḷavī.Chương tám pháp.

[3]- M.ii. Abhayarājakumārasuttaṃ (kinh Vương Tử Abhaya). Kinh số 58.

(*Tương ứng với mục đích: Mục đích ở* đây là chỉ cho *đời sống Sa-môn hạnh* hay đời sống Phạm hạnh, tức là đưa đến giải thoát chứng đắc Níp-Bàn. ***Tương ứng*** là phù hợp với pháp dẫn đến giải thoát như: Tứ niệm xứ ... bát chánh đạo).

Như vậy, lời có lợi ích là: Lời chân thật hợp với pháp dẫn đến giác ngộ Níp-Bàn.

**Bà la-môn cháu Ngài Sāriputta.*

Một Bà-la-môn là cháu của Ngài Sāriputta (Xá-Lợi Phất), Bà-la-môn này mỗi tháng giết một con vật để tế thần lửa.

Ngài Sāriputta đi đến thăm người cháu, hỏi rằng:

- Này Bà-la-môn, ngươi có làm việc thiện chi chăng?

- Thưa Ngài, có.

- Này Bà-la-môn, ngươi đã làm điều gì?

- Thưa Ngài, mỗi tháng tôi giết một con thú để tế thần lửa?

- Này Bà-la-môn, ngươi làm vậy có ích lợi gì?

- Thưa Ngài, Thầy của tôi dạy "đó là con đường dẫn về Phạm Thiên giới".

- Này Bà-la-môn, ngươi không biết con đường dẫn về Phạm thiên giới, thầy ngươi cũng không biết con đường ấy. Chúng ta hãy đến yết kiến Đức Thế Tôn.

Ngài Sāriputta đưa người cháu đến yết kiến Đức Thế Tôn, trình lên Đức Thế Tôn về việc này.

Đức Thế Tôn dạy rằng:

- Này Bà-la-môn, dầu ngươi có tế thần lửa cả trăm năm, sự tế lễ của ngươi cũng không sánh bằng sự cúng dường đến các bậc Thánh đệ tử của Như Lai, dù chỉ trong giây lát.

Đức Thế Tôn thuyết lên pháp thoại, kết thúc Pháp thoại Ngài nói lên kệ ngôn:

107- Yo ca vassasataṃ jantu; aggiṃ paricare vane.
Ekañca bhāvitattānaṃ; muhuttamapi pūjaye.
Sāyeva pūjanā seyyo; yañce vassasataṃ hutaṃ.
"Dầu trải một trăm năm;
Thờ lửa tại rừng sâu.
Chẳng bằng trong giây lát;
Cúng dường bậc tự tu.
Cúng dường vậy tốt hơn;
Hơn trăm năm tế tự" (HT. TMC d).

Nghe dứt kệ ngôn, Bà-la-môn cháu Ngài Sāriputta chứng Thánh quả Dự Lưu[1].

Lời nói của Ngài Sāriputta giúp người cháu dứt bỏ được tà kiến; đây gọi là "lời hữu ích".

**Ngài Kumāra Kassapa và vua Pāyāsi.*

Lãnh chúa Pāyāsi (Pa-Da-Xí) cư trú tại thành phố Setavyā (Xê-táp-da), nơi có đông dân cư, trù phú thịnh vượng. Thành phố Setavyā được vua Pasenadi (Pa-Tư-Nặc) ban cho Pāyāsi cai quản và miễn thuế.

Lãnh chúa Pāyāsi (Pa-Da-Xí) là người có ác tà kiến, "không tin có đời sau, không tin có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

Có thời, Tôn giả Kumāra Kassapa (Kú-Ma-Rá Ca-Diếp) cùng đại chúng ỳ-khưu khoảng 500 vị, du hành đến thành Setavyā, ngụ trong rừng Simsapā (Xim-xá-pa) về phía Bắc thành Setavyā.

Các Bà-la-môn, gia chủ nơi thành Setavyā được nghe tiếng tốt đẹp về Tôn giả Kumāra Kassapa: "Tôn giả Kumāra Kassapa đệ tử Sa-môn Gotama (Gô-Tá-Má) là "bậc đa văn, diệu trí, biện tài thiện xảo, là bậc A-La-Hán", nên cùng nhau từng đoàn, từng nhóm đi đến rừng Simsapā để viếng Ngài Kumāra Kassapa.

---

[1]- DhpA. Câu số 107.

Khi ấy, lãnh chúa Pāyāsi đi lên lầu thượng để nghỉ trưa, nhìn thấy các Bà-la-môn, gia chủ ở Setavyā từng nhóm, từng đoàn đi đến rừng Simsapā. Lãnh chúa Pāyāsi hỏi quan hộ thành và biết được sự việc, nói với quan hộ thành rằng:

- Này quan hộ thành, hãy đi đến các Bà-la-môn và gia chủ ấy, nói rằng:"Vua Pāyāsi nói các hiền giả hãy chờ đợi, vua Pāyāsi cũng đến yết kiến Sa-môn Kumāra Kassapa". Có thể Sa-môn Kumāra Kassapa sẽ cảm hóa các Bà-la-môn và gia chủ ngu muội, kém trí ở Setavyā (Xê-táp-dá), tin theo quan điểm : "Có đời sau, có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo".

Này quan hộ thành, sự thật "không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Vâng, thưa Đại vương.

Lãnh chúa Pāyāsi được các Bà-la-môn, gia chủ ở hành Setavyā (Xê-táp-da) hộ tống, đi đến rừng Simsapā (Xim-xá-pa) nơi trú ngụ của Tôn giả Kumāra Kassapa.

Sau khi đi đến, lãnh chúa Pāyāsi nói lên lời chào đón thân hữu với Tôn giả Kumāra Kassapa (Kú-Ma-Rá Ca-Diếp) rồi ngồi xuống một bên.

Lãnh chúa Pāyāsi thưa với Tôn giả Kumāra Kassapa:

- Tôn giả Kassapa (Ca-Diếp), tôi có chủ thuyết và tri kiến như sau: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Thưa Tôn chủ, tôi không thấy, không nghe quan điểm như vậy. Thưa Tôn chủ, tôi sẽ hỏi Tôn chủ một vài câu hỏi, Tôn chủ hãy tùy theo đó trả lời. Tôn chủ nghĩ thế nào? Mặt trời và mặt trăng. Chúng thuộc thế giới này hay thế giới khác? Chúng thuộc chư Thiên hay loài người?

- Thưa Tôn giả Kassapa, mặt trời và mặt trăng thuộc thế giới khác, không phải thế giới này; chúng thuộc chư thiên không thuộc loài người.

- Thưa Tôn chủ, sự kiện là như vậy, cần phải chấp nhận: "Có đời sau, có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo".

- Dầu Tôn giả Kassapa có nói như vậy, ở đây tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Này Tôn chủ, sự kiện gì để chứng minh rằng: "Không có đời sau, không có các loại hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo"?.

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện chứng minh: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Này Tôn chủ, như thế nào?.

- Tôn giả Kasaspa, tôi có những người bạn thân hữu cùng huyết thống. Những người này sát sinh, lấy của không cho, tà hạnh trong dục, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác, nói phù phiếm, tham ác, sân ác và tà kiến. Những người này bị đau khổ, bị trọng bệnh không thể khỏi chứng bệnh ấy, tôi đi đến họ và nói: "Một số Sa-môn, Bà-la-môn có quan điểm: "Những ai thực hành ác hạnh như sát sinh ... tà kiến; những người này, sau khi mệnh chung bị sinh vào khổ giới: Địa ngục, đọa xứ, súc sinh". Nay các hiền giả thực hành ác hạnh, nếu lời các Sa-môn, Bà-la-môn là đúng, các hiền giả sau khi mệnh chung, sẽ sinh vào khổ giới, thời các hiền giả hãy đến báo cho ta biết: "Có đời sau, có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo". Các hiền giả là bạn thân tình của ta, những gì các hiền giả thấy thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy. Các vị ấy bằng lòng và nói: "Lành thay"; nhưng không một ai đến nói cho tôi biết, cũng không gửi sứ giả đến.

Này Tôn giả Kassapa, sự kiện này là như vậy, nên tôi có quan điểm : "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Này Tôn chủ, tôi sẽ hỏi Tôn chủ, nếu có thể chấp nhận Tôn chủ hãy trả lời. Tôn chủ nghĩ thế nào? Ở đời, có người bắt được kẻ trộm mang đến Ngài, nói rằng: "Thưa Tôn chủ, đây là kẻ trộm. Hãy trừng phạt kẻ này, như Ngài muốn".

Tôn chủ trả lời: "Hãy trói người này thật chặt, dẫn anh ta đi từ đường này đến hẻm nọ, rồi đưa ra khỏi cổng thành hướng Nam chặt đầu tại pháp trường".

Những người ấy làm theo lời Tôn chủ, khi ra đến pháp trường hướng Nam, người ăn trộm xin với người chém mình rằng: "Thưa quí vị, hãy cho phép tôi được về thăm thân bằng quyến thuộc ở làng này, xã này".

Này Tôn chủ, những người chặt đầu kẻ trộm có làm theo lời kẻ cầu xin của kẻ trộm không?.

- Tôn giả Kassapa, những người ấy chặt đầu kẻ trộm, không làm theo lời cầu xin của kẻ trộm.

- Này Tôn chủ, kẻ trộm thuộc loài người, không thể xin người chặt đầu cũng thuộc loài người "được phép đi thăm thân bằng quyến thuộc ở làng này, xã này". Thời làm sao bạn thân tình của Ngài bị sinh vào khổ cảnh là ác thú, đọa xứ, địa ngục, lại được những người cai ngục cho phép "trở về thăm thân bằng quyến thuộc là vua Pāyāsi, báo rằng: "Có đời sau, có các loại chúng sinh là hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo".

- Dầu Tôn giả Kassapa nói như thế, ở đây, tôi vẫn chấp nhận: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Này Tôn chủ, có sự kiện gì để chứng minh: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Tôn giả Kassapa, có sự kiện để chứng minh : "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

- Này Tôn chủ, như thế nào?

- Tôn giả Kassapa, tôi có những thân bằng quyến thuộc giữ giới không sát sinh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong dục lạc, không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói độc ác, không nói phù phiếm, không tham dục, không sân hận, không tà kiến.

Những người này sau một thời gian bị bệnh nặng, bị đau khổ. Khi biết những vị ấy không thể khỏi bệnh, tôi đi đến nói với người ấy rằng:"Một số Sa-môn, Bà-la-môn có quan điểm: "Những ai gìn giữ giới hạnh, thực hành thiện hạnh, sau khi mệnh chung sẽ tái sinh về thiên giới". Các Hiền giả giữ giới tốt đẹp, thực hành thiện hạnh, nếu lời của những Sa-môn, Bà-la-môn ấy chính xác, thời các hiền giả sau khi mệnh chung sẽ tái sinh về thiên giới.

Nếu các hiền giả sau khi mệnh chung tái sinh về thiên giới, thời hãy đến báo cho ta biết: "Có đời sau, có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo". Các hiền giả là bạn thân hữu của ta, những gì các hiền giả thấy thời sẽ là như vậy, như chính ta được thấy. Các người ấy bằng lòng và nói: "Lành thay"; nhưng không một ai đến nói cho ta biết cũng không gửi sứ giả đến.

Tôn giả Kassapa, sự kiện là như vậy, nên tôi có quan điểm: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

-Này Tôn chủ, tôi sẽ cho Tôn chủ một ví dụ. Ở đời, một số người có trí, nhờ ví dụ hiểu được ý nghĩa lời nói.

Này Tôn chủ, ví như có người té rơi vào hầm phẩn, Ngài bảo những người khác: "Hãy kéo người này ra khỏi hầm phẩn, hãy lấy que tre gạt phẩn ra khỏi thân người ấy, hãy thoa bóp thân người ấy ba lần với phấn thoa bóp thân màu vàng, hãy tắm người ấy ba lần với nước thơm và thoa dầu thơm cho người ấy ba lần. Hãy sửa soạn râu tóc cho người ấy, hãy trang điểm cho người ấy, hãy lấy vòng hoa quí, trang sức quí, y phục quí trang điểm cho người ấy. Hãy đưa người ấy đến lâu đài, hưởng năm món dục lạc". Những người ấy làm theo lời Tôn chủ.

Tôn chủ nghĩ thế nào? Người ấy sau khi được kéo ra khỏi hầm phẩn, được gạt bỏ phẩn ra khỏi thân, được tắm rửa bằng nước thơm ba lần, được thoa bóp vật thơm ba lần, được mặc y phục quí, được trang điểm xinh đẹp bởi vòng hoa quí, trang sức quí,

được đưa về lâu đài thọ hưởng năm món dục lạc. Người ấy có chịu đâm đầu xuống hầm phẩn nữa không?.

- Thưa không, Tôn giả Kassapa.

- Vì sao không?

- Tôn giả Kassapa, vì hầm phẩn là không trong sạch, là xú uế, là nơi đáng ghê tởm.

- Này Tôn chủ, mùi hôi của loài người khiến chư thiên ghê tởm, xa lánh hằng trăm do-tuần, làm sao những thân bằng quyến thuộc của Tôn chủ, nhờ thực hành thiện hạnh, sau khi mệnh chung được tái sinh về thiên giới, những người ấy lại quay về báo cho Tôn chủ biết: "Có đời sau, có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác có quả báo"...[1].

Và Ngài Kumāra Kassapa đã thuyết phục lãnh chúa Pāyāsi từ bỏ được ác tà kiến: "Không có đời sau, không có các loại chúng sinh hóa sinh, hành vi thiện ác không có quả báo".

**Thế nào là "lời nói với tâm từ"* (Mettācittena ca bhāsitā hoti)?.

Là lời nói được thốt ra với tâm từ hòa, không chút sân hận, không có sự khó chịu; không phải là lời biếm nhẻ.

"Lời nói với tâm từ" là lời nói ôn hòa với mục đích mang lại an vui đến người nghe.

Như Hoàng hậu Sāmāvatī (Xa-Ma-Quá-Ti) nghe nàng cung nữ Khujjhuttarā (Khúch-Chút-Tá-Ra) mỗi ngày mua hoa, đã chận lại bốn đồng, Hoàng hậu Sāmāvatī không rầy, không phẫn nộ, hỏi rằng:

- Sao hôm nay em không ăn lời bốn đồng.

(Đây là "lời nói với tâm từ").

- Thưa Hoàng hậu, vì hôm nay được nghe pháp từ Đức Thế Tôn, nên không ăn lời nữa.

Hoàng hậu Sāmāvatī thỉnh nàng Khujjhuttarā thuyết lại pháp thoại trên. Nghe xong pháp thoại, Hoàng hậu Sāmāvatī cùng 500 cung nữ chứng đạt Thánh quả Dự Lưu[2].

Kệ ngôn 4.

Etaṃ maṅgalamuttamaṃ. Đó là điềm lành tối thượng".

Như đã giải thích ở đoạn 3 hay đoạn 4.

Kiến giải.

Trong đoạn kệ thứ 5 này, Đức Thế Tôn dạy bốn "điềm lành cao thượng" là: Học nhiều, nghề nghiệp tinh xảo, luật khéo nghiêm trì và lời khéo nói.

Trước tiên Đức Thế Tôn nêu ra "học nhiều". Có học nhiều sẽ biết những điều chưa biết; sẽ hiểu rõ những điều đã biết; hiểu rành những thiện pháp để thực hành, biết rõ những ác, bất thiện pháp để xa lánh hay để diệt trừ những ác bất thiệp pháp, đạt được lợi ích trong hiện tại lẫn vị lai.

Có học nhiều giúp tự thân có lập trường đúng, đồng thời nhờ học nhiều nên có biện tài, sẽ bẻ gẫy hay đẩy lùi những tà kiến, giúp cho người khác có được tri kiến đúng.

Lại nữa, "học nhiều" là chỉ cho trí văn và niệm; trí văn là nền tảng cho trí tư, từ đó thực hành đúng làm sinh khởi trí tu. Có trí có niệm, có khả năng chứng đạt Níp-Bàn.

Do vậy,"học nhiều" là "điềm lành tối thượng".

- "Có nghề tinh xảo" tự mình nuôi mạng dễ dàng và chân chánh, có thể trợ giúp quyến thuộc, những người làm công, những người phục vụ và tạo phước lành một cách đúng pháp; "nghề nghiệp khéo léo" mang lại lợi ích trong hiện tại lẫn tương lai.

Lại nữa, "nghề nghiệp tinh xảo" ở đây chỉ cho "nuôi mạng sống đúng pháp" (là chánh mạng), giúp cho giới được thực hành tốt đẹp, từ đó có khả năng dẫn đến chứng đắc Níp-Bàn.

Do vậy, "nghề nghiệp tinh xảo" là một "điềm lành tối thượng".

---

[1]- D.ii. Pāyāsisuttaṃ (kinh Pāyāsi), kinh số 23.

[2]- Xem DhpA. Câu số 21-22-23.

- "Luật khéo nghiêm trì". Vị nghiêm trì Luật nhằm mục đích diệt trừ những ô nhiễm đang có, ngăn chận những ô nhiễm không cho sinh khởi trong tương lai. Vị nghiêm trì Luật hiện tại được nhiều người ái mộ, thoát ra khổ cảnh trong kiếp sau, mang lợi ích đến cho mình và cho người khác.

Lại nữa, vị nghiêm trì Luật, khi thực hành pháp sẽ dễ dàng chứng đạt pháp, có khả năng chứng đắc A-La-Hán Tam minh.

Do vậy, "luật khéo nghiêm trì" là "điềm lành tối thượng"

- "Lời khéo nói" với bốn hay năm chi phần: Đúng thời, chân thật, dịu ngọt, có lợi ích và tâm từ. Tức là nói đúng Pháp hay nói về Luật của bậc Thánh,mang lại lợi ích đến người và chư thiên.

"Lời khéo nói" là lời tránh xa, từ bỏ, diệt trừ tà ngữ, thực hành chánh ngữ. Chánh ngữ là một chi phần của Bát chánh đạo, giúp cho giới được viên mãn, từ đó có khả năng chứng đắc Níp-Bàn.

Do vậy, "lời khéo nói" là "điềm lành tối thượng".

Như vậy, mỗi một điều là một "điềm lành tối thượng"; nên Đức Thế Tôn kết thúc bằng kệ ngôn: "Etaṃ maṅgalamuttamaṃ: *Đó là "điềm lành tối thượng*".

Soạn xong vào ngày 26-05- 2017.

Nhằm ngày 01-05 năm Đinh Dậu, Pl. 2561.

Sách tham khảo
-0-0-

38 Pháp Hạnh Phúc, Đại Trưởng lão Thông Kham biên soạn
Danh tự riêng Pāli, cư sĩ Chơn Quán dịch
Kho tàng Pháp Bảo, Đại Trưởng Lão Bửu Chơn dịch
Kinh Pháp Cú, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch
Ký sự, Đại Đức Indachanda dịch
Luật Đại Phẩm, Đại Đức Indachanda dịch
Luật phân tích Giới Tỳ-khưu, Đại Đức Indachanda dịch
Sớ giải Kệ Trưởng lão Tăng, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch
Sớ giải kinh Bổn sanh, Bà Trần Phương Lan dịch
Sớ giải kinh Điềm Lành, tiếng Pāli, Ngài Dhamapāla
Sớ giải kinh Pháp Cú, Đại Trưởng Lão Pháp Minh dịch
Sớ giải kinh Tăng chi, tiếng Pāli
Sớ giải kinh Trung Bộ, tiếng Pāli
Tăng chi bộ kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch
Thanh Tịnh Đạo, Ni sư Thích nữ Trí Hải dịch
Trung Bộ Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch
Trường Bộ Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch
Tương Ưng Kinh, Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch